NẺO VỀ CỦA Ý

HT.Nhất Hạnh

---o0o---

Nguồn
http://thuvienhoasen.org
Chuyển sang ebook 22-7-2009
Người thực hiện : Nam Thiên – namthien@gmail.com
Link Audio Tại Website http://www.phatphaponline.org

Mục Lục

---o0o---

PHẦN THỨ NHẤT

I

POMONA là cái tên cái nhà gỗ trong rừng của tôi đang ở. Nguyên Hưng cứ tưởng tượng một buổi sáng thức dậy ở Phương Bối Am, lúc bảy giờ. Chim chóc hát vang rừng và ánh sáng tràn vào thành từng vũng lớn. Tôi đến đây vào một buổi tối; xe hơi len lỏi trên những con đường rừng thành ra không thấy gì. Sáng dậy, tôi giật mình vì tiếng chim hót, vì căn nhà gỗ và sự yên tĩnh mà đã hơn một năm nay tôi thiếu thốn. Ở Nữu Ước dù thức dậy lúc ba giờ khuya ta cũng vẫn nghe tiếng xe cộ đi lại. Tôi nhớ hồi mới về Nữu Ước, suốt một tuần lễ tôi không ngủ được. Tôi than phiền với một người quen. Anh ta mua biếu tôi một thứ bông sáp để nhét vào tai khi đi ngủ. Cố nhiên là đỡ ồn rồi, nhưng tôi vẫn không ngủ được bởi vì không thể quên được vì không thể quên được cái cảm giác là lạ trong hai tai. Mãi mấy hôm sau tôi mới làm quen với tiếng ồn và mới ngủ được. Thực ra, tất cả chỉ là vấn đề thói quen. Có người đã quen với tiếng tích tắc của đồng hồ, thiếu nó thì cũng không ngủ được. Nguyên Hưng không nhớ hồi anh Cường lên chơi và ngủ lại Phương Bối Am sao. Đã quen với tiếng xe cộ đường Hồng Thập Tự nên nằm ở Phương Bối anh ấy cũng không ngủ được vì cái yên tĩnh kỳ lạ của núi rừng Đại Lão.

Tôi thức dậy trong một sự yên tĩnh như thế ấy ở Pomona. Tiếng chim hót vang rừng những không thể nói là tiếng ồn. Nó lại càng làm cho sự yên lặng

thêm sâu hơn về bề sâu là khác. Tôi khoác chiếc áo nhật bình đi ra ngoài. Thật ra một cảnh tượng thần tiên. Tôi có ngờ đâu căn nhà gỗ này nằm bên một chiếc hồ lớn - lớn hơn cả hồ Dalat. Mặt hồ sáng loáng phản chiếu nắng buổi mai, đẹp rực rỡ như tranh thần thoại. Bờ hồ là cây rừng; lá cành mang nhiều mầu sắc. Trời sắp ngả sang thu rồi đó, Nguyên Hưng.

Tai tôi thoáng nghe tiếng cười đùa. Tôi vừa đi vào con đường mòn vừa gài khuy áo, tìm tới gần chỗ phá xuất ra tiếng nói cười trẻ em. Đi chừng hai trăm thước tôi thấy hiện ra một khu có sân rộng, có tới mấy chục ngôi nhà gỗ như Pomona, nhưng bé hơn Pomona. Bọn trẻ con đang rửa mặt, đánh răng. Đây là là Cherrokees, trại của các em nhỏ từ bảy đến mười một tuổi. Rải rác trong rừng còn có năm hay sáu làng nữa, của những lứa tuổi lớn hơn. Khu rừng mấy trăm mẫu này hiện dùng làm trại hè - trại Ockanickon, cho học sinh. Để trốn nắng thành phố, tôi đã về đây, sống với thiên nhiên, với rừng xanh, hồ biếc và trẻ thơ. Tôi sẽ ở lại đây vài ba tuần nữa trước khi trở về lo công việc mùa thu.

Ngay đầu tôi đã ở chơi suốt ngày với các cậu bé làng Cherrokees. Các cậu bắt đâu được một chú nai con mới sinh được ba bốn ngày. Mẹ nó đã bỏ nó đi đâu mất. Các cậu bé đem nó về trại nuôi. Ban giám đốc trại làm cho các cậu ấy một cái nhà lưới rộng, có hai phòng, để nuôi chú nai con. Chúng đặt tên con nai là Datino. Datino có bộ lông mầu vàng điểm nhiều chấm sao trắng rất đẹp. Datino được các cậu bé cho ăn cháo tấm trộn với sữa tươi, và bắp cải non. Sống được tám tuần lễ ở trong trại rồi, Datino đã lớn. Nhờ sự chăm sóc của các cậu bé, nó đã cao chừng bốn tấc tây. Tôi cũng hay quanh quẩn với các em chung quanh cái nhà lưới của Datino và hay hái những cành có lộc non cho Datino gặm. Pomona thanh tịnh quá khiến tôi ít ưa đi đâu nữa. Tôi có đem về đây mấy cuốn sách nhưng không đọc. Nguyên Hưng nghĩ đọc làm sao được khi rừng cây thanh tịnh như thế kia, hồ nước xanh mát như thế kia, tiếng chim hót trong trẻo thế kia. Có những buổi sáng tôi đi vào trong một khu rừng thưa và ở lại đó một mình cho đến chiều. Tôi đi thơ thẩn trong rừng hay nằm dài trên những thảm rêu mềm mại, khoanh tay nhìn trời xanh, mây trắng. Những lúc như thế này tôi thấy tôi đổi khác. Có thể nói là tôi tìm thấy rõ mặt mũi chân thực của tôi thì đúng hơn. Những nhận xét, những cảm nghĩ, những quan niệm không còn giống như những nhận xét những cảm nghĩ những quan niệm hồi tôi còn ở Nữu Ước. Tôi thấy sự vật sáng hơn, khỏe hơn và ít tầm thường hơn. Chiều hôm qua tôi ngồi trên một chiếc thuyền con và tự chèo lên phía Bắc của hồ, trên một cây số. Tôi ngồi chơi giữa những bông súng cho tới khi trời nhuộm mầu tím mới bơi về. Tối quá, tí nữa thì không tìm ra được cái bến xinh xắn của Pomona.

Rừng ở đây không có sim như ở Phương Bối nhưng có một thứ trái cũng tìm và ngọt như sim, gọi là blueberries. Sáng hôm nay tôi đưa hai chú bé chừng tám tuổi vào hái blueberries ăn đến chát cả mồm cả miệng. Hai cậu bé nói chuyện huyên thuyên không ngớt. Một cậu nói chuyện ông Ba Bị mà cậu trông thấy hồi hôm. Ông kẹ của cậu có sừng trên trán và đang lúc cậu ngủ, trong một chiếc lều ở Cherokees, thọc tay vào cửa sổ lều định bắt cóc cậu. Cậu nói chuyện một cách say sưa, thành thực. Có lẽ có một ông Kẹ giả nào đó thì mới khiến cậu tin chắc như vậy được. Tôi vừa nghe vừa cười, vừa lo hái blueberries. Hồi lâu, không thấy phản ứng chi, cậu tức quá, dừng lại, nói một cách thất vọng: "Ông không tin lời của em". Tôi trả lời: "Có chứ, tôi tin, nhưng tin vừa vừa thôi". "Tại sao?" "Tại vì khó tin quá, tôi cố gắng mới có thể tin em một ít như vậy". Cậu buồn xo. Chiều đến, cậu dắt tới Pomona một cậu bé để làm chứng. Cậu này cũng kể chính cậu cũng thấy ông Ba Bị. Hai cậu tranh nhau hùng biện, cố làm cho tôi tin. Cuối cùng tôi phải gật đầu công nhận "Thôi được, tôi tin lời hai cậu". Tôi nhói như vậy và đứng dậy đưa hai cậu về trại Cherrokees.

Nguyên Hưng, trong những ngày như ngày hôm nay tôi nhớ Phương Bối quá đi. Có phải là thỉnh thoảng đến Phương Bối, ngày xưa, chúng ta cũng hay mang một vài em bé đi thám hiểm núi rừng Đại Lão hay không? Rừng Đại Lão Sơn hoang vu rậm rạp và nguy hiểm hơn đây nhiều. Chẳng thế mà có bận chúng ta đã gặp cả cọp. Tôi nhớ Phương Bối Am quá cho đến nỗi nhiều đêm nằm mơ thấy về Phương Bối. Nhưng tội nghiệp chưa, chẳng bao giờ về tới được Phương Bối cả. cứ về gần tới Phương Bối thì y như là có một trở lực gì ngăn chặn lại. Vì thế càng nhớ, càng xót xa thêm. Quê hương chúng ta đã không phải là Phương Bối sao? Nguyên Hưng thường nói: "Phương Bối không thuộc về chúng ta. Chính chúng ta thuộc về Phương Bối". Phải có những ràng buộc mật thiết lắm với Phương Bối mới có thể nói những câu tương tợ như vậy. Phải có những gốc rễ ăn sâu vào Phương Bối lắm mới có thể biểu lộ được tình cảm như thế ấy. Tôi biết lắm. Người ta thường nói chỉ có những kỷ niệm đau buồn mới ở lâu với con người. Sự thực không hẳn như vậy. Nguyên Hưng, có phải những ngày sung sướng nhất của chúng ta là những ngày ở Phương Bối không? Và có phải vì những ngày đáng ghi nhớ ấy mà chúng ta hướng về Phương Bối từ bất cứ phương trời nào, nhưng những bông hoa hướng dương kia không?

Những ngày khai sinh của Phương Bối không có mặt Nguyên Hưng. Hồi dó Nguyên Hưng còn ở Dalat. Chúng ta đã đi từ thất vọng này sang thất vọng khác trong niềm ao ước tìm một lối thoát cho chúng ta, cho thế hệ những người trẻ tuổi muốn đem lý tưởng đạo Phật làm đẹp cho cuộc đời. Nguyên

Hưng trẻ hơn tôi đến gần mười tuổi, nhưng mà Nguyên Hưng cũng đã chịu biết bao nhiêu nỗi thảm nhục rồi. Chúng ta đã đau khổ vì tình trạng chính trị của đất nước. Chúng ta lại còn đau khổ vì tình tdrạng của đạo Phật. Hồi ấy chúng ta đã nói tới vấn đề hiện đại hóa đạo Phật. Hồi ấy chúng ta đã cố gắn mọi cách gây ý thức về một nền Phật giáo dân tộc để mong phục hồi sinh lực dân tộc trong ước vọng xây dựng xứ sở. Tôi dã làm báo đã viết sách. Nào báo Hướng Thiện, nào báo Liên Hoa, nào báo Sen Hái Đầu Mùa. Năm 1955, chắc Nguyên Hưng còn nhớ, tôi được Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam giao cho chủ bút tờ Phật Giáo Việt Nam. Lúc đó, tôi đã có dịp gây ý thức về một nền Phật giáo nhân bản và dân tộc. Tôi cũng đã thấy rõ tính cách rời rạc phân tán của tổ chức đạo Phật, nên đã cố gắng viết tất cả những gì tôi nghĩ về một nền Phật giáo thống nhất toàn vẹn. Tôi chắc Nguyên Hưng biết rõ những nguyên do gần xa trong ngoài của sự rời rạc. Hơn hai năm sau, tờ báo bị đình bản. Lý do là hết tiền. Nhưng kỳ thực, đó là vì các nhà lãnh đạo Phật giáo miền Trung và miền Nam không chịu đựng được những loạt bài nói về vấn đề thống nhất thực sự. Trong một buổi họp, họ đã lấy cớ hết tiền để kết liễu sinh mệnh của tờ báo. Họ có nói: "Ai lại tờ báo của Tổng hội mà đi dạy Tổng hội về vấn đề thống nhất bao giờ".

Nguyên Hưng, thế là chúng ta mất khí giới cuối cùng. Chính trị thì khôn ngoan, tìm đủ mọi cách cho tiềm lực dân tộc không có cơ phát hiện. Tổ chức Phật giáo thì thủ cựu, chia rẽ. Chúng ta, những người trẻ tuổi, không có tiền bạc. Không có uy thế, không có một "miếng đất để cắm dùi", làm sao thực hiện được ước mộng? Sau một thời gian ốm đau tưởng chết, tôi rút về nằm ở ngôi chùa nhỏ bé và an tĩnh ở Blao. Còn Nguyên Hưng và các bạn thì mỗi người phiêu lưu một ngả. Lần thất bại này có lẽ là lần thất bại to lớn nhất có phải không Nguyên Hưng?

Tôi về nằm ở chùa Blao, nhưng cũng không được yên ổn mấy, bởi vì đây là chùa quận hội Phật giáo. thỉnh thoảng có chị Diệu Âm ở Djiring vào đem cho thuốc men, và một ít trái cam tươi. Chị Diệu Âm, mà công trình đối với Phương Bối không phải là nhỏ, nay đã nằm yên dưới lòng đất rồi. Có phải chính nhờ chị mà chúng ta có đủ can đảm và kiên nhẫn để tạo dựng nên Phương Bối phải không Nguyên Hưng?

Tôi xin trở lại câu chuyện những ngày đầu tiên khai sanh Phương Bối. Ấy là vào khoảng Vu Lan năm 1957. tôi có nói với chị Diệu Âm: "Chúng tôi mất chiếc neo cuối cùng rồi. Có lẽ đức chúng tôi đang còn mỏng quá. Chúng tôi phải trở về trong một cái vỏ cứng để tu luyện trong một thời gian đã. Chị kiếm cho chúng tôi một nơi ẩn dật đi".

Chị Diệu Âm hồi ấy trú tại Djiring trong một tịnh xá tên là Mai Lâm. Mai lầm tức là Rừng Mai. Chính vì vậy mà hồi chị mất, để nhớ chị chúng ta đồng ý đặt tên cho chiếc cầu gỗ phía trước cửa rừng Phương Bối là Cầu Mai. Cầu Mai bây giờ có lẽ đã mục nát rồi. Lâu nay, từ Huế, có khi nào Nguyên Hưng lăn lội về ghé thăm Phương Bối và chiếc cầu xinh đẹp đó không?

Chị Diệu Âm nói: "Tôi tiếc không nhường Mai Lâm lại cho các chú được, bởi vì tôi không có thẩm quyền. Chớ nếu tôi nhường được tôi sẽ nhường ngay. Tôi về Huế, ở chùa Thiên Minh". Quý hóa thay tấm lòng của chị Diệu Âm. Tôi cười, trả lời: "Chị mà về Thiên Minh thì còn tệ hơn là chúng tôi không có chỗ ở". Và Nguyên Hưng ơi, chính trong những giờ đàm luận ấy mà chúng tôi thấy nẩy sinh trong óc các ước muốn và dự định thành lập một khu tĩnh cư trên rừng Đại Lão. Khu ấy sẽ rất yên tĩnh, sẽ ít ai đến được. Khu ấy sẽ rộng, sẽ có đru núi đồi, suối, vườn, tĩnh đường, thư viện, thiền thất. Chúng ta cần một nơi như thế, có phải không Nguyên Hưng. Chúng ta phải có một nơi như thế để quay về. Để chữa cho lành những vết thương rướm máu. Để nuôi dưỡng bồi đắp lại những gì mà chúng ta đã phí phạm. Để chuẩn bị cho một cuộc hành trình khác. Niềm tin, sự trong trắng của tâm hồn chúng ta đã bị hao tổn một cách nặng nề. Chúng ta nhận thức được điều đó, và chúng ta quyết định tìm con đường phải đi. Phải trị liệu, phải bồi đắp, phải nuôi dưỡng trước đã. Nếu không, chúng ta sẽ mất chúng ta. Tôi đã ước ao có một nơi do chúng ta mới thực hiện được công trình "tu luyện" cần thiết. Bởi vì chúng ta sẽ không thể lmà được gì nếu vẫn phải sống mãi cái đời ăn gửi, nằm nhờ.

Nguyên Hưng biết, hồi đó, chúng ta đã có vào khoảng trên hai vạn cuốn sách. Núi rừng, cây, suối, thiền thất và thư viện hấp dẫn chúng ta như một dòng nước mát đối với kẻ bộ hành trong sa mạc, như gói quà trong rổ chợ của bà mẹ đối với đứa con thơ. Tôi đã bàn với Thanh Tuệ, với chị Diệu Âm. Thế là chúng tôi nhất định thực hiện cho kỳ được. Cái đời bấp bênh của chúng ta phải được rẽ qua một hướng mới.

Đại Lão Sơn vốn là một khu rừng núi phía trên đèo Blao, cách đèo chừng sáu cây số. Từ Saigon lên bằng quốc lộ số 20 đến cây số 180, nhìn sang tay trái về phía những núi đồi cao nhất: đó là rừng Đại Lão. Muốn tới Phương Bối Am, ta phải từ Blao đi về phía đèo bằng quốc lộ. Đến cây số 180, ta phải bỏ quốc lộ băng qua chừng ba cây số đường rừng. Hồi ấy, đất rừng ở đây được xem như là vật sở hữu của những người Thượng. Những khu đất gần hai bên quốc lộ thì hoặc đã được khai thác trồng trọt, hoặc đang còn là đất rừng - nhưng là thứ đất rừng của người Kinh đã mua lại từ người Thượng.

Người Thượng thường chịu bán đứt đất rừng cho người Kinh bằng một giá hạ. Vượt ba cây số đường rừng, chị Diệu Âm, tôi và một người bạn tên là anh Điều làm trắc nghiệm viên dừng lại để nhìn ngắm khu rừng núi hùng vĩ và huyền bí trước mặt. Đó là Phương Bối tương lai. Phương là thơm, là quý. Bối là lá bối đa, một thứ palmier lá dài. Ngày xưa chưa có giấy người ta viết kinh trên thứ lá ấy. Phương Bối nói lên được ý hướng quý trọng và phụng sự nền văn học đạo Phật của chúng ta. Phương Bối là lý tưởng của chúng ta có phải vậy không Nguyên Hưng?

Khu rừng núi kia nằm trong địa hạt làng B'su Danglu của người Thượng. Sau mấy tuần khó nhọc chị Diệu Âm, anh Điều và tôi tìm được vị trí và được bản đồ của khu dất chúng tôi muốn mua lại của người Thượng. Khu đất rộng 25 ha 9525, như vậy là gần hai mươi sáu mẫu tây đất rừng. Mà Nguyên Hưng có biết hồi đó chúng tôi mua với giá bao nhiêu không? Hai trăm năm mươi đồng bạc Việt Nam một mẫu. Giá của khu rừng gần hai mươi sáu mẫu là sáu ngàn năm trăm đồng. Nguyên Hưng đừng tưởng chúng tôi bắt ép người Thượng hiền lành để mua đất của họ bằng một giá rẻ đâu nhé. Bởi vì đấy là giá chính thức họ bán cho mọi người. Hồi ấy, chúng tôi có tặng thêm cho những người Thượng kia ba ngàn rưỡi bạc nữa đấy.

Nguyên Hưng có biết chúng tôi mua bán với ai không? công tác mua bán với hai người Thượng hiền lành. Một người tên là K'Briu. Người kia tên là K'Brôi. Cả hai đều không biết chữ. Nhưng vị chánh tổng của họ. Chánh tổng Mã Blao, tên là K'bres và vị quận trưởng Thượng của họ, tên K'Dinh thì biết chữ và ký bằng bút máy. Một buổi sáng tháng tám trời nắng ấm, Tuệ và tôi đi vào quận để làm giấy. Gặp các ông K'Briu, K'Brôi, và vài người nữa. Rồi tôi ký tên vào mua cái văn tự bán đất (Sao lại bán nhỉ. Phải là mua mới đúng chứ?) đầu tiên trong đời. Văn tự đó như sau:

---o0o---

VĂN TỰ BÁN ĐẤT
Giữa hai đàng,

Những người Thượng tên K'Briu, tên K'Brôi dân làng B'su Danglu, tổng Mã Blao quận Blao, tỉnh Đồng Nai Thượng, bên này, và tăng sĩ Nhất Hạnh, nhà ở chùa Phật Học, bên kia.

Đã thỏa thuận như sau: Những người Thượng, chiếu thượng, do văn tự nầy, đã bằng lòng bán đứt cho tăng sĩ Nhất Hạnh một khoảnh đất kê khai như sau:

VỊ TRÍ: Một khoảnh đất diện tích 25ha 9525 (hai mươi lăm mẫu tây chín ngàn năm trăm hai mươi lăm thước vuông) tọa lạc tại làng B'su Danglu quận Blao, tỉnh Đồng Nai Thượng, ngang cây số 180-/-900, quốc lộ 20, Bắc giáp đất ông Trương Út và đất rừng, Nam giáp đất rừng và đất ông Trần Ngọc Quýnh.

Đông giáp đất rừng và đất ông Trần Ngọc Quýnh, Tây giáp đất ông Đặng Văn Lân và đất ông Trương Út. (bản đồ đính hậu).

NGUỒN GỐC: Những người Thượng tên K'Briu, K'Brôi trước sự hiện diện của ông Phó Lý làng B'su Danglu cam kết rằng khoảnh đất trên hoàn toàn thuộc quyền sở hữu của họ, chưa hề cầm cố, để đương hay sai áp, và cũng không phải là công điền công thổ của làng.

QUYỀN SỞ HỮU: Văn tự đoạn mãi này xác nhận sự di chuyển quyền sở hữu và tăng sĩ Nhất Hạnh được trọn quyền sở hữu trên khoảnh đất trên, kể từ ngày thành lập văn tự này.

GIÁ CẢ: Khoảnh đất này đã thỏa thuận đoạn mãi với giá là 6.500đ00 (sáu ngàn năm trăm đồng bạc chẵn) và đã giao trước sự hiện diện ông Đại Diện Hành Chánh Blao, ông Chánh Tổng Mã Blao và ông Quận trưởng đồng bào Thượng chứng kiến cho các người bán đất đã lãnh đủ số tiền và điểm chỉ vào văn tự này vì không biết chữ, không biết ký.

Bên mua phải đăng bộ thổ, đóng bách phần cùng các thứ thuế khác tại bộ điền địa Đà Lạt.

Làm tại Blao ngày mùng 7 tháng 8 năm 19…

Dưới văn tự, có dấu điểm chỉ của K'Briu, K'Brôi của phó lý làng B'su Danglu, có chữ ký của Chánh tổng Mã Blao và K'Bres của quận trưởng Thượng K'Dinh và của ông Quận trưởng quận hành chánh Blao nữa. Bên cạnh chữ ký của K'Brôi, K'Briu, là chữ ký của tôi, tăng sĩ Nhất Hạnh. Thế là, Nguyên Hưng ơi, tôi đã trở thành địa chủ rồi đó. Địa chủ của gần hai mươi sáu mẫu tây đất rừng. Tha hồ sau này cho cộng sản tố khổ. Biết đâu trong khu rừng núi gần hai mươi sáu mẫu ấy, lại không có vài vị chúa sơn lâm lưu trú. Ở nông trại Đại Hà các ông Ba Mươi dã chẳng thỉnh thoảng về chơi ban đêm đó sao?

Hết chương 1

---o0o---

II

Mấy hôm nay mưa lớn quá. Nguyên Hưng. Căn nhà gỗ Pomona của tôi bị dột, mưa giọt xuống ướt cả mấy cuốn sách để trên bàn. Tôi phải dời cái bàn đi mấy lần mới tìm ra được một chỗ bảo đảm. Tối hôm qua một đám thanh niên chừng hai chục người từ trại Rangers đã tới thăm Pomona để nghe tôi nói chuyện về đạo Phật. Trong thời gian lưu trú tại đây, tôi làm guest speaker cho cả trại mà. Nói cho nhóm này nghe rồi đến nhóm khác, về đủ các thức chuyện. Tôi đã nói cho tất cả là tám nhóm rồi kể cả một nhóm cherrokees nhỏ xíu. Nhóm Rangers là nhóm lớn. Họ mang tới mỗi người một ôm củi dể đót trong lò sưởi lều Pomona của tôi. Trời hơi lạnh thành đốt như thế vừa ấm lại vừa vui. Họ ngồi quây quần quanh lò sưởi nghe tôi nói chuyện. Lúc đó tôi mặc chiếc áo nhật bình mầu khói hương, cho nên tôi bắt đầu nói về chiếc áo nhật bình để cho họ biết đây là chiếc áo đặc biệt của những chú tiểu Việt Nam chứ không phải là quốc phục Việt Nam như vài người đã lầm tưởng. "Đáng lẽ thì tôi mặc chiếc áo tràng mầu nâu kia kìa", tôi vừa nói vừa chỉ chiếc áo treo ở góc phòng, "nhưng vì muốn có cảm giác trẻ con nên tôi ưa mặc áo nhật bình". Thế rồi tôi đứng dậy mặc chiếc áo tràng vào và giải thích cho họ biết ý nghĩa của mầu nâu. Màu của khiêm nhượng của trầm lặng và của ý hướng đồng sự với người dân quê. Nhân tiện tôi cũng khoác chiếc y màu vàng lên và giải thích cho họ biết thế nào là giải thoát phục và trong những trường hợp nào thì cần phải mang y. Và do đó tôi nói đến sự khác biệt của hai truyền thống Nam Tông và Bắc Tông của đạo Phật và một vài khởi điểm của nhận thức đạo Phật. Rồi tôi chỉ cho họ biết một ít điểm dị đồng căn bản giữa đạo Phật và Cơ đốc giáo là tôn giáo mà họ đang theo. Thường thường những buổi nói chuyện như thế được họ theo dõi một cách rất chăm chú và khi tôi kết thúc buổi nói chuyện, họ đặt rất nhiều câu hỏi. Nếu chỉ cho họ hỏi mãi có lẽ họ sẽ hỏi cho đến hết ngày. Những điều họ tò mò muốn biết thì vô cùng mà thời gian dành cho những câu hỏi thì có hạn. Họ hỏi nhiều câu như: tại sao mái chùa lại cong lên như vậy? Tại sao lại ăn chay? Ông Thầy tu đạo Phật cưới vợ được không? đạo Phật nghĩ về đức Jésus như thế nào? những câu hỏi như thế tuôn ra bất tuyệt. Hồi hôm, để chấm dứt, tôi bảo họ im lặng để tôi đọc cho họ nghe một bài kinh. Tôi đọc bào "vô biên phiền não đoạn". Khi họ ra về thì đã mười một giờ. Tôi cho thêm ít củi vào lò sưởi, và còn lại một mình tôi ngồi nhìn ngọn lửa bốc cháy. Trời vẫn còn mưa tầm tã. Chắc Saigon cũng đang mưa. Thanh Tuệ từ

Đại Hà vừa viết thư cho biết rằng Phương Bối mưa suốt mấy tuần nay, mái nhà Thượng trên đồi đã bị gió thổi bay mất một mãnh lớn. Không biết Tuệ có chịu vào chữa lại hay không, hay là lại để cho gió tốc cả cái nhà Thượng đi mất. Chiếc nhà Thượng cao chót vót trên đỉnh đồi chính mà chúng ta đã mất bao nhiêu công trình mới làm nên được. Chiếc nhà ấy đẹp nhất trong những ngôi nhà rải rác ở các núi đồi Phương Bối, có phải không Nguyên Hưng. Hai mái thật cao như hai bàn tay người Phật tử chắp lại kiểu hiệp chưởng khi chào nhau. Chính trong ngôi nhà Thượng ấy chúng ta đã sống những giờ thật vui vẻ và thanh tịnh. Những giờ học tập, hội thảo, đàm đạo, uống trà và cả nghe âm nhạc nữa. Bữa khánh thành ngôi nhà, tôi còn nhớ, chúng ta đã nấu xôi và chè đậu xanh đãi vỏ ăn mừng. Nhà Thượng được làm theo kiểu nhà sàn, và chúng ta đã ngồi bệt xuống sàn nhà theo kiểu người Nhật và khi đau chân quá thì đổi ra kiểu người Miên.

Tôi ngồi ở Pomona trong một đêm mưa mà cứ tưởng là ngồi ở Phương Bối một đêm mà cả Tuệ, cả Lý, cả Nguyên Hưng, cả thầy Thanh Từ và cả dì Tâm Huệ nữa đều vắng mặt. Có lúc tôi mỉm cười yên lặng một mình. Quả thực mỗi người trong chúng ta đều thuộc về Phương Bối, như Nguyên Hưng đã nói cho tôi xem là Nguyên Hưng có nhớ Phương Bối không nào?

Để tôi nói tiếp về câu chuyện hai mươi lăm mẫu chín ngàn năm trăm hai mươi lăm thước vuông đất rừng ở làng B'su Danglu cho Nguyên Hưng nghe. Sau khi chúng tôi mua khu đất thì chúng tôi hết cả tiền, ngay cả số tiền nhỏ dành để uống thuốc, vì hồi ấy tôi còn chưa được bình phục. Sau khi mở vài cuộc thám hiểm khu rừng núi Đại Lão, bác Đại Hà và tôi quyết định phá đi một khoảnh rừng chứng bốn mẫu để trông cây trà và một khoảnh khác gần ngọn đồi cao nhất để làm một căn nhà. Phải trồng trà thì mới có phương tiện tự túc, vì Phương Bối sẽ không phải là nơi lui tới của những người thập phương. Phương Bối sẽ chỉ là của riêng chúng ta (Nguyên Hưng xem chúng mình chấp ngã và ngã sở ghê chưa) và hoàn toàn do chúng ta tự do sắp đặt và định liệu. Trước hết, phải thuê hàng chục người Thượng tới dùng xà gạc để đốn khu rừng dự định trồng cây trà. Sau đó chừng một tháng, khi thân cây và cành lá đã khô thì đem lửa tới đốt. Phải đốt bốn mặt để cho ngọn lửa chạy vào trung tâm, như vậy tránh được cháy rừng. Đốt xong thì phải dọn rừng, khiên những thân cây bị cháy xém chất thành từng đống lớn. Cành lá thì đã cháy thành tro. Đợi trận mưa đầu mùa tới là đào lỗ chôn thành hàng và gieo hạt trà. Hạt trà thì chúng tôi đã đi xin được rất nhiều ở các đồn điền lớn trong quận. Từng đó công việc đòi hỏi một số tiền. Thanh Tuệ đã phải về Saigon giao thiệp với các nhà xuất bản và phát hành để thâu số tiền bản quyền những cuốn sách mà tôi đã giao cho họ. Với một số tiền của chị Diệu

Âm giúp nữa, chúng tôi khởi công. Chính bác Đại Hà một người kinh nghiệm làm rừng, đã chỉ huy công việc giúp chúng ta. Một buổi sáng có nắng cách đó chừng năm tháng, chị Diệu Âm giúp nữa, chúng tôi khởi công. Chính bác Đại Hà, một người bạn có rất nhiều kinh nghiệm làm rừng, đã chỉ huy công việc giúp chúng ta. Một buổi sáng có nắng cách đó chừng năm tháng, chị Diệu âm, Thanh Tuệ và tôi, tất cả đều nai nịt gọn ghẽ, theo bác Đại Hà đi vào khu rừng đã biến thành một đồi chè non. Con đường đi vào chưa được phát dọn và cũng chưa thành một lối đi có dấu mòn. Rừng còn ướt và vắt nhiều quá. Thỉnh thoảng chúng tôi lại phải dừng lại để xem có vắt bám vào chân hay không. Bác Đại Hà thì không ngán vắt một chút nào. Bác kể chuyện có lúc vắt bám đầy cả chân, khi về phải dùng cả một sợi lạt để gạt chúng nó xuống, trước khi rửa chân, xoa dầu khuynh diệp và sưởi lửa. Thanh Tuệ và tôi cũng chỉ hơi sợ vắt mà thôi. Mỗi khi bắt gặp một con vắt đang bám vào chân, chúng tôi ngừng lại và lấy tay rứt nó ra, hơi gớm và hơi rùng mình một tí. Nhưng chị Diệu Âm thì sợ vắt vô cùng. Mỗi khi thấy có vắt bám vào chân thì chị hét lên. Chúng tôi phải dừng lại để mà "bảo vệ" cho chị. Ấy thế mà chừng một năm sau chị không còn sợ vắt nữa.

Mùa hè, chúng ta tha hồ đi trong rừng không sợ vắt. Chúng nó chết tiệt đâu hết cả. Nhưng chỉ mùa mưa tới, rừng ẩm thế là chúng xuất hiện. Bác Đại Hà nói: "Thưa thầy, chúng nó đâu có chết, chúng nó chỉ khô teo đi thôi. Đến mùa mưa là chúng sống lại." Rồi bác kể chuyện một hôm bác ngồi ăn cơm trưa với công nhân trong rừng. Ăn xong, một anh công nhân tìm một cái tăm xỉa răng. Anh vớ được một cái que suống sắn đầu lớn đầu bé như một cái tăm. Anh thổi sạch bụi và bắt đầu xỉa. Một lát anh có cảm giác rằng cái tăm động đậy. Thì ra đó là một con vắt chớ không phải là một cái que. Nhờ chất nước bọt, con vắt đã được hồi sinh. Tha hồ cho anh cômg nhân nhổ nước bọt súc miệng. Có lúc bị vắt đeo mà ta không biết, về đến nhà máu chảy ướt, ta mới hay. Người miền núi có chế ra một thứ thuốc bôi vào hai ống chân khiến cho vắt sợ không bám vào được. Hoặc họ mang theo vôi ăn trầu, có vắt thì bôi vào tí vôi vắt "nhả" ra ngay.

Vui câu chuyện cùng chúng tôi đến đồi chè mới lúc nào không hay. Đồi thật cao. Đây là ngọn đồi cao nhất ở vùng này. Bây giờ ngọn đồi quang đãng, chúng tôi mới có thể nhìn được cảnh vật bên dưới. Thật là một quang cảnh ngoạn mục. Nhìn từ đây, trời xanh xanh hơn, mây trắng trắng hơn. Những ngọn núi xa có mây trắng phủ dưới chân trông như những cù lao nổi giữa biển nước trắng xóa. Nguyên Hưng có biết không. Suốt hai năm trời ở Phương Bối mà buổi sáng nào đứng từ đồi Thượng ta cũng thấy Phương Bôi đẹp. Không có một buổi sáng nào giống buổi sáng nào. Có những buổi sáng

thức dậy ta chẳng trông thấy được gì ngoài cửa sổ. Bởi vì sương mù dày đặc. Đứng cách nhau chừng năm sáu thước đã có thể không trông thấy nhau. Có những buổi sáng đứng trên đồi Thượng ta có cảm tưởng rất thực là ta đang đứng trên một hòn cù lao ở hải đảo. Sương mù trắng xóa và bằng phẳng như mặt biển, dàn trải đến chân trời. Các ngọn núi xa là những cù lao. Mãi cho đến gần mười giờ sáng sương mới tan và cảnh tượng mới lại phô bày chân tướng. Mà thực ra ta khó nói được thế nào là chân tướng của cảnh tượng nữa. Mỗi ngày mỗi khác. Mỗi giờ mỗi khác. Phương Bối là một dòng tiếp nối của những cảnh tượng thần diệu. Đó, Nguyên Hưng có nhớ một buổi sáng nọ khi chim hót vang rừng chúng ta đi từ thiền thất lên đến đỉnh đồi Thượng không? Đứng trên đồi ta trông thấy một cặp nai tơ đùa chơi trong nắng sớm, giữa những hàng trà. Những con nai tơ vàng mình có lốm đốm những hàng sao trắng. Chúng ta đã đứng im bất động một lúc lâu, sợ chúng chạy mất. Nắng mai đùa giỡn với những con nai con trên đồi trà. Một lát sau, hai con nai đuổi nhau về phía cửa rừng phía Nam và lẩn mất vào rừng. Chúng ta chỉ còn biết nhìn nhau.

Khu đồi hồi đó tuy đã được trông trà nhưng còn hoang vu lắm Nguyên Hưng. Chúng tôi đi giữa những cây trà mới lên. Các gốc cây đang còn lại nhiều; nhưng theo lời bác Đại Hà chúng sẽ mục nát sau đó một vài năm, không cần phải đào gốc. Vấn đề là đừng cho chúng mọc lộc mới. Mà thực ra số lớn các gốc đã bị đốt cháy không thể nào còn đâm lộc được nữa, để có chỗ làm nhà và làm vườn.

Nguyên Hưng ơi, sau ngày đi thăm ấy độ một năm thì Nguyên Hưng về, lúc ấy Phương Bối đương làm nhà. Bốn mẫu trà kia đã bắt đầu sản xuất chút ít và chị Diệu Âm bàn nên trồng thêm hai mẫu nữa. Lại thêm phải làm một cái nhà bốn gian ngay dưới chân đồi Thượng. Một gian trên cao dùng làm thiền thất. Gian dưới là thư viện và chỗ làm việc. Gian giữa là phòng ngủ. Gian bên là phòng ăn và phòng khách. Khách ở đây là gia đình Đại Hà, là chị Diệu Âm, là Như Thông, Như Ngọc, Như Khoa, Thanh Giới và ít người bạn tri kỷ khác. Kỳ dư ai mà chịu lặn lội lên tới Phương Bối, vừa xa, vừa cao, vừa vắt, vừa nguy hiểm. Nguyên Hưng, hồi đó chúng tôi lúng túng rất nhiều về vấn đề tiền bạc. Tôi phải bán thêm một bản thảo nữa,và kêu gọi sự giúp đỡ của các bạn quen. Ngoài chị Diệu Âm, những người giúp cho chúng ta nhiều nhất là Như Thông, Như Khoa và gia đình Đại Hà. Trong thời gian làm nhà các bác thợ phải đi lên đi về rất vất vả. Chiếc xe vận tải (bánh xe có ràng xích để leo núi khỏi trượt) phải lận đận lắm mới chở được gỗ và nguyên liệu làm nhà đến dưới chân đồi Thượng, bò quanh theo con đường núi đã lở lói và hư hỏng rất nhiều. Con đường này xa bằng ba con đường

rừng đi tắt. Mà từ chỗ rẽ của con đường tới chân đồi Thượng, bác Đại Hà đã phải đốt rừng làm một con đường dài trên bốn trăm thước. Chính tôi đã cắm mộc làm thầy địa. Nguyên Hưng này, có lẽ tôi là một ông thầy địa vụng cho nên giờ nầy chúng ta không được an trú trong Phương Bối mà mỗi người phải lênh đênh một ngả. Tôi phải chừa làm nghề thầy địa đi mới được, có phải không.

Hồi đó Tuệ, Hưng, tôi và chị Diệu Âm hay rủ Như Khoa và bọn trẻ con gia đình Đại Hà vào chân đồi Thượng cắm trại, luôn tiện xem các ông thợ làm nhà. Tội nghiệp chị Diệu Âm; vì chúng ta, chị cứ mỗi tuần rời Mai Lâm ở Di Linh để vào Bảo Lộc một kỳ. Tuy vậy, nhờ làm nhiều việc, leo nhiều núi, chị mạnh khỏe hẳn ra. Ai thấy chị leo núi cũng khen. Như Khoa, nam nhi chi tướng như vậy mà đôi khi còn thua chị. "Mất uy tín" quá, phải không Nguyên Hưng? Vì muốn về Phương Bối trước mùa an cư cho nên chúng ta đã cố gắng rất nhiều. Lúc bấy giờ đường lên Phương Bối đã được phát dọn quang đãng. Cái khu rừng từ cầu Mai lên đến dưới đồi Thượng, cái khu rừng ấy mới đẹp làm sao. Tôi muốn được suốt đời đi trong một con đường rừng như thế. Con đường thơm ngát hoa chiều. Và có một vài thứ hoa gì nữa cũng rất thơm mà chúng ta không biết tên. Mỗi lần lên Phương Bối mà leo tới được cầu Mai là đã thấy khỏe rồi. Thấy như là mình đã tới rồi, tới được cõi của mình rồi. Khúc đường còn lại là khúc đường rừng hấp dẫn nhất mà tôi vừa nói đó. Thầy Thanh Từ sau này rất thích đội một cái nón lá thật to vành và chống một chiếc gậy đi lên đi về con đường đó. Phương Bối hiện ra một cách đột ngột từ một khúc quanh: đồi Thượng sáng lên như một chân trời giác ngộ, một cõi bồng lai, nhất là ngày bắt đầu có chiếc nhà Thượng với hai mái cao vừa hùng vĩ vừa e lệ.

Những cơn mưa gió đến trước mùa an cư làm chúng ta phải cực nhọc nhiều lần. Chúng ta đã có tủ để đựng hai vạn cuốn sách. Chúng ta đã có giường có bàn, chúng ta lại cũng có một chiếc nhà bếp xinh xắn cách đó không xa. Và quý nhất là chúng ta đã xây được một cái hồ đựng nước mưa chứa được chừng vài chục thước khối nước. Những ngày ấy chúng ta rất bận rộn với ngôi nhà mới sắp hoàn thành. Tuệ lúc đó bận dậy học ở trường Bảo Lộc cho nên ít giúp chúng ta được. Nguyên Hưng biết, cũng khá trang nhã. Có một bữa cùng với Nguyên Hưng đứng ở lan can nhìn xuống khu rừng phía trái mà ta thường gọi Rừng Tham Thiền tôi thấy một giải mây giăng ngang từ cửa rừng sang đến gần chân đồi Thượng. Giải mây giống như một giải lụa, bề rộng chừng độ hai thước. Thật là kỳ thú. Tôi với Nguyên Hưng dã chạy xuống đi lại gần giải mây. Tới gần thì không thấy giải mây đâu. Chúng ta thất vọng, bởi vì chúng ta muốn đứng sát một bên giải mây, nhưng khi trèo

lên lại lan can nhìn, thì giải mây vẫn còn đó, tuy đã biến hình và loãng dần ra. Rừng Tham Thiền có lẽ là khu rừng đẹp nhứt. Khu này có nhiều thông và nhiều cây cao, to, rất hùng vĩ. Khu rừng có vẻ bí mật. Chúng ta đã định thuê chặt đốn tất cả những cây nhỏ và gai góc trong rừng và làm những con đường nhỏ ngang dọc trong ấy. Chúng ta cũng định làm những chỗ ngồi tham thiền và chiêm nghiệm. Cứ từ lâu, chừng năm bảy hôm một, Nguyên Hưng và tôi lại đi vào Rừng Tham Thiền để hái hoa đem về đơm trong một cái giỏ mây cúng Phật. Hoa có rất nhiều thứ, nhưng kỳ nào ta cũng hái hoa Chiều và hoa Trang.

Chỉ còn có ba hôm nữa là đến mùa An cư. Nguyên Hưng và tôi đã định về Phương Bối đúng ngày an cư. Như Ngọc và Như Thông hứa là ngày ấy sẽ từ Saigon lên chơi để "khánh thành" Phương Bối luôn thể… Trời mưa như trú nước. Mưa rồi lại tạnh. Tạnh rồi lại mưa. Như Khoa dã mượn giúp cho Tuệ và Hưng một chiếc xe Jeep để chở hai vạn cuốn sách vào Phương Bối. Sách đựng trong những chiếc bao tải lớn. Chiếc Jeep leo núi một cách mệt nhọc trèo lên trượt xuống. chiếc xe phải hỳ hục gần suốt một ngày mới chở được hết sách, Nguyên Hưng và Thanh Tuệ trong chuyến chót đã chở vào được thêm một cái tủ, cái tủ trắng rất xinh của Như Thông gửi tặng cho Phương Bối. Tôi còn nhớ trong chuyến ấy, nửa đường các cậu gặp mưa. Cả hai người, Nguyên Hưng cũng giống như Thanh Tuệ. Đều ướt như chuột lột. Thấy mà thương quá. Lúc ấy tôi đang bận bịu xếp sách vào các ngăn tủ. Tôi ra đón Tuệ và Hưng. Tôi bắt Nguyên Hưng vào thay quần áo lau mình thật sạch và trùm chăn kín lại. Tôi định vào đốt lò sưởi cho Tuệ nhưng Tuệ từ chối, đòi về theo xe. Cả Hưng và Tuệ đều run rẩy. Tuệ nói: "Phen này thì chắc ốm to. Có lẽ thương hàn là ít". Tôi cũng thấy sợ ghê. Các em giãi nắng dầm mưa nhiều quá. Thế nhưng mà không sao. Dì Tâm Huệ dọn cơm chiều lúc bảy giờ tối; bữa cơm đầu tiên ở Phương Bối được dọn ra đàng hoàng trên bàn, ngoài phòng ăn. Tôi đến nói với Nguyên Hưng: "dậy ăn cơm đi Nguyên Hưng." Nguyên Hưng không chịu, trả lời rằng là chắc hẳn không ăn được. Tôi nài nỉ Nguyên Hưng ra ngồi chơi với tôi trong khi tôi ăn cơm. Nguyên Hưng bèn chịu. Ra tới phòng ăn tôi xới cơm và ép Nguyên Hưng ăn một chén. Nể lời Nguyên Hưng cầm đũa. Thế rồi vui miệng và vui câu chuyện, Nguyên Hưng đã để cho dì Tâm Huệ xới cơm cho Nguyên Hưng tới ba lần. Đêm ấy Nguyên Hưng ngủ ngon không "ốm to" cũng không "thương hàn". Sáng mai Tuệ lặn lội vào Phương Bối rất sớm. Thì ra cậu ta cũng chẳng "ốm to" chẳng "thương hàn" gì cả. Hôm qua về tới chùa Bảo Lộc, Tuệ thay áo ngay và lau khô mình mẩy. Rót một ly nước trà thật nóng cậu lấy hai viên thuốc cảm để trên table de nuit. Rồi cậu ta trùm chăn lại thật kỹ, chờ cho ly nước bớt nóng để uống thuốc. Trong khi chờ đợi anh ta mở chiếc radio để

nghe một bản nhạc của đài Saigon. Thế rồi trong tiếng nhạc êm đềm Tuệ đã ngủ quên. Ly nước nguội dần, nguội dần và trở thành giá lạnh. Mười hai giờ khuya đài Saigon đã giả từ khán giả mà Tuệ vẫn không biết. Tuệ ngủ mê mệt. Cho đến khi tỉnh dậy thì đài Saigon đã "tái ngộ" thính giả và đang dạy thính giả tập thể dục buổi sáng! Mỗi lần nghĩ đến chuyện đó là tôi thấy buồn cười quá đi, Nguyên Hưng.

Trong cùng một đêm đó, Nguyên Hưng và tôi ngủ lại Phương Bối lần đầu. Cánh cửa giữa chưa lắp, thành ra nửa đêm bị gió thổi rơi xuống sàn nhà một cái rầm. Hai chúng tôi đều thức giấc. Nằm bên nhau, chúng ta nghe mưa gió rào rào bên ngoài. Có lẽ là có bão tố ở đâu ấy. Chúng ta đang nằm ngủ trên rừng, cách xa xóm làng đô thị. Rất xa. Chúng ta đã muốn lên tận trên này, phá rừng, làm nhà và dựng cho chúng ta một quê hương bé nhỏ. Tôi không thể nào nằm ngủ được nữa. Tôi rủ Nguyên Hưng trở dậy. Chúng ta đi sờ soạn tìm hộp diêm nhen, đốt một đống lửa và thức bên nhau nói chuyện, cho đến khi tiếng vượn hú hòa với tiếng chim kêu đã vọng vang cả núi rừng. Chúng ta trèo lên đồi thượng. Phương đông, chân trời vẫn chưa ửng hồng. Sương phủ khắp đồi núi xa xa. Phương Bối đã trở thành một cái gì có thực. Có thực một cách hư ảo. Các bạn ở xa chưa ai hay biết rằng ẩn mình trên núi Đại Lão, Phương Bối đã xòe những cánh đồi hoang vu và êm dịu như một chiếc nôi lớn - một chiếc nôi lót bằng bông đá, hoa dại, cỏ rừng - chào đón chúng tôi. Ở đây chỉ có cây rừng, có chim có vượn. Ở đây chúng tôi sẽ xa được trong một thời gian tất cả những xấu xa nhỏ mọn của cuộc đời…

Hết chương 2

---o0o---

III

Thứ tư tuần tới, tôi sẽ rời Medford để về lại thành phố. Mùa thu đã sắp đến rồi. Ở bên này, người ta gọi mùa Thù là Mùa Rơi, bởi vì mùa Thu cũng là mùa lá vàng rơi rụng. Cũng như người ta gọi mùa Xuân là Mùa Tuôn Dậy. Lộc non, chồi xanh tuôn dậy như một dòng suối tuôn từ các khe đá. Chắc là Công Viên Bờ Sông cũng đã bắt đầu đẹp. Princeton mùa Thu thì nhất định là đẹp lắm rồi. Nguyên Hưng cứ tưởng tượng một buổi sáng lành lạnh, có nắng, đi trên những thảm cỏ xanh, rất xanh. Chỉ cần một tí gió thôi là bao nhiêu lá phong rụng xuống, rơi vào đầu, vào cổ, vào áo của mình. Mà lá phong rụng không phải chỉ là những lá mang độc một mầu hỏa hoàng thôi đâu nhé. Có thể nói là có những chiếc lá thật là đỏ, đỏ thắm như son. Và từ

mầu xanh qua mầu vàng đến mầu đỏ thắm là biết bao nhiêu mầu sắc! Những trận mưa là như thế thật là ngoạn mục. Tôi rất ưa những loại cây thay lá. Như cây bàng ở quê hương ta chẳng hạn. Ở Phương Bối rừng núi mang mầu xanh suốt năm, kể cả mùa đông rét mướt và mưa gió. Chỉ có một số ít cây thuộc về loại cây thay lá mà thôi, và các cây ấy không đủ nhiều để tạo nên một mùa thu, một mùa rơi rụng, Princeton thật là đẹp, nhưng mà Princeton không có được những nét độc đáo của Phương Bối. Princeton không có những buổi sương mù bao trùm núi đồi và gây cho ta cảm tưởng đang đứng trên mặt biển. Princeton không phản phất hương của hoa Chiều, không có tiếng chim kêu vượn hú vang rừng, không có huyền bí hoang dại như Phương Bối. Tôi không thể nào quên được những đêm trăng rừng Phương Bối. Nguyên Hưng cũng biết là buổi tối ở trên rừng không giống gì với buổi tối ở đồng quê hay ở thành thị. Mới từng tám giờ tối thôi, ta đã có cảm tưởng như là đêm đã khuya lắm rồi. Màn đêm dày đặc hơn, huyền bí hơn. Xung quanh Phương Bối quyền uy của rừng núi quả đã khôi phục được quyền hành của nó. Ta có thể cảm thấy được những bước chân chậm rãi của chùa sơn lâm và tiếng xào xạc của khu rừng tranh cao quá đầu người khi chúa sơn lâm đi ngang. Rừng núi hết sức yên lặng. Nhưng cũng hết sức linh động. Những đêm có trăng, nhất là trăng khuya, ở Phương Bối hình như ít ai ngủ được. Có một bữa, ham viết cho đến một giờ khuya tôi không biết rằng Thanh Tuệ đã thức giấc và đang đứng lặng yên sau cửa sổ nhìn ra khu rừng ẩm ướt ánh trăng. Tôi cũng tắt cây đèn bát đi, và lại đứng gần bên Thanh Tuệ. Cả trăng cả rừng đều huyền bí đều mầu nhiệm, và cùng tạo nên một khung cảnh mà chúng ta chưa hề thấy bao giờ trong đời trừ ở Phương Bối. Trăng cũng tuyệt đối yên lặng. Nhưng mà trăng với rừng quả là đang nói chuyện với nhau, nói chuyện bằng thứ ngôn ngữ gì chúng ta không thể nào biết được. Trăng và rừng trong lúc này không phải là hai mà chỉ là một. Thí dụ ta lấy trăng đi, thì rừng cũng mất. Hoặc giả nếu ta lấy rừng đi thì trăng cũng tan biến. Và chính chúng tôi nữa, chúng tôi là gì lúc ấy? Chúng tôi có thể hiện hữu bên nhau sau khung cửa sáng ấy không nếu một trong hai thứ trăng và rừng kia không hiện hữu? Nguyên Hưng cũng đã từng say mê những đêm trăng như thế. Riêng tôi, tôi thấy trăng từ mười sáu trở đi mới già dặn mới đủ sức nói chuyện với rừng. Có những buổi khuya tôi đứng một mình - cũng sau cửa sổ lớn đó - nhìn ra khu rừng trước mặt. Hồi đó khu rừng chỉ cách ta độ năm sáu mươi thước. Khu rừng hùng mạnh, và dưới ảnh hưởng của trăng khuya, tự tạo cho mình một hấp dẫn lực kỳ lạ. Có một sức gì thu hút phát xuất từ khu rừng, một cái gì rất hoang dại và cũng rất hùng biện. Tôi thấy hình như thấp thoáng ở cửa rừng có bóng một người Thượng thân hình đen cháy, hai mắt long lanh, có một người Thượng của hàng ngàn năm về trước chứ không phải như những người thượng bây giờ hay đi ngang

qua Phương Bối để tìm rau Rịa. Tôi thấy thức dậy ở trong tôi con người cổ sơ. Tôi muốn liệng bỏ hết chữ nghĩa, liệng bỏ hết văn minh, liệng bỏ hết những áo xống rắc rối trên mình để trần truồng đi vào trong rừng. Đi vào trong rừng làm gì, tôi không biết, nhưng là đi vào thật sâu, đi mãi, đi mãi, dù là trời tối đen, dù là rừng đầy dã thú, đầy gai góc. Tôi thấy nếu tôi bị dã thú ăn thịt mà cũng không sao. Không đau đớn, không hãi hùng, không luyến tiếc. Có thể gọi là êm ái nữa cũng không biết chừng. Tôi đứng như thế, sau khung cửa, rất lâu, để chống lại với tiếng gọi của rừng, của trăng.

Rừng ở Medford hiền quá đi. Tôi nhớ trăng rừng Phương Bối lạ lùng; mình xa cách Phương Bối đã lâu rồi, Nguyên Hưng nhỉ. Nhưng mà từ ngày tôi rời xứ sở đến nay, đã mười sáu tháng qua. Ngày hôm kia tôi làm một bài thơ hai câu như sau:

“gối khuya rừng mộng trăng mười sáu

mười sáu trăng rồi, người biết không?”

Tôi thích hai câu ấy lắm, Nguyên Hưng. Nguyên Hưng cứ nghĩ là rừng Phương Bối trong một đêm không trăng, gồi đầu lên đêm khuya để mà nhớ, để mà thấy trong giấc mơ mặt trăng tròn đầy của ngày mười sáu. Từ ngày xa cách, có phải là mười sáu mùa trăng đã qua rồi hay không? Tôi ưa những tiếng “trăng mười sáu” và “mười sáu trăng” nối theo nhau làm cho hai câu trở thành như một. Như một mà kỳ thực là hai.

Nguyên Hưng, vào cái ngày bắt đầu mùa an cư năm xưa ấy, trời bỗng tạnh mưa. Vào khoảng chín giờ sáng thì Như Thông, Như Ngọc và thầy Châu Toàn lên. Họ mang theo rất nhiều thứ quà để tặng Phương Bối. Tôi còn nhớ đến chiếc giỏ mây thật đẹp mà chúng ta thường dùng để đơm hoa rừng cúng Phật. Và nào là chén, là đĩa, là đũa, là thức ăn. Hồi đó đồi Thượng chưa được dọn sạch nên không thể ăn bữu cơm đầu hạ trên ấy như chúng ta ước muốn. Tuệ cũng đã vào từ lúc sáng sớm. Nguyên Hưng và tôi vẫn còn đang phải loay hoay dọn dẹp thiền thất. Toàn đã vào Rừng Tham Thiền một mình để hai hoa. Một lát sau chị Diệu Âm và cô Lưu Phương vào, cùng đi hái hoa với Toàn. Chị hái được rất nhiều bông Chiều, những chùm hoa lớn trắng như tuyết. Còn Toàn thì sau khi hái được một ít hoa mẫu đơn đã bị rừng Sim lôi cuốn. Thế là từ lúc đó. Toàn hái toàn những cành hoa Sim. Tôi nhớ ngày hôm đó ở Phương Bối có rất nhiều bình hoa nhỏ mà phần lớn là những bình hoa Sim - nhưng vì Toàn đã trẩy gần hết lá Sim nên các bình hoa kia trông như những bình hoa đào. Cái giỏ mây đầy cả hoa Chiều. Hoa Mẫu Đơn, và

một vài thứ hoa khác nữa mà chúng ta không biết được tên họ. Toàn còn chặt cả một đọt thông lớn để cắm vào chiếc ché Thượng men nâu để trên thiền thất. Như Khoa và Thanh Giới cũng đã băng rừng băng núi tìm vào. Các bạn của Phương Bối như thế, cũng đã khá đông. Sau buổi lễ Phật trang nghiêm và ấm áp, chúng ta đưa mọi người đi một vòng ở Phương Bối. Tuy nói một vòng nhưng kỳ thực chỉ là một vòng nhỏ, bởi vì phần lớn đồi núi ở Phương Bối vẫn là hoang vu, không đặt chân đến được.

Những người bạn của Phương Bối đã ở lại đến ba giờ chiều để đàm đạo về những dự tính cho Phương Bối trong tương lai. Rồi thì Toàn cùng với Như Ngọc và Như Thông từ giả chúng ta trước. Họ phải về Saigon và trước khi đi tìm tới xe, họ phải băng rừng đến Đại Hà, rồi Như Khoa và Thanh Giới cũng về, Thanh Tuệ cũng về, bởi vì Thanh Tuệ chưa vào Phương Bối luôn với chúng ta được - lý do là Tuệ còn cưu mang dỡ dang mấy lớp học ở Blao. Buổi chiều ấy, sau khi họ ra về hết rồi, Phương Bối thật vắng lặng và thanh tịnh. Đưa Tuệ và chị Diệu Âm về xong, chúng ta từ rừng Tham Thiền - nơi có mấy chữ nho viết dọc theo một bảng gỗ đóng trên một thân cây "Đại Lão Sơn Phương Bối Am" - thong thả đi vào. Phương Bối là một thực tại rồi đó, nhưng mà cũng như chiều hôm trước, chúng ta vẫn không chắc là nó có thực. Nó hiện hữu như một cái ráng trời. Ta có thể nghĩ rằng nó muốn tan biến đi lúc nào thì nó tan biến. Có lẽ vì Phương Bối không giống bất cứ một cái gì chúng ta đã gặp, đã thân thiết. Cũng có lẽ vì Phương Bối đối với ta còn mới mẽ quá, nhưng đã thân thiết quá. Lại cũng có lẽ Phương Bối đẹp không cùng. Ta chưa hề nghĩ rằng số kiếp của ta mà lại có thể liên hệ đến một thực hữu kỳ diệu như Phương Bối. Vậy cho nên Phương Bối nửa như là thực nửa như là hư. Ta không nghĩ rằng Phương Bối thuộc về ta. Tôi không bao giờ nghĩ như vậy. Cho nên tôi rất đồng ý với Nguyên Hưng khi Nguyên Hưng nói: Chúng ta thuộc về Phương Bối. Vì câu nói ấy mà sau này Lý thêu dệt thêm ra. Lý nói Phương Bối là "thánh địa". Chúng ta là "dân" của thánh địa, đi đâu cũng thuộc về thánh địa. Cái tính của Lý thì hay "ăn to nói lớn" như vậy đó mà, Nguyên Hưng.

Tôi còn nhớ buổi chiều hôm ấy, khi đưa Tuệ và chị Diệu Âm ra về, chúng ta đã đi thẳng lên đồi Thượng, nhìn ra bốn phía. Rồi chúng ta đi vào trong những hàng trà. Đất rất mềm và xốp. Chúng ta men theo bờ rừng và đi mãi xuống gần thung lũng. Bỗng dưng Nguyên Hưng chỉ cho tôi những dấu chân cọp rất mới, in rõ ràng trên nền đất xốp sau những trận mưa hồi hôm. Dấu chân ấy hướng về phía lối cầu Mai. Trời cũng đã chiều rồi. Thanh vắng quá. Tôi hơi ngài ngại, liền rủ Nguyên Hưng trở về. Chúng ta băng qua những đồi chè để trèo lên đỉnh đồi Thượng. Khi vào tới nhà, chúng ta đi đốt lửa, và trời

đã rét. Dì Tâm Huệ ngày hôm ấy chưa ở lại được với chúng ta, nên đêm ấy chỉ có một mình tôi với Nguyên Hưng. Chúng ta soạn một bữa cơm chiều rất giản dị, rồi ngồi ăn bên nhau dưới ánh sáng của bốn ngọn đèn nến. Đêm ấy, tôi đã nói cho Nguyên Hưng nghe về những dự liệu văn hóa chúng ta sẽ thực hiện sau này. Trước khi đi ngủ chúng ta đã có một buổi "công phu" ngắn và cảm động.

Tôi đã nhắc Nguyên Hưng nhớ lại những cảnh trăng rừng Phương Bối. Tôi tưởng cũng phải nhắc Nguyên Hưng nhớ lại thêm về những buổi sáng mai trên rừng núi Đại Lão. Hồi đó, chúng ta thường ưa làm việc tay chân vào các buổi sáng. Chỉ trong vòng ba tháng sau ngày chúng ta về, Phương Bối đã trở nên quang đãng và đẹp đẽ. Bởi vì sáng nào chúng ta cũng làm việc tay chân và ngày nào chúng ta cũng có ít ra một người bạn Thượng làm việc trong phạm vi Phương Bối. Sau này ta lại có anh Năm, người con trai hiền lành từ xứ Quảng di cư vào - Năm đã ở lại với chúng ta trong suốt thời gian hưng thịnh của Phương Bối.

Chỉ trừ những ngày mưa, còn thì buổi sáng nào ở Phương Bối cũng đẹp. Buổi sáng Phương Bối thật là linh động. Sáng nào Phương Bối cũng vang động tiếng chim tiếng vượn. Trời Phương Bối rét nên chúng ta không dậy sớm. Thường thường tôi chong đèn ngồi viết đến nửa đêm. Buổi sáng tôi thường thức dậy giữa tiếng chim tiếng vượn. Chính Tuệ và Nguyên Hưng biết rằng tôi chưa khôi phục lại được sức khỏe ngày xưa nên hai người cứ lẳng lặng dậy trước, để yên cho tôi ngủ. Còn dì Tâm Huệ thì ngủ rất ít. Thường thường khi tôi dậy thì đã có nước trà để uống cho ấm bụng. Nồi cháo trắng đỗ xanh lúc ấy đã chín rồi; thường thường chúng ta hay chạy vào bếp sưởi ấm, uống nước và ăn điểm tâm ngay trong cái nhà bếp nghèo nàn nhưng ấm cúng đó, Nguyên Hưng nhớ không.

Nắng mai tuy rất trong và đẹp nhưng không đủ ấm. Cho nên chúng ta phải bắt đầu mỗi ngày bằng công việc tay chân. Làm như thế thì chỉ trong mười phút thì đã thấy ấm người rồi. Hồi đó tôi cũng biết xử dụng phảng, cuốc và mai không kém gì Nguyên Hưng vậy. Nguyên khu đồi Thượng, chúng ta cũng phải để ra hàng tháng mới dọn xong. Bao nhiêu là gốc cây. Bao nhiêu là giây chằng. Bao nhiêu là gai góc. Chúng ta đã làm được không biết bao nhiêu là ghế, là bàn, bằng những nguyên liệu của rừng như mây, như gỗ, ngay trên đồi Thượng. Lại còn có những chiếc ghế treo nữa. Các thầy ở Huế hay ở Sàigon mỗi khi lên thì cứ ưa ngồi hàng giờ trên đồi Thượng và dù lớn cách mấy, vị nào cũng thích ngồi đu trên những chiếc ghế treo.

Buổi mai ở Phương Bối đẹp như một tờ giấy trắng tinh, nguyên vẹn, một tờ giấy trắng tinh có ửng mầu hồng ở góc. Thực vậy, Nguyên Hưng. Chúng ta thức dậy ở Phương Bối với ý thức là chúng ta có trước mặt một ngày trọn vẹn không bị ai xâm phạm. Không phải đi hội họp không phải chờ xe buýt, không phải ngồi ở phòng đợi, không phải thao thức vì những cái rendez-vous. Một ngày trọn vẹn có đủ sáng, trưa, chiều tối, và đẹp như mầu hồng của bình minh. Một ngày trọn vẹn mà ta muốn xử dụng như thế nào cũng được. Nguyên Hưng có thể làm cỏ ở đồi trà, hoặc dọn thêm khu rừng trước mặt, hoặc trồng thêm cây ăn trái, hoặc viết lách hay nghiên cứu. Chúng ta làm được thật nhiều việc, nhưng không bao giờ chúng ta chán việc, bởi vì tất cả những gì ta làm đều do sở thích. Nếu ta không làm cỏ ở đồi chè chẳng hạn, thì anh Năm cũng chịu khó làm và thế nào đồi chè cũng sạch cỏ. Nếu ta không dọn thêm được khu rừng trước mặt hôm nay thì ta có thể làm vào một lúc khác. Chúng ta, tóm lại, muốn làm gì thì làm. Buổi sáng, sau khi ăn điểm tâm, thế nào trong chúng ta cũng có một người đề nghị, là nên đi làm việc sáng hôm nay. Tôi nhớ hồi đó Phương Bối có Nguyên Hưng, có Tuệ, có Triều Quang, có Lý, có Năm, có Phú, có dì Tâm Huệ và có Tôi. Nếu Nguyên Hưng đề nghị “sáng nay dọn thêm ở khu đồi Thượng” thì ít nhất cũng có ba người hưởng ứng. Hoặc nếu Lý đề nghị “sáng nay làm một con đường xuống thung lủng” thì Lý chắc chắn cũng có người hưởng ứng. Thường thường các đề nghị đều được tất cả mọi người tán thành. Có khi hai người cùng đề nghị một lần, và chúng ta chia ra hai nhóm theo sở thích. Lâu lâu chúng ta lại có một cuộc thám hiểm núi rừng. Ai nấy đều chuẩn bị kỹ lưỡng. Thường thường những cuộc “thám hiểm” như thế kéo dài cả ngày. Chúng ta hay dừng lại ăn trưa và nghỉ ngơi bên một dòng suối. Nhiều hôm Nguyên Hưng và Triều Quang mang về những cây phong lan tuyệt đẹp. Ai nấy đều mệt nhoài. Đêm đến chúng ta ngủ rất ngon.

Trong những buổi đi rừng phục sức của tất cả mọi người đều rất kỳ dị. Nguyên Hưng có nhớ không? ở Phương Bối chúng ta không cần vâng theo luật lệ của… người phàm. Ta có thể đội bất cứ thứ mũ nào, mang bất cứ thứ giầy ủng nào, dùng bất cứ thứ thắt lưng nào. Có khi nhìn vào tấm gương tôi thấy tôi giống như một ông ngáo ộp. Râu thì có khi một tuần chưa cạo một lần. Không phải vì làm biếng mà vì chúng ta có những việc khác ưa làm hơn! Áo thì bằng da dày cộm để gai rừng không bấu rách. Ống quần thì túm lại bỏi vào đôi ủng cao su để khỏi bị vắt xâm nhập. Vai thì mang một cái xách đựng hoặc cơm trưa, hoặc chiếc võng đay, hoặc hộp cứu thương. Tay thì cầm một cái xà gạc hoặc một cây gậy. Những người học tò của tôi ngày xưa nếu có trông thấy tôi trong hình dáng ngáo ộp ấy chắc cũng không thể nào không kinh ngạc cho được. Ăn mặc như thế này để vào lớp giảng thơ

Nguyễn Du thì chắc là không được đâu, phải không Nguyên Hưng? Ở rừng núi chúng ta đi đứng mạnh bạo hơn. Chào nhau ở cửa rừng đôi khi chúng ta không chắp tay trước ngực mà chúng ta đưa một cánh tay thẳng lên trời. Đi lại trên các con đường rừng núi thì không cần bước từng bước đĩnh đạc bệ vệ nữa; chúng ta đi rất mau, hoặc là chúng ta chạy. Từ đồi này chúng ta la hét sang đồi kia. Nguyên Hưng hét to hơn ai hết, như một cái còi xe lửa. Có một điều mà ta thấy rất rõ là ai lên Phương Bối cũng ưa la hét thật to. Tôi nhớ có một lần trèo lên cây thông cao ở Rừng Tham Thiền để đốn một cành thông xanh, Nguyên Hưng hét vang cả núi rừng. Tôi lúc đó đang dọn dẹp thiền thất cũng bị tiếng hét của Nguyên Hưng kích động. Tôi bỏ chiếc chổi lau, chạy ra, nhìn về phía Rừng Tham Thiền. Và buồn cười chưa, tôi cũng hét to để hỏi và để trả lời Nguyên Hưng. Rừng núi lớn lao quá khiến ta có cảm tưởng là bị nhỏ bé lại và vì thế tiếng hét của ta là để phá tan cái mặc cảm là chúng ta bé nhỏ. Có phải không Nguyên Hưng? Lại cũng có lẽ là vì chúng ta muốn trả thù những công thức giao tiếp của cái xã hội cũ. Trong xã hội đó, nói thì phải nói với giọng giữ gìn, để ý từng câu từng chữ. Xã hội quy định ta phải ăn như thế nào, chào như thế nào. Vì vậy khi lên Phương Bối chúng ta đã có khuynh hướng lật nhào tất cả những luật lệ đó. Và chúng ta chạy hoặc hét là để phá vỡ cái mặc cảm chúng ta bị nô lệ, để chứng tỏ chúng ta có “tự do”. Cũng như ở bên này người ta có cái kiểu chào nhau “How are you” lạt như nước ốc. Câu chào ấy ai cũng thấy vô ích, thế mà không chào thì lại thấy thiếu một cái gì. Có thì là dư, mà không thì lại là thiếu. Buồn cười nhất là khi một người bệnh tới khám bệnh. Bác sĩ hỏi: “ông mạnh giỏi không?” một cách vô ý thức. Và bệnh nhân cũng trả lời “mạnh” một cách vô ý thức. Trong khi đó, ta biết rằng nếu “mạnh” thì bệnh nhân đâu có cần tới bác sĩ làm gì.

Nguyên Hưng, giữa ta và vũ trụ có những liên hệ nào mà mỗi khi vũ trụ kêu gọi, không thể nào cưỡng lại được? Tôi vừa mới viết cho Hưng về trăng rừng, một tiếng gọi hết sức thiết tha ít khi tôi có thể làm ngơ được. Tôi muốn kể cho Nguyên Hưng nghe về những trận mưa đầu mùa. Từ hồi còn bé thơ, tôi đã bị những trận mưa đầu mùa quyến rũ rồi. Hồi đó tôi còn ở đồng quê. Tiếng sấm động. Trời sa sầm xuống thấp. Những giọt nước to nặng đầu tiên rơi lộp độp trên mái ngói. Vài ngọn gió thổi tới đập các cánh cửa sổ ầm ầm. Tôi đã bị kích động ngay sau những hiện tượng đó. Thật giống như prélude của một bản hùng ca vĩ đại. Thế rồi sau một tiếng sấm long trời lỡ đất, mưa trút xuống rào rào như thác đổ. Những lúc như thế, đố mà tôi ngồi yên cho được. Tôi phải chạy ra, vén màn, dán mắt vào cửa kính. Những đọt cau xa oằn oại. Trong lúc trời đất thét gào. Vũ rụ rung chuyển. Những chiếc lá to bị gió hắt mạnh vào cửa sổ và vách tường. Nước trút xuống ào ào và chảy ồ ồ

ngoài sân, trước rãnh. Trong màn mưa bạc, có những con chim quật cánh chống lại với gió với mưa. Trong bản hùng ca đó, tôi cảm nghe thấy rõ rệt tiếng gọi của hồn vũ trụ. Tôi muốn trở thành một đọt cau hay một cây nghiêng ngả oằn oại trong mưa. Tôi muốn trở thành một con chim bay quằn quại giữa trời để chịu đựng sức mưa sức gió. Tôi muốn chạy ra giữa mưa mà hét, mà múa mà quay cuồng, mà cười, mà khóc. Nhưng mà tôi không dám. Bởi vì tôi sợ mẹ tôi mắng. Trong tiếng ào ạt rạt rào của mưa và gió, tôi ráng lấy tất cả gân cổ hát một bài. Dù tôi có hét to đến mấy người ta cũng không nghe được, bởi vì bản nhạc long trời lở đất đã lấn át hết. Trong khi tôi hát như thế, mắt tôi vẫn không rời cảnh tượng hùng vĩ của trời mưa, thần trí tôi như bị hút vào cảnh tượng hùng vĩ của trời mưa, và tôi cảm thấy tôi được hòa mình vào trong bản hòa tấu vĩ đại. Tôi thấy dễ chịu. Tôi hát bài hát này rồi bài khác. Sau đó, trời tạnh, hơi đột ngột. Tôi cũng dừng tiếng hát. Thần kinh tôi êm dịu lại và tôi nhận ra rằng trên mi tôi còn đọng một vài giọt nước mắt.

Cho mãi tới ngày nay, tôi cũng vẫn còn giữ cái thói làm như vậy, Nguyên Hưng, tuy rằng có đôi khác chút ít. Tiếng gọi của đất trời vẫn tha thiết và rõ rệt như ngày xưa. Mỗi khi văng vẳng có tiếng gọi ây là tôi lại giật mình, và với tất cả với bản thể của tôi, với tất cả mọi nguyên tử của sinh lý tôi, với mọi đường máu, mọi đường giâythần kinh của thân thể tôi, tôi lắng nghe một cách kính cẩn và thiết tha. Nguyên Hưng cứ tưởng tượng một người mất mẹ đã mười năm, một hôm bất giác nghe tiếng mẹ gọi. Tâm trạng của tôi là như thế đó, mỗi khi tôi nghe tiếng gọi của đất trời. Mới vừa hôm qua đay, trong cảnh rừng mưa, tôi quỳ dưới cửa sổ để nghe bản nhạc hùng của tời, của đất, của rừng, của gió. Cửa sổ để ngỏ, nhưng tôi không đứng dậy đống lại. Tôi qùy đó, thành kính, đầu hơi cúi thấp, trong khi gió tạt mưa vào ướt cả đầu cả cổ cả áo tôi. Tôi thấy rất được dễ chịu, rất được yên lành trong cử chỉ ấy. Mãi cho dến khi rùng mình, thấy lạnh, tôi mới đứng dậy, đóng cửa và đi thay áo, đốt lò sưởi, trong lúc rừng Medford vẫn cuồng nhiệt gào thét trong cơn mưa…

Hết chương 3

---o0o---

IV

Nguyên Hưng, không phải tôi chỉ nghe tiếng gọi mầu nhiệm kia trong lúc trăng và rừng nói chuyện hay trong những cơn mưa lớn đầu mùa. Tôi lại còn nghe tiếng gọi ấy và những buổi trưa rất là yên lặng nữa. Những buổi trưa ở quê hương ta, những buổi trưa mà Lưu Trọng Lư nghe thấy cả tiếng gà não nùng xao xác gáy, những buổi trưa mà Vũ Anh Khanh thấy cả nắng lổ đổ rụng lên đầu người viễn khách ở xóm đạo vắng người. Những buổi trưa ấy miền Bắc cũng có, miền Trung cũng có, mà miền Nam cũng có. Tôi không tin rằng buổi chiều, dù rằng những buổi chiều nhìn ra cửa biển, là lúc gợi buồn nhiều nhất. Buổi chiều đối với tôi dù là ở đâu cũng chỉ là đẹp thôi, chứ không buồn. Chỉ có một lúc duy nhất trong ngày có thể gọi là buồn: đó là buổi trưa, vào khoảng một giờ, hay trễ hơn một chút. Buổi chiều cũng như buổi mai, bao giờ cũng linh động, biến ảo và tràn đầy sức sống. Buổi chiều đã không mang màu sắc tàn tạ như người ta thường tưởng, mà trái lại còn hứa hẹn một sức sống rạt rào vào đêm. Tôi thấy vũ trụ sống về ban đêm nhiều hơn. Ban đêm, cái gì cũng linh động, cũng mầu nhiệm, cũng hùng mạnh. Chỉ có loài người mới ngừng hoạt động trong đêm, chớ vũ trụ, từ trăng sao nước mây đến trùng dế cây cỏ đều rì rào mầu nhiệm. Nếu nói đến giờ ngưng đọng, ấy phải là giờ buổi trưa, lúc quá ngọ một chút. Không có một giọt gió. Trời cao cao quá, cao đến im lìm, cao cho đến nỗi trở nên vô cùng sâu thẳm. Cây cối như chết đứng; không nói năng được một lời nào trong giây phút ấy. Mặt trời như thôi miên trái đất và điểm huyệt trái đất bằng con mắt lửa hung hãn của nó khiến trái đất và muôn loài trên trái đất trở thành bất động không còn cựa quậy được nữa. Tôi dám chắc rằng đúng vào giờ phút ấy trái đất không thể nào còn quay được. Phải đợi cho đến khi nào có một đám mây hoặc một tí gió tới cứu vãn thì trái đất mới thoát khỏi được tình trạng bị điểm huyệt và mới có thể tiếp tục cuộc hành trình. Nếu ta thiếp đi vào buổi trưa trong một giấc ngủ ngắn mà thức dậy đúng vào giờ phút ngưng đọng ấy, thì lập tức ta nghe tiếng gọi. Tôi nghe tiếng gọi như thế đã có đến hàng trăm lần rồi Nguyên Hưng, mà lần nào trái tim tôi cũng hồi hộp như nhau. Mà vì vừa mới thiếp đi cho đến lúc chợt tỉnh tôi nghe nó không phải với lý trí của tôi mà với tất cả biển tiềm thức còn đương dâng tràn, còn chưa kịp rút xuống khỏi lằn mức ý thức. Tôi nghe tiếng vũ trụ gọi tôi về, và tất cả bản thể tôi rung động đáp lại tiếng gọi ấy.

Nguyên Hưng, ơ ûPhương Bối tôi cũng trải qua bốn lần nghe như vậy. Rừng cây ít khi nào đứng chết lặng như trong những lúc ấy và trời không bao giờ cao như thế, sâu như thế. Trong giây phút kia, tôi thấy lòng ngập nhớ nhung và một niềm thao thức muốn trở về. Trở về theo tiếng gọi mầu nhiệm. Những lúc ấy tôi có cảm giác như đứng ở một biên giới có sương mù. Nếu tôi làm tan được sương mù ấy, tôi có cảm tưởng nó có thể tan biến trong bất

cứ một sát na nào, dễ như không, dễ như nó chưa bao giờ từng hiện hữu, em ơi.

Nguyên Hưng, để tôi nhắc lại cho Nguyên Hưng nghe về đem giao thừa đầu tiên ở Phương Bối. Từ hôm hai mươi sáu Tết, Triều Quang, Từ Mẫn và Thanh Hiện đã tự động kéo về Phương Bối, như con trở về nhà cha mẹ vào những ngày giỗ lớn. Quang ở Dalat về mang theo rất nhiều nhánh bạch mai thật đẹp. (Trước đó, chị Diệu Âm đã cho Như Hiền đem tặng cho chúng ta rất nhiều cây bạch mai con để trồng quanh nhà). Chúng ta bàn với nhau ăn một cái Tết lớn nhất trong đời chúng ta, và ăn tại Phương Bối. Sau một đêm bàn luận, chúng ta đồng ý như sau:

1) Đốt một đống lữa vĩ đại ngay trên đồi Thượng.

2) Cắm trại ở đồi Thượng.

3) Nấu một thùng bánh chưng ở trên đồi Thượng.

4) Cúng giao thừa, đốt pháo ở đồi Thượng.

5) Hội họp ăn bánh chưng, chúc Tết và bình văn ở đồi Thượng.

Cái đống lữa vĩ đại ấy, chắc trong chúng ta không ai có thể quên được. Nguyên Hưng cũng nhớ là để phá rừng trồng trà chúng ta phải đốn ngã hàng trăm cây rừng thật lớn. Những cây ấy, sau khi chúng ta đốt rừng, đã bị cháy xém và khiêng chất thành lại thành đống. Chúng ta đã tốn hết hơn hai ngày mới chất được đống củi. Vì vậy đống củi lửa trại to lớn như một cái nhà và đã được chất lên một cách rất công phu. Trong lòng đống củi vĩ đại, chúng ta đã đặt rất nhiều cỏ khô, lá khô và các cành củi rất dễ bén lửa. Đống củi đã cháy suốt đêm giao thừa và mãi đến sáng ngày mồng hai vẫn còn cho ta than hồng. Nguyên Hưng nhớ không?

Ban đầu thì một số trong chúng ta không tán thành ý kiến cắm trại trên đồi Thượng vì sự sương khuya. Nhưng sau lại, chúng ta quyết định cứ căng lều trên đồi, bởi vì đống lửa vĩ đại sẽ làm tan sương và ấm cả khu đồi. Mà thực vậy, Nguyên Hưng. Không những chúng ta thấy ấm mà nhiều khi còn thấy nóng bức là khác nữa.

Còn bánh chưng, Lý là người Bắc và lý tuyên bố có thể gọi bánh chưng vào hạng đẹp nhất Bắc Hà. Ban đầu ai cũng tưởng là Lý chỉ “ăn to nói lớn” theo kiểu một nhà văn như Lý, nhưng sau khi thấy Lý trổ tài, ai cũng phục lắm.

Dì Tâm Huệ mua nếp, đỗ xanh và cung cấp lá rong tươi cho Lý. Hôm gói bánh tôi cũng làm phụ tá cho Lý trong việc lau lá, xếp lá, rọc lá. Lý làm một cái khuôn nhỏ và gói những chiếc bánh chưng nhỏ xíu, vuông vắn, thật đẹp. Bánh chưng được nấu từ lúc năm giờ rưỡi chiều để kịp chín nữa giờ trước giờ Giao Thừa. Mẫn và Hiện đã bắc hai bếp gần dưới chân đồi Thượng, một bếp để luộc bánh chưng, một bếp khác để nấu nước sôi tiếp cho nồi bánh. Bếp phải đặt phía dưới, bởi vì gần đỉnh đồi quá thì sẽ nóng vì đống lửa đỉnh đồi.

Cả nhà chuẩn bị ăn Tết một cách rộn rịp và chính sự chuẩn bị rộn rịp để ăn Tết ấy quả đã là Tết một cách đích thực rồi. Từ lúc ba giờ chiều, Nguyên Hưng và Triều Quang đã vào rừng đốn về những cây tre lớn và cưa ra từng ống một, chất đầy bên lều. Khi thùng bánh chưng sôi, tất cả chúng ta đều tắm rửa, quây quần trong chiếc lều lớn nhất cắm trên đồi, nghỉ ngơi, nghe chương trình phát thanh cuối năm của đài Saigon từ chiếc Sony quen thuộc và ăn cơm, một bữa cơm chiều thật đơn giản. Tha hồ cho chúng ta nói chuyện bốn phương. Hồi ấy thường trú tại Phương Bối mới chỉ có Nguyên Hưng, Lý, Tuệ, dì Tâm Huệ và tôi, còn những người khác là “chim bốn phương bay về đây cả”. Những con chim ấy bay về Phương Bối và tíu tít kể cho nhau nghe những mẩu sinh hoạt những câu chuyện những biến cố đã xảy ra cho chúng từ những phương trời khác nhau. Không ai là không thấy rõ rằng Phương Bối chính là alma maier của mình.

Trên những cây cao còn lại của đồi Thượng và cả trên lan can của thiền thất nữa, Mẫn và Lý đã treo đèn. Vào lúc mười giờ rưỡi, Nguyên Hưng ra lệnh đốt lửa. Thế là chỉ trong nửa giờ sau, đống lửa cháy rực trời trên đồi Thượng. Tàn lửa lên cao, cao ngất, khiến cho một vài người trong số chúng ta tỏ ý lo ngại cho sự cháy rừng. Nguyên Hưng nghĩ, cháy rừng làm sao được khi tàn lửa phải bay lên được bốn trăm thước mưới tới được cửa rừng? Tuy vậy, đống lửa vĩ đại soi sáng rực rỡ cả một vùng núi hoang dại. Bởi vì đồi Thượng là chiếc đồi cao nhất trong vùng. Chúng ta trông rõ tất cả những vùng núi bao quanh Phương Bối nhờ ánh lửa rực trời trên đồi Thượng. Có lẽ tất cả thú vật, dân chúng của núi rừng đang ngạc nhiên, và qua kẻ lá, đang hướng những cặp mắt nhìn về đồi Thượng. Xa xa, ta có thể trông thấy ngôi nhà của Đại Hà thấp thoáng trong đồi núi chập chùng. Mười một giờ rưỡi khuya rồi và đống lửa đã cháy lên rất cao. Chúng ta trở về thiền thất cúng giao thừa. Chiếc bánh đầu tiên vớt ra đã được đem lên cúng Phật. Buổi lễ đơn giản và ấm áp chỉ kéo dài vào khoảng 20 phút. Giao thừa đến Mẫn, Hưng, Quang, Hiện, Lý, tất cả đều mang các ống tre liệng dần vào đống lửa vĩ đại. Đó là pháo lệnh giao thừa của Hưng đấy. Các ông tre liên tiếp nổ lớn

vang động cả núi rừng và có lẽ làm kinh hoàng cả mọi loài ẩn náu trong rừng. Tôi còn nhớ là các cậu đã quăng vào đống lửa năm mươi mấy ống pháo tre như thế, và không có ống tre nào là không nổ lớn.

Bánh chưng của Lý quả thật là rất ngon - có lẽ cũng ngon nhờ những điều kiện khác nữa, như là không khí đặc biệt của Phương Bối, sự hiểu biết của mọi người, vui vẻ của mọi người và nhất là sự… đói bụng của mọi người. Nói như thế không có hại gì đến cái "uy tín" gói bánh của Lý cả. Mỗi người trong chúng ta phải chúc tất cả mọi người và như thế chúng ta nghe tất cả đến năm mươi bốn câu chúc tết. Dì Tâm Huệ tỏ vẻ nhiều e thẹn nhất dù dì lớn tuổi bằng dì của tất cả chúng ta, và dì đã chúc cho tất cả những câu chúc đơn sơ mà chân thành cảm động.

Tôi nhớ suốt ngày mồng một tết các cậu dã chia thành hai ba toán rủ nhau đi chơi thám hiểm núi rừng. Đến đâu cũng đốt lửa, chặt tre làm pháo đốt vang cả rừng. Thầy Thanh Từ chưa có mặt ở Phương Bối trong cái tết thứ nhất ấy. Nhưng trong cái tết thứ hai, thầy cũng tham dự những trò nghịch ngợm nhất của mọi người. Ở đây ai cũng dễ dàng sẵn sàng để mà "đồng sự". Kiểu chào của thầy Thanh Từ cũng thay đổi như tất cả mọi người và cả đến những kiểu sinh hoạt khác như đi núi, trồng cây, cắm trại nữa.

Lần đầu lên Phương Bối thăm, thầy Thanh Từ đã tỏ sự ưa thích Phương Bối một cách mặn nồng. Thầy bảo chúng ta nhường cho thầy một ít vùng núi để làm thiền thất. Tôi nói: tất cả rừng núi Phương Bối là của thầy. Thế là sau đó vài ba tháng, nhờ sự giúp đỡ của vài người bạn thân của thầy, chúng ta đã dựng nên một thiền thất ở triền Đông Bắc của đồi Thượng. Nhà thiền này được đặt tên là Thiền Duyệt Thất. Duyệt có nghĩa là sự vui vẻ hoan lạc về tinh thần. Trong bài cúng dường của Nhị Thời Khóa tụng, ta thấy có câu thiền duyệt vi thực nghĩa là thức ăn làm bằng sự hoan lạc của thiền định. Thầy Thanh Từ nghe đặt tên cho nhà thiền như thế thì chịu lắm bèn chấp nhận ngay.

Bên cạnh Thiền Duyệt Thất, chúng ta còn xây thêm một cái hồ chứa nước nữa và thầy Thanh Từ đã tự tay làm một chiếc giàn hoa leo thật đẹp phía trước. Hai bên con đường từ dưới đồi đi lên, thầy đã trồng những cây thông con bứng về từ Djiring. Thầy lại còn trồng thêm bao nhiêu là thứ hoa nữa xung quanh thất. Lúc Thiền Duyệt Thất làm xong, thì chiếc nhà Thượng cũng được khởi công dựng trên chót vót đỉnh đồi. Hai người có công nhất là Triều Quang và Nguyên Hưng. Hợp tác với anh Phương ở ngoài xóm và với hai người Thượng nữa Quang và Hưng đã hoàn thành được chiếc nhà duyên

dáng ấy trong vòng một tháng. Vì đứng chót vót trên đỉnh đồi nên nhà Thượng phải được tạo dựng vững chãi. Tôi biết Nguyên Hưng đã tốn rất nhiều công phu vào ngôi nhà ấy. Tôi đã cùng Nguyên Hưng trang trí bên trong và bên ngoài nhà Thượng. Sau này chính nhà Thượng trở thành hình ảnh tượng trưng nhất của Phương Bối. Buổi chiều chúng ta hay quây quần bên nhà Thượng cho đến tối, và nhiều đêm chúng ta đem chăn ngủ ngay ở sàn nhà Thượng. Có đêm rét quá mà trên đồi thì nhiều gió, chúng ta bắt buộc ôm chăn rời nhà Thượng nửa đêm để về nhà cũ. Tôi không quên được những đêm chúng ta đứng trên lan can nhà Thượng ngắm sao ngắm trăng. Những đêm như thế thật là huyền diệu. Sao và trăng gần chúng ta quá. Nhất là sao Mai. Lớn gần bằng một mặt trăng. Không biết ở những nơi như Trúc Lâm, Toàn có thấy sao Mai lớn như thế không. Có những đêm tôi kéo Lý ra khỏi những đống bản thảo dày cộm của Lý để chỉ cho Lý thấy trăng sao thấy sao. Tôi thì cũng ham viết lắm, nhưng vào những đêm nhiều sao như thế này, tôi không thể nào viết được.

Nguyên Hưng, tôi nghe Phương Bối đã trở nên bất an quá, cho nên thầy Thanh Từ cũng đã rời Thiền Duyệt Thất mà về Phú Lâm rồi. Thật là buồn. Hôm tôi từ giả Phương Bối, tôi tưởng thầy Thanh Từ có thể ở lại Phương Bối bình yên. Nhưng mà không. Lâu nay Nguyên Hưng có tiếp xúc với thầy Thanh Từ bằng thư không? Hôm qua, tôi có viết cho thầy Thanh Từ một lá thư. Lá thư còn để đây, chưa có dịp gởi nhà giây thép. Tôi đã viết lá thư ấy trong một tâm trạng bình yên và yêu thương. Nhưng chỉ những người thuộc về "thánh địa" Phương Bối như thầy Thanh Từ, như Hưng, như Lý mới hiểu được tại sao tôi có thể viết như thế mà thôi. Thôi để tôi chép cho Nguyên Hưng đọc một đoạn trong lá thư đó. Đoạn này nằm ở giữa lá thư.

"Tôi đã tìm ra chân lý rồi. Trời ơi có phải là nghe câu ấy thầy đang ôm bụng cười tôi phải không? Tôi nói thật đó mà. Khi tôi thấy nó, tôi giật mình. Nó không phải là ai xa lạ cả. Nó là, thầy ơi, nó là kẻ mà tôi đã gặp từ lâu, đã biết rõ mặt mũi từ lâu. Nó không có chi mới lạ đối với tôi cả. Thế mà tại sao lâu nay, có tới ngàn vạn kiếp rồi, tôi không nhận diện được nó. Lần này thấy nó, tôi ngạc nhiên đến nỗi không biết làm gì hơn là phá lên cười. Cũng giống như bây giờ thầy đang ôm bụng cười tôi vậy.

Tôi hỏi: "Tôi tưởng tên của cậu mày hay như thế thì mặt mũi cậu phải đẹp lắm kia chứ?".

Nó hỏi lại: "Vậy thầy thấy tôi xấu hay sao?".

Tôi giật mình nó lại, thì quả thực nó không xấu.

Nó lại hỏi: “Hởi người đã tìm thấy tôi, người sẽ làm gì chiều hôm nay?”

Tôi nghiêm trọng trả lời: “Ta sẽ đi ăn cơm khi ta thấy đói bụng, và sẽ ngủ khi ta thấy buồn ngủ.”

Thầy ơi, hôm từ giã phi trường Tân Sơn Nhất, tôi có mang theo một cái hột gà. Tôi như một con gà ấp trứng, và luôn luôn có một cái hột gà để ấp, đêm và ngày. Tôi mang theo qua bên này một cái hột gà đã ấp từ sáu bảy hôm nay, và những kẻ đưa tôi ra phi trường không có ai hay biết. Họ chỉ biết tôi mang theo một cái áo lạnh và một cây viết Pilot. Nhân viên quan thuế không biết, mà tôi cũng không biết phải khai báo ra làm sao. Tôi nín thinh. Nhưng mà tôi tin ngồi ở Thiền Duyệt Thất, thầy có thể biết. Tôi nhớ cũng đã từng nói cho thầy nghe và hứa với thầy là khi nào hột gà nở ra con gà thì tôi tin cho thầy hay. Thầy có nhớ điều đó không? Hôm nay tôi có thể tin cho thầy biết là thêm một năm ấp ủ, và do khí hậu thuận lợi, con gà đã mổ được vỏ quả trứng và chui ra ánh sáng. Ra khỏi vỏ nó lớn rất mau chóng, không khác gì cậu bé Phù Đổng năm xưa.

Đêm mồng bảy tháng năm vừa qua, tôi được chứng kiến một cuộc đàm thoại giữa Đức Phật và Ma Vương Ba Tuần, Đức Thế Tôn tiếp Ma Vương Ba Tuần tại núi Linh Thứu với tư cách một thượng khách của Ngài. Thầy nghe không, một thượng khách của Ngài. Tôi thích thú lắm. Tôi định sẽ ghi tất cả nội dung của cuộc đàm thoại đó làm thành một cuốn kinh:

“Đức Phật: Xin mời Ngài ngồi.

Ba Tuần: Xin cám ơn Ngài. Gớm cái ông thị giả của Ngài khó tính quá. Khi tôi xưng danh hiệu, ông ta nhất định không cho tôi vào. Ông nói: Nhà ngươi còn đến đây làm gì? Ngươi không nhớ năm xưa dưới gốc cây Bồ Đề, ngươi đã bị đức Thế Tôn đánh bại hay sao? Ngài sẽ không tiếp nhà ngươi đâu. Nhà ngươi là kẻ thù của Đức Phật”. Tôi phải nói khích một câu ông ấy mới cho vào.

Đức Phật (cười): Ngài nói khích như thế nào?

Ba Tuần: Tôi nói: “Phật thì làm gì có kẻ thù. Phật mà còn phân biệt kẻ oán người thân thì đâu có phải là Phật”. Chừng ông ta đã được nghe đâu cái câu ấy của Ngài một vài lần rồi cho nên khi nghe tôi nói khích ông ta động lòng tự ái, cho tôi vào ngay.

Đức Phật: Cái kiểu của ngài thì muôn đời như vậy. Và cứ phải mưu mô mà đi đường cong như vậy thì mới thắng được thiên hạ. Nhưng mà thực ra có dám làm như thế mới được gọi là Ma Vương.

Ba Tuần: Đúng lắm thưa Ngài. Làm Ma Vương bực lắm. Mặc áo thì luôn luôn phải mặc áo giấy. Vẻ mặt thì khi nào cũng phải hoặc nham hiểm, hoặc độc ác hoặc u mê. Thở thì phải thở toàn khói nghi ngờ đen nghịt. Để có hình thức phù hợp. Để cho danh chánh ngôn thuận là Ma Vương mà. Đi đâu thiên hạ cũng tránh, cũng ghét, cũng sợ. Làm Ma Vương quả thực bực lắm.

Đức Phật: Vậy ngài tưởng làm Phật sung sướng lắm hay sao? Thiên hạ dán vào lưng tôi nhiều nhãn hiệu mà tôi không hề tự xưng bao giờ. Thiên hạ đem tôi ra bán buôn. Và cứ tưởng tượng ngồi trên xe hoa để thiên hạ rước đi từng bước gật gù qua các phố bán than, bán thực phẩm, bán nước mắm v.v… thì tôi tưởng Ngài sẽ chẳng bao giờ ước muốn làm Phật, Thế Tôn của nhân loại.

Nghe đức Thế Tôn nói xong, Ba Tuần cười ha hả…”

Nguyên Hưng ơi, tôi chỉ chép Nguyên Hưng đọc từng đó mà thôi nghe.

Không phải tôi sợ rằng Nguyên Hưng nhìn tôi bằng cặp mắt thương hại hay trách móc đâu. Tôi đã nói với Nguyên Hưng rằng tôi viết lá thư đó trong tâm niệm an lành và thương yêu rồi mà. Mai sau nếu chúng ta được trở về Phương Bối thì bản thảo cuốn kinh kia sẽ được để trên bàn giữa của chiếc nhà Thượng. Và sẽ chỉ có những người có căn cơ đại thừa của đại thừa mới được đọc cuốn kinh đại thừa của đại thừa ấy có phải không?…

Hết chương 4

---o0o---

V

Mấy hôm này trời khá lạnh. Ngày mốt tôi đã phải rời bỏ nơi đây rồi. Tôi sẽ ghé Princeton thăm và ở lại đây vài hôm trước khi về Nữu Ước. Những ngày sống nơi đây thật là an tĩnh và mạnh khỏe. Tôi đã chơi rừng, đã chèo thuyền, đã bơi lội với bọn trẻ. Tôi làm tất cả những công việc bọn trẻ làm: đi quan sát các hiện tượng thiên nhiên, tập làm thủ công, chơi bóng bàn, bóng chuyền, chạy đua, đóng kịch, hát, chơi trò chơi lớn… Bọn trẻ thích nhất nói chuyện với tôi và ưa đi theo về Pomona trong những giờ tự do. Tôi đã nói chuyện nhiều lần cho từng nhóm ba bốn chục người. Tối hôm qua người ta

làm lễ bế mạc trại theo hình thức của người thổ dân bản xứ. Họ mời tôi tới dự: và bởi vì là khách "quý" tôi được trao tặng lông chim xanh danh dự. Có những màn khiêu vũ kiểu thổ dân rất ngoạn mục. Buổi lễ được tổ chức trong một khu rừng âm u vào lúc mười giờ đêm. Để tôi kể cho Nguyên Hưng nghe.

Từ những khu trại khác nhau. Lúc chín giờ rưỡi đêm, các trại sinh từ bé tới lớn sắp hàng đi lặng lẽ về địa điểm làm lễ. Có những con đường mòn khác nhau dẫn tới khu rừng đã được chọn làm địa điểm ấy, và từng đoàn người trong bóng đêm đi im lặng như những bóng ma. Không ai được đốt đuốc cả. Người đi đầu mỗi đoàn đã phải học thuộc đường rồi và như thế cả đoàn cứ việc đi theo anh ta không sợ vấp, vướng hay đâm nhào vào bụi. Có trên năm trăm trại sinh trong toàn trại, và im lặng được tuyệt đối tôn trọng. Tôi thấy họ dạy dỗ trẻ con tài quá. Mỗi đoàn, khi tới địa điểm, im lặng tìm đến chỗ ngồi của mình. Nơi làm lễ là một khoảng đất trống. Dưới ánh sao, người ta chỉ trông thấy lờ mờ một đống củi. Tất cả đều lặng lẽ chờ.

Đúng mười giờ. Từ một góc rừng vọt ra một âm thanh lạ kỳ, một âm thanh có tính nguyên thỉ và man rợ. Tiếp theo là tiếng trống báo hiệu người tù trưởng đến. Một lúc sau xuất hiện ba bóng đen trước đống củi lớn. Một bóng đưa tay làm phép trên đống củi và đọc một đoạn cầu nguyện cho lửa thiêng trở về. Giọng hắn nghe mọi rợ và ghê rợn. Người ta chờ đợi. Vài phút sau có tiếng rẹt rẹt trong đống củi, và một tia lửa xanh xẹt lên. Đống củi bừng cháy.

Lửa càng lúc càng sáng và soi rõ hình dáng ba người thổ dân, cố nhiên là do trại sinh trá hình. Tất cả đều đóng khố. Thân hình đen thui đen thủi, vì đã được bôi thuốc. Mặt mày cũng thế. Lại có thêm nét rạch. Đầu đội lông chim. Tên đứng giữa ra lệnh khai mạc buổi lễ. Những màn múa bắt đầu. Trại sinh đã tập luyện rất kỹ lưỡng. Người nào người ấy đều phục sức như thổ dân, và những màn múa cố gắng diễn tả nếp sống tôn giáo tín ngưỡng của các bộ lạc. Tất cả trại sinh dự kiến đều im lặng. Không ai xuýt xoa một tiếng nào, và màn vũ đặc sắc cách mấy cũng không được vỗ tay. Tôi ưa nhất là cảnh đánh nhau bằng đuốc. Để cướp một người đàn bà, hai thanh niên đã phải đấu đuốc với nhau. Họ cầm những cây đuốc sáng rực và tấn công nhau một cách mãnh liệt. Tất cả mọi người đều hồi hộp cho đến khi cuộc đấu kết thúc và một trong hai người được phép chiếm hữu người đàn bà.

Tiếp đến là lễ tặng lông chim xanh danh dự cho những người có công trong "vương quốc" Ockanickon, nghĩa là cho những trại sinh xuất sắc của trại hè. Khi tù trưởng gọi đến tên một người nào được tặng lông chim danh dự, thì

từ bốn phía rừng Đông rồi Tây rồi Nam rồi Bắc, vọng lên tiếng tên họ của người ấy kèm theo tiếng mõ ngắn. Tiếng vọng có vẻ huyền bí như tiếng của các thần linh đang đứng ở bốn phía để chứng kiến buổi lễ.

Tôi không thể nhớ đến những người bạn Thượng của chúng ta ở B'su Danglu, những người bạn Thượng thường hay đi qua Phương Bối để hái rau rịa. Rau rịa là một thứ rau rừng ăn rất ngon; người thượng nào cũng ưa thích. Thứ cây này có rất nhiều ở Phương Bối, nhất là trong khu rừng ở phía Tây Nam. Ta chỉ có thể hái được những đọt lá non mầu hồng tím. Lá rịa mọc song đôi trên đọt cho nên Lý đặt tên thứ rau này là song diệp thái. Người Thượng có thể bán cho người kinh bất cứ thứ gì họ kiếm được ở rừng: tre, mây, phong lan, thịt nai, măng, v.v… nhưng không bao giờ bán lại rau rịa. Họ nói không ăn rau rịa thì hai chân sẽ nhức mỏi; đi rừng nhắc chân không nổi. Tôi chắc thứ rau ấy có được tính trừ được tê thấp, hay gì đó. Bác Đại Hà nói những người mất ngủ nếu ăn rau rịa thì sẽ ngủ được. Chúng ta ai cũng thấy điều đó là đúng, và lâu lâu lại đi vào rừng đi hái thứ rau quý giá đó về để cho dì Tâm Huệ nấu canh. Những người bạn Thượng không nấu canh rau rịa theo kiểu dì Tâm Huệ. Họ đem rau rịa giã nát ra, rồi trộn với ít muối. Xong họ đổ thêm nước và đun sôi lên. Thế là họ có món ăn mà họ ưa thích nhất. Có một bữa Phượng từ Saigon lên ở lại, không nhận mặt được rau rịa cho nên hái nhầm những đọt lá không phải là rau rịa. Ăn món canh rau rịa chiều hôm ấy ai cũng thấy say say. Và chúng ta lại có dịp chế riễu cái cô botaniste hiền hậu đó.

Thỉnh thoảng gặp những người Thượng đi ngang Phương Bối, chúng ta hay ra mời mọc họ vào chơi uống nước. Những người thượng như thế ít nhiều cũng nói được tiếng Kinh. Còn tiếng Thượng thì chúng ta chỉ biết một vài câu xã giao mà thôi. Bác Đại Hà nói tiếng Thượng thật giỏi, nhưng không có dịp dạy chúng ta. Tôi đã kiếm được một tập tự điển Thượng Kinh Kinh Thượng in bằng ronéo, nhưng cũng chưa có dịp thuận lợi để học. Tập tự điển ấy, tôi nhớ còn để ở hộc tủ bên trái trong thư viện, Nguyên Hưng.

Trong chúng ta, ai cũng có nhiều cảm tình với người Thượng. Họ chất phát và thực thà, cho nên nhiều khi bị lợi dụng. Nhưng, càng bị lợi dụng họ lại càng khôn hơn lên, và bây giờ đây đã có những người Thượng mà tôi tưởng không ai còn có thể lợi dụng được nữa.

Người thượng có sức chịu đựng rất dẻo dai. Thân thể họ có nhiều năng lực kháng độc hơn chúng ta, và những điều chúng ta làm gọi là để mà "giữ vệ sinh" ấy, người Thượng không hề làm, hoặc không cần làm. Họ ít khi ốm

đau vặt, và nếu bị ốm thì là bị ốm nặng mà thôi. Mà một khi đã ốm nặng là khó lòng qua khỏi. Có lần tôi gặp một gia đình người Thượng cõng một người ốm đi ngang Phương Bối. Người này đã già, và chân tay gầy tong teo như những cây sậy. Hỏi ra thì người này ốm già, chứ không phải là ốm bệnh. Ông ta sắp chết, không phải vì tật bệnh gì, mà chỉ vì già. Biết rằng ông ta sắp chết cho nên gia đình ông ta cõng về nơi mà ông ta sẽ nằm chết để chết.

Có một lần khác tôi trông thấy một người đàn bà Thượng tắm cho con trong một dòng suối. Tôi rùng mình. Đứa bé chỉ vào khoảng hai tuổi, tôi phải mặc áo ấm, thế mà đứa bé chịu đựng được, không hề kêu khóc. Tôi biết là đứa bé nào ở thành phố mà cho về tắm dưới suối kia theo kiểu người đàn bà Thượng thì cũng ít nhất là bị sưng phổi. Da thịt của hai mẹ con hình như bằng đồng thì phải. Dì Tâm Huệ còn nói rằng người Thượng còn tắm nước mát lạnh cho cả những đứa bé sơ sinh nữa. Người ta nhúng những đứa bé xuống nước vài lần. Những đứa nào chịu được thì sẽ sống mạnh khỏe. Những đứa nào không chịu được thì sẽ chết. Không biết điều này có thực không. Nếu thực thì ta có thể có thêm một lý do để hiểu tại sao dân số Thượng hầu như không tăng không giảm.

Nguyên Hưng có nhớ một buổi chiều cùng với bác Đại Hà trồng bạch mai trước sân, chúng ta đón một đoàn người Thượng đi ngang Phương Bối hay không? họ mang cung tên, trong đó có những mũi tên tẩm thuốc độc. Chúng ta đã ngừng tay và nói chuyện với họ, qua tài nói tiếng Thượng của bác Đại Hà. Lần đầu tiên tôi được mân mê trong tay những mũi tên có tẩm thuốc độc. Bác Đại Hà cắt nghĩa về cái chất vàng vàng ở đầu mũi tên đó. Để chứng kiến tài nghệ của những người Thượng, Lý yêu cầu họ bắn một mũi tên lên cành cây cong ở khu rừng trước mặt. Bác Đại Hà thông ngôn xong, họ nhận lời ngay một người trong đoàn lấy ra một mũi tên - không có thuốc độc - và lắp vào cung. Tiếng giật của giây cung và tiếng mũi tên xé gió đi tới làm cho tôi có cảm nghỉ rằng mũi tên thế nào cũng đi lạc. Nhưng không, sau một âm thanh khô cứng và bén nhọn, tất cả chúng ta đều reo mừng khi thấy mũi tên đã cắm trên cành cây cong, thân tên vẫn còn rung rung.

Đối với chúng ta, đoàn người Thượng hôm ấy là một đoàn người Thượng có phong thái hơn cả, và có tính cách Thượng hơn cả. Một đoàn người như thế thì đi bất cứ khu rừng nào cũng không còn phải sợ hãi gì nữa. Chắc lúc ấy Triều Quang đang tưởng tượng trong óc những lúc đoàn người này gặp cọp giữa rừng và hình dung ra những trận ác chiến ghê gớm giữa người và cọp. Quang hỏi: “Khi gặp cọp trong rừng các ông làm gì?” và đợi nghe những bí thuật, những chiến lược đặc biệt của người Thượng để đối phó với cọp. Bác

Đại Hà vừa thông ngôn xong thì câu trả lời bằng tiếng Thượng của người vừa bắn mũi tên trổ tài cũng tới ngay, và rất ngắn. Bác Đại Hà dịch lại: "Khi gặp cọp thì chúng tôi… chạy." Tất cả chúng ta đều rũ ra cười, phá lên cười, ôm bụng mà cười vì không có ai chờ đợi một câu trả lời như thế, có lẽ trừ bác Đại Hà, người thông hiểu về đời sống của người Thượng hơn hết. Những người khách Thượng ngơ ngác không biết chúng tôi cười vì duyên cớ nào. Họ đã trả lời một cách giản dị và thành thực. Điều đó không có gì đáng cho là khó hiểu hay buồn cười cả. Họ không ngờ chúng tôi cười chỉ vì đã tưởng tượng nhiều quá trong óc chúng tôi về những trận ác chiến với cọp.

Bác Đại Hà cắt nghĩa: "Cọp ở miền này không có ý hại người, không hay giết người ăn thịt. Vì hươu nai và các thú rừng rất nhiều, rừng không nghèo như ở miền rừng Quảng Bình, Quảng Trị. Cọp chỉ xông vào vồ người hoặc kịch chiến với người khi nào cọp bị dồn vào một thế bí. Vì vậy gặp cọp trong rừng thì chỉ cần tránh ra khỏi con đường cọp đi, thế là yên. Chạy có nghĩa là tránh đừng gặp mặt cọp trên đường cọp đi".

Tuệ cười đến chảy nước mắt, phải lấy khăn lau. May là chúng tôi gặp những người Thượng chất phát cho nên chúng tôi mới có thể cười thẳng thắng như vậy mà không sao, chứ gặp những người dưới phố mà cười như thế thì chắc là phải có gây gổ với nhau rồi. Muốn tránh sự gây gổ thì phải bóp bụng lại, đừng cười. Mà làm sao có thể nín cười trong một trường hợp như thế, hả Nguyên Hưng.

Có một hôm, anh Phương con dì Tâm Huệ một mình với chiếc xe đạp cũ leo theo con đường mòn để vào Phương Bối. Qua rừng Tham Thiền chưa được mười thước, anh thấy một ông Ba Mươi rất to lớn nằm ngay giữa đường, xoay lưng về phía anh đang mơ mộng nhìn về giải núi xa xa trước mặt. Thật là bất thần. Không biết là nếu ở vào trường hợp của Phương, Nguyên Hưng hay tôi có chết khiếp đi không chứ theo lời Phương kể lại hôm đó thì Phương thấy lạnh hết xương sống. Ông Ba Mươi vẫn nằm đó, như không hay không biết, chi cách Phương có ba bước. Quay xe đạp chạy trốn là một điều nguy hiểm vì Phương biết nếu ông Ba Mươi nghe tiếng động quay lại, ông ta sẽ vồ ngay Phương. Thật là tiến thối lưỡng nan. Phương liền thi hành kế sách làm cho ông Ba Mươi giật mình để ông ta phóng vào rừng. Cậu ta liệng chiếc xe đạp ngay sau lưng con cọp một cái rầm vừa la "ối trời ôi, ối trời ôi" vang cả rừng, tôi giật mình tìm ra tới chỗ Phương. Lúc ấy thì ông Ba Mươi đã đi rồi, và Phương ngất xỉu giữa đường với chiếc xe đạp. Thì ra nghe tiếng rầm của chiếc xe đạp và tiếng hò hét của Phương ông Ba Mươi không "giật mình phóng vào rừng" như Phương dự tưởng. Ông ta từ từ đứng

dậy, không thèm ngoái lại, và uể oải đi từng bước vào rừng. Tôi ra, gặp một anh Phương xám xanh như gà cắt tiết. Tôi vội gọi dì Tâm Huệ và chúng tôi dìu Phương vào. Suốt ba ngày, Phương chưa lấy lại đủ ba hồn, bảy vía.

Nguyên Hưng ơi cũng là may ở B'su Danglu cọp không ăn thịt người nên mấy lần gặp cọp chúng ta cũng chẳng bị hề hấn chi. Ngày xưa có người đành lòng lên ở chỗ nhiều thú dữ để dù rằng có bị thú dữ ăn thịt đi nữa thì cũng không đau khổ bằng sống dưới một sự cai trị hà khắc nhiều khốn đốn. Phương Bối tuy rằng không phải là một nơi đầy thú dữ, một nơi sơn lam chướng khí độc địa - trái lại; là một nơi rất đẹp, rất yên tĩnh, rất kỳ thú - nhưng còn chúng ta, cái gì đã khiến chúng ta bỏ thành thị bỏ xóm làng mà lên đây? chúng ta nhất là Lý và tôi, không được chế độ chấp nhận. Mà không được chế độ chấp nhận là bởi vì chúng tôi thao thức muốn nói những điều mà chúng tôi cho là sự thực. Nguyên Hưng ơi, tôi thấy rằng cái Chân hoặc cái Thiện bao giờ cũng phải đi với cái Cường nữa thì mới có thể có chỗ đứng trên trái đất này. Ngày xưa học thơ ngụ ngôn của La Fontaine, tôi rất bất bình khi nghe nói rằng lý luận của kẻ mạnh là lý luận hay hơn cả. La raison du phus fort est toujours la meilleure! Tôi giận ứ cả cổ. Tôi ghét con chó sói lắm. Tôi vẫn tin rằng câu ấy là một câu nói mĩa mai, chớ không phải là một chân lý. Nhưng mà đã mấy mươi năm qua rồi, cuộc đời đã bao nhiêu lần cho tôi biết rằng đó là một chân lý, dù là một chân lý đáng ghét. Chân lý mà không có sức mạnh thì không có chỗ đứng. Sức mạnh không hẳn là bạo lực. Nhưng mà anh phải mạnh. Chúng ta chỉ có những cây bút nhỏ, làm sao chúng tôi chống chọi lại với một chế độ, hả Nguyên Hưng.

Và tất cả chúng ta, nào Mẫn, nào Hiện, nào Hương, nào Tuệ, nào Hưng, và bao nhiêu người khác nữa cũng không tìm được chỗ đứng của chúng ta trong tổ chức Phật giáo. Chúng ta đã mang tiếng là những người gieo rắc tư tưởng phản giáo lý truyền thống, những người quá khích, những người chỉ biết phá hoại. Chế độ không dung được ta mà truyền thống cũng không dung được ta. Cổ họng chúng ta bé bỏng. Nói chuyện thống nhất Phật giáo, nói chuyện hiện đại hóa lễ nhạc, giáo dục, hoằng pháp, nói chuyện về một nền Phật giáo nhân bản và dân tộc, những điều ấy chúng ta đã đeo đuổi từ gần tám năm nay. Những hạt giống đã gieo, một cách vô cùng khó khăn. Trong khi chờ đợi, chúng ta gặp toàn những giông tố, những ghen ghét, những thành trì cố chấp hủ bại, tuy nhiên chúng ta không nản chí, không thất vọng. Một số hạt giống đã lưa thưa mọc lên. Cùng với sự bất mãn chế độ, ý thức về một nền Phật giáo dân tộc dần dần tượng hình. Nguyên Hưng không ngờ được rằng ảnh hưởng của những tư tưởng kia đã sâu đậm như thế nào ở miền Trung. Một buổi chiều đi với Như Huệ và Như Vạn trong một xóm nghèo ở Quảng

Nam, tôi nghe tiếng võng kẽo kẹt hòa theo tiếng ru em, những câu ca dao của Tâm Kiên! Tôi muốn chảy nước mắt.

Có lẽ là chúng ta không nên ngạc nhiên quá, và không nên đòi hỏi quá. Sự vùng dậy để thoát xác của một nền văn hóa không phải là một cái gì có thể thực hiện một cách dễ dàng và êm đềm. Sự dễ dàng và êm đềm đó chi có thể đi đôi với tinh thần nô dịch. Mà đã là nô dịch thì văn hóa không còn là văn hóa nữa, mà chỉ còn là một dụng cụ. Những mâu thuẫn và khổ đau gây nên do sự va chạm giữa cái cũ và cái mới vốn là những gì không tránh được. Chỉ có một con đường phải đi - con đường của sự tranh đấu bền bỉ và gian khổ.

Nguyên Hưng ơi, vì nghĩ như thế nên chúng ta đã làm việc tích cực trong thời gian ở Phương Bối. Tuy rằng chúng ta có những buổi thám hiểm núi rừng, những ngày cắm trại, những buổi bình văn, và tuy rằng tất cả những sinh hoạt ấy đều rất thú vị, chúng ta cũng đã để rất nhiều thì giờ vào việc học tập, tra cứu, viết lách. Lý thường thức rất khuya trên đống bản thảo. Còn tôi tuy sức khỏe không cho thức khuya, tôi cũng làm thật nhiều việc. Ngoài sự sưu tầm, viết lách tôi đã khởi thảo bộ Phật Học Từ Điển. Công việc này dỡ dang; trước khi đi, tôi đã giao lại cho một số các bạn trẻ ở Phật học viện Nha Trang tiếp tục. Tôi rất sung sướng nghĩ đến những buổi học nơi nhà Thượng hay ở thư viện. Nguyên Hưng và Thanh Tuệ đã làm việc rất siêng năng. Ngoài những môn học thường nhật, thỉnh thoảng tôi ưa giảng cho Hưng và Tuệ về những đề tại đặc biệt. Tôi chắc Nguyên Hưng còn nhớ hôm tôi đem giảng những đoạn trong Cựu Ước. Những cuộc hội thảo xảy ra luôn luôn, một cách tự nhiên và Lý có vẻ hùng biện hơn ai hết. Nói thế chứ nhiều khi tôi cũng hay “bắt nạt” Lý lắm, phải không Nguyên Hưng? Thầy Thanh Từ thì ít nói, hay cười hiền lành. Tuy vậy thỉnh thoảng chúng tôi cũng bắt thầy điều khiển những buổi hội thảo. Tôi nhớ chó một lần thầy hướng dẫn hội thảo về thiền. Lần này có một nhóm sinh viên Phật tử ở Saigon lên thăm và tham dự.

Triều Quang ít nói trong các buổi hội thảo, nhưng hễ nói thì nói những điều có thể gây nên những “vấn đề lớn”. Quang rất say mê làm việc ngoài rừng. Cậu ta dọn một khoảng thật đẹp ở khu rừng trước mặt, sửa sang cho thật xinh, và gọi đó là nội cỏ thiên đường. Quang rất thích nuôi một con bò, ý định ấy được vài người trong chúng ta tán thành. Tuệ cười nói: “vậy thì sẽ có sữa nóng uống buổi sáng”. Còn tôi thì ngại ông Ba Mươi. Nuôi một con bò con tức là mời các ông Ba Mươi tới viếng thăm ban đêm.

Một hôm Quang trông thấy những người Thượng đi ngang, mang theo một con nai nhỏ. Con nai bị trói lại trông rất đáng thương. Quang nhất định mua con nai ấy để nuôi trong nội cỏ thiên đường. Lần này không ai ngăn cản Quang cả. Nhưng con vật, tuy được cởi trói và đối đãi thật tử tế, vẫn không chịu ăn bất cứ một thứ gì. Ba bốn hôm liền như vậy. Đến hôm thứ tư, Quang thử cho uống sữa. Con vật thích lắm. Nó uống sữa xong, đi chơi quanh quẩn trong nội cỏ. Nhưng đến sáng mai, không ai tìm thấy nó nữa. Nó đã trở lại núi rừng.

Viết cho Nguyên Hưng đến đây tôi lại nhớ đến Datino, con nai nhỏ bé của bọn Cherrokeesi, Datino lớn như thổi. Đứa trẻ nào cũng ao ước được mang Datino về nhà. Tôi đã đề nghị trả Datino về rừng. Một số các em tỏ vẻ luyến tiếc, nhưng phần lớn đều tán thành.

Nguyên Hưng ơi, mùa hè năm ấy, bao nhiêu việc buồn đã xảy đến cho chúng ta. Chị Diệu Âm ốm nặng phải chở lên điều trị tại bệnh viện của bác sĩ Sohier. Lý bị bắt. Tôi phải trốn về Saigon. Phương Bối bị đe dọa. Tuệ Hưng và tất cả những người ở Phương Bối bị bắt buộc phải rời bỏ Phương Bối để vào trong ấp Chiến Lược. Công an nghi rằng chúng ta đang làm gì ở miền núi rừng nên cứ đến Phương Bối để hỏi thăm, dò la. Những người công an này lộ liễu lắm bởi vì trông tướng mạo họ và nghe một vài câu hỏi của họ, ta đã có thể biết ngay rằng họ là công an rồi. Đột nhiên chúng ta mất hết những an tĩnh của chúng ta. Phương Bối bị đe dọa trầm trọng. Chúng ta chứng kiến cảnh thiên đường bị mất dần dần.

Tôi tin rằng không ai trong chúng ta mà không nhớ rõ từng chi tiết của giai đoạn khó khăn ấy. Ba ngày hôm sau Như Hiền báo tin bệnh chị Diệu Âm đã được thuyên giảm trong khi điều trị ở bệnh viện Sohier, chúng ta nhận được tin cấp báo ở Dalat cho biết rằng bệnh tình chị trở lại trầm trọng hơn bao giờ hết. Hoảng kinh, Nguyên Hưng và tôi vượt rừng tìm về xa lộ, đón xe ngược Dalat. Từ mười giờ sáng đến bốn giờ chiều chúng ta không đón được một chiếc xe nào cả. Xe đò chiếc nào cũng đầy ăm ắp. Chúng ta đưa tay lên đón theo kiểu auto-stop bất cứ một chiếc xe nào. Chúng ta quên đói, quên mệt, mà chỉ lo lắng. Bốn giờ hơn, may mắn chúng ta đón được xe của một người quen. Xe của Nghĩa. Mừng quá, chúng ta hối thúc Nghĩa chạy thật nhanh. Con đường như dài vô tận. Đến Dalat, Nghĩa đưa chúng ta đến thẳng bệnh viện Sohier. Chị Âm đã tỉnh rồi, và cơn nguy hiểm đã qua rồi. Chị cười yếu ớt. Mắt chị sáng lên khi trông thấy chúng ta.

Chắc Nguyên Hưng cũng nhớ rằng, sau thời gian điều trị ở Dalat, chị đã được chúng ta mang về Saigon, điều trị ở Grall, và sau đó về Huế. Bởi vì Dalat rét quá, không thích hợp với bệnh của chị. Chị đã lấy lại được sức khỏe trong thời gian ba tháng. Khi tôi ra đi, chị có vẻ tin tưởng và hy vọng. Tôi ngồi bên giường chị, ở Thiên minh, và nói chuyện vói chị về những dự tính cho công việc sau này. Chị hơi mệt, nhưng nụ cười của chị rất tươi. Tôi nói tôi chỉ vắng mặt chín tháng thôi, rồi tôi lại trở về. Mà khi tôi về thì tình hình sẽ sáng sủa hơn, chúng ta sẽ làm được nhiều việc hơn. Chị chăm chú nghe tôi nói và sẵn sàng tin nơi những điều tôi nói. Tôi có cảm tưởng rằng trong khi nói chuyện với chị, tôi tưới được thêm những chất liệu của niềm tin trên tâm hồn chị. Tội nghiệp cho chị. Chị mất sau đó không lâu, nghĩa là khoảng ba tháng sau. Lúc ấy tôi ở Princeton. Điện tín do Hoàng Phong ở Huế gửi sang. Tôi bàng hoàng và lặng người đi. Bởi vì tôi đã tin rằng chị có thể qua khỏi.

Tôi ghi chầm chậm trên tập bản thảo của tôi mấy chữ đơn sơ: thương tiếc chị. Rồi tôi quỳ xuống cầu nguyện cho chị. Giờ chị ra đi chắc chị nghĩ đến chúng ta đến Mai Lâm và đến Phương Bối thân yêu. Rất an ủi cho tôi là lúc chị ra đi, vẫn còn có Nguyên Hưng ở Huế. Có cả Thanh Hiện. Như Hiền và Như Liên nữa. Mai mốt tôi về thì đã không còn chị. Bây giờ tôi ước ao ngồi bên tháp chị ở Từ Quang, để nghĩ đến chị, để tâm hồn tôi có thể nói chuyện với chị. Cố nhiên là chị không chết, người như thế làm sao chết được. Chị đã sống một cuộc đời đẹp, hoạt động và giàu tin tưởng. Trong chúng ta, ai cũng mang hình bóng của chị. Ta thương xót chị, nhưng ta vẫn có thể nở một nụ cười thương yêu khi nghĩ tới chị. Để tôi kể chuyện hôm vào thăm chị ở nhà thương Grall Saigon. Chiều hôm ấy là chiều cuối năm. Tết năm nay có lẽ buồn nhất ở Phương Bối. Nguyên Hưng đã phải phiêu dạt về Huế rồi, và những người khác cũng đã phải đi mỗi người một ngả, chỉ duy còn thầy Thanh Từ, chú Thanh Tuệ và dì Tâm Huệ là còn gan ở lại. Tôi thì cũng không sợ gì, nhưng mọi người ai cũng bắt tôi phải rời Phương Bối cả. Ai cũng lo cho tôi. Tôi phải vào Saigon, và ở lại Trúc Lâm. Độ ấy tôi bắt đầu hướng dẫn cho một số sinh viên các phân khoa thành lập hội Sinh viên Phật tử Việt Nam. Công việc gặp khá nhiều trở lực, từ ngoài đi vào cũng như từ trong đi ra điều này chắc Nguyên Hưng không thấy. Hồi ấy có Khanh, Dương, Chiểu, Phượng, Chi, Nhiên và Cương là những người có thiện chí nhất. Họ biết rất rõ điều ấy. Chiều ba mươi tết đáng lẽ đến dự buổi họp mặt của họ, thì tôi đi thăm chị Diệu Âm. Tôi nói chuyện và đọc báo xuân cho chị nghe, rồi ở lại với chị cho đến khi giao thừa trở về. Hồi đó người ta cấm đốt pháo, và chắc bây giờ cũng vậy. Tôi thắp những cây nến hồng bên cạnh những chậu hoa tôi mang đến tặng chị. Một giờ khuya, tôi chúc tết chị, và

yêu cầu chị đi ngủ trước khi tôi từ giã chị. Một mình tôi đi bộ từ nhà thương Đồn Đất về tới chùa. Giờ này không còn xe cộ gì nữa cả. Sương xuống, tôi phải trùm vạt áo lên đầu. Tôi dang ngang qua tổng thống phủ, sáng rặc với những hàng bóng điện viền quanh mái nhà, và mĩm cười trước sự kiêu hãnh của ngôi nhà. Tôi biết là ngôi chùa gần nhất là chùa Xá Lợi, Và giờ này thì khách thập phương cũng đã đến lễ bái đông đảo như ở Lăng Ông Bà Chiểu rồi.

Năm tháng sau thì Lý cũng được chở vào điều trị ở bệnh viện Cơ Đốc Phú Nhận. Chứng bệnh nhức đầu ghê gớm của Lý ngày xưa đã trở lại. Lý là một người có nghị lực, thế mà khi đau quá, Lý phải hét như một người điên và nước mắt của Lý chảy ràn rụa. Nếu Lý không bị bắt thì chắc chứng bệnh cũ không đến nỗi trở lại như thế đâu. Một hôm có người khách quen, thầy Đức Nhuận, từ Saigon lên thăm Phương Bối, Lý và Nguyên Hưng sau khi đưa khách vượt rừng ra xa lộ đã vui chân đi bảy cây số đường bộ về tới Bảo Lộc. Hai người đang đi mua ít vật dụng trong chợ, thì người công an tới đưa giấy tờ cho Lý xem và mời Lý về ty. Thế là Nguyên Hưng cũng phải đi theo Lý về ty công an. Nguyên Hưng nhất định không ra về nếu Lý không về. Họ bảo Lý khai, Lý đòi giấy bút. Thế là Lý ngồi viết cho đến chiều. Viết cho đến chiều hết giấy, Lý xin thêm giấy nữa. Họ đưa Lý và Hưng về chùa Bảo Lộc. Rồi sáng mai, họ trở lại mời Lý vào ty. Có lẽ để viết thêm.

Lúc ấy đang loay hoay với mấy cái danh từ Phật học, tôi thấy Nguyên Hưng về. Sau khi kể lại mọi chuyện, Nguyên Hưng đưa cho tôi mảnh giấy của Lývviết: nếu tôi không về nữa thì thầy sẽ viết cho hết cuốn sách giùm tôi. Tôi cảm động quá. Mọi người ở Phương Bối ai cũng bảo tôi nên đi Saigon để tránh. Tôi có làm gì mà phải đi tránh. Có lẽ chúng tôi bị họ để ý chăng. Hoặc giả họ ghét và muốn trả thù vì chúng tôi đã viết lách chống báng họ chăng. Cái thời đại này, hễ ghét ai thì cứ gán cho họ tội làm "Việt cộng" dù họ là người quốc gia. Ở đây thấp cổ bé miệng làm sao nói được cho ai nghe. Nghĩ như thế tôi liền thu xếp về Saigon xem ra có thể giúp gì được cho Lý. Tôi dặn Tuệ nếu tối nay chúng không thả Lý thì đánh điện cho tôi biết. Còn nếu chúng thả Lý thì cũng đánh điện cho tôi biết.

Đợi mãi cho đến trưa hôm sau nữa điện tín mới về. Nội dung bức điện như sau: "Xin cho biết bệnh tình chị Diệu Âm có thuyên giảm không". Tôi mừng rỡ vì có nghĩa là chúng đã buông Lý. Mà tôi đã dặn nếu Lý được ra thì phải cho Lý về Saigon ngay.

Lý về Saigon được ít lâu thì chứng nhức đầu tái phát. Hồi ấy, Nguyên Hưng đã ở Huế rồi. Tôi phải đưa Lý vào bệnh viện và phú thác cho Phượng chăm lo cho Lý. Cũng may mà Lý bình phục sau đó gần một tháng trời. Hôm tôi ra đi, Lý rất băn khoăn. Chính Lý cũng như mọi người đã khuyên tôi nên đi. Ở nhà cũng không làm được gì, Lý và cả Nguyên Hưng cũng nói như vậy. Lý có mua cho tôi một cuốn sách. Mãi đến khi sang bên này tôi mới mở ra xem. Trang cuối có hai giòng chữ của Lý:

"Nếu ngày về thấy khung trời đổ nát

thì tìm em nơi tận đáy lòng anh".

Khi tôi phát giác ra hai câu ấy, tôi giật mình và lo sợ. Tình thế càng lúc càng căng thẳng. Chế độ đã tàn bạo nên bao nhiêu bất mãn và oán thù. Phương Bối đã coi như vượt khỏi tầm tay của chúng ta rồi. Lý đã tiên đoán một cuộc đổ vỡ ghê gớm. Tôi rùng mình, nghĩ đến ngày về, và tôi cầu nguyện cho những người thân yêu, cầu nguyện cho tất cả chúng ta.

Tuệ đã lại đi dạy học lại và chỉ về Phương Bối vài lần trong một tuần. Ấp chiến lược được thiết lập bên xa lộ. Ban đầu thầy Thanh Từ, Tuệ và dì Tâm Huệ còn nán ở lại, nhưng sau đó ít lâu, mỗi người cũng phải tản mát một nẻo. Thầy Thanh Từ cũng đã về Phú Lâm lâu rồi. Thanh Tuệ và dì Tâm Huệ cũng phải tạm trú ở Đại Hà thỉnh thoảng mới vào thăm Phương Bối. Tội nghiệp cho Thiền Duyệt Thất. Tội nghiệp cho nhà Thượng. Tội nghiệp cho từng lá cây ngọn cỏ.

Tôi nhớ trước ngày đi, tôi có lên Phương Bối thăm một cách đột ngột. Tôi ngủ lại một đêm. Buổi sáng hôm ấy trời đầy sương lạnh lẽo. Tôi giã từ thầy Thanh Từ, giã từ Phương Bối, giã từ những cuốn sách của tôi, tôi để lại cho thầy Thanh Từ một bài ngũ ngôn, như một bài chúc tụng như sau:

"Gối nhẹ mây đầu núi

Nghe gió thoảng hương trà

Thiền duyệt tâm bất động

Rừng cây dâng hương hoa

Một sáng ta thức dậy

Sương lam phủ mái nhà

Hồn nhiên cười tiễn biệt

Chim chóc vang lời ca

Đời đi về muôn lối

Quan san rộng hãi hà

Chút lửa hồng bếp cũ

Ấm áp bóng chiều sa

Đời vô thường vô ngã

Người khẩu Phật tâm xà

Niềm tin còn gửi gắm

Ta vui lòng đi xa

Thế sự như đại mộng

Quên tuế nguyệt ta đà

Tan biến dòng sinh tử

Duy còn Ngươi với Ta.

Thầy Thanh Từ xem xong rất cảm động. Tôi nói: “Tôi đi rồi lại về”. Và ở bên này có rất nhiêu khi tôi nhớ thầy, một hôm đọc Ngữ lục tôi thấy có câu:

Trương kiến kha kha tiếu

Viên lâm lạc diệp đa.

Và bất giác nhớ hình ảnh Phương Bối quá. Tôi dịch hai câu ấy ra như sau:

“Gặp nhau cười ha hả

Lá rụng ngập vườn rừng"

Có phải là khi nào đi từ cầu Mai đến đồi Thượng mà gặp nhau, chúng ta cũng thấy như thế phải không Nguyên Hưng?

Nhưng hết rồi, hết rồi, Phương Bối đã lọt ra khỏi tầm tay của chúng ta rồi. Tội nghiệp cho từng gốc cây, từng bụi cỏ, từng lối mòn. Một người hiền hòa như thầy Thanh Từ mà cũng không được ngồi yên để tọa thiền trong lòng Phương Bối nữa! Chúng ta còn lại gì cho ngày mai? Mỗi người một ngả. Phương Bối đã tủi thân đến mức độ nào? Chiếc nhà Thượng có đứng vững được trước gió mưa cho đến khi chúng ta trở về hay không?

Nhưng mà Nguyên Hưng, không biết sao tôi cứ tin rằng chúng ta không bao giờ mất Phương Bối. Phương Bối vẫn còn đó, vẫn chịu đựng biệt ly cũng như tất cả chúng ta hiện đang mỗi người một nẻo, cũng chịu biệt ly. Phương Bối đã trở nên thực tại trong lòng người. Phương Bối đã chiếm chỗ linh thiêng trong lòng chúng ta. Ở bất cứ phương trời nào, nghe đến Phương Bối là ta cảm động. Bữa trước viết cho Mẫn tôi nói: "dù cho phong ba bão táp có đánh bạt chúng ta mỗi người một ngã thì niềm tin vẫn đưa chúng ta về trả lại cho nhau".

Nguyên Hưng, Medford đã rét rồi. Bọn trẻ con đã về hết. Rừng Medford trở nên im lặng thêm. Tôi đã để nhiều thì giờ nghĩ đến Phương Bối. Và càng nghĩ tới Phương Bối tôi lại thấy tâm hồn tôi êm dịu hơn lên, giàu có hơn lên. Tôi tin giờ này ở khắp nơi những con chim của Phương Bối đều đang nghĩ về Phương Bối, rừng Medford đã cho tôi sống những giờ thanh tịnh. Mai mốt về đô thị, có lẽ trên hình bóng Phương Bối, tôi cũng sẽ thấp thoáng bóng của Medford…

Hết chương 5

---o0o---

PHẦN THỨ HAI

VI

Hiện tôi đang ngồi ở Brown Hall viết cho Nguyên Hưng, Đại học Princeton hiện giờ vắng vẻ lắm: ngoại trừ năm bảy người, tất cả đều đã về nhà ăn tết và lễ Giáng sinh. Ngoài trời tuyết đang rơi và Brown Hall ngôi nhà cũ kỹ và

thân yêu này của tôi đang chìm trong yên lặng tuyệt đối của một buổi chiều cuối năm.

Tôi về đây ngày hôm kia, tức là hôm hai mươi mốt tháng chạp. Suốt một mùa Thu và gần hết mùa Đông tôi không viết tiếp được cho Nguyên Hưng. Thực ra tôi không bận rộn gì lắm để đến nỗi không có thì giờ viết cho em. Nhưng tôi không thể viết cho Nguyên Hưng chỉ một vài câu thăm hỏi. Ngồi viết cho Nguyên Hưng, tôi cần phải có một ít không gian và một ít thời gian, như người sắp sửa đi chơi dã cầu vậy mà. Tôi không muốn những công việc vụn vặt tới làm gián đoạn câu chuyện của chúng ta. Tôi có trước mặt đến ba tuần lễ và cả Princeton rộng lớn sáng sủa. Có lẽ là đó là món quà Giáng sinh quý nhất mà cái xứ này có thể tặng cho tôi. Nói cho đúng thì trong những ngày vừa qua, tôi cũng có bận bịu thật. Ý nghĩ được rời bỏ tất cả những bận rộn của mình trong ba tuần lễ về Princeton làm tôi sung sướng quá. Buổi sáng ngày hai mươi mốt sửa soạn hành trang xong, tôi đến thăm một vài người bạn, trong đó có giáo sư Friess, giáo sư Cerbu rồi ghé về anh Bính và chị Bạch Lan để ẵm cháu Tâm Tuyền một lát. Lâu nay bận rộn tôi đã không có những thì giờ để làm việc ấy. Rồi tôi đến văn phòng của tôi trong phân khoa để xem có thư từ gì không. Ghé trụ sở thì thấy cô Mirriam, thư ký, đang sửa soạn bữa tiệc trà cuối năm cho ban giảng huấn, Mirriam nói “Ông khoa trưởng dặn mời thầy chiều nay đến”. Tôi nói: “Chiều nay tôi đi Princeton rồi”. Cô nói: “Tiếc quá; thế thì bây giờ mời thầy ăn trước một miếng bánh vậy”. Rồi cô cắt bánh cho tôi: bánh và rượu đỏ để dành cho bữa tiệc trà buổi chiều. Tôi vừa đi lại trong phòng vừa ăn bánh vừa xuýt xoa vì lạnh. Thực ra trong phòng khá ấm, nhưng vì ở ngoài mới vào cho nên tôi còn run. Mirriam nói: “Thôi thầy uống tí rượu cho ấm nhé”. Tôi nói “Tôi chẳng sợ gì rượu, nhưng uống vào vài giọt thì đỏ mặt và cô sẽ không nhìn ra được tôi đâu”. Tôi gọi điện thoại nhờ một người bạn đem xe tới đưa tôi ra bến xe bus.

Bến xe đông thật là đông. Thiên hạ như kiến. Lấy vé xong tôi phải đứng nối đuôi gần nửa giờ đồng hồ mới lên được xe. Bên trong xe, nhờ có máy phóng nhiệt nên ấm lắm. Thôi giã từ thành phố rộn rịp.

Đây là lần thứ hai tôi ngồi trên một chiếc xe bus về Princeton. Xe phải đi gần hai giờ trên xa lộ New Jersey. Sông, hồ, suối, tất cả đều đông đặc. Khói sương che lấp những vùng xa. Khi về tới New Bruhgswich thì tuyết bắt đầu rơi. Mọi người trên xe ai cũng yên lặng. Ai cũng nghĩ đến bếp lửa gia đình đêm Giáng sinh. Ai cũng nghĩ đến đoàn tụ. Người nào cũng mang theo những gói quà xinh thắt giải đỏ, những gói quà Giáng sinh cho con, cháu,

anh, em, cha, mẹ, bà con. Ngoài xe, tuyết rơi thật nhẹ nhàng, thật êm đềm, không có một tiếng động. Chỉ có tiếng động cơ của xe đều đều, nho nhỏ, trên xa lộ êm đềm. Tôi cũng bị ảnh hưởng cái nao nao của những ngày cuối năm ở đây. Nghĩ đến những thúng gạo nếp trắng tinh và đầy ngọn quê nhà. Những câu đối giấy hồng điều mới dán trước cửa. Những trái dưa hấu tròn và đẹp. Những cành đào, những cành mai góc chợ, buổi chiều. Những anh xích lô vui vẻ vì luôn luôn có khách. Và những người lính ở biên giới, ở núi rừng, đêm khuya nghe tiếng súng nhớ nhà.

Xe đỗ ở Princeton. Tôi bước xuống, hai tay xách hai cái xắc đi trong mùa mưa tuyết để về Brown Hall, nơi mà tôi đã ở trọn suốt một năm ngoái. Campus buồn thật đẹp. Tuyết rơi phơi phới. Tuyết rơi trên đầu, trên cổ, trên áo tôi. Mặc đủ thứ áo, đội mũ, quàng khăn, mang găng, thế mà tôi vẫn thấy rét. Campus vắng teo. Tôi đến Brown Hall chẳng thấy ai, ngoại trừ Jack. Tôi đi tìm Saphir, người bạn Ấn Độ dễ thương của tôi, để lấy chìa khóa phòng 115. Và tôi sung sướng cởi áo, soạn những đồ vật tôi mang theo trong hai cái xắc và bày biện trong phòng. Tôi mở hết máy phóng nhiệt, làm giường, và ra đứng trước cửa sổ ngắm tuyết rơi trên Campus. Được về Princeton tôi sung sướng quá và cảm thấy tâm hồn thật êm dịu.

Chiều hôm qua tôi đi chợ với Saphir trong chiếc Wolkswagen nhỏ xíu và cũ kỹ của anh. Phòng ăn của trường đại học đóng cửa; cả chiếc quán bán hàng cũng vậy. Vì vậy những người ở lại trường phải ra ăn ngoài phố. Tuy vậy cái quán bán hàng gần sát Campus center vẫn sẵn sàng để cho những người ở lại nấu ăn. Tôi và Saphir mua gạo, bắp cải, sữa và nhiều thức ăn khác. Buổi chiều chúng tôi nấu cơm và ngồi ăn trong quán.

Trời rét ghê lắm. Nguyên Hưng. Hồi sáng không có tuyết rơi nhưng tôi cũng không dám đi ra dạo chơi ngoài Campus. Bài phát thanh WPRT dặn: Sáng nay lạnh 18 độ dưới không độ, nếu không có việc gì cần kíp lắm thì không nên đi ra ngoài. Cho nên từ sáng đến giờ tôi cứ ở mãi trong phòng. Buổi trưa Saphir đem đến cho tôi một ít thức ăn khô và một bình sữa. Chiều nay có tuyết, chắc rằng bớt lạnh. Thế nào tôi và Saphir cũng tới Campus center để nấu vài món nóng ăn cho ấm bụng. Campus center cũng gần đây thôi, Nguyên Hưng. Xa Brown Hall chừng ba bốn mươi thước.

Mùa Đông sẽ còn kéo dài mãi đến cuối tháng ba. Tuyết rơi thì đẹp thật nhưng ba bốn ngày sau lại trông rất xấu xí. Bởi vì tuyết đã đóng cứng lại và trộn lẫn với đất và bùn rồi. Nhưng một miền xơ xác đầy rác rến và vũng bùn như các xóm nghèo ở xứ ta mà sau một đêm tuyết rơi cũng sẽ trở thành diễm

lệ không cùng cho xem Nguyên Hưng ạ. Nhưng mà thôi, quê hương ta tuy không có tuyết nhưng cũng có những cảnh đẹp mà các xứ như xứ nầy không có được: những thôn quê có từng hàng dừa in bóng trên các dòng sông, những thành phố sáng chói hoa phượng vĩ… Mùa Đông ở đây có khi quá dài quá thành thử ai cũng trông ngóng cho nó đi qua để cho mùa xuân trở về. Sau những đêm tuyết rơi nhiều quá, buổi sáng xe cộ không thể lưu thông được. Xe xúc tuyết phải được huy động gấp để dọn đường. Trời rét quá khiến tuyết không tan và phải đóng thành băng: những tai nạn gãy tay gãy chân vì trượt ngã trên những nẻo đường trơn vì băng không phải là hiếm. Đi trên những con đường như thế còn khó chịu và gặp nguy hiểm gấp mấy lần đi ở các con đường vũng nước hoặc lầy lội nữa, Nguyên Hưng. Những bữa nhiều tuyết, tôi phải mang thêm một đôi ủng cao su ra ngoài đôi giầy thường nhật nữa. Bởi vì nếu chân mà bị ướt sũng thì thế nào khi về nhà cũng bị cảm mạo. Ở bên này mà ốm thì thật là khổ, không có lấy một người thân săn sóc. Vậy cho nên tôi phải giữ gìn cẩn thận lắm, Nguyên Hưng.

Ngoài mầu tuyết tươi sáng, mùa Đông chỉ còn mang có một màu xám buồn tẻ. Những thảm có xanh không còn nữa. Cây cối trơ những cành gầy không lá ra mà chịu đựng. Sức sống của đất trời như bị bóp chẹt lại. Nguyên Hưng, cái hồi cuối thu, khi lá đã rụng hết rồi mà trời quả chưa có gì là lạnh ấy, một hôm ngồi nhìn ra những hàng cây trụi lá bỗng nhiên tôi thấy cảm thương dâng ngập tâm hồn. Tôi thấy như là cây cối cũng ngang hàng với những sinh vật có linh hồn, có hiểu biết, có lo lắng, có chuẩn bị. Lá rụng dần, rụng dần cho đến khi cành hoàn toàn trơ trụi. Mới ngày nào đây tàn lá xanh của chúng làm tươi cả một vùng và che lấp những dãy nhà phía sau chúng: bây giờ chúng đứng trơ trụi và khổ hạnh sẵn sàng chờ đợi và chịu đựng một mùa Đông băng giá dài đặc sẽ đến. Những chiếc cành xương xẩu của chúng in rõ trên nền trời xám, nền trời mà trong suốt mùa Hạ đã hoàn toàn bị che lấp sau tàn lá xanh. Một mùa Đông băng giá sẽ tới và không thể dung tha những gì non nớt, bé bỏng và phù hoa. Phải vượt qua những giai đoạn còn non nớt bé bỏng phù hoa đi để mà chịu đựng. Phải già dặn, phải cô độc, phải sẵn sàng nghiến răng mà chịu đựng. Nhìn những hàng cây trụi lá đứng đợi chờ một cách anh dũng và bền bỉ mùa Đông sẽ tới, tôi cảm nhận được tất cả ý nghĩa của bài học về sự chuẩn bị chịu đựng. Nhớ lại hai câu thơ của Lý, tôi lại rùng mình. Đất nước chúng ta thế nào rồi cũng phải trải qua một cơn bảo táp tàn khốc. Chế độ đã gây nên quá nhiều bất công và áp bức, đã sử dụng tiền bạc và bạo lực để thực hiện những tham vọng của mình. Bất mãn và căm thù càng lúc càng tăng và hiện những phần tử vì phẩn uất gia nhập hàng ngủ Mặt trận giải phóng Miền Nam để chống đối đã không phải là ít. Chất liệu bất công, tàn ác và thối nát đã nuôi dưỡng và làm cho lực lượng chống đối càng

lúc càng mạnh. Nay thì chính phủ đã ban bố tình trạng khẩn trương rồi. Chín năm trời, Nguyên Hưng ơi, đã chín năm trời rồi mà rốt cuộc chúng ta lai đi vào tình trạng này. Một cơ hội tốt đã mất. Sóng gió sẽ đến bất cứ vào lúc nào. chúng ta không thể vô tâm vô tư được. Phải bắt chước những hàng cây kia, rụng hết tất cả mọi lá phù hoa đi để sửa soạn chịu đựng bảo táp, mưa gió, tuyết sương. Chúng ta không thể nào còn bé bỏng và non nớt gì nữa. Chúng ta phải già dặn, phải khổ hạnh, phải vững chãi để mà vượt qua cơn thử thách sắp đến.

Nguyên Hưng, trong những tuần lễ theo sau ngày mà tôi học được bài học của những hàng cây trụi lá áy, ban đêm tôi thường có những ác mộng kỳ lạ. Để tôi kể cho Nguyên Hưng nghe vài giấc mộng mà bây giờ nghĩ đến tôi còn rùng mình. Hai giấc mộng mà tôi còn nhớ rõ. Giấc mộng sau với giấc mộng trước gần như là cách xa có một phút, trong cùng một giấc ngủ.

Tối đó tôi bị cảm, và vì đã uống thuốc rồi mà không bớt nên tôi nhờ Steve cạo gió cho tôi bằng Vicks, thứ dầu cù là địa phương. Thật ra Steve chỉ biết xoa thôi, nhưng tôi dạy cho chú ta dùng một cái thìa để cạo gió theo kiểu Miền Nam, cho đến khi nào lưng tôi đỏ lên mới thôi. Vì có như thế tôi mới thấy ấm áp thật sự và cảm giác ớn lạnh sau lưng mới tan biến đi. Steve cho đó là một điều kỳ quặc, bởi vì bên này không ai chữa bệnh mà phải làm cho da thịt bầm tím như thế bao giờ. Tuy vậy Steve vẫn chìu theo ý tôi. Ấm lưng rồi, tôi mới uống thêm một viên Corricidin nữa, với nước nóng, và đắp chăn lại, chai dầu cù là và bình nước vẫn để đầu giường. Đêm đó, trong giấc mộng thứ nhất, tôi thấy một người em thân thuộc của tôi, đứng ở gần cửa ra vào của một căn phòng rất rộng rãi. Xa tôi đến chừng mười mấy thước. Người em đó là ai, quả thật tôi không biết rõ. Tôi chỉ biết một cách rất mơ hồ rằng đó là người tôi yêu mến nhất, còn thơ dại, còn yếu đuối và cần phải bảo vệ. Bây giờ nếu ngồi kỹ lại để xét từng người quen thuộc thì tôi cũng không thể đồng người trong giấc mộng ấy với ai cả. Với Hưng chăng? Châu chăng? Phượng chăng? Tuệ chăng? Toàn chăng? Có lẽ đều không phải. Hoặc có lẽ là hình bóng tổng hợp của tất cả, và nhiều nữa. Trong lúc ấy, một người khổng lồ từ ngoài cửa đi vào, một người dữ dằn cao lớn, như một hung thần, như một con quái vật; với hai bàn tay khổng lồ, kẻ đó sắp túm lấy em tôi, túm lấy để tiêu diệt. Khoảng cách giữa tôi và kẻ đó rộng quá, tôi không thể chạy tới để can thiệp kịp lúc được. Mà tại sao chân tôi như dính cứng vào đất như thế này? Trong giây phút nguy nan đó, bản năng tự vệ - tự vệ đây có nghĩa là bảo vệ cho em tôi, khiến tôi liệng ngay vào kẻ hung dữ kia một vật gì mà tôi có sẵn trong tay, một vật nằng nặng ấy vào kẻ kia với tất cả sức lực bình sinh của tôi. Nhưng hắn tài quá: hắn đưa tay bắt được vật

ấy rồi tôi mới biết được rằng đó là một chiếc cưa tay, hình vòng cung, ta thường dùng để cưa những tấm ván nhỏ. Nguy quá, như thế là tôi giúp cho một khí giới để tàn hạn em tôi! Trước sự đau đớn vô biên của tôi, kẻ kia cười sằng sặc và cưa em tôi ra làm hai mảnh như cưa một cây chuối non dại.

Tôi đang đau thảm thiết thì bỗng thức dậy. Đầu óc tôi nặng trĩu. Nhưng tôi lại thiếp đi ngay và mơ thấy giấc mơ thứ hai, ngay sau đó. Tôi thấy tôi đang đứng ở trong một căn phòng khá rộng có bày biện bàn ghế hẳn hòi chứ không phải là một căn phòng trống trải như trong giấc mơ trước nữa. Tôi thấy một con rùa nhỏ bé bằng đồng, con rùa theo hình dáng những cặp rùa mang trên lưng những chân đèn cắm nến thấy trên các bàn thờ ở quê nhà. Con rùa ấy thì tượng trưng cho gì thì tôi không biết rõ, nhưng tôi nghĩ là rất thân thiết và thiêng liêng đối với tôi. Không hiểu do đâu mà tôi biết được rằng nó đang lâm nguy, đang bị ốm nặng và sẽ phải chết. Mà cái chết của nó có liên hệ mật thiết đến cả hiện hữu tôi. Lo cho con rùa tôi mới đi lấy dầu cù là xoa vào lưng nó và đánh gió cho nó (Nguyên Hưng đừng cười). Tôi làm công việc ấy với tất cả thận trọng, sốt sắng trang nghiêm và tin tưởng. Nhưng bỗng nhiên con rùa kêu khóc. Kêu khóc bằng cách nào thì tôi không biết. Tôi chỉ biết là bệnh tình nó trở nên trầm trọng do một sự vụng về nào đó của tôi. Tôi xem xét lại thì thấy có một đường nứt trên lưng con rùa. Tôi hoảng hốt nghĩ rằng có lẽ dầu cù là thấm vào đường nứt ấy đã gây tác động nguy hại cho lục phủ ngũ tạng của rùa. Và con rùa sắp chết. Tôi hoảng hốt thêm, định lấy một cây tăm khươi bớt chất dầu cù là ở trong kẻ nứt ra, nhưng chậm mất rồi. Có một âm thanh kỳ bí nào nói thẳng tới tâm hồn tôi, cho tôi biết con rùa đang dẫy chết. Lúc đó trong trạng thái tuyệt vọng và hối hận vô song, tự nhiên tôi quỳ xuống trong tư thế cầu nguyện. Cầu nguyện ai tôi không biết. Tôi chỉ biết là chỉ trong dáng điệu ấy tôi mới thấy thích hợp với tâm trạng tuyệt vọng đang ngự trị trong tôi. Nhưng con rùa đã quằn quại dẫy chết. Nó uốn éo như một chiếc bong bóng cao su bị dằn ép và không biết vỡ khi nào. Rồi bỗng nhiên nó vỡ tung vàc các tia nước từ nó bắn ra tứ tung, một tia nước bắn thẳng về phía tôi. Tôi nhẩy lùi một bước tránh tia nước đó. Tia nước rơi xuống trước mặt tôi và biến thành một vật gì nhỏ bằng một cái khuy, xoay tít như chong chóng. Đến khi vật ấy hết quay, tôi nhìn rõ thì ra là một bông hoa bốn cánh như hoa lan. Rồi bỗng nhiên tôi thấy đứng ở ngoài đường: một số người bị ôm liệng vào phía sau một chiếc xe cam nhông to lớn. Những người này bị liệng lên xe một cách tàn nhẫn quá khiến cho có rất nhiều người trong đó bị gẫy đôi, gẫy đôi một cách dễ dàng như những con người làm bằng chất sành chất sứ.

Thế rồi những chiếc xe cam nhông rồ máy chạy vút đi như bay để lại cho tôi một khoảng không gian rộng lớn đầy những bụi mù đỏ chạch. Lúc đó tôi thức dậy. Tim tôi đập thình thịch. Đau khổ trong giấc mơ còn làm cho tôi tê dại cả người. Tôi đưa tay lên vỗ nhẹ trên trán và cố gắng mỉm cười. Nụ cười đến trên môi tôi thực như tôi đã ước muốn. Nhưng gian phòng im lặng của tôi vẫn còn phảng phất không khí rùng rợn của giấc mơ. Mồ hôi ướt đẫm cả trán cả gối, cả áo. Tôi làm một ít cử động. Cố sức ngồi dậy, lấy khăn lau sạch mồ hôi và đi thay áo. Tôi không ngủ nữa. Tôi thắp một cây nến, bởi vì ánh sáng điện sẽ sáng quá và sẽ làm tôi mệt, và ngồi làm massage cho máu trong người chảy đều. Tôi ôn lại những chi tiết của hai giấc mơ (hay là một giấc mơ?) và cố tìm cách giải thích. Nhưng tôi không giải thích được.

Mấy hôm sau đó tôi đem những giấc mơ kể lại cho một số người quen. Gordon đã hùng biện giải thích bằng nhiều cách, nhưng chẳng có cách giải thích nào phù hợp với thực trạng tâm linh của tôi cả. Có thể đó là phát biểu của những lo ngại tập thể, hoặc cũng có thể chỉ là những hình ảnh chắp nối đầu Ngô mình Sở trong một tình trạng thân thể còn bị đau ốm đang chịu tác động của thuốc men, chẳng có nghĩa lý gì cả.

Dù sao, Nguyên Hưng ơi, tôi vẫn thấy mang máng rằng những giấc mộng kia có liên hệ xa gần với những câu thơ của Lý. Nếu phong ba bão táp đến, thì tôi ước muốn được có mặt để cùng được chịu đựng với tất cả mọi người. Đừng để đến khi tôi về, thì chỉ còn "một khung trời đổ nát" trong đó tôi chỉ tìm được hình bóng của những người thân yêu ở "trong tận đáy lòng" của tôi.

Nguyên Hưng ơi, hồi tôi rời Madford và những khu rừng hiền lành, những chiếc hồ rộng lớn của nó thì tôi chỉ kịp ghé Princeton có hai ngày trước khi tôi về Nữu Ước lại… Cái thành phố có những chiếc nhà chọc trời ấy không thích hợp với tôi chút nào. Ở đấy thì chỉ có một cái lợi là được gần gũi những sinh hoạt văn hóa. Luôn luôn có diễn thuyết hay, có triển lãm giá trị. Luôn luôn có những buổi đại hòa tấu. Nữu Ước có bao nhiêu thư viện, bảo tàng viện và bác cổ viện lớn. Kỷ niệm ngày đầu tiên tới Nữu Ước vừa buồn cười vừa bực bội. Ngày ấy Gordon đưa tôi từ Princeton tới Nữu Ước bằng chiếc xe rộng rãi của anh. Sau khi nhà cửa lo xong, chúng tôi đem đồ đạc lên rồi, tôi mới cùng Gordon đi phố để mua ít vật dụng cần thiết. Tôi nhớ là khi chúng tôi đang đi trên hè phố Amsterdam, thì có một người vào khoảng bốn mươi, ăn mặc chững chạc chạy lại gần chúng tôi. Người ấy nói giọng bô bô có vẻ như quen thân với nhau trong xóm làng lâu rồi. Ông ta reo lên: "A! mặc cái áo gì mà ngộ quá vậy? Có phải cái áo thầy tu đạo Phật không".

Nguyên Hưng cũng biết là khi đi ra ngoài phố tôi thường mặc áo nâu chứ ít khi mặc áo xám. Gordon trả lời thay tôi: "Phải đấy thưa ông". Chúng tôi dừng lại bên hè đường nói chuyện. Vẫn bô bô, ông ta hỏi tôi từ xứ nào đến. Khi nghe tôi nói từ Việt Nam, ông ta có vẻ ngơ ngẩn không biết Việt Nam là xứ nào, nằm ở góc nào trong bản đồ thế giới. Thế rồi ông ta hỏi. "Thế thì đạo Phật có tin đức chúa Jésus không?" Câu hỏi hướng về tôi. Tôi trả lời "có chứ" Ông ta ngạc nhiên hỏi tại vì sao. Tôi có cảm giác khó chịu, bởi vì đứng ngoài đường thập mục sở thị không tiện đàm luận những vấn đề như thế. Gordon đỡ lời: "Thực đấy mà, thầy ấy nói thực đấy mà". Ông ta phân bua với tôi: "Ở đây thiên hạ bày ra điều này, điều nọ, và cho đó là lời của chúa Ki tô. Họ bán Trời bán Phật mà ăn đấy, các ông ạ." Rồi ông ta còn thao thao bất tuyệt các vấn đề ông ta vừa nêu ra. Để cắt đứt. Tôi mới hỏi: "Thế ông theo đạo nào thưa ông?" Ông ta nghiêm trang rút ví da ra và nói: "Tôi theo đạo này". Rồi ông ta loay hoay mở ví, có lẽ đưa tôi xem một chứng minh thư hay một thẻ tín đồ của một giáo phái nào đó. Kỳ thực, ông ta chỉ rút ra một xấp giấy bạc đô la và lập lại: "Tôi theo đạo này". Thì ra ông ta theo đạo tiền. Gordon cười ha hả. Tôi cười đến chảy nước mắt. Tôi chào người bạn ngộ nghĩnh vừa gặp và kéo theo Gordon đi theo. Tôi nói "Tuy vậy nhưng cũng khá khen ông ta là người chân thật, dám nói những điều mình nghĩ."

Không biết Gordon nghĩ gì khi tôi cho anh biết rằng người kia là người dân Nữu Ước đầu tiên mà tôi gặp và nói chuyện. Chúng tôi ghé vào một tiệm hấp nhuộm y phục, bởi vì tôi muốn thuê nhuộm lại mấy cái áo tràng nâu của tôi bây giờ đã bạc mầu rồi. Tiền nhuộm đắt quá khiến tôi ngần ngại. Một lúc sau ông chủ tiệm nói với tôi: "Mà ông nhuộm làm gì đã chứ. Tôi biết là trong vòng vài ba tuần lễ ông sẽ liệng những cái áo rắc rối ấy để mặc đồ tây cho mà xem. Những người ngoại quốc đến đây lúc đầu thì mặc quốc phục họ, nhưng sau đều mặc đồ Tây cả". Tôi cũng không buồn cho ông ta biết là áo tôi đang mặc không là quốc phục nào cả, và tôi không phải là một người chân ướt chân ráo tới cái xứ này. Chúng tôi nói lời cám ơn và bỏ đi.

Buổi chiều hôm ấy tôi rủ Gordon về tiệm ăn người Việt Nam ở đường Amsterdam, tiệm ăn duy nhất bán thức ăn Việt Nam ở đây. Chúng tôi đi bộ ngược lên đường 21 mới tìm ra được tiệm. Khi chúng tôi vào thì tiệm vắng người. Có hai người sinh viên Việt Nam hầu bàn, một nam một nữ, đang ngồi nói chuyện. Thấy chúng tôi vào liền chạy ra mời. Chúng tôi tìm một góc để ngồi. Có lẽ cả hai đều phải xa nhà từ hồi còn bé nên không nhận được ra tôi, người đồng hương trong chiếc áo nâu. Người con gái nói tiếng Anh thật hay, hỏi tôi có phải người Miến Điện không. Tôi cười gật đầu. Gordon cũng cười. Chúng tôi gọi vài thức ăn chay, rồi nói chuyện hai người về lai

lịch cái tiệm ăn này. Mãi đến khi giã từ tôi mới cho hai người biết là tôi là người Việt. Cả hai đều mừng rỡ vì họ cũng thuộc về một gia đình Phật tử. Say này tôi biết chính chị Lan điều khiển quán ăn. Chị nói chị cũng bận dạy học ở trường nên không có nhiều thì giờ chăm sóc quán. Cái quán ăn, chị nói, vậy mà có giá trị tương đương với cơ sở văn hóa của tòa đại sứ. Người đến ăn phần lớn là những người trí thức. Những món ăn, những bức họa, những đĩa nhạc và nhất là những câu chuyện cùng những người hầu bàn đã giúp cho khách hiểu biết và yêu mến Việt Nam. Mà cái quán ăn ấy cũng oai thật đấy, Nguyên Hưng. Người hầu bàn nào cũng nói được tiếng Anh và tiếng Pháp rất thông thạo, và có thể nói từ những câu chuyện thời sự, chính trị, văn minh, rất đứng đắn. Cậu sinh viên tôi gặp hôm ấy nói tiếng Đức rất giỏi.

Đó là những gì tôi không quên về ngày đầu tiên tôi đến với thành phố nhộn nhịp kia. Mùa thu năm nay khi trở về, tôi quen thuộc với khung cảnh hơn, dù vẫn thấy rằng những ngày ở rừng Mendford quá ngắn. Từ đầu mùa thu tôi được nhận làm việc tại trường đại học Columbia. Tôi dạy mỗi tuần năm giờ, ngoài ra còn có một số giờ phải ngồi văn phòng để tiếp sinh viên và giúp đỡ cho họ về việc sưu tầm tài liệu. Lương tôi được ba trăm năm chục đồng; như thế là tương đối khá "giàu". Trong những người sinh viên của tôi có một cặp bạn rất thân, đó là David và Steve. Steve thích tôi lắm và đề nghị thuê chung một cái nhà với tôi. Tôi bằng lòng ngay. David thường đến chơi và ở lại ăn cơm với chúng tôi. Chúng tôi có những buổi tối thân mật, có lẽ êm thắm hơn cả những buổi tối gia đình.

Cái chú Steve ấy, để tôi nói cho Nguyên Hưng nghe, đã ăn chay trường với tôi trong suốt mùa thu qua cả nữa mùa đông này nữa. Tôi hỏi ăn chay có yếu đi không. "Trái lại còn thấy khỏe mạnh thêm". Từ ngày có Steve, chúng tôi tự nấu ăn lấy mỗi ngày và ngày nào cũng được hai lần ăn cơm, bằng đũa. Steve cầm đũa khá vững vì đã được ở lại Nhật Bản mấy tháng mùa hè năm ngoái.

Chỉ sau mấy ngày gặp Steve tôi mến chú ta liền, cũng thân thiết như với Hưng và Tuệ vậy. Steve cao bằng tôi, tóc hơi vàng và rất mềm, cằm anh ta hơi nhọn. Mắt mầu nâu. Rất giàu tình cảm và tính cách nghệ sĩ. Steve rất ham triết học đông phương; từ mùa thu chú ta đã ghi tên học những lớp đông phương học, kể cả một lớp Hoa ngữ. Cứ nhìn thấy cậu ta ngồi tập viết chữ nho cũng đã thấy thương. Không có sự vui buồn nào trong đời mà Steve lại không về kể lại với tôi. Tôi hay có những nhận xét về suy tư của Steve và anh chàng thường hay ngồi chăm chú để mà nghe; đôi khi nhíu lông mày đê

làm nhăn một ít cái trán thông minh của nó. Thỉnh thoảng chúng tôi cũng có hơi giận nhau, nguyên do là vì Steve vẫn còn quen cái thói tiếp nhận theo đầu óc Tây phương, và tôi cứ nghĩ rằng tôi không diễn tả bằng bằng cách nào hơn là bằng cách đông phương của tôi. Tôi chắc Steve nhiễm cái đường lối của giáo sư Cerbu "go East but stay West" rồi. Stay West thì làm chi có thể thực sự go East hả Nguyên Hưng.

Cái nhà chúng tôi thuê với giá 150 đồng bạc mỗi tháng có 1 phòng ngủ, một phòng làm việc, một phòng tắm, một cái bếp và một cái hành lang. Đó là địa chỉ của tôi bây giờ: 306 west 109 th Street. Chúng tôi ở từng thứ năm, có hai cửa sổ lớn nhìn ra đường. Phải nhìn nghiêng mới thấy được một mảnh trời, về phía Morning Side. Những bàn ghế, giường nệm, chén bát và soong chảo đều do Steve chở về, nên khi thuê nhà tôi chẳng thể lo lắng gì cả. Steve là con của một ông khoa trưởng một trường kỹ thuật nổi tiếng, dòng giỏi thông minh nhưng không thích khoa học, kỹ thuật. Mẹ của Steve có đến thăm một lần cách đây chừng nữa tháng và mang cho chúng tôi vô số thức ăn ngon.

Người tôi phân chia công việc như thế này: tôi thì lãnh phần nấu ăn và rửa bát. Còn Steve thì đi chợ và dọn dẹp lau chùa nhà cửa. Steve phải đi học nhiều nên tôi phải ra tay làm nội trợ. Mỗi ngày tôi chỉ cần có mặt ở trường vài giờ đồng hồ, những giờ dạy và những giờ ngồi ở văn phòng - Từ khi thuê được nhà, tôi hay ở nhà làm việc, thiếu tài liệu gì thì nhờ Steve mượn ở thư viện giúp. Tôi có cái thẻ có thể mượn một lần hàng mấy chục cuốn sách và mượn như thế trong nửa tháng. Ngồi ở nhà ấm áp một mình, tôi làm được nhiều việc hơn. Nấu ăn cho Steve cũng là một sự thích thú. Có thể là món gì do tôi nấu ra Steve cũng khen ngon cả - tôi nghĩ Steve có thể ăn chay suốt đời mà không biết chán và tôi có thể nấu cho Steve ăn hoài mà không sợ tốn công.

Cố nhiên là cậu ta không biết đi chợ - tôi phải dẫn Steve đến một tiệm bán thực phẩm đông phương ở gần đấy và chỉ cho cậu "đi chợ" trong những lần đầu. Chúng tôi mua nấm hương, tàu yểu, đậu phụ, củ cải, khổ qua, dưa cải v.v… Rau đậu tươi thì Steve có thể tự đi mua ở bất cứ một nhà bán thực phẩm nào khác dọc đại lộ Broadway. Chúng tôi tìm được chỗ mua gạo thật ngon và mua từng chục ký chứ không mua từng hộp nhỏ như những gia đình khác. Thường thường những hôm đi học về sớm. Steve ghé chợ mua hai giỏ thức ăn về chất đầy chiếc tủ lạnh lớn đặt trong nhà bếp. Cái nhà bếp chúng tôi thật sạch sẽ và trang nhã. Steve lau chùi nhà bếp và nhà tắm gần như mỗi ngày. Bếp nấu gaz cho nên rất tiện lợi. Sáng nào tôi cũng dậy sớm và sửa soạn điểm tâm cho hai người. Thường thường, Steve thức khuya và chỉ dạy

đủ sớm để ăn điểm tâm rồi đi học ngay. Có bữa tôi cũng đến trường cùng với Steve một lần nhưng chỉ độ mười một giờ là tôi trở về. Tôi làm việc một lát rồi đi thổi cơm và làm thức ăn. Mười hai giờ mười lăm thì Steve về, lần nào cũng đói mèm, và chúng tôi ngồi vào bàn ăn. Thức ăn bao giờ tôi cũng làm chung cho cả buổi chiều trong tủ lạnh; đến tối tôi chỉ cần thổi cơm và hâm lại thức ăn cho nóng thôi.

Buổi chiều tôi thường không đi ra ngoài. Tôi viết lách, đọc, soạn bài, trả lời những thư từ. Có việc cần tôi mới đi vào trường hoặc vào thư viện. Thỉnh thoảng David cùng về với Steve, và chúng tôi ăn cơm với nhau trong phòng khách một cách im lặng, trang nghiêm. Sau những bữa như thế, tôi để cho Steve nói chuyện với David và đi rửa chén bát. Tôi rất thích công việc này vì tôi thấy trong khi rửa chén bát tâm hồn tôi luôn luôn an tĩnh, vui vui. Có khi tôi bất chợt đang nghịch với những chiếc bóng xà phòng và hát nhỏ những bài hát học được hồi còn bé thơ. Nước vừa ấm thật dễ chịu. Tôi lau chùi cái bếp gaz thật sạch sẽ, soạn lại đồ đạc, đi tắm ngâm mình trong nước nóng, thay áo và ra ngồi góp chuyện với hai người trẻ tuổi. Những buổi như thế thật êm đềm. Steve biết tính tôi, đi tắt điện, thắp lên vài ngọn đèn nến cho mát mắt và để cho chúng tôi nghe một ít những bản nhạc êm dịu ưa thích. Những lúc đó chúng tôi thường không nói chuyện nữa, chỉ ngồi yên mà theo dõi những giòng suy tư của mình.

David thường ở với Steve rất khuya; thường thường khi nào tôi bảo về mới về. Có lúc hai người bạn đi với nhau suốt ngày và tôi ở nhà một mình, nấu cơm một mình, ngồi vào bàn ăn một mình.

Nguyên Hưng, tôi biết Steve mến tôi thật sự. Steve nghe tôi nói về tình trạng đất nước chúng ta với tất cả sự chăm chú và xót xa. Tự nhiên Steve muốn dùng tiếng Việt Nam, và nếu có thể được, cùng nuôi ước mộng tìm lai Phương Bối. Tôi đã nói cho Steve nghe về tình của chúng ta đối với Phương Bối. Tôi đã nói đến Phương Bối như một chút lửa hồng không bao giờ tắt trong tâm hồn mỗi người chúng ta. Tôi đã nói Phương Bối như một chất liệu tâm linh cần thiết cho mọi ước ao, mọi xây dựng. Có thể là tôi đã quan trọng hóa Phương Bối quá, nhưng mà tại sao mắt Steve lại sáng lên như thế mỗi lần nó nghe tôi nói đến Phương Bối? Steve quyết sẽ học tiếng Việt và tôi cũng bắt đầu dạy cho Steve những câu đàm thoại đầu tiên. Steve rất ham học ngoại ngữ. Nói tiếng Pháp còn chập chững mà đòi làm thơ. Rồi trong những lúc đi chợ mua thức ăn, cứ nấn ná ở lại để tập nói tiếng Tàu với cái cô bán hàng người Trung Hoa. Steve đã bập bẹ nói tiếng quan thoại rồi đấy. Steve bảo nhất định phải học nói cho được tiếng Việt bởi vì anh chàng rất thích dự

tính của tôi về làm một cái làng dễ thương ở miền quê, trong đó một số anh em sống thật têm ái với nhau và thật hữu ích cho mọi người.

Steve dành làm tất cả những công việc khó nhọc. Biết tôi rất có thể bị cảm khi ra ngoài lạnh nên Steve dành đi những công việc mà Steve có thể làm thay tôi được. Tội nghiệp, những hôm tôi bị cảm, Steve phải "cạo gió", và vì hai tay của Steve khá mạnh, chẳng mấy chốc mà tôi đã thấy ấm áp. Nếu tôi không bớt thì Steve lại gọi điện thoại cho bác sĩ Cusbman.

Steve không được sung sướng mấy khi nghĩ đến gia đình. Hè năm ngoài trong khi ở Nhật Bản, anh chàng có làm quen được với một thiếu nữ Nhật và hai người đã trao đổi thư từ thân mật từ đầu mùa thu đến nay. Người bạn gái Phù tang tên là Hạnh Trí Tử, hẹn sẽ sang thăm trong mùa Xuân tới và Steve cứ nhắc hoài đến dịp ấy. Néu không bị gia đình gọi thì Steve đã có thể theo tôi về Priceton trong dịp lễ giáng sinh này rồi. Nó đã về quê bằng máy bay hai hôm trước khi tôi rời Nữu Ước. Căn nhà chúng tôi hiện giờ ở đường 109 có lẽ đang lạnh lẽo, không đèn, không đuốc, không hơi ấm. Còn tôi, tôi đang ngồi đây, giữa lòng Princeton quen thuộc. Trời đã chạng vạng rồi. Ngoài kia, tuyết vẫn rơi. Tôi sẽ đi tìm Saphir - chúng tôi sẽ đi làm một thức ăn gì để ăn cho thật nóng, và sau đó, về campus center ngồi nói chuyện và nghe bản phóng sự bảy giờ rưỡi tối nươi chiếc máy truyền hình đặt ở góc phòng.

Hết chương 6

---o0o---

VII

Hồi trưa tôi nhận được trên ba mươi lá thư từ Nữu Ước chuyển về. Chỉ có cái thiếp của Huệ Dương và một cái thơ của Phượng là từ Saigon, còn những lá thơ khác đều là thơ chúc tết địa phương cả. Bên này nội cái số tiền thiên hạ dùng để mua thiếp chúc tết và dán tem trong dịp Giáng sinh thật là đã nhiều. Mỗi gia đình có một bản danh sách những người quen thuộc cần được gửi thiếp Giáng sinh và Năm mới. Chỉ kể cái việc đi mua hàng trăm cái thiếp như thế, bỏ vào phong bì và viết địa chỉ cũng đã thấy mệt và tốn thì giờ lắm rồi. Nếu Nguyên Hưng chỉ có chừng mười người quen thì Nguyên Hưng còn có thể có thì giờ để chọn mua cái thiệp chúc khác nhau, mỗi cái thích ứng với một người quen. Rồi Nguyên Hưng viết những giòng chữ thăm hỏi chúc tụng riêng cho từng người. Thế nhưng nếu ta có đến hàng trăm người, ta

không thể nào làm như thế được. Cứ việc mua một thứ thiếp, bỏ phong bì, dán tem rồi gửi đi. Làm như cái máy. Chỉ cần cẩn thận đừng bỏ quên một tên nào trong "bản danh sách" là được. Mỗi năm bản danh sách ấy có thể thay đổi chút ít. Có thể là một người chết. Có thể là có một người bạn ăn ở tệ quá, cần phải cắt đứt "liên lạc ngoại giao". Có thể là có một vài người mới quen thân cần phải ghi vào trong danh sách. Nguyên Hưng, có thể thiên hạ tưởng như là tôi "lẻ loi" lắm mới phải xách khăn gói về Priceton trong cái dịp lễ Giáng sinh này. Anh chàng Jack chẳng hạn, cũng đã nghĩ như thế đấy. Nhưng thực ra tôi có lẻ loi đâu; tôi chỉ từ chối lời mời của rất nhiều người quen thuộc mà thôi. Cả năm chỉ có được mấy tuần lễ hoàn toàn của mình, cho mình, tội gì đem tiêu phí bằng cách sống ràng buộc trong lễ nghi giao tiếp phiền toái. Ngồi trong cái phòng nầy đây cũng êm ấm chán: muốn nói chuyện với Nguyên Hưng hay với bất cứ người nào tôi cũng có thể nói chuyện được mà. Mình còn phong lưu lắm. Bây giờ đây, còn có những người không có nhà, không có lò lửa, không đón năm mới. Và trên mảnh đất quê hương ta, chiến tranh càng lúc càng trở nên khốc liệt. Người dân sống trong tình trạng trên đe dưới búa. Chúng mình mất mát thật nhiều rồi. Quê hương chia cắt, đất nước lâm vào cảnh khói lửa. Chúng ta còn một chút Phương Bối, nhưng Phương Bối cũng đã chìm trong sương mù. Tuy nhiên chúng ta còn có nhau, chưa đến nỗi lẽ loi, cô đơn. Nhưng chúng ta muốn đứng về phía những người lẻ loi, cô đơn. Tôi muốn người ta thỉnh thoảng nghĩ tới những kẻ khổ đau, nghĩ tới mà thôi, chứ không nên thương hại. Những người khổ đau không muốn thương hại. Họ muốn có một thứ tình thương chân thực và đầm ấm.

Bên này, trong dịp Giáng sinh, có nhiều tổ chức quyên tặng những người nghèo. Tôi không thích người ta gửi quà cho cô nhi quả phụ và những người bần cùng mà không bao giờ thấy những cô nhi quả phụ và những người bần cùng. Có thấy họ, anh mới biết thương yêu. Tiền bạc và tặng phẩm nhận được trong dịp này là hằng chục triệu - nhưng đó chỉ là kết quả của lòng trắc ẩn, chưa phải là tình thương yêu. Tết này có một tổ chức chuyên môn xin giầy cho trẻ nghèo. Người ta xin được hàng triệu đôi giày cho trẻ con rồi. Và trong số những người tặng năm đồng bạc thay vì một đôi giầy trẻ con, hẳn có rất ít người tưởng tượng được hình dáng đứa bé sẽ có hân hạnh nhận được đôi giày và có lẽ hình dáng của đôi giầy nữa.

Năm ngoái cũng vào ngày này tôi đi chợ mua thức ăn cùng với Kenei Kira, một thanh niên Nhật Bản. Buổi chợ chiều hăm bốn tháng chạp có khác. Ai cũng có vẻ vội vã. Ai cũng muốn công việc mua bán mau xong để về nhà chuẩn bị lễ Giáng sinh. Chúng tôi phải mua thức ăn cho một tuần lễ, vì từ

hăm lăm tới đầu năm sẽ không có chợ. Hình bóng của những người con trai ngoại quốc đi chợ mua thức ăn cuối năm có lẽ làm cho một vài người động lòng trắc ẩn. Có một bà ân cần hỏi chúng tôi xem chúng tôi cần bà giúp đỡ gì không. Chúng tôi nhã nhặn cám ơn và chúc bà "merry Christmas". Cô thu ngân viên gói hàng cho chúng tôi rất sốt sắng, nhìn chúng tôi với đôi mắt ái ngại và chúc "merry Christmas" một cách cảm động. Họ nghĩ rằng chúng tôi sẽ cô đơn lắm, buồn bã lắm, và nhớ nhà trong dịp lễ Giáng sinh này. Thực ra thì trong hai chúng tôi không có ai theo đạo Cơ đốc cả cho nên chúng tôi chưa bao giờ có được cái nao nức của buổi chiều Giáng sinh. Mà không có cái nao nức thì làm gì có được cái cảm giác cô đơn lẻ loi trong đêm Giáng sinh. Nguyên Hưng cứ nghĩ lại thì biết. Ở Saigon mỗi năm nhờ sự nhắc nhở các cành thông, các thiệp chúc, các thứ dây kim tuyến, vân vân… mà chúng ta biết Lễ Giáng Sinh đến. Chính ở Phương Bối chúng ta cũng ăn lễ Giáng sinh, cũng thức đêm, cũng có một cây Giáng sinh thật đẹp trong nhà, nhưng không phải vì thế mà chúng ta có thể chia xẻ được cái nao nức thực sự của những người bạn theo Cơ đốc giáo. Có lẽ tại vì chúng ta chỉ biết tôn kính đức Ki Tô như một nhà đại văn hóa chứ không như một vị giáo chủ. Mà chắc đối với Đức Phật cũng vậy, chúng ta ít khi nhìn Ngài qua sự huyền diệu màu nhiệm của tôn giáo: chúng ta có khuynh hướng tôn kính Người như một bậc thầy, một nhà văn hóa mà không thờ phụng Người một cách say mê như người ta thờ phụng thần tượng. Nói nao nức thì có lẽ ngày ba mươi Tết cho chúng ta nhiều nao nức hơn.

Vậy mà Nguyên Hưng ơi, vào khoảng sáu giờ chiều ngày ấy chúng tôi bỗng thấy Brown Hall quá vắng. Trời lạnh, nhưng chúng tôi cũng cứ rủ nhau đi ra phố. Lúc đó, trời không có tuyết. Chúng tôi đi trên những con đường vắng teo, những con đường phố đầy giấy rác của buổi chiều hăm bốn. Những con đường này suốt năm không có khi nào đầy giấy rác như vậy. Cửa nhà nào cũng đóng, cửa tiệm nào cũng đóng. Quả đúng hệt là không khí ba mươi tết bên nhà. Bỗng dưng chúng tôi thấy buồn, cái nỗi buồn của những người tha hương khi tết đến. Ở đây, đêm Giáng sinh đúng là một đêm có giá trị tương đương với đêm giao thừa ở quê nhà. Chúng tôi bỏ dở cuộc dạo chơi và trở về Campus center uống trà, nói chuyện và xem T.V. Cái hoàn cảnh xung quanh quả có thể ảnh hưởng đến tâm lý ta một cách lớn lao phải không Nguyên Hưng. Những cái vui buồn thương ghét của chúng ta bị hoàn cảnh quy định một cách đáng kể. Rốt cuộc chúng ta thường vâng theo mệnh lệnh của hoàn cảnh, của dư luận mà ít khi thấy rõ được những ước muốn chân thực của con người chúng ta. Để rồi chúng ta phải trở thành một mẫu người khác, một mẫu người mà xã hội muốn chúng ta trở thành. Nguyên Hưng, chúng ta thuộc về hạng người muốn chống lại sự đồng hóa tập thể đó. Chúng

ta trỗi dậy, vùng vẫy, đập phá để khỏi chui đầu vào những khuôn đúc của xã hội. Và cố nhiên là chúng ta gặp sức phản ứng dữ dội. Nhiều lúc tôi thấy tôi lâm vào một tình trạng thực cực kỳ nguy hiểm. Đó là những lúc tôi phải đối diện với chính tôi trong một cuộc vật lộn dữ dội giữa hai cái tôi không đồng nhau. Xã hội tạo cho ta một cái tôi xa lạ mà chính trong những lúc ấy, ta mới nhận được ra nó là xa lạ. Còn thường ngày ta vẫn cứ tưởng nó là cái tôi đích thực. Sự chạm trán giữa hai cái tôi ít khi đưa đến một cuộc hòa giải. Nó tạo tâm hồn của chúng ta thành một bãi chiến, và chính ngũ uẩn của tôi bị tàn hại tan hoang như mặt đất sau cơn phong vũ điên cuồng. Cây cối ngã nghiêng, cành lá xác xơ, nhà cửa tan nát. Những lúc ấy quả tình là cô đơn lắm, Nguyên Hưng. Nhưng mà mỗi lần vượt qua được một cơn giông tố như thế, tôi thấy tôi lớn hơn lên. Có thể một ngày nào đó ôi không vượt nổi nó và tôi sẽ ngã quỵ, nhưng bây giờ tôi thấy rõ ràng rằng nếu tôi chưa trải qua những cơn bão tố như thế thì tôi không phải và không thể là tôi bây giờ. Tuy vậy không phải là tôi không sợ những cơn giông bão. Nghĩ đến chúng, tôi còn muốn rơi nước mắt. Mỗi lần chúng đến là một lần tôi bị cuốn vào một trận chiến ác liệt đến nỗi thế giới bên ngoài không thể giúp tôi được một chút gì. Mỗi lần chúng đến, chúng tàn hại tôi, tiêu diệt tôi; nhưng cũng có thể nói rằng mỗi lần chúng đến là chúng cứu được tôi. Ít khi chúng ta nghe được bước chân chúng. Chúng xuất hiện một cách đột ngột nhưng chúng đã đến từng bước một trên những đôi hài bằng nhung. Giòng nhận thức và tư duy của tôi, chính dòng nhận thức và tư duy của tôi đã mang chúng đến từ từ, để một buổi sáng nào đó cơn bão tố xuất hiện đột ngột với tất cả mãnh lực của nó.

Trong mùa thu vừa qua, tôi cũng có trải qua một cơn khủng hoảng nội tâm như thế đó, Nguyên Hưng. Đó là vào ngày mồng một tháng mười dương lịch. Sự việc xảy ra đến một cách đơn giản. Và giông bão ban đầu tưởng như chỉ là một cái ráng trời. Năm sáu giờ đồng hồ sau khi sự việc xẩy ra, tôi vẫn chưa thấy gì rõ rệt. Chỉ thấy bản thể của tôi hình như bốc khói bay đi mất, và ở chỗ thay vì có tôi, chỉ còn có một đám mây mù loang loãng ở lại. Tôi thấy rằng từ lâu tôi tưởng tôi là một cái gì có thiệt, nhưng bây giờ thì tôi thấy tôi không là một cái gì hết.

Cố nhiên đó không phải là một suy tưởng triết học, cũng không phải là một trạng thái chứng ngộ của thiền định. Đó chỉ là một cảm tưởng tầm thường, rất thường. Cảm tưởng ấy là cái hình dáng và bản chất mà tôi tưởng là tôi, mà Nguyên Hưng tưởng là tôi, vốn là một điều được bịa đặt ra. Thực chất của tôi hư vô hơn thế nhiều mà cũng hiện thực hơn thế nhiều. Nó xấu xí hơn thế nhiều mà cũng đẹp đẽ hơn thế nhiều. Nó vừa không vừa lại có.

Cảm giác bắt đầu từ lúc gần mười một giờ khuya tối hôm mồng một, lúc tôi đang lục soạn ở lầu thứ mười một ở một thư viện Butler. Nguyên Hưng biết rằng đúng mười một giờ khuya thì thư viện đóng cửa. Lúc đó chỉ còn chừng mười hoặc mười lăm phút nữa thì tôi phải ra khỏi thư viện rồi. Tôi rút ra một cuốn sách, cuốn sách mang một cái tên có dính líu đến đề tài khảo cứu của tôi, một cuốn sách lớn và nặng. Cuốn sách xuất bản năm 1892, và năm 1892 cũng là năm được đóng dấu đưa vào thư viện. Ở bìa sau, tôi dộc bản ghi ngày tháng của người mượn sách. Lần mượn thứ nhất: 1915. Lần mượn thứ hai: 1932. Và tôi lần mượn thứ ba; tôi, Nguyên Hưng nghe rõ chưa? Tôi sẽ mượn vào ngày 1-10-1962. Cuốn sách nằm bảy mươi năm trên giá sách ở từng lầu thứ mười một của thư viện và đã qua hai tay người đọc. Thư viện được tổ chức theo kiểu stack và vì vậy người ta có thể tới tận nơi để rút ra xem trước khi quyết định là có mượn hay không. Vậy thì trong khoảng thời gian bảy mươi năm, đã có hai người đứng chỗ tôi đang đứng, rút cuốn sách tôi vừa rút vừa có ý định như ý định của tôi là mượn cuốn sách đem về! Bỗng dưng lúc ấy tôi ao ước được gặp hai người kia quá. Tôi sẽ ôm lấy họ, không biết để làm chi, nhưng phải ôm lấy. Họ đi mất rồi. Cũng như hôm nay tôi là họ, và mai tôi sẽ đi. Hai điểm nhất định A và B trên cùng một đường thẳng không bao giờ gặp nhau, nhưng vẫn ở trên một đường thẳng. Bởi vì nếu gặp nhau thì không thể được gọi là A và B nữa, sẽ ngỡ ngàng nhìn nhau. Và sẽ tự giới thiệu với nhau như bất cứ người xa lạ nào khác. Tôi đang đứng đây, gặp họ trong không gian nhưng không gặp họ trong thời gian.

Ôm cuốn sách trong tay, tôi lặng đi một hồi lâu, có lẽ đén ba bốn phút,rồi bỗng nhớ lại lời bạn tôi, Cerbu, nói với tôi hôm trước trong lúc bàn về vấn đề khảo cứu tư tưởng Phật học Việt Nam. Tôi nhớ Anton. Tôi mà còn trẻ à. Tôi cứ tưởng là mình đã sống lâu quá, đã sống nhiều quá rồi. Mấy chục tuổi thì được gọi là trẻ. Bây giờ giật mình ngó lại thì mình không hẳn là trẻ, không hẳn là già, cũng không phải là lưng chừng. Mình chỉ là một cái gì không thực là có, không thực là không. có những lúc tôi trẻ con quá, Nguyên Hưng cũng biết đấy, và vẫn tinh nghịch, vẫn đùa cợt, vẫn chơi trò đố tìm với cuộc sống một cách thành thực say mê. Vẫn biết giận dỗi, vẫn thích được ngơi khen, vẫn sẵn sàng khóc cười. Nhưng ở dưới đáy những cái đó, còn có cái gì nữa nhỉ? Có hay không? Nếu có tại sao lôi nó lên không được? Nếu không sao ta cứ đinh ninh rằng có?

Rồi trong khi ôm cuốn sách 1892, tôi thấy lóe lên vài tia hào quang của trực giác: thì ra tôi không có lý tưởng nào cả, không có hoài vọng nào cả, không có lập trường nào cả, không có chủ trương nào cả, không có hứa hẹn chi với ai cả, không tự công nhận mình là một thực thể giữa những thực thể. Quyết

nhiên không phải môi trường sinh hoạt của nhân loại nói chung đã tạo nên cái thấy đó. Quyết nhiên không vì chán nản vì lo sợ vì ước muốn vì say mê mà có cái thấy đó. Cái thấy đó hồn nhiên tĩnh mạc mà xuất hiện. Lấy gậy đập vào tôi, lấy đá ném vào tôi láy súng bắn vào tôi lấy lửa đốt tôi đi, Nguyên Hưng sẽ thấy tan biến cái hình dáng cái ý niệm về con người tôi mà cả tôi và Nguyên Hưng đã từng tạo dựng nên, đã từng tưởng là có thực, mờ ảo như mây khói, như hư vô nhưng sẽ không phải là mây khói là hư vô, không xấu xí không đẹp đẽ nhưng vẫn có xấu có đẹp như hình bóng trên màn bạc. Lúc ấy, Nguyên Hưng ơi, tôi thấy tôi trở về. Áo của tôi, giầy của tôi, ngọn đuốc của tôi mất hết. Tôi chỉ còn là một con châu chấu vô tư nằm trên lá cỏ, Ừ, đúng là một con châu chấu. Nó không nhớ lại tiền thân. Tiền thân của nó biết thế nào là sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Tiền thân của nó biết thế nào là tăng, giảm, cấu, tịnh,sinh, diệt. Nó nằm trên lá cỏ, không phải để xa lánh, để phản đối, để chê bai. Trẻ con thích những con chuồn chuồn có cánh đỏ và mình đỏ như những trái ớt. Nó mầu xanh, lẫn trong cây cỏ, ít đứa nào thấy. Nó không trốn, nhưng mà nó không gọi. Nó không biết triết học là gì và nhất là lý tưởng là gì. Nó cảm ơn bài học của cuộc đời. Nguyên Hưng ơi em sẽ chạy hấp tấp qua đồng cỏ để đón đứa trẻ năm xưa trở về. Và khi trông thấy tôi, Nguyên Hưng sẽ trở lại. Trong lúc tâm hồn em tràn đầy thất vọng, em sẽ may mắn tìm thấy nó trên một lá cỏ.

Nguyên Hưng ơi, những ngày ấy Steve đi Boston và tôi ở nhà một mình. Cửa sổ phòng tôi để mở rộng suốt ngày đêm, như một lời cầu nguyện. Chuyện xảy ra cho tôi không phải là một chuyện vui, nhưng không phải là một chuyện buồn. Có những vấn đề của sự sống mà ta không thể xem là những vấn đề có thể nghiên cứu và tư duy. Ta phải sống, phải chết với chúng, phải giao chiến, phải đồng nhất với chúng. Chúng không thuộc riêng phạm vi của trí tuệ, chúng có gốc rễ ở cả phạm vi của tình cảm và ý chí nữa. Chúng khua động tiềm thức và bản thể. Chúng thống trị tim óc xương tủy máu huyết của con người. Nó là một hủy thể, rồi nó trở nên hủy thể của hủy thể. Còn tôi thì thành một bãi chiến trường. Ra khỏi cơn bão tố thì mới biết còn hay mất. Còn hay mất đây không phải chỉ cho sinh mệnh - còn hay mất đây chỉ cho một cái gì quan trọng hơn sinh mệnh, đó là cái ta, cái ta trước giờ bão tố. Lúc đó tôi cảm thấy tôi rất cần những người thương yêu nhưng tôi cũng biết rằng nếu có mặt họ trong những lúc đó thì tôi lại càng cô đơn hơn, càng đau khổ hơn. Có lẽ tôi phải đánh đuổi họ, hoặc là tôi trốn chạy họ, nghĩa là tôi phải đánh đuổi tôi.

Nguyên Hưng khi bão tố đã gây xong tan nát, khi những lớp vô hồ rã xuống thì quanh cảnh cũ cũng vừa tan. Trong hoang vắng có một vài tia nắng xuất

hiện từ chân trời xa rọi tới. Những tia nắng đó đã không sưởi ấm được cảnh tượng chút nào mà còn làm tăng thêm tính chất cô đơn và hoang tàn của mặt đất. Tôi xuất hiện trầm lặng, mình mang đầy thương tích và rất cô đơn, một thứ cô đơn tuy có sức mạnh nhưng vẫn là cô đơn. Trong hình thể mới, tôi biết Nguyên Hưng không nhìn ra được tôi. Và những người tôi nghĩ là thân yêu cũng không nhìn ra được tôi. Mọi người muốn tôi nguyên vẹn như chú bé ngày xưa. Làm sao mà có thể như thế được, Nguyên Hưng. Làm sao tôi có thể vừa sống vừa không sống như thế được. Sống nghĩa là phải chết, chết trong từng giây từng phút, chết trong cơn bão tố để làm điều kiện cho sự sống phát sinh mãi mãi hoài hoài. Nguyên Hưng hãy xua đuổi tôi đi, mọi người hãy xua đuổi tôi đi. Tôi không thể vừa sống cuộc sống của con người vừa làm một đối tượng bất biến cho sự thương yêu, cho sự ghét bỏ, cho sự nhàm chán cho sự chiêm ngưỡng. Tôi phải lớn và vì vậy những chiếc áo mẹ tôi may cho tôi ngày trước đã phải rách ở những đường chỉ. Tôi có thể cất kỹ vào rương kỷ niệm những chiếc áo còn thơm mùi trẻ thơ và phảng phất tình thương của mẹ, nhưng tôi phải có áo khác để mặc cho vừa kích thước. Áo của tôi, tôi muốn tôi được tự may lấy. Tôi không tìm ra được thứ áo mà xã hội may sẵn. Chiếc áo tôi, trước mắt xã hội, sẽ có vẻ dị kỳ, sẽ không được chấp nhận. Tôi biết điều đó. Mà đây không phải chỉ là vấn đề một chiếc áo - đây là vấn đề của cả con người của tôi. Tôi từ chối tất cả những thứ thước đo người ta bắt buộc chúng ta phải dùng. Tôi nghĩ rằng tôi có một thước đo riêng của rôi, do tôi tìm ra. Và như vậy là tôi phải khai chiến với thiên hạ rồi, phải không Nguyên Hưng. Tôi khai chiến với xã hội, tôi khai chiến với tất cả những ai xâm phạm nhận thức độc lập của tôi. Nhưng mà còn Nguyên Hưng còn những người thân yêu thì sao? Tôi bắt buộc phải khai chiến với em, với tất cả mọi người - bởi vì tôi không thể không là tôi, bởi vì tôi không thể lai chui vào trong cái vỏ cứng mà tôi vừa phá vỡ để thoát ra. Đó là nguyên do của sự cô đơn. Tôi biết tôi có thể dùng cái vốn liếng tình cảm cũ để ép đưa Nguyên Hưng cùng đi với tôi trong một chuyến du hành không gian, chuyến du hành mà đôi khi chính tôi cũng cảm thấy chóng mặt. Nhưng không gian thì quá hoang vắng và tốc độ thì không thể nào lường trước được. Liệu Nguyên Hưng có thể ngồi lâu một bên tôi được không hay là lại choáng váng lại sinh lòng oán hận thù ghét tôi. Lại ép tôi phải trở về ngay trên mặt trái đất, nghĩa là trên mặt phẳng của những ước lệ những bảng giá trị cố hữu giả tạo? Như thế có lợi chi cho cả hai bên, cả Nguyên Hưng cả tôi hay không?

Cho nên tôi muốn đốt cháy cái túp lều hiện giờ đang làm chỗ trú ngụ của Nguyên Hưng. Tôi muốn gây xúc động, gây hoang mang, gây hỗn độn cho Nguyên Hưng có thể đập vỡ được cái võ cứng đã từng giam hãm mình, bẻ

gãy những xích xiềng đã từng ràng buộc mình và phá tan những thần tượng đã từng chế ngự mình. Để vươn lên và để nhận thấy rằng mình không thể còn đau khổ còn sung sướng vì những cái bé nhỏ. Để sống như những người tự do, không chấp nhận một luật lệ nào hết của sự sống. Có lẽ giây phút huy hoàng nhất là giây phút mà tôi được chứng kiến sự trở về của Nguyên Hưng - tôi ưa gọi đó là một sự trở về - Sẽ đẹp tuyệt vời cái giây phút Nguyên Hưng vừa thoát ra khỏi trạng thái hỗn độn nhiệm mầu gây nên cho Nguyên Hưng bởi sự tiêu hủy của túp lều ẩn cuối cùng. Tôi hình dung được hình bóng của Nguyên Hưng vừa thoát ra khỏi chiếc vỏ cứng ngàn đời, đứng oai hùng trong ánh sáng rực rỡ của túp lều đang bốc cháy ngùn ngụt. Giờ phút ấy là giờ phút mà Nguyên Hưng bắt đầu có hết. Và chỉ bắt đầu từ giờ phút đó tôi mới thực sự có Nguyên Hưng.

Trong những ngày quằn quại khổ đau tôi không hề nói năng. Tôi chỉ có thể làm những công việc tay chân. Có lẽ Steve nhận thấy rằng có một cái gì rất khác thường đang xảy ra cho tôi nên từ hôm ở Boston về Steve nói năng và cử động rất dè dặt. Nghĩ đến lúc ấy mới thấy thương Steve. Nó không khơi chuyện với tôi và chỉ nói rất vắn tắt những điều cần nói. Đôi khi tôi biết Steve ngồi lặng yên nhìn tôi hằng năm mười phút bằng cặp mắt lặng lẽ và đượm chút ít lo lắng. Steve rút vào buồng ngủ và để tôi ngồi một mình trong phòng. Thái độ của người con trai trẻ tuổi ấy thật đầy hiểu biết. Một buổi sáng chủ nhật tôi rủ Steve ra công viên bờ sông; hai chúng tôi ngồi chơi trên thảm cỏ cho đến hơn một giờ trưa mới về. Chúng tôi chẳng nói chuyện gì cho nhau nghe cả. Khi về đến nhà, Steve hỏi rất nhỏ nhẹ: thầy có mệt không? Tôi trả lời không và cám ơn Steve.

Tuổi trẻ là tuổi đi tìm chân lý. Ngày xưa tôi viết trong nhật ký; dù sự thực có tiêu hủy anh, anh cũng phải bám víu vào sự thực. Như thế là tôi đã biết rất sớm rằng tìm thấy sự thực không phải là tìm thấy hạnh phúc. Anh ao ước trông thấy nó, nhưng hễ trông thấy nó rồi là anh không thể không khổ đau. Thà rằng anh không thấy gì hết, thà rằng anh chịu sự điều khiển của một người độc đoán của một người hay một đám người khác. Mỗi người đều tự xét mình và xét đoán kẻ khác bằng những nhận thức và những tiêu chuẩn vốn không phải là của mình. Đó chỉ là những gì tạo ra do ước lệ do truyền thống. Đó là những thước đo mà con người chung quanh, ở trật tự hiện htời của xã hội mà mọi người đang phải chấp nhận. Nguyên Hưng cho cái này là xấu, cái kia là tốt, cái này là thiện, cái kia là bất thiện, cái này là chân, cái kia là ngụy. Nhưng mà những tiêu chuẩn để đoán định ấy vốn không phải là của Nguyên Hưng. Nguyên Hưng đi mượn thước đo. Những cái thước đi mượn không bao giờ có thể gọi là chân lý cả. Chân lý không thể đi mượn,

chân lý chỉ có thể thực chứng. Chân lý là trái của thực nghiệm tâm linh, của khổ đau, của sự xúc tiếp giữa tâm linh và thực tại, thực tại hôm nay cũng như thực tại muôn đời. May mắn lắm, hoặc rủi ro lắm con người mới bắt được nó. Và nó của người này không phải là nó của người khác, nó của hôm nay không phải là nó của hôm qua. Nếu Nguyên Hưng khám phá được một cái gì mà Nguyên Hưng biết là sự thực của hôm nay do tâm linh của Nguyên Hưng ấn chứng thì Nguyên Hưng sẽ thấy mọi giá trị cũ đảo loọn và Nguyên Hưng sẽ có một lối nhìn mới nó khiến cho Nguyên Hưng vượt thoát những ước lệ, những thành kiến, những kiến chấp, những tiêu chuẩn và những trật tự… Có những khuôn vàng thước ngọc ngày xưa nay đã được nhận thức như đã mang tính cách phong kiến. Khi Nguyên Hưng đã đạt tới một tiêu chuẩn nhận thức chân xác về thực tại rồi thì Nguyên Hưng không thể còn giả dối và chấp nhận những gì đã trở thành sai lạc trước mắt Nguyên Hưng. Nguyên Hưng sẽ hành động theo nhận thức mình và như thế chỉ biết tuân theo quy luật của sự sống do nội tâm Nguyên Hưng ấn chứng mà từ bỏ tất cả mọi quy luật của xã hội hiện tại. Xã hội sẽ trả thù Nguyên Hưng một cách đích đáng vì Nguyên Hưng đã dám cãi lại trật tự của nó lịch sử nhân loại đã chứng kiến những cuộc trả thù ấy. Bao nhiêu thảm kịch xảy ra, thầm lặng, bi thiết. Lịch sử nói “mi sẽ chết nếu mi cãi lại”. Vậy mà bao nhiêu người dám, tuy nhận thức sự yếu đuối của mình, cãi lại bóng tối. Bất cứ ai lỡ trông thấy sự thực, lỡ chia xẻ nhận thức về sự thực ấy với những bậc vĩ nhân thì dù ít dù nhiều phải chịu chung số phận của họ. Chịu chung số phận mà không chịu chung danh vọng.

Nguyên Hưng, tôi đã nói rằng những tia nắng đầu rọi trên cảnh tượng tan nát sau cơn bão tố dù có chứng nhận được cho một cuộc thoát hình, vẫn chỉ làm cho cảnh tượng là mình đang mang những đau xót của một bà mẹ khi chưa sinh con mà đã biết trước rằng con mình sẽ bị lên án tử hình. Bà mẹ tương lai kia sống trong thao thức, đau khổ, không hề có được một chút an ủi, một chút tự hào, một chút hy vọng. Biết là mình đang có một đứa con. Biết là mình không nên có đứa con đó thì hơn mà vẫn phải buồn lòng mang nặng đẻ đau để rồi bi thảm chứng kiến sự tàn diệt của nó và của lòng mình, của chính mình. Nhưng định nghiệp đã rõ ràng như vậy rồi. Biết trước cả rồi. Sao lại không sinh một dứa con mũm mĩm? Dễ thương và hiền lành như mọi bà mẹ khác? Để mà hy vọng, để mà tự hào, để mà sung sướng, để mà tiếp nhận lời khen ngợi của mọi người?

Nhưng mà không lẽ chúng ta không đứng đậy? Không lẽ chúng ta để cho rêu phủ chúng ta như phủ một ngôi cổ tháp? Không lẽ chúng ta bơi theo một bản ngã giả tạo không là ta? Gần đây tôi viết cho Hương một lá thư, trong ấy tôi

kể câu huyện một người thiếu nữ nghèo ước mơ được sống trong nhung lụa. Tên nàng là Minh. Nàng gặp một thương gia trẻ tuổi, rất giàu có, cưới nàng. Như thế mộng của nàng đã thành tựu. Mộng nàng như tôi đã nói chỉ là được sống trong ngọc vàng nhung lụa, cho nên nàng về với chàng thương gia trẻ tuổi không vì tình yêu. Còn người thương gia cũng nói rằng chàng cưới nàng vì nàng rất giống với người vợ trước của chàng, tên là Nguyệt. Cũng không vì tình yêu. Nàng không nề hà điều đó. Nàng sống cuộc đời giàu có và chỉ cần chiều chàng một điều: đó là nghe lời chàng để tập cho mọi ngôn ngữ mọi cử chỉ giống hệt như Nguyệt, người vợ trước. Đòi hỏi đó ban đầu thì không khó chịu lắm nhưng càng ngày càng trở thành một thứ gông cùm, một thứ quyền lực thống trị nàng. Nàng là Minh nhưng nàng phải bắt chước cho giống Nguyệt. Có những mẫu áo mà Nguyệt ưa, đọc những tờ báo mà Nguyệt đọc, nói những lời mà Nguyệt nói, ăn những món ăn mà Nguyệt ăn… Nàng không được là Minh, mà phải là Nguyệt. Đó là tất cả bi kịch. Nàng thấy khổ đau vì nhân cách nàng chỉ là một cái móc áo, trên đó chàng móc cái nhân cách Nguyệt. Nhưng nàng không thể và không có can đảm khước từ cuộc sống giàu có bởi vì nàng đã làm quen với nó, đã bị nó phong tỏa rồi. Nghe đến đây, chắc ai cũng ước mong rằng nàng có đủ can đảm để từ bỏ chàng thương gia, về sống lại cuộc đời giản dị của một người thôn nữ, và khôi phục lại bản ngã đích thực của mình. “Đứng vào địa vị nàng, ta nhất định từ bỏ nếp sống nhục nhã kia”. Ai cũng nói thế. Nhưng chúng ta chỉ là những người ngoại cuộc, những người đứng bên ngoài, những người xem kịch. Vì thế cho nên chúng ta có vẻ sáng suốt, tỉnh táo. Giá chúng ta là nàng thực, thì chúng ta mới thức sự cảm thấy lúng túng. Mà Nguyên Hưng ơi, ai trong chúng ta mà lại không là nàng? Tất cả chúng ta đều đang phải tuân theo mệnh lệnh ác nghiệt của guồng máy xã hội hiện tại, ta đang cúi đầu vâng lời, và chúng ta phải ăn, nói, suy nghĩ, hành động theo những mẫu mực mà xã hội đã thiết lập và muốn chúng ta phải tùng phục. Chúng ta không được tự do là chúng ta, cũng như Minh không được là Minh. Để rồi chúng ta, tất cả chúng ta đều được xã hội chế biến và khuôn đúc thành những hóa phẩm giống nhau. Hóa phẩm mà không còn là nhân phẩm. Guồng máy đưa tới một cái collective ressemblance mà khi nhìn vào, chúng ta thấy nhân tính và cá tính con người bị đe dọa trầm trọng. Chúng ta cúi đầu đi theo, tại vì chúng ta không có can đảm chống trả lại, không có can đảm từ bỏ. Cũng như Minh. Chúng ta có hơn gì nàng đâu. Tại vì chúng ta đã làm quen với cuộc sống xã hội đầy tiện nghi này rồi và chúng ta đã bị nó khống chế mất rồi.

Nguyên Hưng có biết rồi câu chuyện đi đến đâu không. Một bữa kia Minh khám phá ra rằng Nguyệt, người vợ trước của chàng thương gia, vốn là kẻ ngoại tình. Minh mong lấy chứng cớ để làm cho chàng thương gia tỉnh

mộng, nhưng không. Chàng bảo vì Nguyệt ngoại tình nên Nguyệt đã bị chính tay chàng giết. Nhưng giết xong vẫn chưa hả giận. Thấy Minh giống Nguyệt, chàng cưới nàng về, làm cho nàng giống Nguyệt thêm, làm cho nàng thành Nguyệt, để được giết Nguyệt một lần nữa. Và chàng xông lại để giết Nguyệt. Nguyệt vùng vẫy tuyệt vọng.

Tôi không dám kết luận là Nguyệt có chết hay không và vì không khép câu chuyện lại được. Mà dù Nguyệt không chết thì Nguyệt cũng ngắc ngoải rồi, như con người của xã hội chúng ta đang ngắc ngoải. Tôi mong ước một sự vùng dậy của con người, chờ đợi một sự vùng dậy của con người, phải kịp thời, đừng chậm chạp quá như Minh để đến giờ phút chót mới chịu vùng vẫy.

Nguyên Hưng, một buổi sáng, tôi thấy trời hé nắng, tôi nhận được một cái thiệp chúc sinh nhật từ nhà gửi qua. Hôm đó quả đúng là ngày sinh nhật của tôi. Mà cũng là ngày tôi được tái sinh một lần nữa, không biết lần thứ mấy. Trong một lá thư, Tuệ chép cho tôi ba câu thơ của Trụ Vũ:

“tôi đi giữa sa mạc hiu quạnh

một con gấu bỗng đến vồ tôi

nhưng tôi ngó thẳng vào mặt nó…”

Nhưng tôi ngó thẳng vào mặt nó! Phải tôi đã ngó thẳng vào mặt nó, và đã thấy được mặt mũi nó rồi. Tôi như một người vừa được giáp mặt tử thần. Tôi như một người ốm nặng vừa mới bình phục. Tôi mặc áo, xuống đường và lững thững trên hè phố, thèm khát ánh nắng buổi mai sau một chuỗi ngày u ám. Gió bão dịu dần.

Hết chương 7

---o0o---

PHẦN THỨ BA

VIII

Hôm thứ bảy, nghĩa là sau đó hai hôm, tôi đi chùa lễ Phật cầu nguyện cho mẹ bởi vì hôm đó nhằm ngày rằm tháng chín âm lịch, ngày giỗ của mẹ. Tình cờ hôm đó tại chùa cũng có đại lễ kỷ niệm bảy mươi năm ngày Phật giáo du

nhập Hợp Chủng Quốc. Lễ này tổ chức liên tiếp trong ba ngày và có nhiều đại biểu từ các tiểu bang đến dự. Ngôi chùa không to lớn gì, thành thử giảng đường nơi hành lễ cũng chỉ lớn bằng giảng đường chùa Ấn Quang. Vậy mà họ gọi là đó là Mỹ Quốc Phật Học Viện (American Buddhist Academy). Cái tên thì lớn, kỳ thực chùa chỉ có một số lớp dạy giáo lý và thực hành cho các cư sĩ, còn ngoài ra thì dạy pha trà, cắm hoa và đàm thoại Nhật ngữ. Chùa thuộc hệ phái Tịnh Độ Chân Tông và do hai vị trông nom: Hozen Seki vị trú trì. Và giáo sư Phillips giảng sư. Vị này trước là giáo sư ở đại học đường Delaware.

Để tôi nói sơ lược về Phật giáo bên này cho Nguyên Hưng nghe. Ở Hiệp Chủng Quốc có vào khoảng tám mươi ngàn người theo đạo Phật, trong đó phần lớn là người Nhật và người Trung Hoa hoặc đã trở thành công dân Mỹ, hoặc chưa. Trung tâm Phật giáo đặt tại 1710 đường Octario, Cựu Kim Sơn. Các "tăng sĩ" đều là tân tăng của phái Tịnh Độ Chân Tông, khoảng bảy mươi vị, hầu hết là người Nhật rải rác trong các tiểu bang, một số có mặt trong các đại học Mỹ để dạy về ngôn ngữ và văn chương Nhật Bản. Có năm mươi bốn ngôi chùa lớn nhỏ rải rác khắp toàn lãnh thổ. Ngôi chùa ở Nữu Ước so với các ngôi chùa ở Cựu Kim Sơn thì nhỏ bé hơn nhiều. Trong số những người về dự lễ, tôi gặp hai tu sĩ Nam Tông khoác áo vàng, đại đức Anuruddha và đại đức Vinita một người từ tiểu bang Connecticut, còn một người từ Massachusetts. Lễ dâng hương cử hành lúc ba giờ chiều. Vị đại sứ Tích Lan, ông Susantha de Fonseka, cũng có mặt để đọc diễn văn chúc mừng.

Tôi đi bộ một mình đến chùa và đi thật thong thả. Chùa chỉ cách nơi tôi ở có năm ô (bloc) ở vào số 331 đường Riverside Drive. Khi tôi đến thì gần đến giờ thuyết pháp. Khán giả chỉ chừng hai trăm người gồm nhiều quốc tịch trong đó đa số người Nhật. Bài giảng không gây nổi cảm hứng làm tôi thất vọng. Ở đất này mà giảng như thế thì không làm sao gieo được hạt giống đạo Phật trong quần chúng. Nguyên Hưng cũng biết, giáo lý Tịnh Độ Chân Tông cũng như tổ chức của Tịnh Độ Chân Tông không khác giáo lý Thệ Phản là mấy, cả hai đều chú trọng đến tha lực. Vậy thì món ăn đó không thể nào được gọi là mới lạ đối với người Anh và người Mỹ. Thêm nữa để diễn giải giáo lý Cơ đốc của họ, đã có biết bao viện thần học, bao nhiêu nhà truyền giáo xuất sắc; trong khi đó tổ chức Tịnh Độ Chân Tông ở đây thiếu cơ sở giáo dục và đào tạo bắt chước một cách thiếu thông minh nên không thể không chứng tỏ sự kém cỏi non nớt của mình. Thực ra dân Mỹ là một dân có tinh thần tự lập tự cường; trong gia đình cũng như ở ngoài xã hội, con người được đào luyện để có tinh thần tự lập ấy và để khỏi phải nương tựa và

sống bám vào những kẻ khác. Như thế chắc chắn một giáo lý như giáo lý tự lực của Thiền Tông sẽ rất thích hợp với họ. Giáo lý Thiền Tông hoàn toàn căn cứ vào tự lực để xây đắp, phát triển và giác ngộ bản thân trong lúc giáo lý Cơ Đốc và Tịnh Độ tự nhận khả năng thiếu kém của con người và nhấn mạnh đến năng lực cứu độ của một thế lực bên ngoài. Cho nên Nguyên Hưng sẽ không lấy làm lạ khi thấy sự truyền bá của đạo Phật Tịnh Độ ở đây chưa gặt hái được những kết quả nào đáng kể. Chúng ta cũng không ngạc nhiên khi thấy tư tưởng Thiền được hâm mộ một cách nồng nhiệt ở đây. Giáo sư Suzuki đã gây được những tiếng vang lớn lao về thiền học ở đất nước này. Sống trong một xã hội quá hoạt động, quá náo nhiệt, và khi đã mệt mỏi vì những tính toán những suy luận hình thức, cố nhiên người ta khao khát một cái trầm tĩnh, tươi mát và tự tại như tinh thần Thiền học. Có sống ở đây Nguyên Hưng mới thực chứng được điều đó.

Để bù lại sự thiếu kém về nội dung giá trị tư tưởng, các nhà truyền giáo Tịnh Độ ở đây phải dùng đến những hình thái sinh hoạt văn hóa Nhật. Người Mỹ ưa món ăn Nhật, nghe đàn Koto, chứng kiến các cuộc pha trà, cắm hoa, vân vân. Thế cho nên sau thời thuyết pháp, có một buổi trình diễn đàn Koto. Mà buổi trình diễn đàn Koto độc chiếc ấy đã kéo lại thăng bằng cho buổi giảng. Ngồi hai bên tôi là những người Mỹ. Họ tỏ vẻ lơ đãng trong thời thuyết pháp như họ lại đã tỏ ra rất thích thú khi nghe đàn Koto.

Tôi cũng thích những bài đã được trình diễn hôm ấy lắm, Nguyên Hưng. Nhạc sĩ Kimioto Eto. Chàng còn trẻ, vào khoảng ba mươi tuổi, khuôn mặt hiền hậu và dễ thương. Trong chiếc Kimono màu đen, chàng bước chậm chạp lên diễn đài, theo tay dìu đỡ của một chàng thanh niên khác. Tôi nghĩ có lẽ vì mắt chàng không trông được rõ. Sau lời giới thiệu của đại đức Saki, chàng chậm rãi ngồi xuống, mỉm cười lặng lẽ, và không nói năng chi. Sao mà tôi yêu cái dáng điệu ấy quá. Chẳng bao giờ chàng nhìn xuống khán giả. Chàng chỉ để tầm mắt trên khoảng rộng của chiếc đàn phủ khăn trắng. Và nụ cười của chàng, nụ cười thật lạ kỳ, thật là lặng lẽ, thật là hàm xúc. Tôi không ngờ ở đất này mà có được một nụ cười như vậy.

Chàng nói là chàng sẽ đàn để cúng dường ngày kỷ niệm 70 năm Phật giáo du nhập Mỹ quốc, để dâng lòng thành lên đức Từ Bi. Con số bảy, chàng nói, nó rất quan trọng đối với chàng. Cha chàng mất đây bảy năm, và mẹ chàng cũng từ trần bảy tháng trước. Nay là lễ bảy mươi năm kỷ niệm Phật giáo du nhập. Và đôi mắt nhỏ lệ. Khuôn mặt trầm lặng, tràn đầy xúc cảm; một niềm cảm xúc lẫn lộn trong tín ngưỡng, thương nhớ và bâng khuâng. Chàng đàn, những bản tự do tay chàng sáng tác. Bản đầu tiên là bản tiếng hát hy vọng.

Điệu nhạc tuy trầm buồn thao thức nhưng chứa đầy sức sống nhẫn nại, chứa đầy ý chí cố gắng đi tới. Bản thứ hai là bản Gió mùa thu ngát hương thương nhớ, và bản thứ ba. Tiếng nói tin tưởng của chàng đối với đạo Từ Bi. Mỗi bài được cách khoảng với bài khác bằng một thời gian lặng yên trong nụ cười trầm tĩnh. Xong bản thứ ba, chàng nói cho mọi người biết là hai mắt chàng mù và chàng không thấy gì hết. Mọi người xúc động; tôi cũng xúc động cả tâm hồn, bởi vì trước đây không ai nghĩ rằng chàng lại là một người mù.

Nước mắt tôi muốn trào ra; tôi đứng dậy ra về trước mọi người, bỏ nữa chừng cuộc trình diễn. Tôi thấy như vậy là quá đủ. Trên con đường Bờ Sông tôi đi thong thả từng bước một, lòng thấy bâng khuâng. Nụ cười của Kimioto vẫn còn nguyên vẹn, huyền diệu, trầm lặng. Nếu không biết khổ đau, không bao giờ người ta có thể có được một nụ cười như thế. Và tôi hiểu tại sao nụ cười đã làm cho tôi xúc động ngay từ khi tôi mới trông thấy chàng.

Đường Riverside Drive vắng vẻ. Đột nhiên tôi nhớ tới lời những người bạn dặn dò không nên đi một mình trong đêm khuya trên các con đường vắng đô thành. Nữu Ước có rất nhiều bọn bất lương như bất cứ thành phố nào trên thế giới. Nghĩ như thế, tôi định rẽ sang đường 108 để trở vào Broadway. Vừa rẽ sang đường 108 tôi bỗng thấy mặt trăng, tròn như khuôn mặt hoa sen đức Phật, hiện ra giữa mảnh trời do hai nhà hàng nhà cửa cao vút bên đường chừa lại. Thật là mầu nhiệm. Mặt trăng ở về phía trước mặt tôi, và cũng đi về phía tôi đi.

Mặt trăng Rằm tháng Chín. Chắc là mẹ tôi cũng đi theo tôi đến chùa khi trăng mới mọc.

Cái mặt trăng ấy đã chiếu sáng trên nóc chùa lúc tôi ngồi nghe thuyết pháp, đã chiếu sáng trên nóc chùa lúc tôi ngồi nghe trình diễn đàn Koto. Và mặt trăng ấy bây giờ cũng lại đi theo tôi về tận nhà. Sáu năm về trước, mẹ tôi mất vào ngày trăng tròn tháng chín… Trăng khuya bao giờ hiền hòa êm dịu và mầu nhiệm như tình mẹ. Trong suốt bốn năm trời tôi có cảm giác rất rõ rệt là tôi mất mẹ. Nhưng mà có một đêm tôi nằm mơ thấy mẹ, và từ lúc đó, cảm giác kia không còn nữa. Tôi thấy mẹ tôi chưa bao giờ mất cả, và những đau khổ xót xa trước kia chỉ là những ảo giác trong một giấc mộng. Tôi còn nhớ đó là một đêm tháng tư ở cao nguyên. Tôi nằm mơ thấy mẹ tôi, dung nhan không có gì biến đổi. Tôi nói chuyện với mẹ tôi rất tự nhiên, không có một mảy may cảm giác rằng tôi trong bốn năm, chịu đựng ý tưởng mất mẹ. Chắc Nguyên Hưng muốn hỏi tôi rằng trong bốn năm ấy tôi có lần nào nằm

mơ không. Có, tôi nằm mơ thấy mẹ tôi vài lần, nhưng mà những lần thấy như thế không có tác dụng gì rõ rệt sau khi tôi tỉnh thức cả.

Lần này, khi tỉnh thức, tôi cảm thấy tâm hồn bình yên một cách kỳ lạ và tôi thấy một cách rất hiện thực rằng sự sinh diệt của mẹ tôi là một cái gì do tôi tạo ra mà không phải là một thực tại khách quan. Sự hiện thực của mẹ tôi không tùy thuộc vào sinh diệt; không phải nhờ sinh mà mẹ tôi có, không phải vì diệt mà mẹ tôi không có. Cái có với cái không là sáng tạo phẩm của nhận thức chủ quan và do có không hẳn là có và không không hẳn là không. Có là để đối với không, và không là để đối lại với có. Thực ra, đã có thì không thể nào là không, và từ không thì không thể nào sinh ra có. Tôi không muốn lý luận với Nguyên Hưng, tôi chỉ muốn nói với Nguyên Hưng, thế thôi. Bữa đó, tôi thức dậy vào lúc một giờ rưỡi khuya và thấy phép mầu hiển hiện. Niềm đau xót không còn nữa và tôi chứng thực rằng ý tưởng mất mẹ trong suốt bốn năm vừa qua chỉ là những ý tưởng. Thấy được mẹ trong giấc mơ ấy rồi tức là thấy mẹ tôi mãi mãi. Điều này tôi càng thấy rõ hơn khi tôi đi mở cửa đi ra vườn. Vườn đầy ánh trăng khuya dịu dàng và nhiệm mầu. Đó là sự có mặt của mẹ, nhớ thương, đó không là một sự tự an ủi mình. Tôi có thể thấy mẹ tôi bất cứ ở đâu và lúc nào tôi muốn.

Nguyên Hưng, hồi tháng tám trong lúc còn ở Medford, tôi có viết để làm quà cho những người trẻ tuổi quen biết ở nhà một đoản văn tôi là Bông Hồng Cài Áo. Ngồi ở trong nhà gỗ Pomona, tôi đã viết ra những dòng chữ giản dị kia trong lúc chim hót vang rừng. Khi tôi gửi nó đi rồi - tôi gởi cho Nhiên - tôi mới biết rằng những cảm nghĩ trong ấy phát sinh từ một cái nhìn khá mới lạ, cũng là cái nhìn mà tôi đã diễn tả trong lá thư viết cho thầy Thanh Từ. Ngày xưa nói về văn học Việt Nam, tôi cứ giảng đi giảng lại mãi câu thơ:

“mạc vị xuân tàn hoa lạc tận

đình tiền tạc dạ nhất chi mai”.

của Mãn Giác Thiền Sư đời Lý, rất khâm phục ý tưởng của tác giả nhưng mà chưa bao giờ đón nhận được cái tâm tư của tác giả một cách đích thực. Thì ra trong lúc nhận thức cởi mở, trong lúc cái vỏ cứng nứt rạn, ta có thể trông thấy những điều thật là mầu nhiệm. Cũng như ta có thể thấy được sự hiện hữu của cành mai trong một đêm tăm tối và lạnh lẽo của mùa Đông.

Chúng ta sinh vào thời đại trong đó sự xung đột giữa các giá trị cũ và mới đang sắp đi đến chỗ kết thúc. Tuy vậy nó chưa kết thúc được, và dấu vết của

sự xung đột còn hằn lên rõ ràng trong tâm hồn chúng ta. Những câu hỏi mới của triết học đã làm cho chúng ta bơ vơ thêm, lạc lõng thêm, thao thức thêm. Trong trạng thái rối bời của tâm trí, ý niệm về sự vô lý của hiện hữu xấu xa, con người xấu xa; con người muốn tốt cũng không thể nào tốt được, hiện hữu muốn đẹp cũng không thể nào đẹp được. Trong tình trạng đó lắm khi chúng ta còn có ảo tưởng rằng chúng ta có tự do, chúng ta còn là chúng ta. Nhưng hẳn Nguyên Hưng cũng đã từng biết rằng kinh nghiệm bản thân rằng chúng ta nhiều khi chỉ viết chính tả, mà kẻ đọc cho chúng ta viết vốn không phải là ta mà lại là những dấu vết được ghi trên chúng ta, hoặc nói một cách khác hơn là mệnh lệnh của nghiệp lực cộng đồng. Chúng ta đã không được là chúng ta thì, nếu chúng ta có tự do đi nữa, tự do đó cũng không phải là tự do của chúng ta. Có lúc chúng ta không còn "ham" tự do nữa, có lúc chúng ta sợ hãi tự do: đó là tại vì chúng ta không thực là chúng ta. Chúng ta bị bao phủ rất là nhiều lớp rong rêu và vôi gạch. Chúng ta cần đập vỡ tất cả để được giải thoát. Nhưng chúng ta sợ sự đập vỡ đó, bởi vì chúng ta cứ tưởng những lớp vôi gạch rong rêu đó mà vỡ thì chúng ta cũng vỡ luôn, mà những lớp vôi gạch rong rêu đó, than ôi, có phải là chúng ta đâu.

Ngày tôi khám phá ra cái điều mà tôi nói đó, tôi bỗng thấy tôi nhìn tất cả mọi vật với một cặp mắt khác lạ. Trước hết, tôi nhìn vào tôi, và tôi thấy thân thể tôi quả là một cái gì mầu nhiệm. Tôi chưa bao giờ nhìn tôi như thế. Tôi thấy không có lý do gì mà ta lại có thể nhìn thân thể ta, một trong năm phần của hợp thể ngũ uẩn, với một cặp mắt coi thường. Chúng ta có khuynh hướng coi thường những gì nằm trong tầm tay của chúng ta. Chúng ta đánh giá chúng một cách quá hạ và lắm khi vì u mê chúng ta nguyền rủa sự tồn tại của chúng. Như đôi mắt của tôi đây chẳng hạn. Vì tôi có đôi mắt, và vì tôi cho đó là một sự thực hiển nhiên - mà hiển nhiên sao được, làm gì mà hiển nhiên được một cách dễ dàng thế - cho nên tôi không chú trọng tới chúng, không cần hỏi han chúng, không nhận được thông điệp của chúng và do đó tôi mất chúng. Có cũng như không. Chỉ khi nào người ta bị mù đột ngột, người ta mới cảm nhận được sự hiện hữu trước kia của đôi mắt; nhưng cảm nhận như thế thì muộn quá rồi. Một người mù được sáng mới biết thế nào là sự hiện diện quý giá của một đôi mắt; người đó có thể sống sung sướng ngay trên trái đất, sung sướng hơn cả trên thiên đường. Thế giới đầy màu sắc này, cùng với đôi mắt kia là những gì thật mầu nhiệm, là những gì có thể hiến dâng cho chúng ta những sung sướng ngây ngất. Từ lúc đó chẳng khi nào nhìn mây trắng trời xanh mà tôi lại không nhìn với nụ cười. Thế giới đột nhiên giầu có hẳn lên và tươi sáng hẳn lên. Người mù mới sáng có thể tìm thấy thiên đường, nhưng hắn sẽ làm quen với thiên đường trong một thời gian ngắn, rồi vẫn coi thường thiên đường, cho thiên đường là cái gì hiển

nhiên. Và vì vậy, hắn sẽ mất thiên đường trong vài ba tuần lễ, nhiều lắm trong vòng ba tháng. Trong khi đó một con mắt tâm linh của Nguyên Hưng sẽ không bao giờ làm mất thế giới pháp thân.

Hồi nhỏ chúng ta được dạy rằng những đau khổ lớn của con người là sinh, lão, bệnh, tử, là ước mong mà không được thành tựu, là hợp nhau mà không được chung nhau, là khắc nhau mà vẫn vẫn phải gần nhau. Nhưng mà Nguyên Hưng ơi, những đau khổ đích thực của con người không nằm trong sinh, lão, bệnh, tử, không nằm trong trường hợp ái biệt ly, oán tắng hội, cầu bất đắc. Nó nằm ở trong cái cách chúng ta nhìn thực tại. Quả là như vậy đó, Nguyên Hưng. Sinh lão bệnh tử, sự chia cách, sự kết hợp vẫn có những mầu nhiệm của chúng, vẫn là những đặc tính quý giá của hiện hữu. Điều quan trọng nhất là làm như thế nào ngồi yên lành trên những đợt sóng hiện tượng đó với một nụ cười của bản thể không sinh không diệt.

Tôi nhớ trong kinh Bảo Tích có một đoạn như sau đây. Phật nói: Có một người nhặt cục đất ném vào con chó. Con chó đau quá, tức giận chạy theo cục đất để cắn trả thù. Con chó không biết rằng kẻ thù không phải là cục đất mà là người ném cục dất. Cũng như vậy, những kẻ khờ dại nghĩ rằng mầu sắc, âm thanh, hương vị v.v… là nguyên do khổ đau và kết luận rằng muốn hết khổ đau thì phải tiêu diệt hoặc lánh xa sắc, thanh, hương, vị, xúc… Kỳ thực đau khổ không nằm trong sắc, thanh, hương,vị xúc. Đau khổ nằm nơi cách nhìn và sử dụng của chúng ta đối sắc, thanh hương vị xúc. Vấn đề là như thế. Chúng ta khổ đau không phải vì thực tại chất chứa khổ đau, mâu thuẫn và vô lý mà vì chúng ta đã nhìn thực tại qua những lớp màn nhận thức đen tối mang nặng tư kiến tư dục của chúng ta để thấy thực tại chất chứa khổ đau, mâu thuẫn và vô lý. Có lần đi xa quê nhà hằng năm phải nói tiếng ngoại quốc cả ngày tôi bỗng thấy nhớ những giọng nói quen thuộc quá chừng. Lắm khi tôi ao ước được nghe những giọng nói quen thuộc ấy đến nỗi tôi nghĩ rằng vài ba phút thôi cũng đủ làm cho tôi sung sướng suốt ngày. Mà kỳ lạ thực, Nguyên Hưng, tự nhiên - sao lại tự nhiên - một buổi sáng chuông điện thoại reo và tôi được nghe tiếng của Phượng từ bên nhà gọi sang. Câu chuyện tuy ngắn ngủi và chỉ gồm có một số câu hỏi về công việc nhưng tôi cũng thấy quý giá và do đó cũng sung sướng đến mấy ngày. Từ đó mỗi khi nói chuyện với một người thân là tôi để hết tâm ý vào câu chuyện và ngthe thấy cả tiết điệu của giọng nói. Tôi phân biệt được giọng nói và cả những lo âu những cảm động những thao thức vân vân… chứa đựng trong giọng nói. Đó thật cũng là một điều mầu nhiệm. Dễ gì mà nghe được như thế, hiểu được như thế và cảm nhận được như thế. Tuy vậy trong chúng ta ai cũng có điều kiện để nghe, để hiểu để cảm nhận. Tôi không bao giờ còn thái độ

khinh suất và lơ là với bất cứ một hiện tượng nào xẩy ra đến trước giác quan của tôi. Một cái lá rơi vào phòng hay một tiếng kêu của em bé chơi đùa dưới bãi cỏ non cũng là một sứ giả của hữu thể. Tôi nhìn ngắm, lắng nghe tiếp nhận thông điệp của hữu thể đó do chúng mang đến. Sự xa cách người thân yêu, sự thất vọng sự chạm trán với những gì ta không ưa thích cũng trở nên mầu nhiệm và tràn đầy tính cách xây dựng. Nhờ những thứ đó mà tôi mới được là tôi. Nguyên Hưng mới được là Nguyên Hưng và nụ cười kia mới có thể là một nụ cười. Dưới ánh sáng của cái nhìn ấy, thấy những yếu đuối những dại dột của con người cũng có những khía cạnh mầu nhiệm của chúng. Có những bông hoa khi nở rồi thì không bao giờ còn héo tàn nữa. Nhìn dưới ánh sáng ấy thì sinh diệt nào có khác chi niết bàn. Vì vậy có một đêm trong giờ tư duy tôi bỗng muốn la lên rằng: sự nghiệp của các đức Phật đã được hoàn tất tự những bao giờ, và sở dĩ nó đã hoàn tất cũng vì nó chưa bao giờ thực sự khởi đầu cả.

Nguyên Hưng, nhìn lại lịch sử nhân loại và nhìn lại quá khứ của chúng ta, Nguyên Hưng sẽ phải công nhận rằng quả tình Nguyên Hưng không thể phân biệt được cái gì là thực sự may và cái gì thực sự rủi, cái gì thực sự tốt và cái gì thực sự xấu. Chắc Nguyên Hưng còn nhớ câu chuyện người trại chủ mất ngựa. Mất ngựa có hẳn đó là rủi ro không, điều đó chỉ có một cái nhìn bao quát thời gian và không gian mới trả lời được. Bất cứ sự thành công nào cũng kéo theo sự bất lợi của nó và bất cứ sự thất bại nào cũng đóng góp được vào cái ánh sáng trí tuệ hoặc cái thành công của tương lai. Ta có thể nói rằng cái kia vừa may lại vừa rủi, vừa tốt lại vừa xấu, và như thế có khác chi nói rằng không thực sự có may, rủi, tốt, xấu mà chỉ có nhận thức ngắn và hẹp của con người tạo nên tốt xấu. Tất cả đều là những phân biệt biến kế của nhận thức. Nguyên Hưng, người ta nói rằng không thể nào thành lập được một nền luân lý nếu không thiết lập được tiêu chuẩn thiện ác. Nhưng mà mây bay hoa nở, gió thoảng, nước trôi có cần đến luân lý đâu, có cần đến tiêu chuẩn thiện ác đâu. Thế mà nhiều kẻ lại khen ngợi họ là những bậc thánh, những nhà đại luân lý, nhiều kẻ lại nhìn vào họ, xét nghiệm hành động ngôn ngữ và tư tưởng họ để cố thiết lập ra một nền đạo đức luân lý có cơ sở tiêu chuẩn thiện ác đàng hoàng, và gán cái nền luân lý tìm ra ấy cho họ. Họ chỉ mỉm cười. Nếu nói rằng chính họ, họ không biết thế nào là thiện là ác, thì chắc là không ai không nghĩ rằng họ nói đùa. Chỉ có người điên mới nói thực một câu như vậy. Cho nên người điên nào cũng khó tìm ra một tri kỷ để trao tâm ấn của mình. Một nhà thi hào là gì? Đó là một người không biết gì hết về kỹ thuật vần điệu. Chỉ khi nào anh không phải là thi hào, anh mới biết thế nào là vần điệu mà thôi.

Thế thì, Nguyên Hưng, thứ cam lộ mỗi ngày mà họ uống có thể được bọn phàm nhân xem là độc dược. Mà nói cho ra lẽ, thì độc dược bao giờ cũng là độc dược đối với ai. Đối với người đã nhìn thấy sự vật, thì nhận thức đồng thời là hành động; đâu có thể nói rằng ta phải thiết lập triết lý hành động trên cơ bản triết lý nhận thức, khi chúng ta còn là tù nhân của ý niệm ngôn từ thì chúng ta mới vướng vào sự phân biệt nhận thức và hành động mới có cái hăng hái trẻ con để bàn luận về triết học hành động. Đối với kẻ đã nhìn thấy thì không có sự nhận thức chân lý cũng như không có phương châm hành động. Không có sự chứng đắc và không có đối tượng của chứng đắc. Tâm Kinh đã chẳng nói thế là gì. Và bởi vì đã là sự sống chân thực, đã là gió thoảng, là mây bay, là nước trôi, là hoa nở, kẻ kia cần gì phương châm hành động. Khi người ta bay thì người ta không cần biết đến những luật lệ những dấu hiệu đi đường của xe cộ, dù là xe lớn hay xe nhỏ. Ngôn ngữ kẻ kia sẽ là ngôn ngữ của mây, của gió, của hoa, của nước. Anh đừng đến đặt cho họ những câu hỏi vớ vẫn về triết học. Họ sẽ trả lời anh bằng một câu thơ, hoặc giả họ sẽ hỏi anh xem anh ăn cơm chưa, đã rửa bát chưa. Nếu anh bị bó chặt trong câu hỏi họ sẽ chỉ ra núi rừng:

"Bất tín, chỉ khán bát cửu nguyệt.

Phân phân hoàng diệp mãn sơn xuyên!"

Phải rồi. Không tin, hãy ngắm mùa thu đến; tơi bời lá rụng ngập sơn xuyên. Còn nếu anh cứng đầu thì họ có thể lấy gậy đánh anh cho anh chừa đi cái thói quen đem kính khái niệm đi soi chân lý. Nguyên Hưng ơi, ở Phương Bối chúng ta mà có được một thi sĩ như thế thì núi rừng đã đẹp lại càng thêm đẹp, phải không.

Trong kinh Phật, từ ngữ trang nghiêm được dùng theo nghĩa làm cho đẹp và Bồ-tát trang nghiêm Phật độ có nghĩa là sự hiện hữu của các vị Bồ-tát làm cho đất Phật đẹp đẽ hẳn lên. Tôi nhớ có lần vua Huệ Tông nhà Lý nghe danh Hiện Quang thiền sư, cho người lên núi mời ngài về cung. Người từ chối, trả lời rằng nội các vị Thiền sư tài đức hiện đang phục vụ ở thủ đô cũng đã là trang nghiêm đến điện các rồi. Sự có mặt của người đạt đạo quả có thể làm đẹp cuộc đời bằng chính đạo đức vô hành của họ. Mà đạo đức vô hành thì làm gì có tiêu chuẩn, có phương châm hả Nguyên Hưng.

Bây giờ là mấy giờ, Nguyên Hưng biết không? Còn mười lăm phút nữa là nửa đêm. Lễ Giáng Sinh sắp đến rồi. Nghĩ cũng thật là một điều mầu nhiệm. Tôi thức trong cái giờ linh thiêng này, ngồi đây viết cho Nguyên Hưng.

Những ý tưởng của tôi trào lên và tôi cảm thấy dễ chịu khi trút chúng bớt xuống đầu ngòi bút. Tôi vừa nói cho em nghe về nguồn linh cảm đã khiến cho tôi biết nhìn, biết nghe thế giới hiện tượng một cách cẩn thận. Có những giây phút chỉ xảy đến một lần hoặc vài lần trong đời, xảy đến như sự xuất hiện của một vị sứ giả của chân như, một thông điệp của thực tại, và nếu ta vô tâm, ta sẽ để cho chúng đi qua và không bao giờ trở lại. Bí quyết của Thiền tông chắc hẳn là ở chỗ khám phá được đường đi nẻo về của những giây phút như thế và sửa soạn, cống hiến cơ hội cho chúng trở lại. Và cuối cùng, làm cho ánh sáng rạng rỡ của nó tỏa chiếu rạng rỡ trong một chuyến trở về, không từ đâu tới mà cũng sẽ không đi về đâu. Để tôi đọc cho Nguyên Hưng nghe bài thơ sau đây của Quách Thoại nóivề sự hiện diện của bông hoa thược dược:

“đứng yên ngoài hàng dậu

em mỉm nụ nhiệm mầu

lặng nhìn em kinh ngạc:

vừa thoáng nghe em hát

lời ca em thiên thâu

ta sụp lạy, cúi đầu…”

Nguyên Hưng có nghe gì không? Tôi thấy rất rõ là giây phút đã xuất hiện bức màn đã hé, dù trong giây lát, và thi sĩ đã thấy. Bông hoa thược dược đứng ngoài hàng dậu kia, có lẽ vì “hiển nhiên” quá, nên không ai thực sự trông thấy. Khi tâm linh ta nghe được tiếng hát bất diệt của nó và nhìn thấy nụ cười nhiệm mầu của nó thì nó không còn là một bông hoa thược dược tầm thường nữa. Nó là sứ giả, nó là thông điệp, nó là pháp thân. Tôi nhớ có lần Trụ Vũ ca ngợi:

“cánh hoa là tứ đại

mà tỏa hương tinh thần

mắt em là tứ đại

mà rạng ngời yêu thương”

Tôi tưởng Trụ Vũ không ca ngợi mà thốt ra những lời biểu lộ một sự ngạc nhiên. Giây phút cũng đã tới, ánh sáng lòe lên rồi lại tắt. Nhưng trong một đời người mà có được một lần thấy, nào có phải là ít ỏi gì đâu. Đã thấy được một lần thì có thể thấy mãi. Vấn đề là ở chỗ ta có tha thiết không, có thành khẩn không, có cẩn trọng không, thế thôi. Trong thế hệ những người trẻ tuổi đang bị giam giữ vào ngục tù của chán nản, của sự vô lý và sự tự khinh, ta thấy không biết bao nhiêu người nhận thức thực tại như một cái gì nhầy nhụa và thân thể tâm hồn mình như một vũng bùn tanh hôi. Thảm thương biết bao. Sự giải thoát, như thế, chỉ có thể đi tìm nơi hủy diệt. Tứ diệu đế nên áp dụng trong mục đích tìm ra và tiêu diệt nguyên nhân của nhận thức đen tối ấy thì là một điều quý hóa. Còn nếu, vì muối giải thích biện hộ cho sự thực thứ nhất bằng cách phải bôi lem bức tranh thực tại, gán cho thực tại tính cách khổ tự nó không có gì đó là bắt đầu một cuộc vu khống to lớn. Thực tại không khổ không lạc, chỉ có qua nhận thức ta nó mới là khổ hay lạc mà thôi. Nói như thế, Nguyên Hưng ơi không phải là nói rằng những trận động đất, những con vi trùng, những trận chiến tranh, những hiện tượng sinh lão bệnh tử… là không có thực. Chúng có thực chứ, cũng như muôn ngàn hiện tượng khác. Nhưng tự thân của chúng không phải là sự đau khổ. Và con người có thể giảm thiểu sự hiện hữu của chúng đến một giới hạn nào đó. Còn tiêu diệt chúng hoàn toàn, đó là điều không thể thực hiện. Cũng như muốn có trắng mà không có đen, có dài mà không có ngắn, có sinh mà không có tử, có một mà không có nhiều. Tính cách biến kế của nhận thức tạo tác ra thế giới khổ đau, những như người thợ vẽ vẽ ra hình ma quỷ và khiếp sợ chính những bức hình của mình. Những bức hình ấy, Nguyên Hưng ơi, nào phải là ảo ảnh: nó là những bức hình có thực.

Nguyên Hưng, đêm mùng hai tháng mười tiếp sau đó là một đêm tôi cần ghi nhớ. Nguyên Hưng cứ tưởng tượng một trời đầy sao sáng, không trăng; nhưng ngôi sao nào cũng sáng cũng đẹp cũng lấp lánh, cũng to như đôi mắt của trẻ con, trên một nền trời không gợn mây. Cố nhiên khung trời đó chỉ là khung trời nội tâm. Vì hôm ấy ở thành phố tôi ở mưa gió về đầy trời. Các cửa phòng đều đóng kín. Suốt một đêm tôi không ngủ, vì có muốn đi ngủ thì "cũng không thể nào ngủ được". Đầu hôm tôi thức để đọc Bonhoeffer, và giai đoạn chót của đời chàng đã giúp tôi làm bừng tỉnh dậy cái bầu trời đầy sao sáng sẵn có trong tâm linh mỗi người. Tôi bỗng thấy sung sướng lạ kỳ và có cảm nghĩ rõ rệt rằng tôi có thể chịu đựng nổi. Viết đến đây tôi còn thấy tâm hồn rạt rào những cảm xúc mới lạ, và có lẽ Nguyên Hưng cũng đang chia xẻ những cảm xúc ấy với tôi. Bonhoeffer chỉ là một giọt nước cuối cùng làm tách nước tràn đầy, một nhân duyên cuối cùng, một làn gió nhẹ thổi tới cho trái cây chín muồi rụng xuống. Được sống trọn một đêm như thế thì ta

không nên than trách chi hết nữa về cuộc đời. Những đêm như thế đẹp lắm Nguyên Hưng; lòng ta ngập tràn thương yêu. Can đảm và nghị lực dâng tràn, ta thấy óc và tim ta là những đóa hoa; những cảm xúc, những rung động, những đau khổ của chúng ta đều hiện hữu một cách rất mầu nhiệm, tuy ta biết rằng hình hài ta vẫn là hình hài của chính ta. Nguyên Hưng chớ cho rằng đó là một trạng thái tôn giáo, đạo đức hay thánh thiện của tâm hồn, khơi động do một nguồn cảm thông hay một ân huệ thiêng liêng nào. Trạng thái tâm linh ấy hoàn toàn nhân bản. Tôi biết, ngay trong giờ phút đó, không có thần thánh, không có giác ngộ ngoài tim tôi, phổi tôi, những hạch tiết tuyến, những tế bào của cơ thể tôi. Sự sống đã mầu nhiệm mà khổ đau cũng mầu nhiệm. Cuộc đời sẽ xấu xí sẽ đen tối và sẽ không thể có, nếu không có khổ đau. Trong cuộc đời không có thường có ngã nhưng cũng không có vô thường vô ngã. Không có sự chết nếu quả thực ta thấy được sự sống. Chỉ nên nói sự sống, và đừng bao giờ dại dột nói Sự sống miên viễn; mệnh đề sự sống miên viễn cũng như ý niệm trường sinh bất tử tự nó là một sự mâu thuẫn, một sự dốt nát, một sự tham lam. Tham lam chỉ là dốt nát; và tham lam dốt nát đánh mất chính sự sống.

Suốt một tháng, tôi tiếp tục tư duy và quán tưởng hình dung các vị Bồ-tát trong Kinh Pháp Hoa và Bát Nhã. Chân dung các vị ấy đẹp lắm, hèn gì các vị ấy không "trang nghiêm" được cho đất Phật. Mà cần gì là đất Phật. Cứ nói đến trái đất của chúng ta đây, sự có mặt của các vị Bồ-tát như thế cũng đủ làm cho đất chúng ta trở thành đất Phật? Cây nêu mà dân Việt dựng lên để ăn tết cũng phản chiếu ước muốn của dân ta rằng đất này là đất Phật, có phải không Nguyên Hưng.

Có khi tôi thấy các vị Bồ-tát trong hình dáng nghèo nàn và lem luốc nhưng khỏe mạnh của họ. Như Trì Địa như Thường Bất Khinh. Một người thì chuyên môn đi nối lại những cây cầu gãy và đắp lại những con đường hư làm gián đoạn giao thông và liên lạc. (Thế giới chúng ta hôm nay có biết bao niêu cây cầu đã gãy đổ và bao nhiêu nẻo giao thông bị cắt đứt, hả Nguyên Hưng? Và thế giới chúng ta hôm nay đã có được bao nhiêu Trì Địa, đem tâm lực và thân lực mình để nối lại những nhịp cầu thông cảm và hiểu biết giữa con người với con người, giữa quốc gia này với quốc gia khác, giữa nền văn hóa này với nền văn hóa khác?) Người thứ hai thì đi đâu cũng nói vào tai mọi người rằng: ông có đủ khả năng tiến tới, vậy hãy tin ở sức mình, đừng nên có mặc cảm bất lực, đừng nên thụ động. "Tôi không dám khinh ngài, ngài sẽ thành Phật". Bức thông điệp của bình đẳng, của tinh thần tự tín tự lực ấy nếu không do những con người kiên nhẫn như Thường Bất Khinh mang đi thì biết do ai? Nguyên Hưng cứ nghĩ đến những người dân quê ở xứ

ta và những người dân quê ở các nước chậm tiến khác. Ai nói cho họ biết rằng họ tin nơi sức lực của chính họ để tạo một tương lai cho chính họ, một tương lai mà họ có quyền nắm lấy như bất cứ ai? Thế giới của chúng ta đang cần có thêm nhiều vị Bồ-tát như thế, luôn luôn trên các nẻo đường về, gieo rắc niềm tin, sự tự lực tự cường cho nhân loại. Còn Bồ-tát Quan Thế Âm nữa, mà sau này được gọi là Quán Tự Tại. Chân dung của người là chân dung của sự cảm thông và của sự tìm tới với khổ đau không ngần ngại không e sợ bất cứ một trở ngại nào. Nghe tiếng kêu đau thương của cuộc đời và tìm tới bằng mọi cách. Tìm tới trong bất cứ một hình dáng nào thích hợp. Nguyên Hưng, một vị tăng sĩ, một nhà chính trị, một nhà tư bản, một nhà cư sĩ, một người đàn bà, một em bé, một thiên thần, một con ác quỷ… hình dáng nào thích hợp thì dùng hình dáng ấy. "Ưng dĩ trưởng giả, cư sĩ, tể quan, bà la môn, phu nữ thân đắc độ giả, tức hiện trưởng giả, cư sĩ, tể quan, bà la môn, phụ nữ thân nhi vị thuyết pháp. Ưng dĩ đồng nam đồng nữ thân đắc độ giả, tức hiện đồng nam đồng nữ thân nhi vị thuyết pháp. Ưng dĩ thiên, long, dọa xoa, càn thát bà, atula, khẩn na la, ma hầu la già, nhân phi nhân đẳng thân đắc độ giả tức giai hiện chi nhi vị thuyết pháp". Nguyên Hưng có nghe không? Thế giới chúng ta ngày nay phải được cứu nguy bằng mọi mặt bằng mọi hình thức mọi hình thức mọi phương tiện theo tinh thần đại bi tự tại của Quan Thế Âm, phải được xây dựng bằng thái độ dấn thân của tinh thần Thường Bất Khinh, Trì Địa. Lại còn hình dung của Địa Tạng nữa; hình dung của một con người muốn có mặt nơi chốn nhiều đau khổ nhất của cuộc đời. Chừng nào địa ngục còn chưa trống không thì chừng ấy tôi còn phải ở lại địa ngục. Dấn thân mà với tinh thần như thế thì mới thực là dấn thân, có phải không Nguyên Hưng. Tôi tưởng ở đâu có những con người như thế là ở đấy đất phải nở hoa, dù cho ở địa ngục. Dù cho ở bất cứ địa ngục nào.

Nguyên Hưng, tiếp tục đi tìm hình dung các vị Bồ-tát, lắm lúc tôi thấy họ trong những chiếc áo thật đẹp, ngọc minh châu sáng ngời trên đầu, trên tay và trên cổ. Nguyên Hưng hãy nghĩ đến Vô Tận Ý xem. Các vị tăng sĩ thì không bao giờ được miêu tả bằng những hình dáng như vậy. Chắc chắn là hình dáng đó tượng trưng cho sự trang nghiêm tịnh độ. Sự có mặt của họ làm dẹp cho cuộc đời. Áo của các vị Bồ-tát đẹp như những chiếc áo trẻ em ngày Tết. Tôi nghĩ đến một ngày hội đầu xuân. Không ai nhìn thấy khổ đau của con người rõ bằng các vị. Nhưng cũng không ai giữ được nụ cười tươi không bao giờ héo như các vị. Tôi nghe họ nói: chúng tôi không có mặt để khóc than; chúng tôi có mặt để làm đẹp cho cuộc đời. Cám ơn, cám ơn các vị. Cám ơn các bạn. chúng tôi sẽ mặc những chiếc áo đẹp nhất mà chúng tôi có thể cùng với các bạn tô điểm cho cuộc đời. Các vị sẽ sung sướng lần đầu được những người sùng bái các vị gọi các vị là bạn. Các bạn sẽ không còn bị

xa cách và bị hiểu lầm do những người quá sùng kính các bạn nữa. Chúng tôi thấy sự có mặt của các bạn rồi. Chúng tôi đến đây, và chúng tôi không có một mảy may tự hào, một mảy may kiêu ngạo, phạm thượng. Chúng tôi chỉ đến với tình thương, với sự hiểu biết. Chúng tôi đã thoát khỏi chiếc vỏ cứng đã từng giam hãm chúng tôi. Này con chim hoàng oanh, cổ họng ngươi tuy bé nhỏ nhưng ngươi hãy hát lên sáng nay, để ca ngợi tính cách mầu nhiệm của thực hữu. Chuỗi ngọc mà Vô Tận Ý vừa trao tặng cho Quan Thế Âm thì long lanh, sáng ngời, trong suốt; tràng nhạc của người cũng sẽ long lanh, sáng ngời trong suốt như thế. Để cho nắng mai tuôn chảy trên các sườn đồi như những dòng thủy tinh và để cho tất cả các bông hoa lớn nhỏ trên cánh đồng cỏ xanh đều cùng nở một lượt đón chào sự tỉnh thức mầu nhiệm.

Nguyên Hưng, tôi đã nói đến cái đêm mầu nhiệm trong đó óc tim tôi nở như những đóa hoa, và tôi tìm thấy các vị Bồ-tát không như những thần linh xa cách con người mà là những người bạn quý mà ta có thể gặp ngay trong cuộc sống này. Tình cờ mà những điều tôi thấy phù hợp với những điều trong bài “nguyện sinh” mà chúng ta thường đọc hàng ngày: Hoa khai kiến Phật ngộ vô sinh, bất thối Bồ-tát vi bạn lữ. Tim ta và óc ta một khi đã nở thành những đóa hoa thì những đóa hoa này sẽ không bao giờ héo cũng như những đóa sen nở ở Tịnh Độ. Sen nở thì thấy được ánh sáng và tìm được bạn đường.

Nguyên Hưng, hôm qua viết cho Nguyên Hưng, đến đúng nửa đêm Giáng sinh thì tôi ngừng lại. Tôi mặc áo thật ấm, mở cửa ra ngoài và đi đến Campus Center. Tuyết vẫn lặng lẽ rơi. Đến Campus Center tôi gặp anh Ralph Nelson đang ngồi bó gối xem TV một mình trong gian phòng rộng thênh thang. Tôi đến ngồi cạnh Ralph và theo dõi chương trình đặc biệt đêm Giáng sinh. Tôi nghĩ có lẽ Ralph buồn lắm, và cô đơn lắm trông một đêm như đêm nay. Ralph quê ở tận miền Nam, xa quá không về nhà được trong dịp lễ Giáng sinh này. Ralph đã lái xe hơi từ hôm qua, về miền tây Pennsylvania, để thăm một người bạn. Và trên đường về Princeton hôm nay, Ralph bị kẹt tuyết và suýt phải ngủ giữa đường. Ngủ giữa đường thì nguy hiểm lắm, dù là ngủ trong xe, dù là quay kín các cửa xe lên. Bởi vì trời rét lắm không thể chịu nổi. May mắn Ralph vượt khỏi chướng ngại và trở về Campus lúc mười một giờ. Tôi hỏi: “Anh cảm thấy buồn không, trong đêm Giáng sinh này, khi mọi người đều en famille? “Tôi sống lẽ loi cũng quen rồi, Ralph đáp, thành ra không buồn lắm”. Tuy vậy khi ngó anh ta, tôi biết anh ta đang buồn. May mắn lúc đó, máy truyền hình bắt đầu trình bày một phim trào lộng nên tôi thấy trên miệng Ralph một nụ cười. Một giờ rưỡi khuya chúng tôi đi Campus center. Thì ra tuyết vẫn tiếp tục rơi. Tuyết lên

cao tới gần đầu gối. Tôi phải lội về Brown Hall từ giả Ralph, rồi vào phòng lau chân thay bít tất, hơ chân vào lò sưởi.

Năm ngoái tôi đi chơi suốt một ngày Giáng sinh bằng xe hơi ở vùng quê và đã chứng kiến được không khí thân mật của các gia đình vào ngày lễ ấy. Thật không khác gì ngày tết bên ta. Trẻ con và người lớn ai cũng có quà, và có rất nhiều quà. Tôi bị một em nhỏ hỏi: “Ông theo đạo Phật hả? Vậy ở xứ ông, người theo đạo Phật như ông có ăn lễ Giáng sinh không?” Tôi trả lời: “Có chứ, bên xứ tôi người Phật tử ăn lễ giáng sinh vào ngày rằm tháng tư và họ gọi ngày Giáng sinh là ngày Phật đản.” Tôi nghĩ đến những chú bé con như thế ở trại Cherroskees và ngủ một giấc ngon lành cho đến sáng.

Hết chương 8

---o0o---

IX

Những dòng chữ này có lẽ sẽ đến tay Nguyên Hưng vào những ngày cuối năm, trong khi ở các chợ Saigon thiên hạ đang tấp nập mua bán. Tôi có thể tưởng tượng được những núi dưa hấu cao ngất, những trái dưa hình thật tròn, da thật xanh và ruột đỏ thắm. Mùa này, ở đây, không sao tìm ra được một trái dưa hấu. Nếu có thì chắc chắn thế nào tôi cũng mua một vài trái rồi gọt thành những cái đèn dưa thật đẹp rồi. Hôm qua tôi có nhận được từ bên nhà gởi qua một gói quà tết, trong đó có mấy miếng trầm, mấy cây đèn bạch lạp, một hộp trà, một ít mức gừng, một ít mức trái tắc, và hạt dưa… Tôi mừng lắm. Tối qua, như một người rất nhàn rỗi, tôi đun nước pha trà, thắp bạch lạp và ngồi cắn hạt dưa một mình. Steve không chịu cắn hạt dưa, nói cho đúng là không biết cắn hạt dưa. Steve cũng không thể ăn mứt gừng; chú ta có nếm một tí và nhăn mặt kêu cay quá. Cậu chỉ uống được trà và nhắm nháp ít trái tắc.

Steve hỏi tôi ăn cái thứ hạt dưa ấy thì có ích lợi gì. Tôi nói: có nhiều cái lợi lắm chứ. Ở đây tuy người ta ăn rất nhiều trong các cuộc lễ, lễ giáng sinh, lễ tạ ơn vân vân… nhưng người ta không nói đến tiếng ăn. Còn bên xứ chúng tôi người ta nói thẳng thắn là ăn. Ăn Tết, ăn lễ sinh nhật, ăn cưới, ăn hỏi, ăn khảm tháng, ăn ngũ tuần, ăn lục tuần, ăn thượng thọ, ăn giỗ, vân vân… Mà Tết thì kéo dài những ba ngày; trong ba ngày liền phải ăn luôn miệng. Đi đâu, gặp ai mời, cũng ăn, cũng phải ăn. Mà thức ăn cũng mau no, chỉ có hạt dưa là ăn mãi không no. Như vậy cái lợi thứ nhất là ăn mãi mà không sợ phải no. Cái lợi thứ hai là ăn hoài mà không sợ hại cho sức khỏe. Ăn cái gì

nhiều cũng có thể đau bụng, đau gan, trúng thực nhưng mà ăn hột dưa thì không sao; vì tuy cái miệng ăn hoài mà cái dạ dày không bao giờ đầy. Cái lợi thứ ba là đỡ phải nói chuyện nhất là khi ta không biết chuyện gì mà nói. Dù sao thì cái miệng của tôi cũng đang làm việc mà: Tôi ít nói vì cái miệng tôi đang ăn hạt dưa, chứ không phải làtôi không biết nói chuyện. Cái lợi thứ tư là tránh được cái hại đa ngôn đa quá. Hạt dưa dạy người ta ít nói, dạy người ta im lặng để suy nghĩ về những điều mình muốn nói, dạy người ta biết nghe những người khác. Từ đứa trẻ năm tuổi cho đến ông già tám mươi ai cũng có thể dạy cho ta được nhiều điều bằng các câu chuyện của họ - người ta thường là thế. Hạt dưa khiến cho ta chín chắn hơn, và giúp ta tránh được những câu nói vô ích, lầm lỡ, nhất là câu tuyên bố bừa bãi không dựa trên căn bản suy tư và nhận xét nào cả. Trong trường hợp này, biết thì thưa thốt, không biết thì "cắn hạt dưa" mà nghe. Khỏi phải dựa cột. Steve cười ngất khi nghe tôi nói như vậy và bảo rằng tôi có thể viết những ý đó thành bài nói về cái triết học của hạt dưa đỏ.

Ở nơi Nguyên Hưng ở, bây giờ đã bớt rét chưa? Bên này cố nhiên là trời còn rét lắm. Còn độ hai tháng nữa mùa đông mới qua. Tôi chắc ở chùa Từ Hiếu, các đồi thông đã bắt đầu xanh mướt rồi. Các đọt thông ở đấy vào mùa Xuân sao mà thẳng mà đẹp đến thế. Tôi biết thế nào Nguyên Hưng cũng để rất nhiêu thì giờ đi giữa những cây thông xanh mướt. Tôi chưa bao giờ nỡ bẻ một cành thông, thế nhưng tôi biết những đồi thông mang nhiều thương tích vào những ngày đầu Xuân khi thiên hạ đi hái lộc. Một cái vườn chùa đẹp đến mấy mà sau bữa hái lộc cũng trở thành xác xơ. Tôi nhớ có một năm nọ, chùa Xá Lợi phải trồng một ít cành thông để cho tín đồ hái lộc, như vậy đỡ hại cho những cây cảnh mà chùa phải săn sóc hết hơi mới có lên được. Tôi không biết cái gì đã xảy ra vào tối giao thừa. Không lý chùa phải yết thị rằng hái lộc thì chỉ được hái những cây thông còn các cây khác thì chừa ra. Nếu thế thì sẽ không ai hiểu tại sao. Mà nếu hiểu tại sao thì người ta sẽ không hái lộc nữa, bởi vì người ta nghĩ những cành thông kia không phải thực sự hút nhựa từ đất Phật, không thật sự mọc lên từ đất Phật. Cái tục hái lộc thì thật đẹp nhưng mà đông người hái lộc quá thì không còn đẹp nữa. Tôi nghĩ đến những buổi cầu nguyện đông đảo những buổi thuyết pháp đông đảo và tôi ao ước chúng ta còn có thể duy trì được những cảnh chùa thật thanh tịnh, những buổi gặp mặt truyền tâm giữa một thầy và một trò. Tôi ưa đi vào một chánh điện thanh tịnh và nhỏ bé, một chính điện dành cho sự đối thoại cá nhân giữa con người và đức Phật. Sự đối thoại ấy mới dễ trở thành một sự đối thoại tâm linh của chính mình. Chùa chiền và giáo đường bây giờ có khuynh hướng xây cất cho sự cầu nguyện tập thể. Đó là nhu yếu. Tôi cũng khát khao sự truyền tâm giữa một thầy một trò trong đó trò biết là tất cả con người của

thầy đang hướng về mình, kêu gọi sự thức tỉnh và đáp ứng nơi mình, và thầy cũng biết là trước mặt mình cũng chỉ có một trò với tất cả con người trọn vẹn và đặc thù của nó. Trong đại hội Linh Sơn, khi Phật đưa cành hoa lên thì chỉ có Ca Diếp mỉm cười. Đột nhiên đại hội Linh Sơn biến mất, sự có mặt của mọi người trở nên không có. Chỉ có hai người: Phật và Ca Diếp là những người thật sư có mặt. Đám đông Nguyên Hưng ơi, trong những trường hợp như thế, chỉ là một con số không.

Có một buổi chiều đi bộ từ Nam Giao lên chùa tôi gặp một đoàn thiếu niên thiếu nữ Phật tử đi cắm trại từ các đồi thông Từ Hiếu về. Họ đi rải rác, người đi bộ, kẻ đi xe đạp. Người đầu tôi gặp cầm trên tay một cành thông. Người thứ hai cũng vậy. Rồi người thứ ba cũng vậy. Rồi đến cả đoàn. Tôi thấy xót ruột và đau xót cho những đồi thông. Có lẽ ngày Tết cơ sự cũng xẩy ra tương tợ như thế. Tết nầy Nguyên Hưng nhớ “bảo vệ” giúp các đồi thông nhé.

Giờ mà Nguyên Hưng đón giao thừa bên đó thì bên này là giữa trưa. Nghĩ cũng là một điều hay. Năm ngoái tôi đón giao thừa ở Princeton vào lúc mười hai giờ trưa, cùng với một em bé Việt Nam mời được ở cách đó không xa. Giờ đó, thành phố đó, thời tiết đó mà trong phòng chúng tôi cũng có giao thừa. Thiên hạ bên này vẫn đi làm việc tám giờ một ngày, chẳng ai để ý rằng ở Việt Nam Nguyên Hưng đang đón giao thừa, đang ăn Tết. Tại vì tôi biết tôi còn ở đây cho nên tôi cũng biết Nguyên Hưng còn ở đó, Việt Nam còn ở đó, và đêm Giao thừa vẫn hiện hữu. Tất cả chỉ là vấn đề nhận thức, chủ thể nhận thức không rời đối tượng nhận thức. Tôi nhớ có một bữa trưa tôi vào đọc sách nơi phòng triết học của thư viện Butler. Khi vào, tôi chỉ thấy có hai người đang ngồi tra cứu, hai người đàn ông lớn tuổi. Bữa đó tôi đi tìm đọc một cuốn sách của giáo sư Sneider. Đọc được một lúc, không biết rõ là bao lâu, bỗng dưng tôi thoáng thấy mùi hoa bưởi. Ban đầu tôi ngạc nhiên hết sức vì tôi nghĩ rằng ở địa phương này làm gì có hoa bưởi. Nguyên Hưng nên nhớ rằng tôi xa nhà đã lâu và bất cứ hình sắc âm thanh hương vị nào của quê hương đối với tôi cũng vô cùng quý giá, cứ tưởng tượng ngồi tại một xứ xa thật xa, mấy năm trời tự dưng được nghe thấy mùi hoa bưởi kỳ diệu ấy:

Bông lài, bông lý, bông ngâu,

Chẳng bằng bông bưởi thơm lâu, dịu dàng.

Mùi hoa bưởi, mùa hoa của quê hương của ca dao, tôi không đọc Sneider được nữa. Tôi suy nghĩ, và tôi kết luận rằng mùi đó không có thực, không

phải là từ tánh cảnh, đới chất cảnh mà từ độc ảnh cảnh tới, nghĩa là ảnh tượng khứu giác được phát hiện trở lại từ tiềm thức. Như thế thì đã có một vài lần tôi trải qua trường hợp ấy rồi. Tôi yên trí, tiếp tục đọc Sneider. Nhưng chỉ một lát sau, mùi hoa bưởi trở lại, hiện thực hơn nhiều, khiến tôi ngừng đọc, ngồi xét lại. Tôi nghĩ rằng có người nào mới vào phòng đọc sách, trong số đó có thể có một cô nữ sinh có sức nước hoa mùi hoa bưởi. Kỳ thực tôi không biết có thể có thứ nước hoa chế tạo bằng hoa bưởi không. Nhưng tôi cứ cho là có. Và tôi nghĩ, trong lúc đầu vẫn cứ nhìn vào trang sách như từ khi mới ngồi xuống đọc, rằng người phụ nữ trang điểm bằng thứ nước hoa kia phải là một người thanh nhã, có dáng dấp Việt Nam, ít nhất là dáng dấp đông phương. Có một cái gì thúc đẩy tôi nhìn lên coi ai mang theo mùi hoa bưởi thân yêu đó. Nhưng mà tôi vẫn không ngửng đầu lên. Tôi tinh nghịch nhủ rằng nếu ngửng đầu lên và tìm thấy một người không giống gì hết với sự tưởng tượng, nghĩa là một người không trang nhã, không có tính cách đông phương, một người béo tốt đẫy đà phấn son trát đầy đầu đầy cổ thì tôi sẽ bị nếm một thứ thất vọng nào đó. Như vậy mà tôi ngồi cho tới năm phút, không ngững đầu lên mà cũng không đọc Sneider. Rồi kết cuộc thì ra làm sao, tôi biết, Nguyên Hưng sẽ hỏi. Nhưng mà tôi không nói đâu, Nguyên Hưng tự đoán lấy. Ai dại gì mà nói điều ấy cho Nguyên Hưng nghe. Tôi mắc cở lắm. Chỉ khi nào Nguyên Hưng giỏi thật giỏi không cần biết tới các kết thúc của câu chuyện thì tôi mới nói cho Nguyên Hưng nghe mà thôi.

Nguyên Hưng, tôi đã phải học thêm Duy Thức từ lúc mười sáu tuổi và cái tuổi non nớt đó không cho phép tôi hiểu thấu được những cái như kiến phần tướng phần, sở sở, duyên duyên. Rất khó mà hiểu tại sao kiến phần và tướng phần là những cái không thể rời nhau mà hiện khởi, tại sao mà chủ thể không thể tồn tại biệt lập ngoài đối tượng. Ấy thế mà hồi đó tôi cũng biết đàm luận về Duy Thức cũng làm bài thi và cũng được điểm cao. Tôi lý luận như thế này: Duy thức là nhờ vào nhận thức thì vạn hữu mới trở thành thực hữu. Không có nhận thức thì do đâu mà biết có với không tức cũng như không có gì cả. Đó, tôi chỉ cắt nghĩa ngây thơ như vậy, còn các lối giải bày khác tôi không nắm được, hoặc tôi cho là vô lý không thể chấp nhận được. Những dòng này do tôi viết và Nguyên Hưng sẽ đọc. Những dòng nầy hiện giờ Nguyên Hưng chưa đọc. Vậy thì những dòng nầy, kể cả bản chất tư tưởng tình cảm, giấy, mực, thời gian, không gian, nét chữ vân vân… chỉ nằm trong nhận thức tôi. Và cả Nguyên Hưng nữa, Nguyên Hưng đối tượng của những dòng chữ này, cũng nằm trong nhận thức tôi. Mà tất cả mọi hiện tượng khác như quê hương Việt Nam với những cây cam cây bưởi đầy hoa, những cây dừa duyên dáng những cây cau cao vút và thẳng băng, cũng như thành phố náo nhiệt tôi ở đây, cũng như mặt trời, tuyết, mây, trăng, sao…

đều nằm trong nhận thức tôi. Tất cả đều là khái niệm và thế giới của tôi trong đó có Nguyên Hưng, có cây bưởi, cây chanh cây khế, cũng là một thế giới khái niệm. Vài bữa nữa thì những dòng chữ nầy tới tay Nguyên Hưng. Nguyên Hưng ssẽ thấy tôi hiện hữu trong đó, thành phố tôi hiện hữu trong đó, nhưng mà tất cả những thứ ấy cũng trở thành khái niệm trong nhận thức Nguyên Hưng và không thể được đồng nhất đối tượng của nhận thức tôi. Và ta cứ cho rằng thực tại bản chất tánh cảnh vô chất nằm trong phần căn bản của nhận thức cộng đồng, hoặc có thể gọi là tự thể phần của thức hay của thức cộng đồng cộng biến; còn thế giới khái niệm, thế giới đới chất và độc ảnh, là thế giới được tạo tác nên do khuynh hướng biến kế chấp trong đó tướng phần và kiến phần là hai mặt hiện tượng của một tự thể… Điều này tôi thấy rõ trong một buổi khuya ở chùa Trúc Lâm cách đây chưa đầy hai năm. Đêm đó tôi thức dậy lúc hai giờ rưỡi khuya và không ngủ lại được nữa. Tôi nằm yên lặng cho đến khi chuông khuya bắt đầu ngân nga mới chỗi dậy. Tôi đưa chân xuống tìm đôi dép nhưng không tìm ra, có lẽ đôi dép đã bị tôi đẩy vào gậm giường từ hồi tối. Tôi không tìm đôi dép nữa, cứ đi chân trên nền đất tìm ra cửa sổ. Nền đất lạnh gây cảm giác mát lạnh nơi gang bàn chân của tôi, và sự thấm lạnh ấy đột nhiên khiến tôi tỉnh táo và minh mẫn một cách lạ thường. Tôi đi từng bước tìm tới cửa sổ và tỳ tay nơi cửa sổ nhìn ra ngoài. Trời đất vẫn còn đen tối và tôi không nhìn thấy được gì cả. Tuy nhiên trong đêm đen, tôi vẫn biết cây lá trong vườn còn đó, và bụi trúc đào cũng còn đó ở bên góc kia. Cây hoa dại vẫn còn ở trước cửa sổ tôi. Mà sở dĩ như vậy là tại vì chủ thể nhận thức không thể tồn tại ngoài đối tượng nhận thức. Trong lòng đêm thâu hay trong lòng nhận thức cũng vậy, khóm trúc, cây hoa dại đang đóng vai trò đối tượng sở duyên, chủ thể nhận thức và đối tượng nhận thức không thể rời nhau. Và ngoài kia, núi sông, trời đất, những ngôi sao lớn nhất, và thực hữu, và mặt trời của tôi cũng chỉ nằm trong lòng nhận thức. Đột nhiên thời gian và khoảng cách tự nhiên tiêu diệt, tan biến. Đột nhiên năng và sở tan biến. Đột nhiên diệt và sinh tan biến. Dù em có xa cách vạn muôn do tuần ấy cũng được nối liền trong một lân hư trần. Dù cho bách thiên vạn kiếp thì bách thiên vạn kiếp ấy cũng trở về nối liền với hiện tại trong một sát na. Hiện hữu của em tự nhiên trở về bừng hoa nơi nhận thức tôi. Đột nhiên tôi mĩm cười. Có lẽ lúc ấy mà có một người rình thấy được tôi đang cười trước một đêm đen không trông thấy gì, không trông thấy ai mà cũng không có gì trông thấy mình, không có ai trông thấy mình, người ấy sẽ ngạc nhiên, hoặc có thể hoảng sợ lạnh tới xương sống. Bởi vì cái cười của tôi đối với người ấy có thể có tính cách ma quái hoặïc là của một người sắp sửa điên tới nơi rồi. Có chi mà đáng mỉm cười trước một cái màn đêm đen nghịt và vô nghĩa như vậy. Nhưng Nguyên Hưng biết rằng màn đêm tuy có đen nghịt thật nhưng không vô nghĩa chút nào. Nó trở thành rạng rỡ vô cùng

trong nhận thức tôi. Và hiện hữu mầu nhiệm trở thành bừng tỏa nơi nụ cười huyền diệu ấy. Tôi biết là em còn đó vì tôi còn đây và tôi biết tôi còn đây vì em còn đó. Nếu có thì năng duyên và sở duyên cùng có, nếu không thì năng duyên và sở duyên cùng không. Cho nên chủ và khách cùng thuộc về một tự thể vào trong chủ đã có sẵn khách.

Tôi biết rằng lát nữa khi bình minh về thì sẽ cũng không có gì khác lạ xảy ra trên bình diện hữu thể. Mầu trời xanh biếc phương tây và màu chân trời hồng đỏ phương đông cũng chỉ là xanh là hồng trong nhận thức tôi. Xanh không phải thuộc về tự thể xanh và hồng cũng không thuộc về một tự thể hồng. Xanh cũng có nghĩa là xanh đối với tôi, trong nhận thức tôi. Cũng như hồng. Cũng như Sinh. Cũng như Diệt. Cũng như Đồng. Cũng như Dị. Cũng như Lai. cũng như Khứ. Tất cả đều chỉ là hình ảnh nhận thức. Nhìn vào mắt tôi đi và em sẽ thấy em trong đó. Em rạng rỡ thì mắt tôi cũng rạng rỡ. Em mầu nhiệm thì nhận thức tôi cũng mầu nhiệm. Và ngược lại, tôi xa xăm thì em, hình bóng em va tự thể em, cũng trở nên xa xăm. Hãy nhìn vào mắt tôi thì em sẽ biết vũ trụ của tôi sáng hay tối, thiện hay ác, vô cùng hay hữu hạn, sinh tử hay niết bàn. Có lần Trụ Vũ nói:

Bởi vì mắt thấy trời xanh

Cho nên mắt cũng long lanh mầu trời

Bởi vì mắt thấy biển khơi

Cho nên mắt cũng xa vời đại dương.

Nguyên Hưng, khi nụ cười trong đêm thâu bừng nở rồi thì tôi có cảm giác nhẹ nhàng như mây khói và tôi thấy tôi nằm ngữa bơi nhẹ nhàng trên một giòng suối trong mát lạnh. Đầu tôi gối trên những chiếc gối sóng nhỏ. Nhìn lên trời tôi thấy trời xanh mây trắng của ngày cũ. Mây vẫn trắng, trời vẫn xanh. Mây có thể trắng hơn và trời có thể xanh hơn. Đó phải chăng là dấu hiệu của thực tại bất sanh bất diệt? Tôi nghe lá thu khô xao xác trong rừng cây, tôi ngửi thấy hương thơm ngất ngây của cỏ rơm đồng nội.

Những cảm giác ấy thoáng qua mau khi tôi trông thấy một ngôi sao trên trời. Ngôi sao đưa lối cho tôi trở về trước cửa sổ, hai chân trên nền đất mát và hai bàn tay tỳ lên song cửa. Tôi còn đây, tôi hiện hữu cho thế giới hiện hữu, cho em hiện hữu. Cũng như hòn sạn kia, cũng như đám mây kia. Sự hiện hữu của chúng kéo theo sự hiện hữu của tôi. Và nếu viên cuội kia mà không thật sự hiện hữu thì tôi đây làm sao hiện hữu được? Đã có thì có từ hạt bụi. Mà

hạt bụi đã không thì tam thiên đại thiên thế giới cũng không. Tôi cũng không. Em cũng không.

Nguyên Hưng, tôi thấy tôi rất bằng lòng cái quê hương này của chúng ta. Dòng sông kia là hình bóng trôi chảy dịch hóa của vạn tượng. Nhờ có sự trôi mà có sự sống. Sự chết cũng nằm trong sự Sống bởi vì không có chết thì không thể có sống. Hoan nghênh sự trôi chảy. Hoan nghênh vô thường vô ngã. Bởi vì có vô thường vô ngã nên mới có thế giới đẹp đẽ của thi ca của thiền. Và còn vườn chuối của đồng bằng kia nữa. Hình bóng của êm mát, ngọt ngào, hiền lành. Và cũng còn những hàng cau thơm ngát… Mặt trái đất sở dĩ đầy tràn cát bụi, là vì chúng ta chỉ nhìn xuống cát bụi. Không, tôi không muốn rời bỏ chốn này để đi về cực lạc hay thiên đường. Quê hương của tôi là đây, ngay trên mặt đất. Chỉ cần ngẩng đầu nhìn lên là tôi trông thấy trăng sao của đêm rằm, của tâm linh. Chính vì được ở đây, vì được dứng đây nên tôi mới thấy được như thế. Điều quan yếu không phải là từ giã, chối bỏ, trốn tránh. Điều quan yếu là nhận thức ra rằng hễ mắt ta mở thì ta trông thấy… Cảnh giới niết bàn quyết định có đủ những thứ cây như cây bàng, cây cau, cây khế, cây chanh, cây bưởi. Tôi thấy như thế. Và tôi buồn cười quá. Tôi buồn cười cho chính tôi, ngày xưa, đã đi tìm niết bàn như một cái gì cách biệt và trái chống với thế giới sinh diệt… Chân như hiển hiện mầu nhiệm nơi tử sinh.

Nguyên Hưng chắc còn nhớ những cơn mưa lớn ở miền Nam đất nước ta. Có một lần tôi ngồi ở nhà một người bạn tôi trông thấy một cảnh tượng mà nhìn ngắm mãi không biết chán. Trời mưa lớn. Bên kia đường. Đối diện với chỗ tôi đang ngồi là một tiệm bán chạp phô lụp xụp. Trong tiệm treo đầy những guốc giây thừng, dây kẽm, song chảo, và bày biện một ngàn thứ lặt vặt khác như nước mắm, đèn cầy, tương kẹo đậu phọng, vân vân… vì vậy tiệm tối om. Lại thêm trời mưa to nữa. Tôi thấy một đứa bé chừng sáu tuổi đang ngồi ăn cơm một mình trước cửa tiệm ngay chỗ bậc cửa ra vào, gần sát giọt nước trên mái chảy xuống. Đứa bé ngồi trên một chiếc đòn thấp. Nó ở trần và chỉ mặc một một chiếc quần cụt. Thân hình đứa bé đen nám, có lẽ tại nó hay chạy chơi ngoài nắng quá. Tay trái nâng một bát cơm, tay phải thì cầm đũa. Nó ăn rất dè dặt, mắt hết ngước nhìn những giọt nước rơi từ mái tôn theo những chiếc bong bóng trước sân. Tôi ngồi cách nó chừng mười thước, nhưng tôi có thể biết được đứa bé đang ăn cơm với trứng vịt chan nước mắm. Những miếng trứng vịt nhỏ xíu chôn dưới đáy bát. Nó lấy đũa moi lên và ăn từng miếng cơm một cách dè xẻn. Vừa ăn nó vừa ngắm mưa một cách thích thú vô cùng và cũng bình tĩnh vô cùng. Tôi ngắm nhìn nó và theo dõi nó trong từng cử chỉ từng cách nhìn. Thân hình nó có vẻ rắn chắc,

mạnh khỏe. Ngắm nó tôi thấy sự an lạc. Có lẽ cái chữ le bien-être của tiếp Pháp theo nghĩa chính xác nhất là dùng vào đấy thì rất đúng. Và rất hay nữa. Tôi thấy tim nó đập điều hòa. Phổi nó, dạ dày nó, ruột nó, gan nó, các hạch tiết tuyến của nó làm việc điều hòa. Cái gì cũng thông suốt, cái gì cũng không bị trục trặc. Giả dụ nó bị nhức răng thì cái diện mạo của nó sẽ nhăn nhó, sẽ khó chịu, nó không thể nào an nhiên hạnh phúc như thế kia được. Tôi ngắm nó như ngắm một sự toàn bích, như ngắm một bông hoa, như ngắm một cảnh bình minh. Và tôi chợt thấy chân như và niết bàn hiện hữu. Tôi bị thâu hút vào hình bóng đó và an nhiên trầm tĩnh ngắm nhìn đứa bé như biểu hiện của pháp thân, của niết bàn, của sự an lạc. Tôi thấy sự an lạc đó nơi cách nhìn, mỗi cái và cơm, mỗi cái ngước mắt. Tôi biết chắc rằng lúc đó nó không có ý thức phân biệt rằng nó thuộc giai cấp nghèo, nó không thấy cái quần cụt đen đúa của nó là xấu xí so với quần áo sang trọng của những đứa trẻ khác, rằng chân nó không có giày đẹp, rằng ghế nó ngồi là một cái đòn khập khểnh nghèo nàn. Không không phân biệt, nó không tủi thân, nó không ham muốn. Mà nó sung sướng hoàn toàn, an lạc hoàn toàn. Chỉ nhìn nó, tôi cũng thấy an lạc tràn ngập cả bản thể. Lúc đó có mấy cái bóng đi qua đường, mầu tím mầu đỏ. Tôi thấy nó ngước lên nhìn một một chút - tôi theo dõi nó rất tỷ mĩ - rồi lại đưa mắt trở về với đám bọt nước trước sân, miệng vẫn nhai và cái đầu gục gặc có vẻ thích chí lắm. Tôi biết nó không mảy may chú ý về những người vừa đi qua đường mà tôi biết chắc là hai người thiếu nữ mang dù, vài tôi thoáng thấy những cái áo màu tím màu đỏ. Và chắc chắn cũng vì những cái màu đó, những cái màu chói lọi đó, mà nó ngước mắt lên mà thôi. Mặt nó không lộ một tí thay đổi nào khi nhìn lên. Bỗng tôi thấy nó đưa mắt về phía đầu đường và miệng nó nở một nụ cười rạng rỡ. Nó hoàn toàn bị thu hút bởi cái cảnh tượng đầu đường. Thấy rõ sự sung sướng cực độ biểu lộ trên mặt nó, tôi cũng nhìn về đầu đường. Tôi thấy có hai đứa trẻ đẩy một chiếc xe mây có bốn bánh gỗ đi lại, trên xe có em bé ngồi. Tất cả đều ở truồng. Và cả ba đứa nô đùa thích thú trong mưa. Những chiếc bánh xe gỗ lăn mau, thỉnh thoảng gặp những vũng nước trên đường bắn tung tóe ra hai bên. Tôi nhìn trở lại đứa bé đang ăn cơm. Nó ngừng hẳn công việc ăn và theo dõi trò chơi của ba đứa trẻ ngoài đường. Hai mắt sáng như sao. Tôi không biết hai mắt của tôi có phản chiếu hai mắt của nó không, nhưng có một điều tôi biết rõ là lúc đó tôi cũng sung sướng cực kỳ. Có lẽ là không sung sướng bằng nó, cũng có thể là tôi sung sướng hơn nó, hơn ở chỗ tôi biết sung sướng.

Bỗng tôi nghe nó dạ một tiếng và ôm bát đũa vào nhà. Có lẽ cha mẹ nó gọi vào để bảo nó xới thêm một bát cơm nữa. Hồi lâu tôi thấy n ó không trở ra. Nó có thể trở vào ngồi ăn chung với bố mẹ nó. Cũng có thể nó bị mắng là ăn

một chén cơm lâu quá không xong chỉ lo ngồi chơi ở ngoài ngưỡng cửa. Nhưng mà bị mắng như thế thì tôi nghiệp quá. Người ta không biết được rằng nó được sống ở thiên đường ở niết bàn, ở chân như. Người ta không biéùt được rằng những phân biệt, những mừng tủi, những toan tính giết chết thiên đường. Xin đừng la mắng ánh sáng, đừng la mắng những con chim mùa xuân bé nhỏ.

Làm sao anh lên thiên đường được nếu anh không trở thành trẻ thơ. Làm sao anh thấy được chân như bằng con mắt phân biệt. Những hàng chữ này tôi muốn tự nhiên mà trở thành thơ dại. Tôi muốn đè cổ Nguyên Hưng xuống để xem cái xoáy tóc ở phía nào. Một xoáy ở với cha, hai xoáy ở với mẹ, ba xoáy ở với dì… mấy xoáy thì ở với quê hương nhỉ. Tôi đang ngồi đây, chờ Nguyên Hưng trả lời. Tuyết giờ này đang rơi. Tôi muốn liệng về cho Nguyên Hưng một nắm lạnh buốt.

Ngày xưa chúng ta đã từng ước muốn làm những chàng dũng sĩ cần thiết cho cuộc đời, "bể trầm luân lấp cho bằng mới thôi". Nhưng chúng ta không biết rằng những chất liệu nào người ta có thể tạo nên một chàng dũng sĩ. Chúng ta muốn được như những chàng dũng sĩ trong các truyện kiếm hiệp. Bây giờ ngồi đây, nhớ lại ước ao đó mà bất giác mỉm cười. Bộ mặt chúng mình không giống gì một dũng sĩ cả. Thà như ngày xưa cầm kiếm tre đánh nhau và bắt chước y hệt của những lời kiếm khách. Bây giờ nơi thành phố náo nhiệt và lạnh buốt này viết cho Nguyên Hưng lòng tôi cũng vẫn còn đôi chút rộn ràng về cái mộng ngày xưa. Thì ra cuộc đời từ khi có cái mộng của chúng ta vẫn là một cuộc đời kiên nhẫn, kiên nhẫn chờ đợi những chàng dũng sĩ không thể không có trong cuộc đời. Nhưng mà các chàng dũng sĩ ngày xưa trước khi xuống núi cứu giúp đời đều được huấn luyện võ nghệ thời gian lâu dài với các bậc kiếm tiên sư phụ. Còn vốn liếng của chúng ta chỉ có một cuốn Tỳ Ni Nhật Dụng và những cái tài nấu cơm, quét sân, gánh nước, bổ củi. Đã thế trong những kẻ học làm dũng sĩ như chúng ta, có nhiều người không nắm được về kỹ thuật nào về sự nấu cơm, quét sân, gánh nước và bổ củi ấy. Rồi bị bắt buộc vào núi, hoặc tình nguyện xuống núi. Tài nghệ không có, bản lĩnh không có làm sao mà cứu giúp đời. Ấy vậy mà một số người trong chúng ta đã tưởng mình là những chàng dũng sĩ thực thụ. Những chàng dũng sĩ cần thiết cho cuộc đời. Và chính cuộc đời cũng nói như thế, cũng công nhận như thế! Cuộc đời chỉ cần những chàng dũng sĩ giả hiệu, và các chàng dũng sĩ như chúng ta vì thế càng ngày càng tin chắc mình là dũng sĩ. "Cuộc đời nếu không có ta…" Nếu không có ta, chắc cuộc đời đã tàn lụi rồi nhỉ. Nhưng mà Nguyên Hưng ơi trong những năm ở Phương Bối và chính ngay bây giờ nữa, cuộc đời đã tàn rụi đâu. Cuộc đời còn đó, kiên nhẫn

chờ đợi mà. Chỉ sợ những người muốn làm dũng sĩ không chờ đợi được chính mình mà thôi. Chúng ta đã gặp những chàng dũng sĩ trên bước đi của chúng ta. Không có bản lĩnh thực của dũng sĩ, họ phải mượn tạm khí giới của cuộc đời. Họ sử dụng được tiền bạc, danh vọng và thế lực. Nhưng mà những khí giới ấy chỉ có thể đối phó với cuộc đời thôi chứ không thể đối phó với bản thân và bảo vệ cho đời sống thực sự của chính các chàng dũng sĩ. Để đối phó với vấn đề sinh tử của chính mình, các chàng dũng sĩ phải dùng sự bận rộn. Sự bận rộn, sự bận rộn. Ai chế tạo ra hóa phẩm kỳ diệu này mà sức tàn phá không khác bom nguyên tử, không khác chi khói thuốc phiện. Cái thế giới nội tâm trống trải quá, và con người bây giờ có thể đối phó với một cuộc chiến tranh dễ dàng hơn đối phó với một cái trống trải của lòng mình. Bận rộn công việc thì than phiền là bận rộn chẳng có thì giờ nghỉ ngơi được. Con người bây giơ không biết nghỉ ngơi. Hoặc giả chỉ biết nghỉ ngơi bằng những loại bận rộn khác, cũng được gọi là bận rộn. Hễ có được một chút thì giờ rỗi rãi ngừng tay thì không chịu đựng nổi. Phải với tay vặn cái nút thu thanh. Hoặc phải vớ lấy một tờ báo, đọc bất cứ bài vở gì, tin tức gì. Đọc quảng cáo cũng được. Phải có một cái gì để nhìn, để nghe, để nói, để trấn giữ đừng để cho cái đầu của sự trống trải xuất hiện. Mặt mũi của sự trống trải sao mà kinh khiếp quá.

Nguyên Hưng, hồi nhỏ tôi có đọc những câu chuyện nói về kẻ ra ngoài thì tả xung hữu đột oai phong lẫm liệt nhưng đến khi về tới nhà là sợ vợ thin thít không dám cựa quậy. Thì những chàng dũng sĩ của ra cũng thế đó. Nhìn qua cái bận rộn của họ, ta có nghĩ rằng họ là dũng sĩ thật nhưng đến khi theo họ trở về nội tâm thì ta tháy tình cảnh tan hoang bi thảm không cùng. Chàng dũng sĩ của chúng ta đi xuống núi là để chuyển hóa cuộc đời nhưng rốt cuộc lại bị cuộc đời chuyển hóa… Tay ấn không vững thì đã không trị được âm binh ma chướng mà còn bị âm binh ma chướng vật ngã nữa. Chàng dũng sĩ của chúng ta không có được một chút bản lĩnh tâm linh nào thì làm sao có thể là một chàng dũng sĩ thật sự?

Nguyên Hưng cũng biết rằng cái cuốn Ty Ni Nhật dụng ấy là một thứ sách "binh pháp nhập môn" của chúng ta; thứ sách khi chúng ta mới được gia nhập thiền môn thì chúng ta phải lấy ngay sách đó làm sách gối đầu giường. Nó chỉ cho chúng ta nắm lấy tâm ý của chúng ta. Trong những phương pháp động tác thường nhật như ăn uống, đi đứng, nằm ngồi, làm việc… Chúng ta phải tự theo dõi chúng ta, dò kiếm những dấu chân và công việc đó khó khăn như công việc dò theo dấu chân trâu để tìm ra con trâu lạc. Dễ gì mà dò biết được lối đi nẻo về của tâm của ý. Tâm ý chúng ta cũng như con vượn chuyền cành. Nó chuyền cành này sang cành khác, thoan thoát mau lẹ. Bắt

được nó không phải là chuyện dễ, nhưng công việc ở đây không phải là công việc bắn chết. Công việc ở đây không phải là công việc dọa dẫm, ép buộc. Công việc ở đây là biết được đường đi nẻo về của nó, để không cần dọa dẫm ép buộc mà vẫn có thể đi sát với nó, có nó trong tay bất cứ lúc nào mình muốn. Cuốn sách mỏng đó cho ta những biện pháp đầu để đối phó, hồn nhiên mà vô cùng hiệu lực. Nó dạy ta quan sát và điều phục theo một đường hướng rất thich hợp thiên nhiên tất cả mọi động tác thân thể ngôn ngữ tâm lý của chúng ta. Khi ta đưa hai bàn tay vào chậu nước trong chẳng hạn, nó dạy ta làm phát khởi trong có một tư tưởng trong sáng, tin tưởng và ý thức: "Khi tôi rửa tay bằng nước trong, tôi ước ao bằng mọi người trong chúng ta đều được hai bàn tay tinh khiết để có thể tiếp nhận và duy trì chân lý". Và trong tất cả mọi động tác, những tư tưởng trong kia đến cùng với ý thức minh mẫn, để tạo nên chánh niệm làm cho mọi động tác thường được coi là tầm thường nhất như đi vệ sinh, hốt rác, chặt cũi… cũng trở nên thánh thiện. Tràn ngập tính chất thi ca và nghệ thuật. Za-zen. Thiền thì đâu cần ngồi. Cuộc đời không phải để mà ngồi dù ngồi chín năm xây mặt vào vách cũng thế. Ngồi chỉ là những bước đầu. Cũng vì vậy mà chúng ta đã được hướng dẫn nấu cơm, rửa bát không chỉ là để có bát sạch. Nói cho đúng mức ngôn ngữ, thì nấu cơm không phải để có cơm, rửa bát không phải để có bát sạch. Và nấu là nấu chứ không phải là nấu cho xong, rửa là rửa chứ không phải là rửa cho xong với ý định là làm cho xong kẻo mệt, làm cho rồi bổn phận, để mà nghỉ, để mà tham thiền, thì việc làm ấy sẽ là hư công, vô ích, không nghĩa gì đối với thiền học. Rửa bát, quét lá trước sân, những việc ấy phải là thiền, là tu, là con đường thành Phật. Thành Phật không do sự lễ lạy, cúng vái ngồi "thiền". Thiền là ăn, là thở, là nấu cơm, là gánh nước, là chùi cầu vệ sinh. Thiền là dọi ý thức minh mẫn vào mọi động tác thân khẩu ý, là làm cho rạng rỡ những chiếc lá khô, những viên sỏi nhỏ, những đống phân bón, những cành cũi mục… làm cho rạng rỡ tất cả mọi đường đi nẻo về của tâm, của ý. Cho nên Nguyên Hưng biết rằng nắm được cái kỹ thuật nấu cơm, rửa bát, quét sân và nhặt củi ấy thì mới mong xuống núi làm chàng dũng sĩ. Một chàng dũng sĩ như thế thì có thể cười đùa trước các vũ khí của cuộc đời như tiền bạc, danh vọng và quyền thế. Một chàng dũng sĩ như thế thì có thể ngồi trên những đợt sóng thành bại mà không bị đưa lên dìm xuống bởi những đợt sóng thành bại và một chàng dũng sĩ như thế ít ai biết là một chàng dũng sĩ.

Nguyên Hưng, dù sao mùa xuân cũng đã thấy thấp thoáng ở quê nhà. Dù cho quê nhà đang lâm vào tình trạng khốn khổ đau thương đi nữa thì mùa Xuân cũng nên trở về để trao cho Việt Nam khổ đau bức thông điệp hy vọng của sự sống mầu nhiệm, để tất cả chúng ta đặt niềm tin ở tương lai mà vững lòng

đi tới. Tuyết đang rơi trước cửa sổ tôi, màu xanh còn vắng mặt. Nhưng thiều quang sẽ đến. Và hàng cây trụi lá khổ hạnh kia cũng như những bải cỏ chôn vùi dưới tuyết kia sẽ lấy lại được màu xanh mơn mởn của mùa Xuân thịnh vượng.

Hết chương 9

---o0o---

X

STEVE ơi, cái nhà của mình ở đường 109 đã được trả lại cho người ta rồi phải không? Thương quá đi! Chúng ta đã trải qua biết bao nhiêu vui buồn trong đó. Và đối với tôi, tôi không bao giờ có thể quên được bất cứ một chi tiết nào trong nó. Steve không nói nhưng tôi biết là sau khi tôi đi rồi Steve đã phải bắt buộc trả lại cái nhà đó để đi mướn một gian phòng khác, bởi vì một mình Steve làm sao trả được tiền nhà, tiền điện, tiền nước, và bao nhiêu thứ lặt vặt nữa liên hệ tới một cái nhà.

Nơi mà tôi đang ngồi viết cho Steve đây là một ngôi nhà lợp bằng lá dừa nước, một thứ cây mọc đầy ở rạch, các bưng, các vũng sình lầy ở miền Nam nước Việt. Vách của nó được trộn bằng đất bùn trộn lẫn rơm khô. Kín lắm, và cũng đẹp nữa. Chắc chắn là Steve chưa bao giờ thấy những cái vách trát bùn như vậy. Trước hết người ta lấy tre chẻ ra, gọt hai đầu, lắp vào các cây cột gỗ quanh nhà rồi lấy lạt buộc lại thành những tấm lưới tre chắc chắn. Sau đó đất bùn được lấy dưới sông lên, trộn với rơm khô. Bữa ấy tôi có yêu cầu các bác nông dân pha thêm tí xi măng vào cho chắc. Người ta lấy rơm bùn quấn vào các nẹp của tấm lưới tre cho các mắt lưới được bịt kín lại và cuối cùng lấy đất bùn trét lên cho phẳng. Những cái vách khi khô rồi cũng trắng bệch ra, nom rất đẹp. Ở đây là đồng quê, gió lộng nhiều, nhất là vào buổi chiều, nên làm vách như thế này thì kín và ấm lắm. Bây giờ là buổi sớm mai. Tôi ngồi viết trước một chiếc cửa sổ ngó ra đồng. Nắng vừa lên phía bên trái là đồng lúa còn con gái. Trước mặt cách tôi chừng năm trăm thước là một cái rạch sình lầy xanh um lá dừa nước. Bên phải có xóm làng với những cái chuồng trâu cao ráo, sát ngay rạch dừa nước. Đất miền này nhiều phèn lắm, và nhằm mùa nắng vấn đề nước uống là một vấn đề gay go. Tuy gần sông, nhưng mà vào mùa nắng thì nước mặn. Ở đây chỉ cách Saigon chừng mười cây số nhưng đã yên tĩnh và dễ chịu hơn Saigon nhiều lắm rồi. Tôi về đây từ hồi hôm. Dạy học ra muộn cho nên tới đầu cầu giáp giới của làng thì đã thấy trăng tròn nằm trên đọt cây dừa trên sông rồi. Gió trên cầu mát rượi. Tôi đi

thong thả vào làng. Ở Việt Nam, những làng như thế này là tương đối an có an ninh lắm. Tôi đã vừa được ngủ một đêm thanh tịnh ở vùng quê. Tuy thỉnh thoảng tiếng súng trong đêm vẫn nghe rõ mồn một.

Khu vực nhà tôi đang nói cho Steve nghe đây là một thí điểm làm "làng" của chúng tôi được khởi sự vài tuần lễ sau ngày tôi về tới quê nhà. Chúng tôi gọi nó là "làng tự nguyện đầu tiên". Đó là mẫu làng mà chúng ta đã bàn bạc nhiều với nhau trong lúc rỗi rảnh đó, Steve. Bây giờ nó đã thành sự thực. Ba tiếng "làng tự nguyện" gợi cho chúng ta hình ảnh một khu làng mà trong đó dân chúng tự tổ chức lại nếp sống kinh tế, giáo dục và y tế của họ theo xn tiêu chuẩn phát triển cộng đồng. Họ chấm dứt thái độ tiêu cực và trông chờ, phải có những người bạn có óc tổ chức, có kiến thức căn bản về sinh hoạt xã hội nông thôn sống ngay trong xóm làng, làm chất men cho tinh thần tự nguyện phát khởi. Ở khu làng thí nghiệm này, chúng tôi đã được dân làng chấp nhận như anh em bà con của họ, cái nhà mà tôi đang ở đây là một cái nhà bốn gian, ba gian là trường học, một gian là trạm y tế. Tất cả đều do các nông dân trong làng tạo dựng, với sự có mặt của chúng tôi. Nói cho đúng, chỉ có hai người con trai là Tâm Quang và Tâm Thái là ở thường trực trong làng, còn tất cả chúng tôi chỉ về thỉnh thoảng để học hỏi và thực tập. Chúng tôi cũng vừa mới mở một địa điểm thực tập khác, không xa lắm. Đây là ấp Thảo Điền.

Chắc chắn nếu Steve có ở đây thì Steve sẽ thích lắm. Nhưng mà Steve chưa thể qua đây được đâu. Hãy học cho xong chương trình mà em đang theo đuổi đã. Tôi cũng đã suy nghĩ về vấn đề để cho Steve qua đây theo học tại trường đại học Saigon để tìm hiểu thêm về văn hóa Việt Nam. Nhưng mà sau tôi nghĩ: Steve phải học xong chương trình ấy trước khi qua. Vấn đề không giản dị như chúng ta đã bàn với nhau ở Nữu Ước. Sự có mặt một người Mỹ như Steve trong nhóm chúng tôi hiện bây giờ chưa có lợi gì cho công việc. Và nhận thức của quần chúng về vấn đề cố nhiên là chưa chín chắn gì cả.

Steve, tôi về tới phi trường Tân Sơn Nhất vào một buổi trưa nóng bức. Đáng lẽ tôi tới Saigon chậm hơn thế, vì theo lộ trình đã định sẵn, máy bay của chúng tôi phải ghé Vọng Các trước. Nhưng sương mù không cho phép máy bay ghé xuống Vọng Các và do đó tôi tới Saigon sớm hơn một tiếng đồng hồ. Khi bánh xe máy bay chạm đất, tôi thấy lòng rung động. Phương Bối chỉ cách đây chưa đầy hai trăm cây số! Bốn giờ đồng hồ xe hơi thì tôi có thể trở về. Trở về với miền rừng núi quen thuộc với chiếc nôi mây êm đềm đã từng

che chở cho chúng tôi trong một thời gian bão táp, đã từng un đúc và nuôi dưỡng chúng tôi trong bao năm tháng rộng dài.

Sau một thời gian gần ba năm trời sống trong một khung cảnh khác hẳn với xã hội Việt Nam, tôi đa trở về và đã được thức tỉnh lại một cách đầy đủ bằng những hình bóng thật quen thuộc, thật giản dị. Dọc theo con đường dài từ phi trường Tân Sơn Nhất về nhà, tôi chứng kiến lại một cách hiện thực tình trạng chậm tiến của xứ sở này. Những dãy nhà còn lụp xụp ngỗn ngang, đầy nhóc những người, những bác xa phu cong lưng đạp xích lô, mồ hôi nhễ nhại. Tôi còn nhớ rõ cái lưng áo rách toang của một bác xa phu. Bác này uể oải đạp một chiếc xích lô cũ kỹ không có khách. Chắc chắn là bác đã ngồi trên yên quá lâu nên hai mông của bác đã đau và mỏi. Bác đang ngồi trên một cái mông để cho mông bên kia được thong thả, và do đó bác chỉ đạp xe bằng một cái chân trái. Thỉnh thoảng bác mới thay sang bên kia và đạp xe bằng chân này cho đến khi nào có khách gọi bác mới phanh lại và ngồi ngay ngắn để đưa khách. Tôi thấy bọn trẻ con ở trần và chạy chơi chân đất trên hè phố. Tôi trông thấy những đống rác, những xe nước mía, những chiếc xe gắn máy vừa chạy vừa rú lên như những con vật dữ bị thương. Thành phố Saigon đây rồi, thành phố Saigon lấm tấm mang thêm một cách vụng về những nhà lầu những căn phố có đường nét và mầu sắc Mỹ. Dân nông thôn đã đổ xô lên Saigon quá nhiều. Chắc chắn là vùng quê ít chỗ có được an ninh. Những hình ảnh đó khiến tôi nao nao. Việt Nam đang ở trong một giai đoạn lịch sử quyết liệt. Không biết chúng tôi có thể làm được cái gì để đóng góp vào trong cái hướng đi mới của một dân tộc vừa thoát khỏi một chế độ độc tài hay không.

Steve, ngay tối hôm đó, tôi phải nghe nhiều chuyện buồn rồi. Ngồi ở chùa Trúc Lâm với mấy mươi người bạn trẻ tuổi, tôi đã lắng tai nghe những câu chuyện không lấy gì làm vui lắm ấy. Những người quân nhân đã không biết cách nắm lấy cơ hội và khí thế dâng lên của quần chúng để tạo một sức mạnh đi tới. Những người tăng sĩ Phật giáo, choáng ngợp bởi thái độ khâm phục và mến chuộng của quần chúng đối với đạo Phật đã trở nên tự thị tự mãn đáng ghét. Thật là một hiểm họa cho đạo Phật. Một cuộc pháp nạn thứ hai đang khởi đầu mà ít ai biết đến. Người trí thức, người thanh niên sau khi khám phá ra tiềm lực đạo Phật trong quần chúng, đã tìm tới với những vị tăng sĩ, và đã thất vọng… Một số đông đảo những người có tham vọng, những người theo cơ hội chủ nghĩa, đã đến tràn ngập tự viện và bao quanh những nhà lãnh đạo Phật giáo. Sự có mặt của họ xung quanh các thầy đã khiến người trí thức và những người có lòng đặt những câu hỏi. Rồi thì Phật giáo, chính Phật giáo trong cơ hội ngàn năm một thuở của nó, cũng không

biết tìm cách để tự phát triển và đóng góp phần mình vào cho sự tạo nên một nẻo thoát cho tình trạng đã từng bế tắc trong gần hai mươi năm qua.

Tôi đã ngồi nghe họ rất lâu, Steve. Rồi tôi an ủi họ. Chúng ta đừng thất vọng. Chúng ta sẽ đóng góp phần của chúng ta. Sức chúng ta bé nhỏ, nhưng lòng của chúng ta không bé nhỏ. Hãy tự biến mình thành một chút men để dậy lần lần khối bột to lớn. Chúng tôi đã thức trọn đêm đó, chia xẻ vưói nhau những lo âu, những hy vọng. Những ngày ở lại Paris tôi đã phải đầu tắt mặt tối với các bạn bên ấy. Tiếp đó là một chuyến đi mệt nhọc và một đêm thức trọn. Tôi mệt mỏi quá và đã ngủ suốt một buổi sáng kế tiếp. Đến mười một giờ trưa, tôi mới dậy để ăn "điểm tâm" do Toàn sửa soạn.

Steve ơi, chiều ngày hôm ấy tôi đi thăm những gốc cây, những bụi tre của chùa Trúc lâm và nghe Toàn kể chuyện Sen Hái Đầu Mùa và những hoạt động của các bạn trẻ trong thời tôi vắng mặt. Buổi tối ấy lại có một cuộc họp mặt thứ hai, và trong cuộc họp mặt này chúng tôi đã tìm ra được một vài nguyên tắc để làm việc. Sáng hôm sau, tôi một mình tìm về Phương Bối, mang theo một cái xắc nhỏ. Tôi tìm một chiếc xe Minh Trung ở bến xe đường Pétrus Ký và thoải mái thoát khỏi Saigon. Những cánh rừng, những vườn cao su, và những cánh rừng khác nữa. Rồi Định Quán. Rồi núi, rồi đèo, và cuối cùng rừng B'su Danglu hiện rõ trước mặt Đại Lão Sơn, Đại Lão Sơn quen thuộc đã tới gần. Tôi bảo xe ngừng ở cây số 190 và ung dung xách túi leo lên ngọn đồi bên trái. Qua đồn điền Đại Hà, tôi ghé vào. Không có ai ở nhà cả. Đồn điền có vẻ hoang vắng. Chắc gia đình bác Đại Hà đã để lại một vài người làm công để coi sóc nhà cửa và vườn tược. Những người này có lẽ là đang ở ngoài vườn. Tôi đưa tay lên miệng hú vài tiếng nhưng không có ai trả lời cả. Tôi xách túi tiếp tục leo qua chiếc đồi thứ hai. Lau lách choán cả đường đi. Con đường quen thuộc ngày xưa nay có vẻ hoang vắng lạ thường. Rừng có vẻ huyền bí hơn và nguy hiểm hơn. Vượt khỏi khu rừng xanh tôi bắt đầu trèo đến cái dốc cao nhất. Cầu Mai đã xuất hiện nơi giữa rừng. Vài thân cây bắt ngang qua cầu đã gãy đổ, tôi phải bước cẩn thận. Lạ quá, tôi nhận ngay ra con đường từ cầu Mai lên Thiền Duyệt Thất. Con đường vẫn đẹp, vẫn quyến rũ, vẫn đầy đủ phong độ như cách đây ba bốn năm trời. Có dấu tích của sự phát dọn. Ai đã lên đây trong những ngày như thế này nhỉ. Tôi vừa đi vừa suy nghĩ. Nhưng kìa, tôi đã đi đến chỗ rẽ vào lối Thiền Duyệt Thất. Tôi nhìn lên Thiền Duyệt Thất. Và tôi sửng sốt. Một người đang đứng ở cạnh Thiền Duyệt Thất, tay cầm một cái xà gạc, nhìn xuống phía tôi. Steve biết đó là ai không? Trời ơi, chính là Nguyên Hưng, Nguyên Hưng bằng xương thịt! Vừa lúc đó thì Nguyên Hưng cũng kịp nhận ra tôi. Chúng tôi gọi tên nhau. Tôi chạy lên, và Nguyên Hưng cũng bỏ xà

gạc, chạy xuống. Chúng tôi gặp nhau ở giữa sườn đồi, trên con đường dốc lên thất Thiền Duyệt.

Tôi hỏi Nguyên Hưng: sao Nguyên Hưng lại ở đây? thì ra cái lúc tôi mới về Saigon, Nguyên Hưng đang ở Đalat. Nghe tin tôi về, Nguyên Hưng không xuống Saigon mà lại tìm tới Phương Bối vì biết rằng thế nào tôi cũng phải tìm lên Phương Bối. Mà quả thật Nguyên Hưng đã nghĩ đúng. Dù ai nói Đông nói Tây, tôi vẫn bất chấp những sự nguy hiểm, và đã tìm về Phương Bối. Chúng tôi đã thực hiện một cuộc gặp lý thú - tuy là hẹn gặp nhưng kỳ thực thật đã là một sự bất ngờ đối với tôi. Nguyên Hưng đã nói gì với tôi, Steve có biết không? Nguyên Hưng bảo rằng từ hôm qua khi về tới Phương Bối, Nguyên Hưng dã tự tay phát dọn con đường từ cầu Mai lên Phương Bối, cả xung quanh ngôi nhà Phương Bối và Thiền Duyệt Thất nữa. Nguyên Hưng bảo nếu không làm như thế thì Phương Bối sẽ điêu tàn quá và sẽ gây xúc động cho lúc tôi trở về. Hảo ý của Nguyên Hưng, tôi trông thấy rõ. Chính trong giờ phút tôi tới Phương Bối, Nguyên Hưng còn đang phát dọn xung quanh Thiền Duyệt Thất.

Nhà Thượng đã bị cháy rụi trong một tai nạn gây nên do việc đốt rừng không cẩn thận của người Thượng. Leo lên đỉnh đồi Thượng, tôi nhìn đống than và những cái xác cột nám đen nằm ngổn ngang trước mặt với một niềm cảm thương, than kia là di tích của chiếc nhà Thượng xinh đẹp ngày xưa, nơi chúng ta trải qua bao giây phút êm đềm, ấm áp. Hòa Bình, chúng ta sẽ làm lại nhà Thượng, tôi nói với Nguyên Hưng như thế, sau một hồi trầm ngâm, bằng một giọng quả quyết. Nguyên Hưng có lẽ cũng được an ủi bằng câu nói đó, cho nên gật đầu vui vẻ. Chúng tôi xuống đồi, đi thăm mọi nơi. Thật ra Phương Bối rất có lòng. Ngày tôi về, khóm hồng phía trước còn nở cho ba chiếc hoa đỏ chói. Cây mimosa góc nhà đã lớn và rất xanh tốt. Mấy gốc thông tôi trồng ngày xưa cũng rất xanh và đã lên cao.

Chúng tôi đi dần về phía rừng Tham Thiền. Tấm bảng có những chữ “Đại Lão Sơn Phương Bối Am” ở phía trước vẫn còn nguyên vẹn. Nét chữ vẫn rõ ràng, xương kính. Nước sơn tốt quá, đã năm sáu năm rồi chưa tróc. Tôi cúi nhặt một trái thông, và thấy phảng phất hương của hoa chiều. Chúng tôi tìm được bụi hoa, bứt một ôm những cành hoa có bông trắng xóa và đem lên cúng Phật. Bàn Phật của chúng tôi tang thương quá: lâu ngày không có ai dọn dẹp, bụi đất và lá khô phủ đầy.

Chúng tôi bẻ một ít cành cây quét dọn cho sạch sẽ và dâng bó hoa tươi dưới chân Phật mà nét thủy mạc đã phai mờ. Phương Bối am đã để trống lâu

ngay, và tất cả các cửa đều mở để cho những kẻ tò mò ghé qua đây khỏi phải mất công phá cửa, bẻ khóa. Chúng tôi ngồi yên lặng giờ lâu trên gác tham thiền trong tư thế cầu nguyện. Rồi chúng tôi trở ra, khép nhẹ cánh cửa. Thời toàn thịnh của Phương Bối đã qua rồi. Còn đâu với những đêm giao thừa với những đống lửa vĩ đại trên đỉnh đồi Thượng. Còn đâu những buổi bình văn sang sảng ở nhà Thượng, những cuộc đàm thoại đầy hứng thú về những vấn đề tâm linh xã hội. Chúng tôi trở nên yên lặng hơn sau giờ phút tĩnh tâm cúng Phật.

Trên hồ nước, trên vách tường, tôi đọc những câu biểu ngữ viết bằng than đen. Những câu biểu ngữ chống đối nhau của hai bên. Nguyên Hưng cho biết rằng một hôm nọ họ bắn nhau dữ dội tại cầu Mai. Những xác chết gần cầu Mai. Rồi những cuộc hành quân kế tiếp. Chính sau biến cố đó, bác Đại Hà đã di cư về tỉnh ly. Chỉ còn lại, trong ấp chiến lược bên kia trũng một số gia đình nghèo phải bám lấy mảnh đất đã khai thác.

Nhà Phương Bối xơ xác và hoang lạnh. Các tủ sách của chúng tôi đã được chở về Đại Hà từ lâu, những bàn ghế và vật dụng khác đều cũng được chuyển về Đại Hà. Có nhiều nhóm đã vào đốt củi thức đêm trong các phòng. Thôi nhé, Steve, thôi đừng ấp ủ cái mộng về Phương Bối sống với chúng tôi nữa nhé. Đúng là thời thịnh vượng của Phương Bối đã qua rồi. Phương Bối giờ đây thương tích đầy mình, bây giờ đầy tủi thân và cô độc. Những buổi sáng sương mù, những buổi chiều trong vắt, Phương Bối một mình hoang vắng như một cái tổ chim xác xơ, những con chim đã bay đi cả rồi. Những con chim tuy có ước mong trở lại nhưng mưa gió không cho chúng trở lại.

Chúng tôi ngồi nói chuyện với nhau trên hồ nước cho đến chiều. Phương Bối thật êm ả, dù trong lòng chúng tôi hơi lo. Nguyên Hưng rủ tôi trở lại Đại Hà trước khi chiều xuống. Chúng tôi chia nhau mấy cái bánh bột nếp mà tôi mang theo trong túi xách vừa đi xuống đồi vừa ăn. Chúng tôi tìm về Bảo Lộc bằng xe “lam” và ngủ đêm ở đó để sáng sớm trở về Saigon.

Steve ơi, mấy tháng sau đó vì nhớ Phương Bối quá cho nên chúng tôi lại tìm lên núi Đại Lão. Lần này chúng tôi lên đông có tới mười người. Chúng tôi đều bị một toán linh vây bắt. Sau mấy giờ đồng hồ, chúng tôi được thả, và từ đó, chúng tôi không lên thăm Phương Bối được nữa. Ngồi đây viết cho Steve tôi biết rằng Phương Bối đang âm thầm và cô quạnh chịu đựng. Những như biết bao nhiêu làng mạc bao nhiêu núi sông đang âm thầm và cô quạnh chịu đựng. Cuộc chiến càng ngày càng trở nên ác liệt và không ai không mông ước cho nó chấm dứt càng sớm càng hay. Chiến tranh gây

thương tích khăp nơi trên đất nước và cũng gây thương tích trong mỗi chúng tôi. Hình ảnh Phương Bối trong lòng chúng tôi cũng là hình ảnh của một vết thương. Đúng làmột vết thương.

Tôi sẽ ở lại đây cho đến hết ngày, Steve. Hôm nay chủ nhật, trường học đóng cửa. Ngôi trường của chúng tôi tên là Chim Sơn Ca. Và trạm y tế gọi là trạm Tình Thương. Lát nữa tôi sẽ vào trong xóm để tìm hiểu thêm về đất cát ở đây. Buổi chiều thế nào cũng có một số bạn trẻ về làm việc mà nghiên cứu. Chúng tôi để khá nhiều công phu vào việc nghiên cứu và thực hiện cải tiến sinh hoạt của những khu làng thí nghiệm này. Chúng tôi phải tìm ra cho được những phương thức hữu hiệu để thực hiện công cuộc cải tiến sinh hoạt nông thôn. Tương lai đất nước chúng tôi tùy thuộc vào rất nhiều ở những nỗ lực hiện tại để cải tiến xã hội nông thôn. Chủ quyền độc lập của xứ sở chúng tôi như Steve đã biết chỉ có thể đảm bảo khi nào chúng tôi có thể đứng vững trên hai chân của chúng tôi. Như vậy có nghĩa là chúng tôi phải tiến tới một nền kinh tế độc lập vững chãi. Nếu Steve ở đây, Steve sẽ nhận thấy rằng xứ sở của chúng tôi không nghèo. Xứ sở chúng tôi có nhiều tài nguyên chưa khai thác được. Đi thăm miền đồng bằng rồi lên thăm miền cao nguyên. Steve sẽ thấy điều đó là đúng. Chúng tôi phải cải tiến nông nghiệp, nhất định phải đặt nhiều rất nhiều cố gắng ở công cuộc cải tiến nông nghiệp vì nền kỹ nghệ mới phát triển của chúng tôi đang cần đến sự phát triển nông nghiệp. Nông dân cần cung cấp nguyên liệu cho các ngành kỹ nghệ và cũng cần tiêu thụ những sản phẩm của các ngành kỹ nghệ ấy một cách rộng rãi. Có như thế các ngành kỹ nghệ mới được nuôi dưỡng và phát triển trong những bước đầu còn non yếu của mình và quốc gia mới khỏi phải tốn một số ngoại tệ nhập cảng những hóa phẩm để thêm vốn đầu tư vào các ngành kỹ nghệ đang cần được phát triển. Như thế, nông nghiệp cần được hướng dẫn để tự cải tiến về phương diện kỹ thuật lẫn thị trường. Mà sự cải tiến nông nghiệp lại có liên hệ mật thiết đến những vấn đề y tế, giáo dục và tổ chức. Cho nên một cuộc cải tiến toàn diện cần được thực hiện trên ý thức cộng tác của toàn dân. Steve cũng biết rằng trong hàng chục năm qua, người dân đã nghe quá nhiều những hứahẹn cải tiến xã hội nhưng nếp sống cơ cực vẫn hoàn cơ cực. Thêm vào đó, chiến tranh làm cho ruộng vườn hư nát, làm cho cơ nghiệp sụp đổ, làm cho an ninh bị đe dọa. Viện trợ của Hoa Kỳ đủ sức giữ cho nền kinh tế ấy không sụp đổ, nhưng viện trợ ấy càng làm cho Việt Nam phải bám víu vào Hoa Kỳ hơn lên. Chiến tranh đã phá hủy nhiều thứ và không để cho Việt Nam gượng lại để đứng vững trên hai chân kinh tế của mình.

Steve hẳn còn nhớ những lúc chúng ta bàn luận về vấn đề cảm thông giữa người Á Đông và Tây Phương. Chính tôi lắm khi cũng cảm thấy khó khăn

khi dùng những phương tiện diễn đạt tư tưởng và tình cảm với Steve. Người Pháp đã ở với người Việt vẫn một trăm năm. Đã có trường Ecole Francaise d'Extrême-Orient đã hiểu tông chỉ, tính tình người Việt thế mà vẫn không hiểu người Việt mấy tí; thế thì người Hoa Kỳ trong một thời gian ngắn làm sao hơn được. Cứ tin vào thông kê, cứ tin vào dự án, cứ tin vào phương pháp toán học quá. Những thứ đó áp dụng ở cái xứ này không thành công, hoặc chưa thành công đâu, Steve ơi. Tôi về làng, làm việc ở làng lâu rồi tôi biết. Phương pháp làm việc ở đây chắc chắn phải là những phương pháp khác hẳn với những điều người ta học được ở một đại học đường ở Tây Phương. Cho nên giấy tờ, thống kê, dự án đã có thể, trong rất nhiều trường hợp, là những mảnh giấy giúp người ta hợp thức hóa cách tiêu tiền bất hợp pháp. Các ông bộ trưởng, các ông giám đốc cho đến những nhân viên thừa hành của một cái chính quyền chỉ lo kiếm tiền, đều đã làm như thế, và đã khinh thường đến nỗi có một vài đỗ vỡ và bại lộ.

Tôi xấu hổ về một số những người đồng bào tôi khi tôi kể cho Steve nghe điều đó. Nhưng mà tôi phải kể, bởi vì tôi phải giải nghĩa cho Steve nghe tại sao phải bắt đầu trở lại các công việc mà ông Diệm đã hô hào và đã bắt đầu nhiều năm trước. Người dân quê đã bị đánh lừa nhiều lần khiến họ không còn tin tưởng ở một lời hứa hẹn đường mật nào nữa. Họ đã bị lợi dụng. Và họ đã sợ hãi phần đông những người cán bộ mà họ tiếp nhận từ trung ương: Những người này thực chỉ vì một số lương bổng mà trở thành "chiến sĩ - xã hội". Họ ăn mặc chững chạc, về nông thôn hoặc các "ấp chiến lược" và ở lại đó mấy giờ rồi rút lui. Trong khi ở lại, họ chẳng làm được việc gì đáng kể. Họ chỉ tuyên truyền qua loa chính quyền, và được đào tạo cấp bách, non nớt, không hiểu được tâm lý quần chúng, không có tâm niệm phụng sự, họ nói và làm những điều phật ý nông dân. Họ hống hách khó chịu. Họ đi nghênh ngang dùng súng để bắn chim để dọa nạt và cũng để dân chúng sợ giật nẩy mình. Thế rồi họ rút lui, để lại ấn tượng không tốt trong lòng thôn dã. Họ rút lui bởi vì họ đâu dám ở đêm ở những vùng nông thôn. Mấy ông cán bộ phía trong thì khôn ngoan hơn nhiều. Họ ăn mặc đồ đen giống hệt nông dân. Họ "tam cùng" với nông dân khi họ về một nhà địa phương nào đó. Họ có thể ẵm con, quét tước, rửa bát hay ra đồng gặt lúa với nông dân. Tối đến họ ngủ lại, và chuyện trò. Những cán bộ nhân vị làm sao ăn đứt được họ, hả Steve? Đó là một trong nguyên do cho ta thấy rằng tại sao chính quyền ông Ngô Đình Diệm càng ngày càng bị thua lực lượng mặt trận giải phóng. Những "cán bộ" "nhân vị" làm sao ăn đứt được họ, hả Steve.

Chắc Steve đã nghe nói đến nhiều lần về những ấp chiến lược. Những ông cố vấn từ Hoa Kỳ sang xem bộ tin tưởng ở chúng lắm. Nhưng mà những ấp

chiến lược chỉ đẹp đẽ và hữu hiệu trong lý thuyết. Trên thực tế, chúng hư nát hết. Lý do là người ta đã xây dựng chúng bằng tiền bạc và bằng bạo lực. Người Mỹ đã tin tưởng quá ở mãnh lực đồng tiền và chính phủ của ông Diệm, đã tin tưởng quá ở sức mạnh bạo lực. Thành trì của những ấp chiến lược, không được xây dựng bằng sự tự nguyện và bằng cộng tác, đã tan rã như những cánh bèo. Steve nên biết rằng ấp chiến lược lập ra, trên lý thuyết, là để tập trung dân chúng lại thành từng vùng có kiểm soát có phòng thủ để ngăn ngừa sự xâm nhập và tác động của những người bên kia. Những vùng nào khả nghi thì bị giải tỏa trước. Có những vùng được giải tỏa một cách đột ngột để dân chúng không thể đem ra theo bất cứ một thứ tài liệu nào. Một buổi sáng nào đó, người ta biết gọi tất cả dân chúng, già trẻ trai gái, ra hết ngoài khu vực "ấp chiến lược" trong đó họ sẽ có đất cất nhà mới, vật cất nhà mới, để trồng trọt và luôn cả tiền bạc để sinh sống cho đến lúc có thể tự túc được. Rồi người ta phóng hỏa đốt trọn khu ấy. Đốt như thế để mà tiêu hủy tất cả những thứ nguy hiểm mà ta nghĩ là có thể có rất nhiều trong khu xóm. Dân đau xót và phẫn uất. Steve phải biết: nhà nào cũng có những kỹ niệm tuy đơn sơ nhưng rất thân thiết. Như cái bát hương, cái bài vị, mồ mã của người thân, hoặc những tờ di chúc hãy kỷ niệm vui buồn khác. Tiền bạc đâu có thể thay thế cho những thứ ấy? Họ thất thểu ra đi tới khu đất mới và ở đó, họ được hướng dẫn bởi những người cán bộ của chính quyền để "làm lại cuộc đời". Họ nhận đôi chút tiền bạc và sống nhục nhã dưới sự hống hách của bạo lực.

Mà nào họ đã được yên thân trong "ấp chiến lược". Những người bên kia, mà bên này gọi là Việt Cộng, đâu có vì thế mà bị gạt ra ngoài. Họ có mang cái huy hiệu hay cái đồng phục nào đâu để chúng ta nhận ra họ. Thế là họ cũng vào ấp, sống lẫn lộn. Và một buổi sáng nào đó, người ta có thể thấy, trong phòng họp của ấp một trái mìn, một trái mìn bằng gỗ thôi, một trái mìn giả, có mang dấu hiệu Việt Cộng. Thế là cái hàng rào kẽm gia xung quanh ấp trở thành vô nghĩa. Trái mìn kia nói thay cho một lời dọa nạt: Có chúng tôi đây, các anh liệu hồn. Giả sử trái mìn thật thì các anh nghĩ sao?

Vậy là tinh thần phòng thủ của ấp đã lung lay. Một trận giặc mà không có trận tuyến như thế, làm sao có thể đánh bằng súng đạn không mà được?

Ấp chiến lược, như Steve thấy, nhắm tới một mục tiêu quân sự và chính trị chứ không nhắm tới mục tiêu xã hội. Chính vì thế mà những tuyên truyền về cách mạng xã hội đều không được ai nghe theo. Chúng tôi thấy rõ điều đó và đã quyết định với nhau rằng một phong trào dựng lại xứ sở cần được đặt trên

một căn bản hoàn toàn khác biệt. chúng tôi muốn mở một mặt trận chống lại nghèo đói, ngu dốt, bịnh tật và vô tổ chức.

Chúng tôi hiện có hai làng thí điểm tại miền Nam, hai làng tại miền Trung - một tại Khánh Hòa, một tại Thừa Thiên. Chúng tôi, trong thời gian đầu cũng bị người dân nhìn với những cặp mắt lạnh lùng. Thái độ họ là thái độ khép kín, nghi ngờ. Dù anh tuyên truyền gì cũng vô ích. Họ lạnh và cứng như một tảng thép nguội. Đó là hậu quả của những công trình “cách mệnh xã hội” đi trước. Chúng tôi hết sức kiên nhẫn, khiêm cung và cẩn trọng. Sau một thời gian, thái độ đó thay đổi. Đến lúc mà họ nở một nụ cười vồn vã, mình thấy ấm áp cả tâm hồn. Họ trở thành cởi mở, sốt sắng. Họ hưởng ứng và tham dự vào các dự án một cách chân thành. Được họ chấp nhận, mình thấy như con đường đi tới thành công được rút ngắn lại một phần trăm. Mà Steve ạ, chính lúc cộng tác với họ để thực hiện các dự án cải tiến sinh hoạt, ta mới thấy được khả năng và tiềm lực của xã hội nông thôn trong công cuộc tạo dựng một đời sống tiến bộ.

Xã hội chúng tôi đã bị phân hóa quá, bởi vì chiến tranh đã tàn phá đức tin, tàn phá hy vọng, tàn phá mọi công trình kiến thiết lâu dài. Ngày nay quần chúng nghi ngờ mọi thiện chí, mọi hứa hẹn. Chúng tôi nhận thấy ngoài chất liệu tôn giáo, không còn có chất liệu nào có thể tạo dựng được đoàn kết tính và xã hội tính. Cho nên phải xử dụng cho được tiềm lực tôn giáo để thực hiện những sự chuyên đổi lớn. Đạo Phật có thể đóng góp nhiều vào việc này. Nhưng mà chưa thể nương tựa vào những người có trách nhiệm lãnh đạo các giáo hội đâu. Họ có bảo thủ tư kiến nhiều quá và khó chuyển hóa quá. Dự án tôi đề nghị với Viện Hóa Đạo về kế hoạch xã hội hóa đạo Phật đã không được chú ý. Hiện giờ nó vẫn còn nằm trong hồ sơ của Viện Hóa Đạo. Chúng tôi phải bắt đầu từ chỗ tự lực để tranh thủ một sự chấp nhận sau nầy của quần chúng và của giáo hội nữa. Của quần chúng trước, đó là điều dĩ nhiên. Ở Âu Châu và ở Hiệp Chủng Quốc, hiện tượng đó không lạ gì. Chúng tôi đã làm xong một dự án về một tổ chức đào tạo những “Làng tự nguyện”. Những người này sẽ được huấn luyện kỹ lưỡng, có đủ kiến thức về xã hội về tôn giáo và nhất là về phương pháp thực hiện các dự án chống nghèo đói, bệnh tật, ngu dốt và vô tổ chức. Họ sẽ hành động không vì lương bổng, quyền hành mà vì tình thương ý thức và trách nhiệm và ý thức tự nguyện. Họ sẽ là những người thanh niên cũng như Steve, cũng như Nguyên Hưng vậy, có đức tin, có chí nguyện biết khinh thường nếp sống trưởng giả và cầu an, biết tìm hạnh phúc trong phụng sự. Chỉ với chất liệu tâm lý do chí nguyện đó, họ mới có thể thành công. Mà những người trai trẻ như thế, Steve, không hiếm ở đất nước này đâu. Tôi dám chắc với Steve là có hàng

vạn hay hàng chục vạn. Tôi đã gần gũi họ trong những ngày gần đây, và đã thấy trong mắt họ sáng lên trong niềm tin mới. Chỉ trong mấy tháng nữa chúng tôi khai giảng trường Thanh Niên Phụng Sự Xã Hội, và ngôi trường này sẽ là một trường chuyên nghiệp thông thuộc một viện đại học trẻ trung vừa mới thành lập. Ban giảng huấn của trường gồm toàn những người trẻ tuổi, tất cả đều nao nức về công việc sắp thực hiện. Chúng tôi không có tiền bạc, nhưng chúng tôi đã có kế hoạch và rất nhiều thiện chí, Steve có nghe không?

Hết chương 10

---o0o---

XI

STEVE, tôi xúc động quá khi nghe tin Cerbu tiên sinh qua đười. Điện tín của Steve khiến tôi bàng hoàng. Tôi không ngờ chúng ta lại mất người bạn thân đó một cách dễ dàng đến thế. Hôm rời Nữu Ước, vì vội vàng quá, tôi chỉ nói được lời từ giã với Anton qua điện thoại. Anton ân cần dặn tói nếu công việc xong xuối thì trở qua lại để lo thực hiện những điều chúng tôi đã bàn tính với nhau nhiều lần. Tôi đã nói cho Steve nghe về dự định đó, dự định mà Steve không tán thành cho lắm ấy: đó là việc tôi ở lại để cộng tác với các bạn mở một phân ban về văn minh và ngôn ngữ Việt Nam. Tôi cũng ưa việc làm ấy lắm bởi vì đó cũng là một cách làm việc cho xứ sở tôi. Đã có những phân ban về Nhật Bản, Trung Hoa và Triều Tiên nhưng về Việt Nam thì chưa có gì. Mà Việt Nam thì hiện giờ đang là một đối tượng nghiên cứu, một vấn đề nóng bỏng. Tôi nhớ lại ánh mắt sáng ngời và thái độ sốt sắng của Anton khi bàn tính về dự án ấy. Nhưng bây giờ thì hết rồi, bởi vì Anton đã học ở trường Đông Phương Ngữ ở Ba lê và đọc được tiếng Việt. Tôi đã yêu cái vẻ trẻ con dung dị của Anton nhiều quá. Ngồi đây viết cho Steve tôi còn hình dung được toàn thể con người của Anton một cách rõ rệt. Anton mất đi, để lại bao công trình dang dở. Tôi biết Anton còn có bao nhiêu tài liệu, bao nhiêu bản thảo. Không biết bạn nào sẽ lo liệu về tất cả những thứ đó. Hoặc để giữ gìn, hoặc để công bố. Những ngày cuối tháng Décembre, Anton đã khuyên tôi nên ở lại. Anton nói rằng thời thế ở Saigon chưa dung được tôi đâu. Tôi đã lưỡng lự rất nhiều, nhưng cuối cùng tiếng gọi của Phương Bối, của Nguyên Hưng và của các bạn trẻ bên này đã thắng. Thật ra tôi không lo lắng gì cho bệnh tình của Anton bởi vì sau ngày giải phẫu Anton vẫn có thể đàm luận cùng tôi với một sự nhiệt thành ít thấy. Tôi phải ngăn không cho

Anton nói nhiều. Chính Anton mượn tôi cuốn Việt Nam Cổ Văn Học Sử của Nguyễn Đổng Chi vào dịp ấy. Hôm nói lời từ giã bằng điện thoại tôi có hứa "vài năm nữa" tôi qua lại. Thế nhưng người bạn của chúng ta hôm nay đã thành người thiên cổ rồi. Tôi biết Steve yêu Anton lắm, và các bạn của Steve cũng vậy. Hôm Anton vào nhà thương để giải phẫu đã có tới gần mười cô cậu tình nguyện hiến máu cho giáo sư của mình, có phải thế không?

Mùa xuân đã sắp đến bên ấy rồi tại sao Anton lại vội vàng không đợi nụ hoa đầu hé cánh? Có lẽ mùa Đông đã dài quá. Trong năm qua, biết bao nhiêu biến cố đã xảy ra cho chúng ta. Tôi nghĩ đến Steve và có thể tưởng tượng được nét mặt của cậu sáng hôm qua lúc nhận điện thoại của người nhà Cerbu báo tin Anton mất. Cuộc giãi phẫu như thế; đã không được thành công. Chắc chắn tất cả mọi người trong phân khoa đều hàng hoàng vì tin ấy. Và thế nào Mirriam cũng viết cho tôi.

Tuy giáo sư Cerbu mất, tôi vẫn tin rằng Steve sẽ iếp tục đi theo con đường đã vạch. Steve hãy tiếp tục học Phạn Ngữ và Hán Ngữ đi. Có ngày chúng ta sẽ làm việc chung. Như Steve đã ước muốn. Tôi không muốn cậu nản chí vì thiếu người nương tựa. Dù sao thì tôi cũng vẫn còn đây, và tôi hứa sẽ viết đều cho Steve.

Tôi muốn hỏi Steve một việc: lâu nay cậu ăn ở đâu, ai nấu cho mà ăn? Bên này thỉnh thoảng chúng tôi vẫn tự nấu bếp lấy đấy. Thỉnh thoảng mà thôi; bởi vì chúng tôi bận rộn quá đi mất. Nguyên Hưng và tôi bây giờ ở chung và ăn chung với nhau; Nguyên Hưng nấu bếp cũng tài và có Nguyên Hưng bỗng nhiên tôi sinh ra ỷ lại và làm biếng nữa Steve ạ. Điều đó tôi biết mà tôi cứ để mặc kệ cho nó xảy ra. Chừng nào Nguyên Hưng nhăn mặt, chừng ấy hãy hay có phải không? Nguyên Hưng bây giờ thành người lớn thực sự rồi, nhưng mà vẫn còn bông đùa như hồi còn bé. Thực ra nếu không có tiếng cười nói và bông đùa đó trong những giờ nghỉ ngơi và giải trí có lẽ chúng tôi sẽ thấy thiếu thốn lắm. Steve không biết điều kiện làm việc ở đây khó khăn đến mực nào đâu.

Một vài con chim Phương Bối ngày xưa đã quy tụ về đây và làm việc với nhau, sinh hoạt với nhau. Chúng tôi hiện có Hưng, có Phú, có Mẫn. Và tôi nữa là bốn. Lý cũng ở gần chúng tôi, nhưng mà Lý bận rộn lắm. Lo một tờ nhật báo thì còn thì giờ đâu để mà làm những việc khác nữa. Cái ông chủ báo này vẫn mặc đồ bà ba (nó giống như bộ đồ tôi mặc trong nhà ấy) màu đen hay màu nâu như thời ở Phương Bối. Thỉnh thoảng Lý tạt vào thăm chúng tôi để hút chưa cháy xong nửa điếu thuốc thì đã vội vã từ biệt. Tờ báo

của Lý đã bị đóng cửa một tuần lễ rồi đấy, mà Lý vẫn còn cứng đầu cứng cổ như thường. Trong cái không khí chính trị này, chắc tờ báo chẳng sống được lâu đâu. Tuy nhiên hình như tờ báo có độc giả. Thỉnh thoảng Lý hỏi tôi có "nghèo" lắm không. Tôi nói: nghèo lắm thì cũng chưa phải là nghèo. Nghèo mấy thì cũng còn có ánh trăng bên cửa sổ, khi điện thành phố bị cúp. Đó là lời nói theo cửa thơ "bài cú" của thi sĩ Ba Tiêu. Lý cười ha hả và móc túi đưa cho tôi năm bảy trăm đồng, nói rằng trả tiền cái truyện ngắn đăng trên báo của Lý. Tôi không nhớ là Lý đã đăng truyện gì của tôi, nhưng mà tôi cứ nhận tiền của Lý như thường.

Để tôi nói cho Steve nghe về chỗ ở của chúng tôi. Chúng tôi hiện ở tạm nơi Đại học Vạn Hạnh. Cái đại học có cái đặc biệt là trong một vùng nghèo bùn lầy nước đọng của thành phố Saigon hai triệu rưỡi dân, cái thành phố, mà đã có người gọi là "hòn ngọc Viễn đông" ấy. Đại học Vạn Hạnh đang còn mới lắm, chưa có cơ sở gì nên phải mượn tạm một số những ngôi chùa trong đô thành. Phòng của tôi nằm trên từng gác của cư xá chùa Pháp Hội, trung tâm của Vạn Hạnh. Thật là một cái trường đại học kỳ lạ bởi vì nó không có vẻ oai vệ của một trường đại học tí nào cả. Trời mưa anh phải lội qua mấy vũng nước mới tới được đại học. Và hai bên đường anh đi bà con trong xóm nghèo họp chợ, bán đủ các thứ, từ cá khô, cá tươi, cho đến khoai lang, rau muống. Cái chỗ ông viện trưởng ở và làm việc chỉ vỏn vẹn có ba căn phòng nhỏ xíu. Chẳng bì được với "tòa Viện trưởng" ở đại học Huế. Tuy vậy mà tiện đáo để đấy Steve ạ. Buổi sáng chúng tôi chỉ việc bước ra đường là có thể mua thức ăn điểm tâm được rồi, khỏi phải làm bếp lôi thôi. Hoặc và vài ba đồng bạc xôi đỗ, gói trong lá chuối đem về sớt lại trong một chiếc đĩa lớn. Thêm hai đôi đũa nữa. Thế là xong. Hoặc là mấy đồng bạc khoai lang hay khoai từ mới luộc xong, đang còn nóng hỏi. Còn trà thì người lao công của Viện sáng nào cũng cho chúng tôi một bình trà khá lớn. Người lao công giữ các chìa khóa của trường đại học cho nên hôm nào sáng anh cũng đến thật sớm và tối nào anh cũng về sau tất cả mọi người.

Ở dây chúng tôi dậy thật sớm, chứ không phải như ở Nữu Ước đâu nhé. Bên đó thiên hạ đi ngủ thật khuya và chỉ thức dậy khi chỉ bắt buộc. Còn ở đây, vì chúng tôi ở sát bên chùa nên chúng tôi thức dậy với tiếng đại hồng chung buổi sáng và tiếng tụng kinh của các thầy bên chùa. Khi trời tờ mờ sáng là tôi mở cửa sổ phòng tôi. Cửa sổ trong ra phía ngoài đường. Ánh điện đường nơi ngõ hẻm chùa Pháp Hội vàng vọt và yếu đuối. Chợ chưa đông, nhưng đã có mấy hàng dọn ra rồi. Đặc biệt, dưới cột đèn và sát thành chùa, là hàng của bà bán hủ tiếu. Hủ tiếu, tức là một thức ăn giống như phở mà tôi đã nói cho Steve nghe một lần. Hủ tiếu giống như phở, nhưng khác phở ở chỗ nó có

thêm giá tươi. Hủ tiếu có đặc tính miền Nam hơn phở và có lẽ chịu ảnh hưởng Trung Hoa hơn phở. Gánh hủ tiếu tôi đang nói chuyện với Steve đây chắc hẳn đã được chuẩn bị từ tối hôm qua. Khuya vào khoảng ba giờ sáng, bà Tư (tôi tạm gọi bà bán hủ tiếu này là bà Tư, bởi vì tôi không biết tên bà) đã phải thức dậy để nấu hoặc để hâm nồi nước dùng trước khi gánh hàng tới đây. Nước dùng phải thật nóng vì vậy bà phải đặt nó trong một cái lò than để gánh đi để giữ sức nóng. Bà chỉ mở nắp nồi mỗi khi múc nước dùng đổ vào bát mà thôi.

Ngồi phía trên nhìn xuống, tôi ngắm cách bà Tư làm hủ tiếu cho khách và kỳ lạ lắm Steve, sáng nào tôi cũng ngồi ngắm bà như vậy chừng năm bảy phút và lòng tôi thấy êm ả. Khách của bà khi thì anh bảy phía bên kia đường, ưa ăn hủ tiếu trước khi đi làm hơn là ăn bánh mì nhúng cà phê sữa; có khi thì là chị bán bắp không muốn ăn điểm tâm bằng một vài trái bắp; có khi là mấy em nhỏ ở trong xóm được mẹ hay chị đưa đến ăn trước khi đi học; có khi thì là bà nội trợ đi chợ trước khi mua thức ăn bỏ vào làn mây đem về, ghé lại ăn một bát hủ tiếu cho ấm bụng đã. Ở chợ hẽm Pháp Hội, có nhiều hàng quà chen lẫn trong các hàng bán thức ăn còn sống. Các bạn hàng bán quà thường mua lẫn quà của nhau mà ăn. Không ai ăn quà của chính mình bán, bởi vì không ai thấy quà hàng mình bán là ngon cả, Steve có nghe ra không?

Khách tới ngồi trên một chiếc đòn thấp trước cái mâm gỗ rộng chừng mười thước tây mà bà Tư dựng lại bên bờ tường mỗi khi bà bán xong gánh hàng. Cái mâm gỗ quá cũ và xấu xí quá nên có lẽ không ai thèm lấy cắp. Hoặc giả bà Tư đã gửi gắm cái mâm kia cho chú Liu chủ tiệm thuốc bắc gần đó, nhờ chú can thiệp khi có kẻ muốn chiếm đoạt nó cũng nên. Chỉ biết rằng là cái mâm để dựng bờ tường kia trải qua mưa nắng bốn mùa mà vẫn còn đó. Khách ngồi xuống trước cái mâm và đưa tiền cho bà Tư. Tùy theo số tiền mà bát hủ tiếu sẽ to hay nhỏ. Bà Tư bán giá rất bình dân. Một đồng bạc Việt Nam là đã có thể mua một chén hủ tiếu rồi, thứ chén con các gia đình thường dùng để ăn cơm. Có thể mua ba, hoặc năm đồng. Có thể ăn hai ba bát một lúc nếu thấy ngon miệng. Bà Tư đặt rau sống, giá và bánh phở vào bát bằng tay rồi dùng "vá" múc nước dùng đổ vào. Tay trái bà mở nắp nồi. Hơi nóng bốc lên. Tay phải bà cầm cái "vá" của bà khá lớn. Vá thứ nhất chỉ thuần có nước dùng mà không có tí thịt nào. Khi múc vá thứ hai bà lựa tay khéo thế nào mà để trong vá hai miếng thịt nhỏ, một miếng chìm một miếng nổi. Dù cái chén hủ tiếu là chén một đồng bà cũng cho được một miếng thịt nhỏ xíu vào chén. Có khi hai ba miếng thịt trôi vào vá một lần; bà liền nghiêng vá và giật tay một tí để những miếng thịt kia rơi bớt lại trong nồi. Tôi nhớ hồi còn ở tu viện, có khi nấu canh cho gần một trăm tu sĩ ở trong

chùa, tôi cũng phải tính toán khi múc canh để có thể múc thế nào cho phải. Tôi phải múc cho được năm mươi bát canh từ trong cái nồi canh bằng đồng to tướng kia, múc thế nào cho đủ năm mươi bát mà bát nào cũng có thể "trông được" nghĩa là có đủ rau, đủ nấm và đủ nước. Thế nhưng kỳ nào tôi cũng chật vật, bởi vì mỗi lần lại phải nấu một thứ canh khác nhau. Có khi là canh mít non; tôi nấu thứ canh này giỏi nhất. Có khi là canh rau lang nấu nấm. Ở Huế nấm mối được xem là ngon nhất bởi vì nấm mối ở Huế nấu canh rất ngọt. Có một lần rau lang ít quá nhưng có nấm mối ngon, tôi liền nấu một nồi canh lộn chỉ có ít nấm ít rau và hai trái cà chua nhỏ xíu. Bữa đó, canh chỉ lỏng bỏng toàn nước, cà chua cũng tan thành nước; trong mỗi bát canh chỉ có vài cọng ra còn nấm thì biến đâu hết. Không phải là tôi ăn vụng nấm đâu nghe; đó là tại vì nấm cũng ít cho nên năm bảy bát canh mới có một bát may mắn có được một tai nấm. Thế nhưng bữa đó mọi người đều khen là canh ngọt. Chắc là nhờ nấm mối rồi.

Khi múc nước dùng đổ vào bát xong. Bà Tư liền dốc bình nước mắm vài ba lần trên bát hủ tiếu. Rồi đặt bình nước mắm xuống, bà lấy hai ngón tay nhón vài cánh rau thơm bày lên trên mặt hủ tiếu rồi đặt bát hủ tiếu xuống mâm, trước mắt người khách. Bà rút một đôi đũa đưa vào chiếc khăn máng từ đầu gióng, lau sơ qua, rồi trao tận tay cho khách hàng. Những bát đũa khăch ăn xong, bà đem rửa trong một cái chậu nước mang theo, lau khô và úp vào chiếc rổ kế bên để dành cho khách hàng sẽ tới. Nắng lên, chiếu vào hẻm nhỏ. Khi tôi rảnh việc buổi sáng, tới nhìn ra chợ thì bà Tư đã dọn hàng về rồi. Gánh hủ tiếu ngày nào cũng bán hết sớm. Chỉ có một lần tôi được thấy bà dọn hàng về. Đó là vào khoảng tám giờ rưỡi sáng. Bà Tư quét mọi thứ sạch sẽ, trả cái mâm và mấy cái đòn nhỏ vào bức thành, rồi gánh không đi về. Nhiều hàng khác còn ở lại cho đến mười giờ hay mười một giờ mới giải tán.

Tôi giả định bà Tư có một vài đứa con đi học. Bà phải nuôi chúng, phải sắm giấy bút cùng là trả tiền trường cho chúng. Đó là không kể những vấn đề riêng và đặc biệt thuộc mỗi gia đình. Gánh hủ tiếu buổi sáng không biết có đủ tiền lời để mà lo từng đó chuyện? Buổi chiều không biết bà Tư có làm lụng gì thêm không. Chớ tôi biết rằng bà còn phải lo cho gánh hàng buổi sáng mai ngay từ tối hôm đó. Cái ngõ hẻm Pháp Hội một ngày kia sẽ thiếu thốn buồn tẻ nếu không có bà Tư với gánh hủ tiếu của bà. Mà chắc chắn những chị hàng rau, hàng cá, hàng thịt cũng đều quan trọng như bà Tư hủ tiếu, không khác. Độ sau này có chị hàng vải và anh chàng bán nồi niêu soong chảo bằng nhôm tới bầy ngay hàng trước cửa đại học Vạn Hạnh mà bán. Nhất là anh hàng nồi. Ảnh bày hàng trên một khoảng đất rộng có đến

tám thước vuông. Hàng của anh phản chiếu ánh mặt trời sáng choang. Có khi ảnh bày thêm một hàng dài các thứ dao lớn nhỏ cần dùng cho việc nội trợ. Nhìn mà ngán. Cái xe hơi nhỏ của Vạn Hạnh có khi mắc kẹt không vào cái cổng được và bác tài phải mở cửa năn nỉ anh hàng nồi thu bớt phạm vi bày hàng lại. Nói cho đúúng các bạn hàng rất tỏ vẻ hiểu biết. Mỗi khi có xe hơi của trường vào, họ tự động thu vén để cho cái xe có đủ chỗ mà lưu thông.

Trước đây nửa năm tôi cũng có chút trách nhiệm với Vạn Hạnh. Ông Tổng Thư ký nói với tôi: "Cái chợ hẽm này làm mất "uy tín" của đại học Vạn Hạnh quá. Hay là thầy để tôi thu xếp. Tôi chỉ gọi một cú điện thoại thôi là chúng ta dẹp được chợ. Bởi vì chợ họp bất hợp pháp. Rồi ta sẽ xin Công chánh năm bảy xe đất đá để lấp các hố nước là cho lối đi vào trường có vẻ nghiêm chỉnh thêm ra". Ông ta nói với tôi vài lần như vậy, nhưng lần nào tôi cũng mỉm cười từ chối. Rồi tôi khuyên ông đừng nên làm cái chuyện thất đức và thất nhân tâm đó. Cái Viện Đại học của ông làm lợi cho văn hóa dân tộc đâu thì chưa thấy mà nếu làm như thế thì đã có thể gây thất nghiệp cho gần một trăm người tiểu thương và chuốc lấy sự oán ghét của cả xóm lao động. Tôi nghĩ tới bà Tư hủ tiếu và tôi biết là chẳng bao giờ ông Tổng Thư ký có thể thuyết phục được tôi về sự cần thiết của cái "thể diện" của trường. Tôi muốn kể cho Steve nghe cái hôm chúng tôi vừa tiếp tân các giới trí thức văn hóa Saigon và trong các ngoại giao đoàn. Trường lúc ấy cũng đang còn thiếu thốn nhiều quá cho nên ông Tổng Thư ký phải đi vay mượn nhiều ghế dựa bọc vải tại những tiệm mộc quen biết. Chúng tôi điều đình với bạn hàng trước đó một hôm. Là sáng mai xin đừng họp chợ ngay trước cửa Pháp Hội. Sáng hôm tiếp tân trời mưa và các ông khách quý phải rón rén từng bước từ ngoài đường đi vào ngang qua hẻm tránh các vũng bùn. Trong lời chào mừng, tôi có xin lỗi quan khách về những vũng nước bùn đó. Ai cũng cười hoan hỉ. Ông Tổng Thư ký, sau đó, thì thầm với tôi: "thì ra thầy muốn lấp những vũng bùn đó mà không cần những xe ủi đất và đá của bộ Công chánh:. Tôi nói: "tôi chỉ lấp 'tạm' mà thôi, bác phải lấp chúng thật sự chứ lại". Ông ta cười.

Cái đường hẻm Pháp Hội vậy mà vui như Tết đó Steve. Nhất là vào ban đêm có trăng. Phía trước vài căn nhà hai bên đường hẻm, có những cây cao chừng bốn năm thước, có bữa đi vào hẻm tôi thấy mặt trăng thấp thoáng sau lá cây. Đây đó có một hàng bán quà cho trẻ con dưới ánh đèn đường. Và một xe nước giải khát. Ở trong nhà thì nóng, thành ra hầu hết mọi gia đình đều ra ngoài hẻm để sinh hoạt. Có nhà quét đường sạch rồi trải chiếu ra, cha mẹ con cái ngồi chơi chuyện trò với nhau. Có nhà thì nhắc ghế bàn ra kê ngay

trước cửa. Có nhà đem cả công ăn việc làm ra đường. Ở xóm nghèo Pháp Hội có nhiều nhà làm bong bóng cao su để bán cho trẻ con chơi. Họ mang một nồi lửa than ra đường, trải chiếu rách và ngồi làm việc. Những chiếc bóng cao su đủ mầu mới mua sỉ của hãng cần phải làm lại mới bán được. Họ hơ cao su trên than hồng cho mềm kéo dài chiếc bong bóng ra rồi thổi vào cho da bong bóng phồng lên, mỏng đi. Như thế bong bóng mới đem bán cho trẻ con chơi được. Người lớn ngồi nói chuyện còn trẻ con thì chạy chơi nô đùa. Thật là vui như ngày hội, cái ngõ hẻm Pháp Hội này. Phía sau cái không khí hòa bình ấy là sự sống càng lúc càng khó khăn đắt đỏ, những vấn đề dằn vặt con người và nhất là ảnh hưởng của tai họa chiến tranh mà ít gia đình nào tránh khỏi.

Ở những xóm nghèo như thế này dân cư rất đông đảo. Trẻ con đầy đường đầy ngõ. Chúng nó phần đông đều xanh xao. Nhưng không biết tại sao trẻ con độ nầy trông đẹp ra, kể cả những đứa thuộc về gia đình nghèo nhất. Tuy không có cái đẹp hồng hào mũm mĩm của trẻ con đủ ăn đủ mặc nhưng mà chúng vẫn đẹp trong cái xanh xao của chúng. Có lẽ trẻ con bao giờ cũng đẹp. Hoặc giả vì tôi chỉ mới để ý đến chúng trong thời gian gần đây cho nên tôi mới thấy chúng đẹp như thế, Steve nhỉ.

Hết chương 11

---o0o---

XII

Cám ơn Steve đã viết thư dài cho tôi. Miền Trung Việt Nam vừa bị tai họa bão lụt lớn. Tôi cũng bị bận rộn quá nên đã ít viết thư được cho Steve. Các ông già bà cả cho biết là sáu mươi năm nay mới lại có một trận lụt lớn như vậy. Trận lụt sáu mươi năm về trước cũng xảy ra trong năm Giáp Thìn. Kỳ về Trung vừa rồi cùng với một số người trẻ tuổi góp phần vào việc cứu trợ, tôi được thầy tôi, năm nay đã tám mươi tuổi, kể cho nghe từng chi tiết về trận bão lụt Giáp Thìn sáu mươi năm về trước ấy. Trận lụt năm nay thật là kinh khiếp; hàng ngàn người bị nước cuốn trôi và hàng chục ngàn người thiếu nhà cửa, thiếu cơm ăn áo mặc, đã và đang thoi thóp chờ sự cứu trợ của những người đồng bào của họ. Ở miền Nam phong trào cứu trợ nạn lụt miền Trung được sự hưởng ứng rất sốt sắng của hầu hết mọi người. Biết bao nhiêu đoàn thể đã tổ chức quyên góp cứu trợ. Trường chúng tôi cũng góp được hàng mấy xe quần áo, thuốc men và thực phẩm. Từng đó chẳng thiếu đủ gì, nhưng chúng tôi đã tổ chức để tự thân mang những tặng phẩm đó ra tận nơi

xảy ra tai nạn. Công việc này không dễ dàng gì đâu Steve ơi, bởi vì những nơi này đều nằm vào địa thế chiếc lược nguy hiểm. Người ta có thể bỏ mạng vì bom đạn hay vì những cuộc đụng độ có thể xảy ra bất cứ lúc nào nếu người ta nghe theo tiếng gọi của lương tâm mà tìm tới những nơi ấy.

Nhưng mà để tôi trả lời câu Steve hỏi đã nghe. Tôi biết Steve không ưng ở lại thành phố Nữu Ước nữa bởi vì Steve đã chán nó. Nhưng nếu Steve cố gắng thêm chừng bốn tháng nữa thì Steve đã có thể hoàn tất chương trình. Rồi sẽ liệu sau. Chắc có lẽ cậu lắc đầu chán nản khi nghe tôi khuyên như thế "đã chán rồi thì một vài ngày cũng khó chịu thay, huống hồ là bốn tháng trời!". Chắc Steve đã phản ứng như vậy. Nhưng mà Steve ơi, nơi nào trên trái đất này thì cũng đều gần gần như nhau. Nếu mình vẫn mang tâm trạng như tâm trạng bây giờ, thì đi đâu mình cũng thấy cái y báo ấy. Có lẽ nếu có tôi bên cạnh, cậu sẽ chấp nhận Nữu Ước dễ dàng hơn. Steve không biết rằng có thể một ngày nào đó cái Nữu Ước chán ngấy của cậu có khi lại làm cho cậu sinh ra nhớ quay nhớ quắt nó cũng không biết chừng. Cũng như cái xứ sở đau thương nhiều thù hận và nhiều điều bạc bẽo này. Ngày trước có khi tôi nghĩ phải bỏ quách nó mà đi để không bao giờ trở lại. Ấy thế mà rồi khi xa lại đứng ngồi không yên, lại nhớ sinh ra nhớ quay nhớ quắt nó. Tôi hay có những tưởng tượng buồn cười lắm Steve. Ngày xưa có bữa đọc báo về chuyện phi hành không gian, tôi tưởng tượng một mình đang ngồi trên phi thuyền bay theo một quỹ đạo xoay quanh trái đất. Rồi vì một hư hỏng máy móc nào đó tôi không đốt được chiếc hỏa tiễn còn lại thành thử không thể vượt ra khỏi quỹ đạo được nữa và phải tiếp tục bay quanh trái đất mãi mãi. Mãi mãi cho đến khi hết lương thực, hết không khí và tôi chết rũ ra một mình không ai biết ai hay. Liên lạc vô tuyến với loài người ở dưới trái đất cũng bị cắt đứt. Và tôi cảm thấy rất cô độc khi nghĩ rằng chính xương cốt mình cũng không được nghỉ ngơi trong lòng trái đất. Tôi nhớ trái đất lạ lùng. Loài người ác độc, loài người gây khổ đau dằn vặt, loài người mà có khi tôi thấy không thể thương được, loài người ấy bây giờ tôi thấy thân thiết với họ một cách kỳ lạ. Thôi thì cho tôi trở lại trái đất đi, với loài người ác độc ấy đi, cũng được. Nhưng mà làm thế nào để trở lại. Dù anh muốn để xương cốt anh trên mặt đất thân yêu thì cũng không được nữa rồi mà. Anh có thể có ý định mở cửa phi thuyền và… nhảy xuống mặt đất. Nhưng thực tế thì anh không nhảy được. Bởi vì không có trọng lượng. Trái đất không muốn anh nữa. Trái đất không còn "hút" anh xuống nữa. Anh xa trái đất và loài người quá rồi.

Steve ơi, chỗ tôi ngồi viết cho Steve đây vẫn là làng quê thuộc tỉnh Gia Định. Khung cảnh đáng lý thì yên tịnh hoàn toàn nhưng tiếng máy bay phản lực của không quân làm tôi nhức óc. Sao mà máy bay bay hoài như thế

không biết. Tiếng máy bay như đè nặng trên hai lá phổi của tôi. Hồi nãy tôi ngồi chơi với mấy em bé trong làng ở dưới chân đống rơm. Câu chuyện đang vui thì máy bay ào tới, tiếng máy bay át cả tiếng nói của chúng tôi. Mấy đứa nhỏ nhìn lên trời, theo dõi hai chiếc máy bay phản lực. Tôi thấy chúng không có vẻ thích thú như trong trường hợp thông thường của trẻ con nhà quê khi nhìn thấy máy bay. Chúng không vỗ tay reo cười. Trong mắt chúng, tôi thấy vẻ lo âu ghét bỏ. Tiếng tăm về tai nạn bom đạn giết chóc từ những miền quê khác đã bay tới làng.

Ở những nơi như thế này đây, trông thấy những vấn đề cụ thể của người dân quê, tham dự vào trong những vui buồn hàng ngày của họ, tôi thấy tâm hồn mình bình dị và có nhiều yêu thương. Tôi biết cái nếp sống khép kín của cái xã hội nhiều tiền bạc và tiện nghi cũng không thích hợp với Steve. Đối với nhiều người, phần lớn thì giờ trong cuộc đời họ đã và đang được tiêu phí trong sự theo đuổi những tiện nghi vật chất. Tôi không tuyên truyền thuyết bác ái đâu. Steve đừng e ngại. Tôi thấy trong cái xã hội sinh hoạt đầy tiện nghi, những vấn đề của con người lại còn to lớn và dằn vặt hơn trong cái xã hội mà tôi đang sống đây nhiều. Nỗi niềm cô đơn, trống trải và buồn chán, ý niệm về sự vô ích vô nghĩa của cuộc sống nó làm cho con người đau khổ bội phần. Cách đây mấy năm, tôi được xem đâu dó một khúc phim tài liệu ngắn thuộc loại xã hội nơi một chương trình vô tuyến truyền hình. Phim do ai thực hiện tôi cũng quên khuấy đi mất. Nhan đề cuốn phim là “người đàn bà cô đơn”. Tôi chỉ nhớ mang máng thôi, vì lâu quá rồi. Người đàn bà cô đơn đây là một người đàn bà có chồng, và chồng bà lại có địa vị trong xã hội. Họ lại có nhà cửa, xe hơi và tiền bạc. Giữa hai vợ chồng, không có vấn đề gì xích mích, lộn xộn. Người thiếu phụ cũng đã không gặp trở ngại gì trong vấn đề tình yêu và hôn nhân. Hai vợ chồng ở trong một ngôi nhà khá sang trọng trong thành phố Mỹ quốc. Họ chưa có đứa con nào. Vào đầu cuốn phim, ta thấy người thiếu phụ rên ư ử. Nét mặt biểu lộ sự chán chường mệt mỏi và xa vắng mênh mông. Trong cơn mê những đợt sóng từ dưới đáy tiềm thức chỗi dậy. Có một vẻ gì bất an hiện trên nét mặt đó. Một chút nước bọt nhễu hai bên mép thiếu phụ. Trong cơn mê, thiếu phụ vừa cựa mình vừa lắc đầu như đang vùng vẫy để thoát ra một cái gì. Lúc đó chồng của thiếu phụ chạy đến vỗ vai để thức nàng dậy. Người thiếu phụ mở choàng mắt, bỡ ngỡ một tí, rồi vụt đứng lên. Chỉ sau một giây thôi, nét mặt thiếu phụ trở thành vui vẻ, nhí nhảnh, yêu đời. Tất cả những nét chán chường, mệt mỏi biến mất. Thiếu phụ trở nên vui tươi, hoạt bát một cách mầu nhiệm. Nàng nói tíu tít như một con chim non để làm vui lòng chồng! “Em mới chợp mắt một tí. Anh đi đầu mới về đấy? Để em pha cà phê thật ngon cho anh”. Người chồng nhìn vợ một cách hơi lo lắng rồi hỏi nhỏ: “Em có sao không?”. Nàng trả lời vừa cười rất

tươi “Không, em có sao đâu, em không sao cả”. Người chồng cho biết ông phải đi Cựu Kim Sơn gấp vì công chuyện làm ăn “Anh phải đi ngay - Vậy anh đi thay áo đi. Để làm cà phê xong, em sẽ giúp anh làm va li”. Nàng làm cà phê, trong khi người chồng loay hoay trong tủ áo. Bỗng nhiên tiếng hát trong phòng chấm dứt. Chiếc dĩa âm nhạc vừa hết. Nàng bỏ dỡ cà phê, tới thay đĩa mới. Âm nhạc nổi lên, lần này dồn dập náo nức. Rồi nàng trở lại với chiếc bình cà phê. Nhưng người chồng không chịu nổi âm nhạc. Có lẽ ông đã mệt vì âm nhạc. Ông đến gần máy, tắt đi. Và trở về tủ áo. Nhưng người thiếu phụ lại không chịu nổi sự im lặng. Nàng trở vào, cho quay chiếc đĩa hát trở lại. Rồi lại đến phiên người chồng thấy khó chịu. Họ thay phiên nhau văn máy và tắt máy như thế nhiều lần, một cách hầu như là vô ý thức.

Bây giờ thì ông chồng đã lên máy bay rồi. Người thiếu phụ ngồi nhà một mình. Nghe nhạc hoài cũng chán lắm. Nàng chọn nhiều đĩa khác nhau, nhưng cuối cùng tắt máy. Rồi nàng đi tìm sách. Thế nhưng đọc được vài dòng, nàng gấp sách lại. Nàng không thể tiếp tục đọc sách nữa. Nàng chạy tới máy điện thoại. Gọi người này, rồi gọi người khác. Người này đi vắng, người khác bận. Không có ai để mời tới ngồi lê đôi mách cả. Nàng chán nản bỏ ống nói xuống và ngồi thừ ra.

Steve hãy tưởng tượng làm sao mà nàng có thể sống từ trưa đến chiều trong cái tâm trạng và điều kiện ấy. Vào lúc sáu giờ, đứa bé giao báo buổi chiều gõ cửa. Nàng mừng rỡ đến nỗi ta thấy hy vọng hiện trên nét mặt nàng. Nhưng không, đó chỉ là em bé đưa báo. Nàng nhận báo rồi đề nghị thằng bé ở lại một chút nói chuyện chơi. Cố nhiên là nó từ chối, bởi vì nó còn giao không biết bao nhiêu là báo nữa. Nó nhìn nàng, thương hại: “Tại sao bà không ra quán rượu đầu đường ấy. Vui lắm”. Nàng thấy lòng tự ái bị va chạm. Nàng nói: tôi không cần.

Thằng bé đi rồi, nàng càng thấy cô đơn trống trải. Nàng nghĩ tới chồng. Nàng chạy lại điện thoại. “Cô làm ơn cho tôi nói chuyện với chồng tôi, ở Cựu Kim Sơn. Long distance call. Person to person”. Phải rồi, person to person, chớ không phải poste to poter. Như vậy trong trường hợp chồng không có ở đó thì nàng khỏi phải trả tiền. Person to person! Một người liên lạc với một người. Một người nhất định nào đó liên lạc vưói một người nhất định nào đó. Nhưng mà sự liên lạc giữa người và người nó có làm tan biến được sự cô đơn của con người hay không, hay là con người chẳng bao giờ vượt qua được cái “vạn lý trường thành của hai vũ trụ chứa đầy bí mật” đó? Person to person!.

Nàng nghe tiếng chồng ở đầu giây kia. Nàng hỏi: "Anh đi về có bình yên không". Chồng nàng trả lời "bình yên". Thế rồi hết, thảm hại chưa. Nàng không có gì để nói nữa hết. Điện thoại nối liền hai miền xa cách. Chồng nàng đứng ở đầu đường dây kia cũng như đứng trước mặt nàng. Không có gì nói cho nhau nghe nữa hay sao? Mười năm trời ở bên nhau, người ta đã tìm tất cả những gì thuộc về của nhau rồi sao? Nàng thấy óc nàng rỗng tuếch. Nàng hỏi đại một câu: Ở Cựu Kim Sơn trời có mưa không anh". "Không, trời ở đây tốt lắm, ấm lắm. Anh vừa tiếp xúc lần đầu với người ta về vấn đề công việc". Và hình như người chồng nhận thấy cái gì là lại ở giọng nói của nàng. Chồng nàng hỏi "Em có sao không, em? Are you all right?". Lần thứ hai trong buổi chiều chàng hỏi. Và lần thứ hai trong buổi chiều nàng trả lời "Em không sao cả. I am all right".

Nàng không chịu đựng được nữa, cho nên nàng mặc áo rồi xuống đường. Nàng tìm tới quán rượu đầu đường. Đã hơn mười hai giờ khuya rồi. Quán cũng vắng. Nàng gọi một cốc Whisky, và ngồi nhìn. Lát sau cũng có một đôi vợ chồng cũng vào quán rượu. Người vợ đi vào phòng rửa mặt. Người chồng ngồi gần bên thiếu phụ gọi một ly rượu. Và họ quen với nhau. Thiếu phụ cô đơn. Còn người đàn ông thì thấy thiếu phụ có chút nhan sắc. Và biết đâu người đàn ông, tuy đi với người đàn bà của mình, cũng lại cô đơn. Họ trao đổi nhau vài câu nói cười thân mật. Nhưng người đàn bà đã trở về lại chỗ cũ, nhăn mặt tỏ ý không tán đồng sự thân mật đó. Không khí trở nên nặng nề.

Vào khoảng nửa đêm, ác mộng xâm chiếm giấc ngủ của người thiếu phụ. Dưới ánh sáng mờ nhạt của gian phòng ngủ, ta thấy nét chán chường cô độc ban trưa trên khuôn mặt nàng. Thiếu phụ vùng vẫy, nàng la hét trong cơn ác mộng. Một mình trong cơn ác mộng, một mình cô đơn. Nhưng bỗng có tiếng lách tách ở ổ khóa. Có tiếng cửa mở. Rồi cửa phòng ngủ cũng hé mở. Chồng nàng từ Cựu Kim Sơn về, lúc nửa đêm. Trông thấy cảnh tượng đó, chàng vội vàng chạy lại đánh thức nàng.

Người thiếu phụ giật mình tỉnh dậy, ngơ ngác, nét mặt còn in vẻ kinh hoàng. Người chồng cắt nghĩa: "Anh nghe thấy một cái gì không bình thường trong giọng nói của em hồi chiều, qua dây điện thoại. Cho nên bàn xong công việc, anh vội vã lấy máy bay trở về. Em nằm mơ thấy gì mà vùng vẫy la hét dữ vậy? Em có sao không?" Em có sao không? Are you all right? Lần thứ ba trong buổi chiều chàng hỏi Are you all right? Người thiếu phụ kiểm soát lại tình trạng. Nàng không thể trả lời như hồi chiều được nữa. Không. Rõ ràng nàng không trả lời như hồi chiều. Nhưng mà có vấn đề gì đâu? Nàng có đau

ồm thiếu thốn gì đâu. Nhà cửa đầy đủ mọi tiện nghi. Chuyện gì cũng có máy móc đỡ tay chân làm thế cho nàng. Có chuyện gì thì cũng có điện thoại đó. Bếp có cháy hay trộm có thể lẻn vào thì có thể gọi cảnh sát. Người đàn bà không bất lực, không cần sự che chở của người đàn ông như thời nguyên thỉ, có nhiều rắn rết, hổ báo, sấm chớp. Người đàn bà không thiếu một thức gì. Nhà cửa sang trọng, sức khỏe đầy đủ, lợi tức dồi dào, chồng con có địa vị, có uy tín. Nhưng mà không thể nói rằng như thế là mọi sự êm đẹp tốt lành. Nàng nhìn chồng, thú nhận:"Em làm sao ấy, anh ạ. I am not all right".

Và họ biết là họ có vấn đề.

Steve ơi, cái vấn đề đó là một trong những vấn đề lớn của cái xã hội bây giờ. Sự cô đơn của con người càng lúc càng lớn. Steve đưa mắt nhìn thử những buổi sinh hoạt gọi là tôn giáo, xã hội và tôn giáo, xã hội và thân hữu mà xem thì thấy. Nhà thờ và chùa chiền trở nên chỗ hội họp để các Ông các Bà giao tế, gặp gỡ và tổ chức những cuộc vui lấy danh nghĩa là sinh hoạt tôn giáo. Đi nhà thờ hay đi chùa đã trở thành một thứ trang sức, một thứ giải trí cho nhiều người. Hội họp để bầu cử những hội phụ nữ, hội từ thiện, hội cựu học sinh, hội chống võ khí nguyên tử vân vân… và để đàm luận và tổ chức công việc này nọ cũng chỉ là để giết thì giờ, là để chạy trốn sự cô đơn, trống lạnh của những đời sống khép kín trong cái vỏ tự ngã giả tạo. Họ có đi đâu thì cũng chỉ quanh quẩn trong cái vỏ ấy. Họ chỉ giao tiếp gặp gỡ những cái vỏ như là cái vỏ của chính họ. Chính bởi vì Steve bị lạc vào trong cái thế giới đó cho nên Steve không thể chịu đựng được. Nhưng mà nếu Steve thiết lập được sự liên lạc với cái thế giới rộng rãi bên ngoài cái vỏ kia thì dù cho Steve có ở lại trong cái môi trường đó, Steve cũng không cảm thấy bị tù túng như là đang cảm thấy bây giờ. Có lẽ tại vì cậu đã để cho con đường liên lạc kia bị bế tắc. Hãy nghĩ đến chúng tôi, hãy nghĩ đến cái thế giới rộng rãi mà trong đó ngày mai Steve sẽ bơi lội thì cậu sẽ thấy cái hoàn cảnh trong đó hôm nay cậu sống là một hoàn cảnh cần thiết. Hãy chấp nhận bốn tháng đó với một nụ cười, và với một thái độ tích cực. Rồi mọi sự sẽ biến hình trước con mắt của chúng ta. Mặt trời sẽ sáng hơn và cây cối sẽ xanh hơn. Con người sẽ dễ thương hơn.

Để chữa lành cái "bệnh" của người thiếu phụ kia, tôi tượng không cógì khó khăn đâu Steve. Hãy đem nàng ra khỏi nhà tù của những điều kiện tiện nghi vật chất. Cho nàng về sống trong cái xã hội của Châu Mỹ La tinh chẳng hạn. Hay là về đây, tại cái làng Bình Quới này thì cũng tốt. Rồi nàng sẽ đi giặt lấy quần áo ở bờ sông. Sẽ phải rùng mình khi thấy thứ nước uống thiếu trong sạch mà những người dân làng thường uống. Rồi nàng sẽ ở chung và sẽ chia

xẻ những vấn đề của dân làng. Cái mớ kiến thức mà nàng có đó sẽ có thể giúp đỡ dân làng cải thiện sự sống của họ. Nàng sẽ phải cực khổ, lo lắng. Nhưng mà nàng sẽ có những nụ cười trong veo như nắng sớm. Tôi biết chắc như vậy mà. Tuy nhiên, Steve đừng nghĩ rằng công việc giải phóng nàng là một công việc dễ dàng đâu nhé. Dù đau khổ, người ta vẫn không có can đảm từ bỏ khổ đau. Con người sợ khổ đau cho nên cứ chịu khổ đau hoài.

Tiếp xúc với cuộc sống, với những khổ đau, những lo âu của thế giới bên ngoài, chia xẻ trong cảm thông tất cả những thứ đó với kẻ khác. Đó là phương thuốc mầu nhiệm nhất để xua đuổi thế giới u ám của sự cô độc nội tâm. Anh mà cô đơn là tại vì anh tự giam giữ anh trong một cái vỏ giả tạo, là tại vì anh tưởng rằng anh là một thực tại riêng biệt không có liên hệ tới những cái khác. Nhà Phật nói là tại vì anh cho là "ngã" một cái gì "vô ngã…". Mà thôi, đừng có tin nhà Phật. Steve ạ, bởi vì tôi nghĩ rằng cái tôi của tôi đây tuy nó không là ngã mà nó cũng không là vô ngã đó Steve.

Cái thứ văn nghệ phản chiếu tâm trạng cô đơn thao thức cũng đã xuất hiện trên cái đất này lâu rồi Steve. Trong cái tình trạng bế tắc của chính trị, trong cái không khí trĩu nặng đe dọa của bạo lực và tiền bạc, con người rất dễ lây cái tâm trạng chán chường vô vọng đó. Huis clos No exit. Ngõ cụt. Không có nẻo ra. Cái gì cũng vô lý, cũng đáng nhổ nước bọt vào. Cái gì cũng giả dối. Sự vô lý cũng vô lý, sự giả dối cũng giả dối. Như thế đó, mà vẫn còn nói năng được. Nó tô một lớp sơn đen hắc ảm đạm lên cho khung cảnh. Nó trợ lực cho nếp sống liều lĩnh, không trách nhiệm. Nó mở miệng nhân danh cho tự do. Nếu cái thứ văn nghệ chỉ biết tuân theo lãnh đạo như một bộ máy được coi là một thái cực thì cái văn nghệ vô trách nhiệm này đích thực là một thái cực khác. Bên kia còn có thể nói vì một cái gì chứ bên này thì không thể nói vì một cái gì được hết. Tôi không bao giờ cho sự vô trách nhiệm là tự do cả. Tự do mà vô trách nhiệm thì không phải là tự do mà là tự hoại. Tự hoại và hủy hoại kẻ khác. Thứ văn nghệ đó làm cho tình trạng càng lúc càng bi đát, thứ văn nghệ đó giúp cho con người tự kỷ ám thị để càng bị dày vò trong cô đơn, chán chường và mệt mỏi. Thứ văn nghệ đó cào quấu những vết thương cho thêm rách nát. Chúng ta cần có một đường hướng khai thị và trị liệu. Khai thị để vạch rõ cho chúng ta biết sự thực về những vấn đề của chúng ta. Biết để mà có ý thức. Có ý thức để mà lo, chuyển hoán, cải tạo, chạy chữa; nghĩa là tìm ra được nguyên do của chứng bệnh và trị liệu. Nói thì chắc là Steve cười, chớ thực ra theo nguyên tắc này, ta phải isoler những người bị cái bệnh chán chường ra, hoặc giả phải isoler những người chưa bị bệnh ra một nơi. Nghĩa là phải thiết lập những "ấp chiến lược" văn hóa. Nhưng mà không phải cái kiểu "ấp chiến lược" ngày xưa của ông

Diệm đâu, Steve đừng lo. Tôi nghĩ ở đây những trường đại học chẳng hạn, nên để tách biệt ra, đừng cho nằm tại Saigon. Phải có những thành phố dành cho đại học, như thành phố Princeton hay là Oxford vậy. Trường đại học cần có phong độ ngày xưa, nghĩa là phong độ một nơi tu luyện. Phải có hoàn cảnh và không khí của sự tu luyện. Chớ ở Saigon hay Nữu Ước hay Ba Lê thì khó học hành lắm. Hồi tôi còn ở Princeton tôi có nghe một anh sinh viên than rằng: “Thành phố Priceton đã như một tu viện rồi mà đại học Princeton là còn là một tu viện nữa. Thật là một tu viện trong một tu viện”. Thế mà không ai chối cãi được cái khả năng và không khí học tập ở Princeton đâu nhé. Steve có đồng ý không. Khi mà người ta mạnh khỏe thì mầm mống bệnh tật khó nhiễm và vật ngã được. Vấn đề không là đi tìm sự trốn tránh mà chính là đi tìm sự tự cường tự lực để chiến thắng.

Steve ơi, cái số tôi thế mà có nhiều may mắn. Bây giờ đây tôi có thể ngồi viết cho Steve yên ổn thế này cũng là nhờ các bạn trẻ bên này lo lắng và gánh vác được cho bao nhiêu trách nhiệm.hòi tôi ở bên đó cũng vậy. Nhớ lại cái hồi từ tháng sáu đến tháng mười năm 1963 mà xem. Thật là lận đận, lao đao. Hồi ấy như Steve biết, phong trào chống đối ông Diệm lên mạnh ở bên này. Một mình tôi ở bên đó phải lo biết bao nhiêu công việc. Ít có đêm nào ngủ được. Tiếng chuông điện thoại làm thần kinh tôi căng thẳng. May mắn có Steve và có một vài người bạn trẻ khác phụ lực cho. Mặc dù bao nhiêu hăm dọa và khó khăn, chúng ta vẫn đi tới một cách mạnh bạo. Tôi nhớ cái buổi chiều ở American BUddhist Academy, đến nét mặt lặng lẽ của Steve khi em đem bình sữa và thẻ kẹo sô-cô-la tới. Căn phòng là một căn phòng tham thiền kiểu Nhật có đệm chiếu tatami Steve đã ngồi quỳ gối và trao bình sữa cho tôi một cách hết sức lặng lẽ và dễ thương. Thật không khác gì một chú thị giả ở đông phương. Steve nói: ăn một thẻ sô-cô-la nhỏ thì lấy lại được năng lực mau chóng lắm. Buổi chiều đó đúng hai giờ, là mãn hạn thời gian tĩnh tâm và cầu nguyện. Tôi dã đóng cửa tĩnh tâm, nhập từ bi quán để cầu nguyện cho sự vượt thắng của tự do trên bạo lực, và thời gian đó kéo dài từ sáng thứ hai đến chiều thứ sáu. Tôi đã không ăn uống gì trong thời gian đó, trừ chai nước lã mà Steve đến thay một ngày hai lần. Hôm tôi họp báo ở Carnegy Hall, Steve cố gắng chạy tìm một nơi thanh tịnh cho thời gian tĩnh tâm ấy, và đã không tìm ra được. Tôi điều đình với ông U Thant cho tôi tĩnh tâm trong Hall ò meditation ở trụ sở Liên Hiệp Quốc, nhưng ông từ chối. Ông từ chối bởi vì ông không muốn tỏ rằng là Phật tử ông có ý bênh vực Phật giáo. Ông nói là sợ làm như thế tức là tạo ra một tiền lệ. Tôi gọi điện thoại cho Internationnal Church Center cũng ở tại Liên Hiệp Quốc. Họ trả lời là được, nhưng cái phòng ấy phải trả ba trăm Mỹ kim một ngày. Ba trăm Mỹ kim! Thế nghĩa là một ngàn năm trăm Mỹ kim cho một thời hạn từ thứ

hai đến thứ sáu! Bán nhà đi chúng ta cũng không trả nổi. Tôi bèn gọi American First Zen Institute. Gọi nhiều lần nhưng không có ai trả lời. Sau cùng tôi gọi Đại đức trù trì ngôi chùa Riverside Drive và được chấp thuận. Lúc đó là lúc đại hội đồng Liên Hiệp Quốc bắt đầu họp về vấn đề Việt Nam. Trước đó, tôi đã làm việc gần gũi với nhóm các nước Á Phi đã đưa được vấn đề Việt Nam lên nghị trình của đại hội đồng Liên Hiệp Quốc, nhất là với ông đại sứ Tích Lan. Và tôi cũng đã nói chuyện rất nhiều với báo chí và các hãng vô tuyến truyền hình. Hôm họp báo ở Carnegy Hall do tổ chức Nhân Quyền Quốc Tế bảo trợ, tôi nói "Dân tộc Việt Nam đã đau khổ nhiều rồi. Đây là lúc mà gia đình nhân loại phải cầu nguyện, phải hành động. Ngay sau cuộc họp báo này, tôi sẽ nhập thất tham thiền và cầu nguyện cho đất nước tôi, và tôi xin tất cả những thành phần gia đình của nhân loại, những ai biết thương xót và đau khổ vì Việt Nam, hãy góp sức cầu nguyện cho đau thương chấm dứt". Báo chí tối hôm ấy có đạo đạt lại lời yêu cầu đó. Steve biết không, lúc ấy tôi đã gần kiệt lực rồi, tại vì trước đó đã phải lận đận đi Hoa Thịnh Đốn, Chicago và các nơi khác để vận động ủng hộ cho cuộc đấu tranh bên nhà. Một cuộc diễn hành của Việt kiều đã được tổ chức trước tòa Bạch ốc. Biểu ngữ được chở từ Nữu Ước xuống. Cuộc diễu hành thật cảm động. Nhiều anh chị có con năm bảy tháng cũng ẵm đi biểu tình. Nhiều người Mỹ mua nước cam tới cho chúng tôi uống. Tất cả các hãng truyền hình đều có mặt.

Một điều bất tiện cho tôi nữa là phòng tham thiền nằm ở trên gác; mỗi khi muốn dùng phòng rửa mặt thì phải bước xuống và leo lên mấy chục bực thang. Mỗi một cử động tiêu phí nhiều năng lực. Trong năm ngày, tôi đã phải đi lên đi xuống có tới mấy mươi bận. Steve đã giữ gìn không cho nhà báo nào hay hãng truyền hình nào ra vào hết. Và mãi đến chiều thứ sáu khi đem sữa và thẻ sô-cô-la tới, Steve mới cho biết là chấm dứt thời hạn tĩnh tâm, tôi phải tiếp hai hãng vô tuyến truyền hình, bởi vì họ có ý muốn giúp cho vấn đề thêm sáng tỏ.

Tôi uống từng ngụm sữa nhỏ và "nhai" những ngụm sữa ấy trước khi nuốt. Và tôi cũng nhai một miếng sô-cô-la, tuy lúc đó tôi không tin cái thuyết của Steve mấy. Steve kể cho tôi nghe những chuyện đã xảy ra trong thời gian tôi nhập thất. Rồi Steve đưa cho tôi xem mấy cái thư ở nhà gởi sang. Có mấy cái thiệp chúc sinh nhật. Thì ra sinh nhật của tôi nhằm ngày hôm kia mà tôi không nhớ, lúc tôi đang còn trong thời gian nhập thất. Một cái thiệp do chính tay em tôi vẽ. Đó là một vườn cau vì bão tố đã gãy đổ gần một nửa. Phía dưới, em tôi đề: mưa quê hương…

Steve kể chuyện nho nhỏ cho tôi nghe trong khi ở phòng ngoài người ta bắt giây điện và bóng để sửa soạn cuộc phỏng vấn. Steve đã nói với tôi: “Thầy đừng nói, chỉ nghe thôi, để dành sức một lát nữa mà trả lời các cuộc phỏng vấn”. Cũng may Steve nhỉ, các cuộc phỏng vấn truyền hình thường chỉ kéo dài mươi mười lăm phút, không như những cuộc phỏng vấn của nhà báo có khi kéo dài cả tiếng đồng hồ.

Sau đó, Steve đưa tôi về nhà ở đường 109 bằng xe taxi. Những ngày sau đó Steve săn sóc tôi và không cho tôi làm gì hết. Steve nấu ăn thật tệ, nhưng mà trông thấy Steve lui cui dưới bếp, tôi thương quá. Tôi đã quen nấu cho Steve ăn, như một bà mẹ săn sóc con.

Thật là êm đềm, khi ta có dịp nhắc những kỷ niệm quá khứ cho nhau nghe, có phải không Steve? Nhưng cuộc đời không phải chỉ là quá khứ. Nó còn là hiện tại và tương lai. Chúng ta phải nhìn về phía trước mặt. Những ngày lao đao, trốn tránh lận đận hồi ấy đã qua rồi. Nhưng những vấn đề của hôm nay đang còn. Và chúng ta đang đối diện với chúng.

Chiều xuống rồi. Tối nay tôi phải trở về thành phố. Hẹn Steve thư sau.

Hết chương 12

---o0o---

XIII

Thiền không phải là suy tư về những vấn đề triết học, Steve ạ, nhất là lối suy tư với hy vọng tìm ra giải đáp. Thiền là gieo những vấn đề lớn nhất của cuộc đời vào chính mảnh đất của bản thể mình, của tâm hồn mình, của máu huyết và xương tủy mình. Thiền là nuôi nấng bằng trọn con người mình - nếu quả thực mình có một vấn đề khẩn thiết. Rồi thiền cũng có khi là một cuộc đấu tranh thập tử nhất sinh trong một khoảnh khắc nào đó để được sống hay để được trở lại trong giòng lưu chuyển sâu thẳm. Có những giây phút gian nan hiểm nghèo quyết định cả một đời mình nhưng chẳng có ai hay ai biết. Mình hoàn toàn cô độc. Lại có những buổi công phu phải quán tự tâm, khi thì những thắng lợi xẩy ra liên tiếp, khi thì hiểm nguy đe dọa, khi thì thất bại nằm chết cứng một mình. Nhưng mà Steve đừng nghĩ thiền là những thứ tôi vừa kể đó. Những thứ tôi vừa kể đó thể chỉ để dành riêng cho tôi thôi. Để tôi nói chuyện này cho Steve nghe. Hãy tưởng tượng chúng ta là những đứa bé con đi chơi và gặp một ông già đang ngồi câu… trên một bãi cỏ xanh. Ông

ta câu rắn. “Bãi cỏ xanh mướt như thế này đáng lẽ có thể trồng bao nhiêu thứ hoa đẹp. Nhưng mà có những con rắn nằm phía dưới. Lão phải câu tất cả chúng nó lên, và đập chết hết, trước khi chúng ta có thể vun bón khu vườn”. Rồi ông già kể cho chúng ta nghe kinh nghiệm câu rắn của ông ta. Có những con rắn con, nằm trong những cái hang con. Khi nhử chúng lên được trên mặt đất thì chúng nằm quay ra chết, khỏi cần đánh đập gì hết. Lại có những con rắn lớn. Câu chúng lên, phải cẩn thận. Nếu không đủ sức đập chúng chết, chúng sẽ cắn mình trước, và mình ngã quỵ. Vì vậy phải biết mình biết ta. Phải biết lúc nào mình đủ sức, lúc nào mình không đủ sức. Lại có những con rắn cần được câu lên một lúc hai con, để chúng nó tự tiêu diệt nhau, khỏi phải nhọc sức mình đánh đập. Chúng ta thích thú nghe ông già kể chuyện và ngồi chứng kiến, tuy chúng ta có hơi sợ sệt. Có nhiều lúc thiền định nó giống như vậy đó Steve. Dưới đáy tiềm thức anh, từ vô lượng vô biên kiếp, đó là nói theo kiểu nhà Phật - có những con rắn, hoặc những con ma, hoặc những con gì đó mà ta không thể gọi tên. Có người gọi là triền là sử là tập. Chúng nằm ở đó và chúng chi phối. Vậy muốn được tự do ta phải mời chúng lên chơi trên mặt phẳng ý thức. Cũng không phải là để đánh đập chúng như trường hợp ông già câu rắn kia đâu. Chúng tôi cần nhận diện chúng, đối thoại với chúng, và nói với chúng rằng chúng ta không sợ chúng, bởi chúng ta là bạn chúng. Thế mà rồi chúng sẽ trở nên dễ thương hết chỗ nói đó Steve. Còn nếu không thì chúng vẫn tồn tại như là những mối đe dọa thường nhật của mình. Điều cần yếu là mình không nên sợ đối diện chúng. Và chỉ cần cẩn thận, biết lúc nào là lúc mình có thể mời chúng đến chơi. Thế thôi. Nghĩa là mình phải sẵn sàng. Thiền là sẵn sàng. Cũng gần như hướng đạo sinh vậy. Phải sẵn sàng. Nhưng mà muốn sẵn sàng thì phải có công phu sắp sẵn. Ví dụ bây giờ có người nói với Steve: tôi cho anh biết độ hai ngày nữa thì anh chết. Nếu Steve tin người đó chắc là Steve sẽ cuống lên. Bởi vì Steve không sẵn sàng. Không phải là không sẵn sàng để chết mà là không sẵn sàng để mà có phản ứng thông minh nhất đối với cái ý tưởng kia. Cũng như bây giờ người ta cho biết cái cô Hạnh Trí Tử mỹ miều kia không chịu yêu Steve nữa và đã đi theo một người con trai khác, thì Steve cũng thấy rõ là mình chưa sẵn sàng để mà đối phó với một ý tưởng như vậy. Và không sẵn sàng cho nên Steve sẽ không biết đặt chân đặt tay vào đâu cho phải khi xúc sự. Và Steve chuốc lấy nhiều khổ đau.

Lý do quan trọng nhất khiến cho Steve không sẵn sàng là sự sợ hãi những ý tưởng đó, sự ghét bỏ những ý trong đó. Steve không thích nghĩ đến cái chết của mình cũng không khí thích nghĩ đến cái phụ bạc có thể có của Hạnh Trí Tử. Xin lỗi Steve nhé, tôi lấy ví dụ chơi vậy mà thôi. Vì không thích, cho nên Steve cứ dìm chúng xuống dưới cát để có cảm tưởng là chúng không thể

có. Nếu bây giờ Steve mời chúng nó ra trình diện và cười với chúng, thế là mọi việc xong xuôi. Nhưng mà cũng không dễ lắm đâu, hỡi người bạn trẻ tuổi của tôi.

Mới hôm đầu tháng đây đi qua Giác Minh tôi ngạc nhiên thấy Lý ngồi trong phòng khách, hai tay bị còng lại. Thứ còng có khóa rất chắc. Xung quanh Lý các bạn bè ngồi đông toàn là những nhà văn, nhà báo. Báo của Lý bị đóng cửa từ mấy tháng nay rồi, nhưng mà Lý vẫn tiếp tục cuộc vận động dư luận, không chịu thua. Chúng lùng bắt Lý. Đã có lần Lý cải trang đi tạm trú ở miền Gia Định. Khi Lý trở về xin tạm trú ở Giác Minh, không ai cho phép Lý đi ra khỏi chùa. Thế mà hôm đó tự dưng Lý ra khỏi chùa. Lập tức hai người lạ mặt đến xốc tay Lý kéo đi. Lý la lớn lên. Người bên đường đổ xô lại. Hai người lạ mặt vội vàng áp Lý tới cột trụ xe buýt và khóa còng hai tay Lý vào rồi lẫn mất. Những người bên đường xúm lại đưa bổng Lý lên cao luồn tay ra khỏi cột. Và với hai tay bị còng như thế, Lý trở về Giác Minh, yêu cầu gọi các bạn lại. Có người đang đi gọi thợ sắt để chặt chiếc còng. Cổ tay Lý đỏ bầm. Thấy tôi, Lý cười. Cổ tôi khan lại, không nói ra tiếng. Như thế này thì còn trời đất gì nữa. Giữa ban ngày ban mặt, lúc một giờ trưa, ngay trong khu đông đảo nhất của thành phố.

Steve ơi, chúng tôi đang tiếp tục đi tới đây. Những sẽ gì xảy ra cho chúng tôi ở đàng kia, chúng tôi chưa biết. Nhưng chúng tôi đặt niềm tin ở khả năng con người, dù con người có tỏ ra ác độc đến mấy đi nữa. Kẻ thù của chúng ta không phải là con người; kẻ thù của chúng ta là vô minh, là cựu thù.

Thôi, để tôi đưa Steve vào làng thăm để quên đi trong giây lát tất cả những vấn đề gay go đó. Steve xem, đây cũng là một làng nước mặn, thành ra vấn đề nước uống là một vấn đề lớn lao của làng. Người ta phải "đổi" một đôi nước tới ba đồng bạc, khi xe nước ngọt chèo tới và dân làng đem thùng và quang gióng ra để "đổi". Người ta dù chữ "đổi" để khỏi dùng chữ "mua", bởi vì nếu có người "mua nước" thì phải có người "bán nước" điều mà không ai muốn xảy ra cả. Steve xem, người dân quê yêu nước biết chừng nào! Steve đi qua con đê này và rẽ về phía bên trái. Cái hồ nước xây bằng đá này có thể chứa sáu thước nước, do dân làng góp và xây nên với sự trợ lực của chúng tôi. Một cái đơn do dân làng ký đã được bộ Công Chánh chấp nhận. Thế là lâu nay cứ mỗi tuần ba lần xe Công Chánh về ghé đổ nước ngọt vào hồ nước. Dân làng chỉ có việc ra gánh.

Tuy vậy vấn đề nước chỉ khó khăn trong mùa nắng thôi Steve. Về mùa mưa, nước sông trở thành nước ngọt và nước mưa hứng được có thể dùng dư dả.

Đám đất lớn phía tay trái kia đã được dân làng khai phá trồng trọt; hoa mầu được chia đều cho nhau dù đó không phải là đất của người trong làng. Đất đó là đất chính quyền bỏ hoang từ bao nhiêu năm. Có những thứ cây cối có thể chịu được nước mặn, nhưng mà có những thứ cây phải chờ đợi đến mùa mưa mới có thể trồng trọt được. Bé Lê ở trong làng bảo là có những cây bầu, cây bí nếu ta tới từ nước sông (mặn) pha với nước mưa (ngọt) cho chúng thì chúng cũng quen dần với nước mặn và cuối cùng có thể chấp nhận được nước mặn. Cũng hay nhỉ. Steve có muốn về đây để tôi tưới cho một ít nước mặn, xem thử cậu có chấp nhận được không nào?

Dân làng đã bắt đầu trồng nấm rơm để bán theo phương pháp chỉ dẫn. Nhưng mà rơm năm nay đắt rồi; số ruộng được canh tác giảm xuống thật nhiều trong toàn quốc. Phải để dành rơm cho trâu bò ăn, nhất là trâu, cho tới mùa gặt mới. Có nhiều gia đình đã thực hiện chương trình nuôi gà, và họ đã thành công. Ban đầu, khi chúng tôi đề nghị nuôi gà, nhiều nhà lắc đầu. Gà của họ nuôi chết hoài. Họ nói: đất nước mặn, gà đi kiếm ăn cứ bị bệnh chết. Chúng tôi biết không thể thuyết phục họ bằng lời, nên tự xuất vốn nuôi một trăm con gà bằng lồng úm. Chúng tôi mượn nhà bé Lợi để thực hiện công tác trình diễn chứng minh. Bé Lợi chưa bao giờ thấy một cái lồng nuôi gà có hệ thống lò sưởi, nên tò mò lắm. Chúng tôi sưởi lồng bằng đèn bão. Gà con thì chúng tôi mua giống New Hamsphire. Thực phẩm của gà chúng tôi mua nhiều bao lớn đã được trộn sẵn. Những con gà con lớn lên mau như thổi. Chúng tôi theo đúng phương pháp chăm sóc, vệ sinh cho gà, nhỏ thuốc lỗ mũi cho gà, vân vân… Sau đó ba tuần, chúng tôi bắt đầu đem dụng cụ về làng đóng những chuồng gà tơ và gà giò. Bởi vì không mấy lúc nữa, gà con trở thành gà tơ. Nhà của bé Lợi luôn luôn có khách ra vào. Bác Ba, thím Tư, bà Bảy ai đến thăm cũng ngạc nhiên khi thấy gà lớn như thổi mà không chết con nào. Một đồn mười. Thế rồi chúng tôi được hỏi ý kiến. Năm ba gia đình quyết định nuôi gà để kiếm tiền lợi tức.

Mọi công tác ở các làng thí nghiệm đều được thực hành theo kiểu đó nghe Steve. Ban đầu thì phải nghiên cứu về tình trạng chung của làng về các mặt y tế, giáo dục, kinh tế, xã hội. Rồi tùy theo tình trạng mà bắt đầu công cuộc cải tiến. Phải đánh thức ước muốn của dân làng dậy bằng những công tác trình diễn chứng minh. Và tự nhiên dân làng hưởng ứng. Tuy vậy cũng công tác đầu phải làm ở nhiều làng vốn không phải là những công tác y tế và giáo dục. Trong thành phần giảng viên của trường Xã Hội, có một vị tăng sĩ mà chúng tôi gọi là thầy Tám: vị này chứng tỏ một khả năng thu phục nhân tâm rất lớn. Chúng tôi đôi khi cũng gọi đùa thầy là "bách khoa tự điển" bởi vì ông biết thật nhiều chuyện. Có lẽ chuyện gì ông cũng biết. Từ tiếng Pháp

tiếng Anh, tiếng Miên cho đến thuốc Tây, thuốc Bắc, thuốc Ngoại Khoa; từ việc trồng cam trồng bưởi cho đến việc gieo hạt bí hạt bầu, từ dạy học cho đến coi sóc công trường kiến trúc. Chính ông sẽ coi sóc họa đồ và điều khiển việc xây cất trường Xã Hội của chúng tôi. Trong một làng thí điểm kia, mỗi lần thầy Tám về, ông chỉ mang theo một cái gói nhỏ trong đó có đựng cau, trầu, một ve dầu gió bạch tượng, vài trái chanh, một ít bông gòn và vài cái kim. Thế mà được việc bằng mấy các cô cậu khác. Ban đầu thì thầy tìm tới nhà một người bị bịnh ban, một cậu bé chẳng hạn. Thầy cạo gió, và nếu cần thì "cắt". Cắt có nghĩa là chích lễ, một loại châm cứu giản dị. Thầy dùng lá trầu hoặc một múi chanh. Ít khi thầy dùng tới thuốc uống hay thuốc chích. Mà lạ quá, người bịnh nào được thầy "hành nghề' cũng mát ra, và qua được cơn nóng. Tài thật. Thế rồi thầy mở khăn gói ra, ngồi trên bức ngựa, lấy trầu nhai bỏm bẻm, mời mọi người trong gia đình. Rồi thầy nói chuyện mưa gió, mùa màng, thời tiết. Chuyện gì thầy nói cũng hay, thế mới lạ chứ. Dân làng mê thầy. Và hàng xóm ai bị bệnh đều mời thầy tới. Hầu hết cả xóm đều là người chịu ơn thầy, một cái ơn nhỏ nhưng mà thật bền chặt. Và thầy đề nghị cái gì, dân làng cũng sốt sắng hưởng ứng, Steve ạ. Ở mỗi làng Việt Nam đều có một ngôi chùa và một ông thầy chùa. Nếu thuyết phục được ông thầy theo phong trào cải tiến nông thôn thì chắc là không bao lâu phong trào phải thành công. Khỏi phải tâm lý chiến, ấp chiến lược gì lôi thôi. Có phải không. hiện giờ chúng tôi rất cần chuyên viên, và chúng tôi phải lo đào tạo. Lấy kinh nghiệm của thầy Tám, công tác đưa vào chương trình học tập của trường môn thực hiện ngoại khoa. Người công tác viên xã hội sau này cần phải nói chuyện hay như thầy Tám, đến với dân làng dễ dàng tự nhiên như thầy Tám. Điều đó quan trọng hơn những kiến thức có tính cách bác học mà thiếu giá trị thực dụng. Khinh thường kho tàng kinh nghiệm của dân quê tức là mua chuốc lấy thất bại. Phải xem kỹ thuật mới như một cái gì đi đến bổ túc, chứ không phải để bài bác, những kinh nghiệm và phương pháp truyền thống. Chúng tôi có ý muốn kết nạp những thanh niên nam nữ gốc ở hương thôn hơn là ở thành thị, bởi vì họ có khả năng hiểu biết và đến với người dân nông thôn dễ dàng hơn.

Ngôi trường mà Steve thấy đây không phải là không có một lịch sử kỳ thú đâu nhé. Ban đầu, một cộng tác viên về làng, và làm quen với vài em bé trong lúc chơi đùa, câu cá, hát hò. Rồi anh công tác viên đó hỏi thăm về sự học hành của các em, và rốt cuộc là các em bằng lòng để hco anh dạy cho mà học thay vì đi chơi rong suốt ngày. Họ ngồi dưới gốc cây, kê một tấm gỗ để viết chữ. Thế rồi chỉ một tuần sau, số học trò tăng lên mười mấy em. Một "bác" phụ huynh thấy thương, liền gọi tất cả vào nhà ngồi học. Họ được phép sử dụng bức ngựa bên chái. Thế là họ tách năm tấm ván ra, lấy gạch kê

làm năm chiếc ghế dài. Còn dư chỗ cho bốn năm em. Mấy tuần sau trẻ em tới đông thêm. Không khí học tập vui vẻ hăng hái. Phụ huynh mừng rỡ thấy con mình được học để sau này có "dăm ba chữ", khỏi thua kém con người ta. Họ thương thầy giáo lắm. Steve biết sao không, ở Việt Nam chúng tôi chịu ảnh hưởng Nho giáo khá sâu đậm. Ngày xưa, ông vua là quan trọng hơn hết, rồi mới đến ông thầy, rồi mới đến ông cha. Quân, Sư, Phụ tức là "tam cương". Chắc chắn là Steve biết dư điều đó, tôi khỏi cần phải xổ nho ra nữa. Vì vậy địa vị của ông hương sư rất là quan trọng, bởi vì ông ấy thay thánh hiền để dạy chữ nghĩa đạo đức cho con cháu. Cho nên người công tác viên xã hội nếu bắt đầu bằng công tác giáo dục, sẽ chiếm được chỗ khá tốt trong lòng người dân làng. Nhất là khi anh có thể dạy cho trẻ em thêm phép tắc ngoan ngoãn. Anh được các môn đệ bé tí của anh mời về nhà chơi, và cha mẹ các môn đệ ấy bao giờ cũng đón tiếp "thầy" của con mình một cách niềm nở. Thế là anh có dịp tuyên truyền cho chương trình cải tiến sinh hoạt nông thôn, một cách gián tiếp và kín đáo, cố nhiên, và tiếng nói của anh sẽ rất dễ lọt vào tai người đã sẵn có cảm tình với anh.

Khi học trò đông quá mà chỗ học thiếu thốn, các phụ huynh họp lại để giải quyết vấn đề trường ốc; có khi họ tự động làm như thế mà khỏi phải có ý kiến của người cộng tác viên. Một buổi họp như thế cố nhiên đưa đến kết quả là sự quyết định dựng một ngôi trường cho làng. Và người thì cho tre, người thì cho gỗ, người thì cho gạch, người thì cho công. Vật liệu không hiếm. Ban đầu chỉ cần là trường bằng tre, tranh và đất thôi. Khi mà dân làng ý thức được sự cần thiết, thì tự nhiên khả năng của thôn quê để tự cải tiến trở nên lớn lao. Người dân không nghèo như họ tưởng hay như chúng ta tưởng, ít nhất là trong tiềm năng của họ và của xứ sở họ. Đó, cái ngôi trường bốn gian mà Steve thấy đó là của chính họ làm ra. Họ không cầu xin của Chính phủ hay của viện trợ một xu nào. Hiện giờ đã có tới hai giáo viên là người làng, những giáo viên khác cũng sẽ thay thế bằng dân làng khi điều ấy trở thành có thể.

Có năm sáu thanh niên nam nữ trong làng tham dự sốt sắng vào công việc xây dựng và cải tiến. Có một cậu mười lăm tuổi tên là Mười - có thể nói nó là một cộng sự viên đắc lực. Cha của Mười mất rồi. Mẹ nó cũng vậy. Mẹ của nó bây giờ là mẹ ghẻ. Nó có một đứa em gái chín tuổi rất kháu khỉnh dễ thương, cùng cha khác mẹ. Nó làm nghề "cày đáy" nghĩa là chài lưới. Từng đó tuổi mà gánh vác việc gia đình như một người lớn. Và nó cũng cư xử như một người lớn. Steve biết không, buổi sáng trước khi cho thuyền đi, nó cũng uống rượu "cho ấm bụng". Và những buổi chiều thuyền về, trong khi em nó lo bán mẻ cá, nó ngồi "nhâm nhi" be rượu, khề khà như một ông lão. Tội

nghiệp quá. Việc làm thì nặng nhọc. Bà dì ghẻ thì không ấm áp ngọt ngào. Không có một thứ giải trí lành mạnh nào. Không có phòng đọc sách, không có đàn hát, không có truyện kiếm hiệp, không có hội hè, bạn hữu đồng điệu, không có thể thao, bóng chuyền, bóng bàn… Chỉ có uống rượu và đánh bạc. Em gái nó, con Mười Một, là học trò trường Chim Sơn Ca. Có một hôm tới trường hai mắt đỏ hoe. Cô giáo hỏi vì sao. Nó nói anh nó bỏ nhà đi gần một tuần nay không chịu về. Hỏi nó thằng Mười đi đâu. Nó nói: nghe người ta nói anh nó xin vô làm công trong hãng sắt nguội trên Saigon. Khi tôi nghe câu chuyện, tôi nói. Chết rồi, thằng bé bị đô thành quyến rũ mất rồi. Để em nó lại đây ai nuôi. Hay là để cho cái bà dì ghẻ thiếu cảm tình ấy? Nó, nó thương em nó hơn là mẹ con bé thương.

Hơn một tháng sau, cô Chín, một trong các hướng dẫn viên thực tập ở làng, gặp Mười đang đi trên một con đường miệt Hàng Sanh. Mới đầu Chín không nhận ra nó, bởi vì nó mặc áo sơ mi rằn ri và quần cao bồi. Nó đi với một thằng bạn có vẻ mặt rất là Saigon. Có vẻ mặt Mười thì vẫn còn mang cái nét thơ ngây non non dại dại nhà quê. Con mắt nó vẫn còn chứa đựng sự ngơ ngác. Chín đã tới và hỏi: Có phải em là em Mười không. Nó thấy Chín thì mừng và nói: “Phải. Chị đi đâu vậy”. Và nó nói với thằng bạn. “Thôi mày đi chơi một mình đi, để tao gặp người quen”. Chị Chín đưa nó vào một quán cà phê. “Này Mười, bộ lâu nay em đi làm được nhiều tiền lắm hả”. “Đâu mà có, chị. Làm ở sắt nguội cũng đủ ăn mà thôi, không hơn gì ở làng”. “Vậy tại sao em bỏ làng mà đi”. “Tại buồn lắm chị Chín ơi. Cả đời như vậy hoài không có gì vui hết. Rồi mai mốt em đi lính, thế là xong”. “Vậy chớ em để con Mười Một một mình à? Mày không thương em mày sao, hả Mười?” Nó yên lặng, lúng túng. Chín không khuyên nó trở về làng ngay, mà chỉ hỏi xem nó làm tại hãng nào để thỉnh thoảng lại thăm. “Em làm ở sở B.S. gần Đakao đó chị”. Chín hẹn trưa thứ bảy tới đón nó đưa về làng thăm em. Nó nhận lời.

Từ đó ở làng có những buổi văn nghệ do học sinh tổ chức với sự tham dự và hướng dẫn của các giáo viên, các người bạn trẻ của làng từ các nơi tới. Có khi học trò trường Tình Thương bên làng Thảo Điền qua tổ chức, rồi thì học trò bên này đáp lễ. Muốn tổ chức “văn nghệ” lúc nào cũng được. Dân làng lớn tuổi mà cũng tham dự thật tình. Nhiều người biết ca sáu câu vọng cổ. Những buổi chiều mát, ở gốc cây dừa. Những buổi sáng trăng. Tủ sách của làng bây giờ có nhiều sách đọc giải trí. Và vô số tiểu thuyết kiếm hiệp. Lại có cả trọn bộ “Cô gái Đồ Long”. Buổi tối trong gia đình, tiếng thỏ thẻ của các em bé đọc tiểu thuyết Tàu tạo nên một không khí ấm cúng. Rồi thì có bóng bàn, bóng rổ. Các ông “cụ non” trong làng bắt đầu say mê những thứ giải trí mới, và bỏ dần uống rượu đánh bạc. Chị Chín dọa các cậu “Tôi sẽ xúi

con gái ở các làng bên không thèm lấy các cậu. Lấy các cậu để rồi các cậu rượu chè be bét làm khổ gia đình ấy à. Mới mười ba, mười lăm tuổi mà đã uống rượu". "Đừng làm ác, chị Chín à; có cậu trả lời. Mà thiếu gì con gái. Tụi tui sẽ đi cưới con gái làng thật xa. Nhưng mà nói chơi đó chị Chín. Buồn thì tụi tui uống chút chơi, chớ có say sưa gì đâu. Bữa nay có giải trí lành mạnh rồi thì không uống nữa cũng được".

Cậu Mười của chúng ta ngày nay đã trở về làng rồi. Khỏi phải nói, con em gái nó mừng hết sức Mười cũng đã trở lại nghề chài lưới. Những thời gian còn lại trong ngày, nó dùng để hoạt động cho phong trào làng. Nó có vẻ đàn anh lắm. Bọn trẻ con rất thích. Nó thích tổ chức thiếu nhi nông thôn, thích chơi bóng chuyền; nó tập đánh đàn măng-đô và rất say văn nghệ. Giọng nó không tốt lắm, nhưng nó rất ưa ca hát.

Steve ơi, tôi là người rất tha thiết đến việc làm làng nhưng mà tôi thấy tôi thua kém thầy Tám cô Chín và rất nhiều người khác. Nhìn những thắng lợi liên tiếp của những người trẻ có lòng kia, lòng tôi thấy phấn khởi và hy vọng hơn. Thì ra rôi là người được thừa hưởng cái kết quả trước hết, chớ không hẳn đã là người dân nông thôn. Anh được yêu mến, được chấp nhận, được tin cậy. Anh lại sống có hy vọng, có ước mơ. Thế thì anh còn đòi hỏi gì nữa. Chính anh là người thừa hưởng công trình của anh trước hết, bất cứ thứ công trình nào mà anh có thể gọi là công trình. Điều đơn giản đó, gieo ngô được ngô, gieo đậu được đậu, thế mà cũng phải lao đao lắm mới chứng thực được nó.

Steve ơi, cái không khí Phương Bối phãng phất ở đâu đây, trong khi chính Phương Bối thì bị cô lập hóa trên miền núi rừng Bsu-Danglu lặng lẽ. Có lẽ vì có những con chim cũ của Phương Bối hay lui tới, nhất là ở những làng quê như làng này. Mà có lẽ là tại Phương Bối ngự trị nơi lòng của mỗi người. Phương Bối là tình yêu. Là hy vọng. Một ngày nào đó chúng tôi mong sẽ được đoàn viên trong chiếc nôi bông đá, hoa rừng và cỏ dại ấy. Những khu làng tương đối yên tĩnh như khu làng này ngày mai có còn được yên tĩnh nữa không? Sự dựng xây phải được thực hiện từng chút từng chút với tất cả công phu. Những sự phá đổ thì không cần đi từng bước một. Một vài phút, một vài giờ đồng hồ, thôi thế là tất cả tiêu tan. Chiến tranh không tôn trọng một giá trị nào, kể cả những giá trị truyền thống và nhân dân. Và nhất là nó tiêu diệt hy vọng…

Hết chương 13

---o0o---

XIV

Trời nóng quá Steve ơi. Mỗi lần về được đến làng rồi tôi sung sướng như là được bơi lội trong một giòng sông mát. Ở đây có nhiều gió. Nhìn đồng lúa và rạch dừa xanh là có thể thấy thoải mái rồi. Cái nơi chúng tôi cư trú ở Saigon thật là tệ quá. Nóng không chịu nổi. Chúng tôi ở tận trên gác nhì. Tràn nhà bằng giấy và nẹp gỗ. Chật chội lắm. Thế đó mà không nóng bức sao được. Buổi trưa chúng tôi cứ phải mặc áo ngắn xuống ngồi ở dưới gốc cây cau cho đỡ bức. Ăn uống không được. Ông Tư hàng xóm xúi tôi đặt một cái máy lạnh trong phòng. Đặt cái máy lạnh trong phòng thì tốn một số tiền nào đó, nhưng mà mình sẽ làm việc bằng hai, thế có lợi không! Ông Tư nói tới chuyện lợi hại; ông cũng có lý một phần nào đó. Quả thật trời nóng như thế chẳng viết lách soạn chấm gì được. Mình cũng thấy bị xiêu xiêu. Nhưng mà nghĩ lại thì không được. Không thể nào được. Không phải là vì cái máy quá đắt. Ông Tổng thư ký nói có thể mua một cái thứ ít tiền được. Nhưng mà ở trong cái xóm nghèo đó mà mình có máy lạnh đặt trong phòng thì thật là không biết đồng sự một chút nào. Thiên hạ sẽ nhìn bằng con mắt gì. Cái xe hơi của trường là một cái xe cũ, cái mã của nó còn có thể chấp nhận được không ai nói gì. Nhưng mà một cái máy lạnh, thì thật là… nhìn cao quá. Tôi liền kiếm giải pháp khác. Phía trước có nhà anh Bảy, có gác. Ảnh độc thân. Buổi sáng xách mô-tô đi làm, chiều tối mới về. Ảnh bằng lòng cho tôi sử dụng nhà trong lúc ảnh đi vắng. Thế là tự nhiên tôi có cả một lâu đài. Lâu đài này rộng chừng bốn thước dài chừng chín thước. Phía dưới mát hơn trên gác nhiều. Những lúc cần viết lách, tôi sang bên ấy, với một chiếc chìa khóa anh Bảy cho. Khi nào muốn trốn khách để có thì giờ làm việc tôi cũng sang bên ấy. Steve đừng lấy làm lạ khi nghe tôi nói đến chữ “trốn khách”. Thường thường bên này mỗi khi đến khách cứ đến tự nhiên, chứ không gọi điện thoại hay hẹn gặp trước. Vì thế mình đi trốn chẳng có tội lỗi gì cả, chỉ trừ giờ mình phải ngồi ở chỗ bàn giấy. Tôi ghét cái bàn giấy nhất, Steve à.

Chúng tôi cũng phác giác ra được một cửa hàng bán chè đỗ xanh và chè bông cau nấu theo kiểu miền Trung. Tôi thì tôi thích hai thứ chè ấy lắm. Chè là gì ấy hử? Chè là một thứ xúp ngọt. Biết cắt nghĩa làm sao. Cứ ăn mới biết ngon chứ Nguyên Hưng nói “xúp ngọt” chắc Steve lắc đầu rồi. Họ cất chè trong tủ lạnh. Mỗi khi trời nóng mà được ăn một hai chén (nhỏ xíu thôi) thì cũng ngon như là uống nước dừa. Steve thèm nước dừa lắm phải không?

Giữa tôi và Nguyên Hưng có một sự khác nhau rất lớn - nói như thế nghĩa là còn có nhiều sự khác nhau nhỏ hơn, đó là Nguyên Hưng thì ghét thức ăn ngọt mà tôi lại ưa. Thành thử mỗi khi nhờ bé Tám mua về, chỉ có mình tôi ăn, còn Nguyên Hưng thì ngồi ngó. Có khi bé Tám ăn với tôi. Có khi thì Mẫn hay Toàn, nếu gặp dịp họ đến chơi. Toàn độ này coi sóc một nhà in, bữa trưa nào cũng ghé tôi chơi. Và cũng thỉnh thoảng trả tiền chè bông cau hoặc chè đỗ xanh. Còn Mẫn thì lo nhà sách với Tuệ. Tất cả đều có phận sự rồi, Steve.

Chiều hôm nay tôi ở lại ăn cơm ở đây, trong làng, với Quảng và Thu hai công tác viên thường trực. Bà Bảy trong xóm mới đem cho chúng tôi hai trái mướp ngọt và mấy lon nếp "gọi là ăn lấy thảo". Quảng và Thu ở đây được các bà chấp nhận như làcon cháu, hai trái mướp đắng nấu canh chắc ngọt lắm - ngọt như là tình người dân quê đối với cái gì họ đã chấp nhận. Thu kể cho chúng tôi nghe câu chuyện nhỏ sau đây. Tuy đơn sơ mà cảm động. Có một hôm đó, bác Bảy thấy Thu làm việc tận tình, liền hỏi: "các cậu lương tiền gì bao nhiêu mà làm việc giỏi quá vậy?" Thì vẫn là câu hỏi mà chúng tôi thường phải trả lời như sau: "Tụi cháu làm công quả. Thầy tụi cháu dạy thời buổi này làm công quả trong làng trong xóm giúp cho cô bác thì cũng có phước như làm công quả trong chùa. Tụi cháu ăn cơm chùa, có chút ít tiền đi xe đò, chớ có lương tiền chi đâu bác." Bà Bảy hiểu ra ngay. Và bà nhìn Thu với cặp mắt trìu mến. Con trai bây giờ mà giỏi thế. Mình tưởng bây giờ chúng nó hư cả rồi. Lo rượu chè, nhảy đầm, đi chơi chỗ này chỗ khác. Ai ngờ còn có đứa ham làm công quả. Tôi thấy câu trả lời của Thu thật là hay. Nó có giá trị của một cuốn sách thần học. Nó giải thích được khuynh hướng "đi vào đời" của Đạo Phật Việt Nam, Steve có biết hai tiếng công quả không. đó là hai tiếng bình dân dùng thay cho tiếng công đức Punya là tiếng Sanskrit đấy. Ở bất cứ ngoi chùa nào ở Việt Nam, nhất là ở thôn quê, người dân quê thường tìm những dịp rỗi rảnh đẻ lên chùa làm công quả, nghĩa là làm giúp công việc cho chùa. Họ tin rằng làm công tác ở chùa là một điều tốt đẹp có thể đơm bông kết trái vật chất và tinh thần cho tương lai con cháu họ. Bởi vì chùa là của chung, và việc chùa là việc lợi ích chung cho tất cả mọi người, nhất là đứng về phương diện siêu hình mà nói. Có người làm công quả một vài buổi. Có người làm ba bốn ngày. Có người ở hàng tháng để làm công quả. Và có người tình nguyện ở trọn đời. Như các "già" hoặc mấy "bà vãi" chẳng hạn. Họ ít học. Họ không tu "huệ" mà là tu "phước", nói theo danh từ nhà Phật thường dùng, trong giới bình dân.

Làm công quả, nhưng mà không làm trong chùa nữa. Làm công quả, nhưng làm ở trong làng trong xóm. Thu còn nói thêm thế này nữa chứ: "Bây giờ

người ta khổ nhiều quá, Phật cũng không ngồi mãi trong chùa; Phật cũng đi ra ngoài xóm ngoài làng rồi". Tôi cũng ngạc nhiên không biết tại sao Thu nó nói được nhiều câu hay quá vậy. Phật không ngồi trong chùa nữa! Thật ra tại giác ngộ ta đặt Phật trong chùa để mà thờ chứ Phật đâu có muốn ngồi trong đó để hưởng xôi, chuối và hương hoa quả của thiên hạ. Những ông Phật như Phật Dược Sư, Phật Quán Âm, làm sao mà ngồi nhà được. Phật Dược Sư ngồi hoài trong chùa thì ai đi chữa bệnh cho thiên hạ thân bệnh và tâm bệnh? Phật Quán Âm, tức là Quán Thế Âm thì chắc là phải đi hoài, bởi vì Quán Thế Âm là "lắng nghe tiếng kêu đau thương của cuộc đời" mà tìm tới. Kinh Pháp Hoa đã chẳng định nghĩa như thế sao. Vậy thì mấy người học trò của mấy ông Phật không không lý cứ ở lỳ trong chùa khi các bậc thầy mình có mặt trong những nơi có khổ đau của cuộc đời sao? Như thế không phải là học trò của mấy ông Phật mà chỉ làm nô lệ của những pho tượng. Thu nó nói chí lý lắm. Chúng tôi chẳng cần những nhà thần học lớn như Teillard de Chardin, như Karth Barth, như Buber; mà chúng tôi vẫn đang thực hiện được cuộc cách mệnh giáo lý. Những người trẻ tuổi như Thu sẽ dẫn đầu những trào lưu tư tưởng Phật học đấy, nghe không hả Steve thân yêu?

Ở Việt Nam, tôn giáo còn lại như những tập đoàn xã hội vững mạnh hơn hết, bởi vì không khí chính trị và chiến tranh đã làm tan rã phần lớn những thực tại xã hội khác. Với lại loạn lạc lâu quá khiến thiên hạ mất lòng tin ở mọi chương trình, mọi hứa hẹn. Nhiều chính trị gia thiếu chân đứng muốn nương vào các thế lực tôn giáo để… làm chính trị. Nghĩa là để mong nắm được quyền hành. Nhưng có ít chính trị gia biết được thực chất của tiềm lực tôn giáo, cho nên chỉ có người muốn lợi dụng mà ít có người muốn bồi đắp. Ít có người thấy được vai trò mà tôn giáo có thể thực hiện trong giai đoạn lịch sử này, kể cả trong giới những người lãnh đạo tôn giáo. chúng tôi đang trông cậy vào những lớp người trẻ tuổi, có óc tiến bộ, dù là những người này không có chức vị lãnh đạo, tôn giáo cũng vậy, đều bảo thủ, có nhiều tư kiến và nhiều lúc bị xem như là trở lực của sự tiến bộ. Tuy nhiên, nhờ những phần tử tiến bộ giác ngộ hoạt động và tranh đấu không ngừng, cũng nhờ những tiếng gọi cảnh cáo của thế lực đang lên cho nên các vị lãnh đạo đã có bừng tỉnh lên đôi chút, và đã thúc đẩy cho những con rùa bò thêm một quãng đường. Tôi muốn nói những hoạt động của giới trí thức cần gia tăng gấp bội để có thể thay những con rùa bằng những con ngựa.

Steve ạ, đừng có nghe báo chí nói rằng Phật giáo và Công giáo ở Việt Nam chống nhau. Họ nói đùa đấy! Những người mê ngủ trong Phật giáo với Công giáo à? Họ giống nhau như đúc. Họ hành động và suy tư giống nhau như đúc. Cho nên họ ở chung một nhà và theo chung một thứ tôn giáo thì hợp

lắm đấy. Còn những người biết thời biết thế, những người có tầm con mắt nhìn xa, biết thừa nhận lẽ phải và sự đối thoại những người đó dù mang danh hiệu tôn giáo khác nhau mà cũng đứng sát cánh với nhau. Chỉ có sự chống báng giữa sự bưng bít và sự tiến bộ, giữa sự lười biếng và ích kỷ và sự dấn thân can đảm, thế thôi.

Lực lượng của những đức tin lớn ở Việt Nam nếu được động viên vào công việc cải tiến xã hội sẽ thực hiện được phép lạ. Và như Steve thấy, những lực lượng đó cần hợp tác trước hết để chấm dứt cho được cuộc chiến tranh khốc hại.

Steve ơi, viết cho Steve tới đây, đột nhiên hình ảnh hàng cây trụi lá của mùa Đông Priceton hiện về rất rõ trong óc tôi. Chúng tôi đang trải qua một mùa Đông thật gian khổ, thật lạnh lẽo và thật đen tối, một mùa Đông dài dặc chưa biết bao giờ chấm dứt. Những con chim có vững cánh chở được niềm tin để vượt cánh đồng dài tuyết giá hay không? Chúng tôi muốn tất cả gia đình nhân loại không bỏ quên chúng tôi. Chúng tôi là những hàng cây trụi lá đứng chịu trong sương tuyết đêm ngày, phấn đấu để đợi chờ nắng ấm của một mùa xuân xa lơ xa lắc.

Steve, trời đang đổ một trận mưa lớn. Ở Saigon phòng tôi chắc chắn lại dột. Không phải là vì mái tôn bị thủng mà tại vì nước mưa tạt ngang luồn qua trần nhà rồi rịn qua kẻ hở của trần nhà làm bằng bìa cứng có nẹp gỗ. Tôi phải lấy nhiều thứ để hứng kẻo ướt nền nhà. Nào chậu thau, nào ly uống nước, nào ống đựng bút… không có tôi ở nhà, chắc là phòng ướt hết rồi. Giờ này gần hai trăm khóa sinh trường xã hội chúng tôi đang ở trong các trại thực tập miền quê.

Steve ơi, ngày mai sẽ ra sao, điều đó tôi không thể nào nó cho Steve nghe được. Nhưng mà dù cái gì xảy đến cho tôi, cho chúng tôi, hay cho Steve, tôi tin cái đó cũng sẽ không thể làm lay đổ đức tin của chúng ta. Bởi vì đức tin của chúng ta không phải đã được căn cứ trên một điểm tựa di động và vô thường. Đức tin của chúng ta không bắt nguồn từ những nhận thức siêu hình. Đức tin của chúng ta là sức mạnh của tình yêu, một thứ tình yêu không có điều kiện, không cần sự đền đáp, không bao giờ bị lay đổ bởi một sự phụ bạc. Tôi muốn đề cập tới vấn đề mà lâu nay tôi muốn nói cho Steve nghe nhưng chưa có dịp nói. Một lần nào đó tôi có nói với Steve là ta phải ươm vấn đề của ta trong chính bản thể ta, linh hồn ta, xương máu và tủy não ta. Rồi tự nhiên một ngày nào đó thấy được những liên hệ giữa nhận thức và hành động. Nhận thức ở đây không phải là phần kiến thức suy luận. Nhận

thức đây là tất cả cảm thụ và sở nghiệm tâm linh - điều mà ta khó có thể chia xẻ với kẻ khác bằng phương tiện diễn tả ngôn ngữ và khái niệm. Cái tình yêu mà tôi nói đây nó sinh trưởng trên căn bản tâm lý của chúng ta, đã đành rồi, nhưng mà lạ thay, sự tàn hoại hoặc dần dần hoặc đột ngột của căn bản tâm lý sinh lý ấy cũng không có ảnh hưởng gì đến nó. Tôi muốn nói đến tình yêu mầu nhiệm ấy. Trong trường hợp tình yêu người đời thường nói, sự phụ bạc hoặc sự phơi bày trắng trợn mặt thật của đối tượng yêu thương có thể khiến cho tình yêu bốc khói. Nhưng ở đây, tình yêu không bao giờ bốc khói, không bao giờ suy suyển một hào ly, bởi vì tình yêu đó dã tới một đối tượng vô ngã.

Steve ơi, tôi muốn kể Steve nghe câu chuyện này. Năm kia, khi ghé Luân Đôn, tôi được đi xem British Museum. Trong những thứ tôi để ý nhất, có một xác người hóa thạch trong một ngôi mộ cát, chôn cách đây gần năm ngàn năm nghĩa là 3000 năm trước Thiên Chúa giáng sinh. Kiểu chôn thời ấy khác xa với kiểu chôn bây giờ. Người ta đặt xác người chết khum nghiêng nghiêng, hai gối co lên, mặt, hai tay và hai chân đều quay về phía tay trái. Xác người hóa thạch còn giữ được nguyên vẹn mọi chi tiết. Tôi thấy những lọn tóc - đây là xác đàn ông -, tôi thấy mắt cá nơi hai chân, tôi thấy những ngón tay ngón chân nguyên vẹn. Năm nghìn năm, người ấy đã nằm như thế và sức nóng của cát trong buổi đầu dã giúp người hóa đá. Đây không phải là xác ướp đâu. Steve đừng lẫn lộn. Tôi thích đứng ngắm cảnh tượng này và trong lòng cảm thấy một thứ rung động khó tả. Một em bé đi với tôi, chừng tám tuổi, xinh đẹp, ngắm cảnh tượng ấy một hồi rồi bá lấy áo tôi hỏi một cách lo lắng: “Will happen to me? Rồi con có bị vậy không, hở ông?” Tôi rùng mình, nhìn lại nụ hoa nhân loại mơn mởn, yếu đuối và nhỏ bé không một khí giới tự vệ đó, dù là khí giới tư tưởng, và vội vàng trả lời: “Không, không, không bao giờ con lại bị như thế đâu”. Em bé an lòng; tôi vội kéo em đi sang phòng khác. Tôi đã nói dối một điều mà Xa Nặc ngày xưa đã không nói dối.

Nhưng mà ngày mai lại, công việc bề bộn làm tôi quên khuấy đi mất cái thân người hóa thạch kia. Rồi mấy tuần sau đó, tại đường Doudeauville Ba Lê, họp mặt với các bạn sinh viên bên đó, tôi được vặn cho nghe vài bản nhạc Việt Nam của ban Thăng Long trình diễn. Và trong một giây phút nào đó, nghe giọng cô Thái Thanh, tôi bỗng thấy hiện ra rõ rệt tất cả những cordes vocales nơi cổ họng của cô ca sĩ nổi tiếng mà tôi rất ưa chuộng. Tôi thấy được hết những hạch tuyến nơi cổ họng, những tế bào, những bộ phận lớn nhỏ đã phụ họa với nhau để phát ra những âm thanh trong, ấm, thanh tao và diệu kỳ kia. Tôi chưa gặp Thái Thanh lần nào cả, Steve ạ. Hãy nghĩ rằng cô

trẻ, đẹp và đằm thắm như giọng hát của cô, và chỉ giữ lại từng đó thôi. Nếu ta nghiêng mình lệch đi một tý, bình diện với thời gian thay đổi, thì cô Thái Thanh đã ở bên kia tự bao giờ rồi, ví dụ năm ngàn năm về trước hoặc năm ngàn năm về sau. Băng nhựa không phải là những tế bào sinh lý, không phải là những nước bọt, không phải là những cordes vocales, không phải là những tình cảm len lỏi lả lướt trong giọng hát. Nhưng băng nhựa cũng phát ra đúng những âm thanh mà cô Thái Thanh năm ngàn năm trước đây đã phát ra bằng cổ họng xinh đẹp của cô. Băng nhựa đã giữ lại, và băng nhựa giữ lại gì? hay là một lời nhắn nhủ, một tờ thông điệp có thể gây đau nhức cho con người mà cũng có thể tạo nụ cười giải thoát trên môi con người? Một trận gió thổi qua sa mạc, cát bụi tung trời. Tôi nhớ hai câu thơ của Thiền sư Trần Thái Tông:

"Tam thời trần liễm thiên biên tĩnh
Nguyệt lạc trường giang dạ kỷ canh?"

Giây lát tan bụi, bên trời tạnh

Trăng lặng dòng sông đêm mấy canh?

Tối hôm đó tôi bị cảm hàn bởi hồi chiều tôi đã đi ra ngoài trời lạnh có mưa tuyết. Nguyên Ân đánh gió cho tôi, bằng dầu cù là Mac Phsu. Thứ dầu này có thể mua dễ dàng tại Paris. Tôi uống hai viên aspirine và đắp chăn kỹ lưỡng, nhưng mà tôi không ngủ được. Một phần có lẽ vì cảm, một phần có lẽ vì aspirine tuy có trị cảm nhưng lại giữ tôi thức giấc. Cái tật của tôi là uống aspirine ban đêm thì lại thấy khó ngủ.

Tôi nằm trăn trở hoài và một lúc nào đó tôi bỗng thình cờ thấy tôi đang nằm trong một tư thế giống hệt như tư thế của xác người hóa thạch ở British Museum! Và tôi thấy bàn tay phải của tôi đang sờ nắn những bắp thịt này đã cứng như những bắp thịt hóa thạch kia không. Cử chỉ ấy không được trí óc tôi điều khiển. Nhưng hình như trí óc tôi khuyến khích bàn tay tôi tiếp tục như vậy. Điều tôi muốn nói cho Steve nghe là tâm trạng tôi lúc đó bình tĩnh một cách rất lạ; tôi không hề có một ý niệm xót xa, lo lắng hay đau buồn nào. Bỗng dưng tôi thấy rằng giá tôi là thân người hóa thạch của 5000 năm trước đây hay 5000 năm sau đây thì điều đó cũng không có khác chi với điều tôi đang ngồi đây hết. Tôi vẫn cười như thường. Ý niệm về quá khứ, hiện tại và tương lai như bốc khói; Steve ơi, tôi thấy tôi đứng thấp thoáng ở cửa ngõ của một thứ hiện tại thoát ly thời gian, thoát ly mọi sự chuyển động.

Tôi chỗi dậy và ngồi trong tư thế tham thiền suốt một đêm đó. Mưa như thác đổ trong tâm hồn tôi. Mưa như xối chảy. Những giọt nước to, những dòng suối nhỏ tuôn ào ạt vừa gột rửa vừa vỗ về vừa thấm nhuần, vừa nuôi dưỡng. Không còn gì hết, chỉ có sự vững chãi an tĩnh. Tôi ngồi như một trái núi đá, và miệng tôi mĩm cười. Nếu có ai chứng kiến được những gì đã xảy ra cho tôi đêm đó chắc người ta sẽ nói:"Xong, xong hết tất cả rồi! sáng mai sẽ có thay đổi lớn". Nhưng không có sự thay đổi nào hết, Steve thân yêu ạ. Lúc bảy giờ sáng, tôi lấy giấy bút ghi lại một vài nét những điều còn rạt rào trong tâm hồn. Những vần thơ lạ kì đó tôi vẫn còn giữ đây. Và buổi sáng mai tôi ăn điểm tâm với các bạn, bình thản như không có chuyện gì xảy ra trong đêm qua hết. Và chúng tôi bàn tính công việc. Vẫn là những công việc đã dự trù từ những ngày hôm qua. Những công việc cho tương lai. Steve nghe không Cho tương lai. Nghĩa là tôi đã được đặt trở lui trên bình diện không thời gian ước lệ cũ.

Tôi bàn với các bạn trẻ về từng chi tiết của công việc, và chính tôi cũng ngạc nhiên không hiểu tại sao tôi lại có thể làm công việc đó, công việc mà người chứng kiến hiện tượng đêm qua có thể xem như là không dính líu gì tới con người đương sự hết. Đối với đêm qua, tất cả công việc hôm nay phải hoa đốm hư không. Đứng ở hôm qua nhìn thì nó khác. Đứng hôm nay nhìn thì nó khác. Nó không phải hoa đốm hư không. Có một điều rất rõ rệt là tuy tôi đề cập đến mọi chi tiết của công việc một cách kỹ lưỡng, để hết tâm ý vào chúng, nhưng tâm hồn tôi lúc đó thật là bình thản, thanh tịnh, không náo nức, không khiếp sợ, không lo lắng. Tôi thấy tôi có thêm nhiều sức mạnh và tâm hồn tôi được gạn lọc trong sạch hơn nhiều.

Steve, một đêm như thế quả có thể thay đổi được cả cuộc đời chúng ta. Và một đêm như thế lại sẽ mở cửa cho những đêm khác như thế. Tôi sẵn sàng để trở lại. Tôi thấy diện mục của tôi nó phảng phất đâu đay. Lần đó tôi suýt tóm được được nó. I was about to break through.

Vấn đề liên hệ giữa cái thế giới nội tâm và thế giới hành động, Steve ơi, có thể vì câu chuyện vừa kể của tôi mà sáng tỏ ra chút ít đối với Steve nghe hồi nẩy đó, nó nằm ở đâu? Có lẽ những dòng tôi viết thật bất lực. Mà thôi có lẽ Steve cũng không cần thắc mắc làm gì. Ngày mai, nếu thế giới yên lành, Steve sẽ về thăm Phương Bối. Phương Bối ngày xưa tạo dựng cho chúng tôi tình yêu, Phương Bối có lẽ sẽ cắt nghĩa cho Steve một cách dễ dàng và thông suốt hơn. Tại vì Phương Bối có bông đá, có hoa rừng, có cỏ dại. Phương Bối có một cái nhà Thượng đã bị cháy tiêu tan, chỉ còn một đống

than đen với những xác cột cháy nám đó bây giờ có lẽ đã mọc lên nhiều thứ nấm dại.

Tuy vậy nhà Thượng Phương Bối vẫn còn. Cũng như tình hình yêu vẫn còn, bất chấp vô thường, bất chấp vô ngã, bất chấp tham vọng si mê và sự độc ác. Ngày mai, nếu chúng tôi có cháy thành tro bụi thì tro bụi ấy cũng sẽ là tình yêu. Chúng tôi, lúc đó là tro bụi, sẽ thấm vào lòng đất, sẽ làm chất bón tươi tốt cho một loài hoa, nở những bông hoa cho loài người, những bông hoa không biết oán thù là gì. chúng tôi sẽ luân hồi trở lại bao nhiêu lần, hoặc là hoa, hoặc là cỏ, hoặc là chim, hoặc là mây, hay trong bất cứ hình thái nào, hiện tượng nào. Chúng tôi muốn trở lại hoài, trở lại để mà mang đến cho con người bức thông điệp tình yêu bất diệt ấy. Cũng như bọn trẻ con đang nghêu ngao hát ngoài đường: "Yêu mến người mãi mãi, yêu mến người không thôi, yêu mến người tay nắm tay". Tạm biết Steve.

---o0o---

ĐOẠN KHÉP

Nguyên Hưng ơi, tập viết tay kèm theo đây là phần thứ ba của nẻo về của ý đấy. Tôi giao nốt lại cho Nguyên Hưng. Tập này xem bộ in không được đâu, bởi vì có nhiều điều nói thẳng quá. Tuy vậy nếu in không được thì Nguyên Hưng cũng trao bản thảo cho những người thân yêu nhất đọc. Tôi ước mong rằng nó có thể nói được với các bạn một chút nào về cái "Ý" của tôi.

Nhưng mà tôi lạc quan mất rồi, Nguyên Hưng. Ở cái chương cuối viết cho Steve, tôi có ý định giải bày một vài chút "tâm sự" liên hệ tới nguyên tắc hành động của chúng ta, nhưng đọc lại tôi thấy tôi chẳng nói được gì cả. Thật là tệ. Có lẽ vì trời nóng quá chăng, hay tại vì tôi không được khỏe. Chiều mai tôi đi phải đi xa rồi, và tôi rất ước ao nói với Nguyên Hưng điều mà tôi đã từng muốn nói với Steve mà nói chưa được, hay nói không được.

Đêm nay, trời sáng tỏ một cách kỳ lạ. Tôi chưa đi mà đã nhớ nhà rồi. Nhưng mà ở đâu cũng có từng này ngôi sao, ở đâu cũng có chút trời xanh và mây trắng hả Nguyên Hưng. Tôi đi rồi tôi lại về thì có sao đâu. Lòng tôi hơi xao xuyến một chút, nhưng mà vẫn yên tĩnh. Tôi muốn nói chuyện với Nguyên Hưng trong khung cảnh thanh tịnh này, và ngòi bút của tôi sẽ trở lại gạch những chữ Nguyên Hưng trên giấy trắng.

Những điều ta học được, ta phải liệng chúng đi thì ta mới có thể hiểu được chúng. Cũng như kinh Kim Cương nói A mà không phải là A thì mới là A.

nghĩ cũng kỳ quái thật, nhưng mà càng sống chúng ta càng thấy đúng Nguyên Hưng ạ. Học chúng nó rồi mà giữ chúng nó trong lòng là một tai họa còn tệ hơn là không học. Những điều tôi học ở Phật học viện bây giờ bị lật ngược lại hết và tôi thấy lúc đó tôi mới hiểu được chúng.

Đây là tôi với Nguyên Hưng, chớ không phải nói với kẻ khác. Và những điều tôi nói với em, nếu người khác nghe được, sẽ hiểu ra cách mà tôi không muốn họ hiểu. Nhưng mà mặc họ chứ, có phải không Nguyên Hưng. Kỳ ở Huế về vừa rồi thấy những đám mây trắng đẹp quá đi. Tôi ngồi trên một chiếc DC4.

Buổi chiều, ánh nắng vừa tắt nhưng ánh sáng còn dư dã để cho ta có thể thấy được sắc dịu hiền và trinh tuyền của những lọn mây. Cái thảm mây đó nó nằm phía dưới máy bay chúng tôi. Nó rộng lắm. Từng lọn từng lọn nối tiếp nhau, che khuất núi rừng phía dưới. Những lọn mây trắng như tuyết. Trinh tuyền hơn cả tuyết. Tôi muốn vốc chúng trong hai lòng bàn tay. Và bỗng nhiên tôi thấy tôi với mây là một, tôi cũng trắng tinh và êm dịu như mây.

Điều đó thường quá mà, phải không Nguyên Hưng. Tại sao chúng ta ưa những cuộn mây trắng nõn và những tấm thảm tuyết trinh tuyền? Tại vì cái khuynh hướng của bản chất sinh lý và tâm lý của ta nó thế. Ta ưa những cái gì tinh sạch, đẹp đẽ và an lành. Tinh sạch, đẹp đẽ và an lành theo nhận định và lập trường của cơ thể ta, tâm lý ta, chớ không hẳn là tính sạch đẹp đẽ và an lành như những tính cách khách quan của thực tại. Ưa một tờ giấy trắng, ưa một dòng nước trong, ưa một nét nhạc mềm hay ưa một thiếu nữ xinh đẹp thì cũng vậy, không có khác nhau gì hết trên căn bản tâm lý của con người. Nguyên Hưng chẳng thường nghe người ta đem tuyết đem trăng đem hoa để tả người con gái đẹp sao. Nhất là khi người con gái có vẻ hiền thục thì người ta lại ví đó là Tiên là Phật bởi vì Tiên Phật vừa đẹp lại vừa hiền. Và bên dưới những cái thiên hạ cho là đẹp là sạch là lành thì người ta còn tham lam đặt thêm nền tảng của sự thường còn. Đó là do nhu yếu của con người mà ra cả. Con người ưa cái gì thanh sạch, đẹp đẽ, hiền lành, và ưa những cái ấy thuộc về mình, đồng nhất với mình, và thường còn với mình. Thế rồi phía bên kia còn gì? Phía bên kia còn trái ngược với sự trong sạch tức là sự ô uế, sự trái ngược với sự đẹp đẽ tức là sự xấu xí, sự trái ngược với sự hiền lành là sự ác độc và sự trái ngược với sự thường còn tức là sự tiêu diệt tức là vô thể.

Và do đó có một sự vật lộn để tìm sang bên này, xua đuổi bên kia. Cho đến nỗi mà trong kinh Phật có khi người ta phải dùng bốn đức Thường Lạc Ngã Tịnh (Hữu thể, An lạc, Tự do, Thơm sạch) để miêu tả Niết bàn rồi sau đó

phải thêm rằng phải hiểu những chữ đó theo hiểu nhất nguyên siêu tuyệt của nó mà đừng hiểu theo nghĩa tương đối trong thế giới hiện tượng. Điều đó chứng minh rằng con người chúng ta đã bị ám ảnh quá nhiều bởi ý tưởng về hạnh phúc ước lệ trên kia.

Đột nhiên kinh Bát Nhã tới giáng những đòn sống chết trên nhận thức đó. Quán Tự Tại Bồ-tát sau khi nhìn thấu suốt thế giới hiện tượng mỉm cười tuyên bố "Tất cả đều giả lập (không) hết. Sắc, thọ, tưởng, hành, thức, nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý, sắc, thanh, hương, vị, xúc, vân vân… đều là giả lập. Và: "Chân tướng của các giả lập đó không sinh cũng không diệt, không ô uế cũng không tinh sạch, không thêm cũng không bớt đi" còn gì nữa mà nghi ngờ hả Nguyên Hưng. Đó là điều tôi trông thấy trên máy bay, mà trông thấy từ một khía cạnh khác. Trông thấy như thế nào? Nguyên Hưng ơi em hãy nhìn và em sẽ thấy, hỏi tôi làm chi. Tôi chẳng nói được chi cả, bởi vì không có gì mà nói.

Ban đầu thì tôi mỉm cười nghĩ đến những hình thái của nước: nước trong, nước suối, nước đá, hơi nước, mây, tuyết, mưa vân vân… Tất cả đều là H2O. mà chính là H2O cũng giả lập - cũng không phải là thực thể tự hữu - lấy O mà xét thì O có thể được chuyển thành những cái ta không gọi là O. Và chính những cái đó cũng là giả lập. Cũng là chuyển thành. Nương tựa vào nhau, trùng trùng điệp điệp. Không thể tách O ra khỏi không O, không thể nói O và không O là một, Nguyên Hưng à.

Trên cái căn bản di động đó, ta thường cố nắm lấy một cái gì không di động. ví dụ tôi đặt cho tôi một câu hỏi: anh cho hiện tượng nào là đẹp nhất? Tôi nói nước. Đẹp quá. Nước trong như gương. Tuyết phủ trên đỉnh núi. Mây từng cuộn trắng hay ngoài bãi biển. Mưa rào rào thấm nhuần cây cối xanh tươi. Nếu thiếu nước, thế giới này điêu tàn, khô cằn héo hon, buồn bã biết mấy. Cho nên tôi thấy Nước đẹp. Thế rồi tôi hỏi: Ví dụ không có lửa, nghĩa là không có nhiệt lực, không có hơi ấm, không có ánh sáng mặt trời? Thiếu ánh sáng chẳng hạn thì cái gì đẹp, cái gì không đẹp. Cái gì trong như gương, cái gì phủ trên núi, cái gì bay bay ngoài bãi biển, cái gì rào rào thấm nhuần cỏ cây xanh tươi? Óc tôi lóe thấy sự thực, nhưng mà tôi đã mê Nước rồi, tôi đành nhắm mắt nói liều: mặc kệ, tôi có nói là tôi ưa Nước nhất. Thật là vô minh, có phải không Nguyên Hưng.

Trong quá trình tuyên dương chuyển biến của các giả lập các hiện tượng - ta thấy có luân hồi. Chắc Nguyên Hưng đã liệng bỏ cái cái ý niệm luân hồi trẻ con ngày trước đi rồi, cái ý niệm đinh ninh rằng phải có gì đó. Như O hay

cái H tôi vừa nói trên thì mới có luân hồi được. Nhưng trên sự thực chẳng có cái O cái H tự thân nào mà cả thế giới giả lập vẫn diễn biến mầu nhiệm. Luân hồi đó chớ gì, nhưng nếu nhìn thấu suốt ta sẽ không thấy có gì thường hay vô thường, tinh sạch hay ô uế, hiền lành hay ác độc, đẹp đẽ hay xấu xí. Đừng có nói cho trẻ con biết điều đó bởi vì chúng sẽ nói: không có hiền ác, không có tốt xấu và không có luân lý. Trẻ con chưa có mở mắt ở thời nào cũng vậy.

Nguyên Hưng ơi, giữa cái tinh sạch và cái ô uế, giữa cái đau khổ và cái sung sướng, giữa cái hiền lành và cái độc ác, mình theo cái nào? Nghe hỏi mà buồn cười, phải không Nguyên Hưng? Theo cái tinh sạch, cái sung sướng, cái hiền lành thì mình phải đập tan và tiêu diệt cái ô uế, cái đau khổ và cái độc ác. Mà tiêu diệt chúng được chăng. Nếu "cái này có là nhờ cái kia có", thì cái trong sạch cũng do cái ô uế mà có. Tiêu diệt cái ô uế tức là tiêu diệt luôn cái trong sạch, vì lẽ "cái này không thì cái kia không". Kết luận là nên dung dưỡng cái ô uế, cái độc ác và cái đau khổ hay sao?"

Nhưng mà Nguyên Hưng ơi, tất cả những cặp đối nghịch đó chính đã là do chúng ta tạo nên bằng nhận thức của chúng ta, bằng lập trường sinh tâm lý của chúng ta. Hoan lạc và đau khổ trở nên những đại vấn đề. Nếu được như Quán Tự Tại soi thấu được chân tướng thực tại, thì những đau khổ tai nạn bốc khói bay mất. "độ nhất thiết khổ ách". Cho nên hãy nhìn nụ cười đức Phật. Nụ cười đó trầm lặng thật, từ bi thật nhưng mà… coi thường chúng ta quá. Đó là một cách nói mà thôi bởi chính Phật đã nhờ đức Thường Bất Khinh Bồ-tát nhắn với mỗi người chúng ta rằng Ngài… không dám khinh chúng ta đâu, bởi vì tất cả chúng ta đều sẽ thành một vị Phật.

Có lẽ cái cảm tưởng trẻ con của tôi về nụ cười của Ngài là do một thứ mặc cảm tự ti lâu ngày tạo nên - chớ không phải tự tôn. Nguyên Hưng nhớ nhé. Trước nụ cười của người thấy được Niết bàn và Sinh tử đều là hoa đốm giữa hư không, ta cảm thấy ta bé nhỏ quá, vụng về quá, ngu si quá. Ngài thương chúng ta không phải vì chúng ta không thấy đường cho nên bị đau, thế thôi

Từ hồi nhỏ, tôi đặt vấn đề bản chất của lòng từ bi, và tội nghiệp cho tôi, tôi chỉ học được và nếm được chút ít từ bi sau này không phải nhờ học tập hay nhờ đặt vấn đề mà nhờ khổ đau. Tôi không tự hào về chút khổ đau ấy; cũng như có ai tự hào về tiếng hét to sợ hãi của mình khi mình nhận lầm sợi giây là con rắn. Khổ đau của tôi cũng chỉ là sợi giây, cũng chỉ là hoa đốm giữa hư không, đáng lẽ nó phải tan biến như mây khói khi mặt trời lên! Nhưng mà nó vẫn chưa tan biến thành mây khói cho nên anh vẫn đau khổ và anh chịu

không nổi nên anh tự vùng vẫy. Vậy Phật có thấy anh đau khổ không. Phật có chịu nổi khi thấy anh đau khổ không mà ông ngồi cười hoài vậy? Tôi lý luận rằng tình thương là phải có chấp thủ, tình thương nào cũng vậy, tình trai gái yêu nhau, tình mẹ thương con, tình nước non, tình nhân loại, tình chúng sinh, nghĩa là cả từ bi. Bởi vì thương ai, lo lắng cho ai anh cũng phải thao thức, mong mỏi, không thể lãng quên. Thế thì trông thấy chúng sinh đau khổ vô lượng vô biên thế kia, Phật cũng lo lắm chứ sao mà ngồi cười được hoài. Thật ra thì mình tạc tượng Ngài ngồi cười. Nhưng mà có phải hầu hết những đêm thức khuya, những lo lắng và thao thức của người có tình thương đều phát sinh vì người đó còn là người trần mắt thịt, đối với thực tướng vũ trụ vẫn còn "mờ mờ nhân ảnh như người đi đêm" không? một ông bác sĩ biết rõ tình trạng bệnh nhân thì không ngồi giả định thế này thế kia để tạo ra một trăm ngàn giả thuyết và lo lắng như người thân nhân của bệnh nhân. Và nếu biết bệnh sẽ qua, thì ông có thể cười. Nhưng không phải là nụ cười độc ác. Đó chỉ là nụ cười của người biết chuyện, không còn phải lo hão huyền vô ích. Đại bi, maha karuna bản chất của nó, Nguyên Hưng ơi, làm sao tôi diễn tả cho được?

Nguyên Hưng, sự thực nằm ở đó, em làm quen với nó đi. Chỉ khi nào em bắt đầu thấy được giữa bùn đen kia với tuyết trắng nọ không có cái gì xấu cái gì đẹp, chỉ khi nào em biết bắt đầu nhìn sự thật với tâm niệm không phân biệt, nghĩa là biến kế, thì em mới có thể nếm được thế nào là đại bi.

Dưới con mắt của đại bi, không có tả không có hữu, không có thù không có bạn, không có thân không có sơ. Mà đại bi không phải làvật vô tri. Đại bi là tinh lực màu nhiệm của sáng chói.

Vì dưới con mắt của đại bi, không có cá thể riêng biệt của nhân ngã nên không có một hiện tượng nhân ngã nào động tới được đại bi.

Em ơi, nếu con người có độc ác đến nước móc mắt em hay mổ ruột em và em cũng nên mỉm cười và nhìn con người bằng cặp mắt xót thương; hoàn cảnh tập quán và sự vô minh đã khiến con người hành động như thế.

Hãy nhìn con người đã đành tâm tiêu diệt em và đang tạo nên cho em những oan ức khổ nhục lớn lao như trăm ngàn quả núi, hãy nhìn con người ấy với niềm xót thương. Hãy rót tất cả niềm xót thương từ suối mắt em vào người đó mà đừng để một gợn oán trách giận hờn xuất hiện trong tâm hồn. Vì không thấy đường đi nước bước cho nên cái người làm khổ em mới vụng dại lỗi lầm như vậy.

Giả sử một buổi sáng nào đó em nghe rằng tôi đã chết tăm tối và tàn bạo vì sự độc ác của con người, em cũng nên nghĩ rằng tôi đã nhắm mắt với một tâm niệm an lành không oán hận, không tủi nhục. Em nên nghĩ rằng giờ phút cuối tôi cũng không quay lại kẻ thù ghét con người. Không, con người chẳng bao giờ đáng cho ta thù ghét. Nghĩ như thế chắc chắn em sẽ mĩm cười được, rồi nhớ tôi, đường em, em cứ đi. Em có một nơi nương tựa mà không ai có thể phá đổ và cướp giật đi được. Và không ai có thể làm lay chuyển niềm tin của em, bởi vì niềm tin ấy không nương tựa nơi bất cứ một giả lập nào của thế giới hiện tượng. Niềm tin ấy và tình yêu là một, thứ tình yêu chỉ có thể phát hiện khi em bắt đầu nhìn thấu qua thế giới hiện tượng giả lập để có thể thấy được em trong tất cả và tất cả trong em.

Ngày xưa, đọc những câu chuyện như câu chuyện đạo sĩ nhẫn nhục để tên vua cường bạo xẻo tai cắt thịt mà không sinh lòng oán giận, tôi nghĩ đạo sĩ không phải con người. Chỉ có thánh mới làm được như vậy. Nhưng Nguyên Hưng ơi tại lúc đó tôi chưa biết đại bi là gì. Đại bi là sự mở mắt trông thấy. Và chỉ có sự mở mắt trông thấy tận cùng mới khiến cho tình thương trở thành vô điều kiện, nghĩa là biến thành bản chất đại bi. Đạo sĩ nhẫn nhục kia đâu có sự giận hờn nào mà cần nén xuống? Không, chỉ có lòng thương xót. Giữa chúng ta và vị đạo sĩ kia, và vị Bồ-tát kia, không có gì ngăn cách đâu, Nguyên Hưng. Có thể tình yêu đã dạy cho em rằng em có thể làm được như Người.

Thôi em đã lớn rồi tự lo liệu lấy.

Chiều mai tôi phải đi rồi. Những giòng chữ viết đêm nay, tôi sẽ không có thì giờ đọc lại. Nguyên Hưng, cho tôi dừng ngang đây. Ngày mai tôi sẽ còn gặp em trước khi lên đường.

Saigon 11-5-1966

---o0o---

Hết